



HT. THÍCH CHÂN THƯỜNG

Bản
Đồ
An
Lập
Pháp
Giới

(Pháp giới An Lập Đồ)

Hiệu Chỉnh: TK. Thích Đồng Bồn

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

四聖六凡由一心之所造



十般法界列位報之無差

國家有永山河固



佛道無窮日月長

LỜI TỰA CỦA DỊCH GIẢ

Tôi tự niệm có túc phúc nhân duyên từ nhiều kiếp, nên đời này được tái sinh làm kiếp người, lại được xuất gia tu Đạo, đó là hạnh phúc rất lớn cho tôi.

Nhưng không may lại sinh vào đời Mạt pháp, gặp lúc thế sự đổi thay, không chốn an thân, không nơi học đạo, nay đây mai đó, chạy khắp Đông Tây. Đó chính là nghiệp nhân của tôi đã gây ra từ kiếp trước, nên đời này phải chịu lấy quả báo đó không?

Nhớ hồi năm 1953, tức năm Quý Tỵ, ở chốn Tô Còn tôi được xem cuốn PHÁP GIỚI AN LẬP ĐỒ của Hòa Thượng TUỆ TẠNG, Thượng Thủ Bắc Trung Nam tại chùa Vọng Cung, tỉnh Nam Định, Bắc Việt.

Nguyễn ước của tôi lúc đó là muốn ân tông được cuốn Pháp Giới An Lập Đồ này, là Pháp thí chỉ mê của ngài Sa Môn Nhân Triều ở Bối Lâm Yên Sơn, đã dày công sưu tập những tinh ngôn trong Đại Tạng Giáo, khi ngài ở Thiên Mục khoảng niên hiệu Vạn Lịch đời Minh. Vì tôi muốn kết duyên cùng Phật pháp, nhưng tiếc thay chưa đủ duyên lành, nên chưa thực hiện được.

Cũng may, năm 1964, tôi được sang dưỡng bệnh tại Pháp quốc. Từ năm 1976 đến nay, nhờ giữ chức Trụ trì kiêm Hội trưởng Hội Phật Giáo Quán Âm tại số 20 rue des Frères Petit 94.500 Champigny-Sur-Marne, tôi mới có phương tiện thành lập Ban Ân Tông kinh sách để hoằng pháp lợi sinh, báo Phật ân đức.

Trên nhờ hồng ân Tam bảo gia hộ, dưới được sự giúp đỡ tận tình của quý vị trong ban Ân Tông, nên cuốn Pháp Giới An Lập Đồ này mới được hoàn thành, để cúng dâng Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni, đồng thời kính biếu các vị học giả và thiện tri thức nghiên cứu về sự bao la của vũ trụ trong mười phương Pháp giới nó rộng lớn đến đâu?

Thưa quý vị, tuy mười phương Pháp giới nó rộng vô lượng vô biên, vô cùng vô tận, nhưng không có nguyên nhân nào khác. Đó chính là lời Phật dạy trong các kinh Đại thừa Phật giáo. Nếu quý ngài muốn hiểu thêm, xin nghiên cứu Đại Tạng Kinh sẽ rõ.

Xin ghi lại mấy lời để lưu niệm ngày ân tông cuốn Pháp Giới An Lập Đồ này tại nơi cư trú Pháp quốc.

Champigny, mùa An cư năm Quý Dậu
Đệ tử Sa Môn Thích Chân Thường
đinh lê để tựa này

BÀI TỰA NHÂN DỊP KHẮC LẠI SÁCH BẢN ĐỒ AN LẬP PHÁP GIỚI (1) (PHÁP GIỚI AN LẬP ĐỒ)

Ngài Tăng thống Giáo hội Trúc Lâm, húy Chánh Giác Hòa thượng, tự là Chân Nguyên Thiền Sư, ở chùa Long Động, tại núi Yên Tử phó chúc ý lành hộ niệm.

Thầy Sa Di Tăng, tự là Như Sơn, ở chùa Tường Quang chốn Non Đông Động sao chép lại sách này.

Đã từng nghe rằng :

Phật là đấng Bất Động Tôn. Pháp chính là Kho Vô Tận.

Ánh quang minh bao trùm, voi voi bậc đứng đầu trên vạn thuở. Cõi hư không quán triệt, đường đường làm nghi biểu khắp trời người.

Huyền vi nghiêm mật, chính là chân thể áy; Thấu suốt nguồn căn, thực bởi Pháp nguyên này.

Tại nơi đây, nỗi lên trời Đệ nhất nghĩa; nêu thốt lời, quả là biển Chân Tam-muội. Bàn về sự rộng lớn, thì không gì chẳng bao gồm; Nói về lý tinh mật, thì không gì không đầy đủ.

Thật đúng như người xưa nói rằng : nhóm mọi biển xanh về làm mục, gom hết núi Tu-di để làm bút, cũng chẳng thể nuốt hết được ý nghĩa của một câu.

Tuy nhiên, nẻo chí đạo dẫu là vô hình, nhưng nơi chí lý vẫn có điều cốt yếu, vì điều cốt yếu ở đây chính là nhất tâm vậy. Nếu hiểu được chân tâm thì viên chứng quả Phật, đó chính là cách để thấu biển Pháp giới, thấp đèn trí tuệ.

Đại sĩ nhờ đó mà truyền Tông; Chí nhân nương đáy mà khai Pháp. Vì Pháp giới chính là thềm bậc của Thánh hiền vậy. Xét ra thì Pháp giới áy tinh tịch huyền vi, mênh mông rực rỡ.

Trong Chân Như Giới, không gọn leo leo lăng trong; Trong Thường Tịch Quang, vắng vặc ma-ni hiện sắc. Chân không bình đẳng, Pháp giới đều như. Trên không có chư Phật khả cầu; Dưới không có chúng sanh khả độ.

Nên chi, Phật đạo vốn dĩ vô ngôn thuyết, ngôn thuyết dành cho loài hữu tình. Pháp giới vốn không có chúng sanh, bởi chúng sanh duyên vào vọng kiến cho nên mới phân ra nhơ sạch; Thê mới có người Thánh kẻ phàm, mà quán sát Pháp giới đến tận cội nguồn, thì nêu ra được hăng sa phẩm tiết.

Vả lại, cõi chư Phật trùng trùng Hoa tang, lửa Diệm vồng chói lợi trang nghiêm; Mà cảnh chư Thiên san sát lâu dài, như áng vân hà rành rành rực rỡ. Tựa như, chuỗi ngọc châu ánh trên mặt nước, vành hợp bích lo lững tầng không. Ngọc Như Ý rửa chốn thanh trì, kết Thánh thai tại nơi liên nhụy.

Cho đến trong ba ngàn cõi, mười hai loại sinh linh; Yết-la-lam được nuôi pha, Át-bò-dàm mà chấp trước. Loài nhỏ nhít thì biến dịch; Loài chim thú thì chạy bay. Quán muôn pháp thấy như vậy, do cõi tâm mà dẫn tới. Cho nên gọi là Pháp giới, đó chính là cái thấy khác của cõi tâm.

Còn an lập đây, là chỉ những thứ do tâm tạo tác. Pháp : lấy quĩ tắc làm nghĩa; Giới : lấy tính phần làm nghĩa. Tại Lý thì là Lý pháp giới; Tại Sự thì là

Sự pháp giới. Bởi là Lý thì không có phận hạn, mà Sự thì có cả nghìn thứ khác nhau. Tuy nghìn vạn thứ khác biệt biến hóa vô cùng, nhưng vẫn cứ thẳng một đường một cửa mà vào được.

Bậc đúc xưa có nói rằng : “Sắc xuân không cao thấp, cảnh hoa có ngắn dài”. Cuối cùng thật tế lý địa chẳng lập một mảy bụi, mà trong cửa Phật pháp vẫn chẳng bỏ một pháp nào. Tới khi căn cơ thuần thực, tò ngộ suốt bản tâm, khiến người người đều tò cửa màu Pháp giới, khiến ai nấy đều lên bờ giác Bồ-đề.

Nội tâm đã vắng lặng, ngoại cảnh thấy đều quên. Thế thì mới tò ngộ khé hợp nguồn chân, ngõ hầu ngầm được tận cùng lý lẽ vạn pháp. Có thể nói là : nước lặng ngọc trong, mây tan trăng sáng. Biển Nghĩa dạt dào trong lòng dạ; Non Trí ngưng tụ nơi mắt tai. Quả không hề là chuyện dễ dàng, thực chẳng phải là duyên nhỏ bé. Tâm pháp đều quên, tự tha đều diệt. Nếu mà làm được như vậy, mới thực trả được ơn đức Thế tôn.

Nay Sa Di Tăng tôi, xin quay bánh xe Định tuệ, nguyện cõi bè phao Từ bi, làm sáng tò Pháp giới bằng sáu quyển, để lộ rõ Sự lý chỉ một tâm. Nhuận sắc câu văn từ ngữ, ngõ hầu chỉ thẳng chỗ tôn chỉ thâm sâu; Sai thợ khắc ván kinh văn, thấy mong khắp nơi truyền bá. Nguyện mở tai mắt cho người trời; xin điểm tâm tông của Phật pháp. Soi đường cho người hậu học, chỉ chỗ cho kẻ cầu đò; Khiến kẻ tò ngộ tựa như sữa Đề hồ rưới vào đất tánh; Khiến người tụng đọc dường được nước Cam lồ tưới xuống ruộng tâm.

Tán thán không cùng, thù thắng khôn xiết, nên có lời rằng :

*Tò ngộ nguồn tâm, không sáu cõi
Can chi biến tính, có ba thừa
Nguyện hết thấy mọi loài công đức
Cùng nhau lên chín phẩm liên hoa
Tức cảnh giới A Di Đà vậy !*

Trên chúc,

Nước vua bền vững, Nền đạo lâu dài. Nhật nguyệt trong bầu trời, chốn sân vua xum xuê lá ngọc; Càn khôn ngoài kiếp số, nơi vườn chúa tươi tốt cành vàng. Gió hòa dịu tựa thời Nghiêng Thuần; Đời sướng vui như thuở Hy Hiên. Muôn phương chúc tụng, bốn biển thanh bình. Kính Phật đạo để thịnh hưng; Diễn Pháp luân mà thường chuyên.

Kính tựa

Lúc này là (cũ)

Đánh lỗ Thập phương Thường trụ Tam bảo chứng minh.

Lúc này là (mới)

Hoàng triều Bảo Thái vạn vạn năm, vào năm Giáp Thìn, tháng Tư, ngày mùng Tám, chép lại

Hoàng triều Minh Mệnh, năm thứ 21, tức năm Canh Tý, tháng giữa mùa Hạ, ngày lành khắc lại.

Sa Di Tăng tên chữ là Như Sơn ở chùa Tường Quang, chốn tổ Non Đông soạn. Thị nội thư tả Thủy Bình phiên, Trịnh Thế Khoa vâng lệnh viết chép.

Bản ván in lưu trữ tại chùa Linh Quang (Bà Đá) ở Hà thành (Hà Nội).

PHÁP GIỚI KẾ

*Mười ban Pháp giới đã lược trần
Hiểu thăng nguồn tâm, bảo thể nhân
Bốn Thánh trùng trùng Hoa tang hải
Sáu phàm đắm đuối Khổ mê tâm
Niết bàn sinh tử nguyên cùng lối
Thiện ác thăng trầm có dị luân
Sức tinh hoàn nguyên tu yêu lô
Hồi quang bát nhị kiếp trường xuân.*

BÀI TỰA NHÂN DỊP KHẮC LẠI SÁCH

BẢN ĐỒ AN LẬP PHÁP GIỚI (2) (PHÁP GIỚI AN LẬP ĐỒ)

Pháp giới An Lập Đồ là pháp thí chỉ mê của Nhân Công ở Bối Lâm Yên Sơn sưu tập những tinh ngôn trong Đại Tạng Giáo khi ngài ở Thiên Mục khoảng niên hiệu Vạn Lịch đời Minh.

Sách này như ánh quang minh soi tỏ con đường đi lên, cho nên lời ngắn gọn mà bao quát được mọi điều, lý xác đáng mà trình bày được rõ rệt.

Sinh ở Chấn Đán, chẳng phải là người có chí cao xa, lại chẳng biết cõi Nam Diêm Phù Đè. Hơn nữa nên có được thấy những thứ gọi là pháp giới cùng với chúng sanh sáu đường, chủng tính nghiệp duyên mỗi người mỗi khác, cho nên khó mà hiểu rõ đại pháp, thế thì tín căn tự nhiên sẽ kém cỏi.

Tín căn đã kém cỏi thì không còn cách nào mà nhập đạo được.

Gián hoặc có hạng thượng lưu chuộng Pháp thì cũng trù trừ trước biển pháp, kinh luận chồng chất, ngàn hòm vạn quyển chưa biết bắt tay từ chỗ nào, cho nên hiếm có kẻ chẳng trông bờ xa mà chún bước.

Hoặc thầy dạy khi biện thuyết, mù mờ chẳng biết tìm căn cứ ở đâu; ngũ cảnh trái với tâm, bàn suông giảng lược, lấy nghĩa một chiêu, át chẳng thể nào rõ ràng như nhìn vào bàn tay. Như vậy thì làm sao mà có thể cổ động được làn sóng Pháp tánh, có thể nhập được Tam-muội Nhu Huyền.

Nay sách An Lập Đồ này được viết ra, cao thì bậc Thiên tông dĩnh sỹ vừa mới đọc qua đã nắm được tất cả, thấp thì dẫu là gã lái buôn, mụ đầu bếp cũng có thể đọc mà hiểu sơ cơ.

Giống như đi trên đường Trường An, trước tiên cất bước, bước một bước vài bước thì rồi bước bước đều là con đường Trường An.

Thế thì sách này há chẳng phải là thứ chí bảo lợi sanh ru !

Đại để là vì Nhân sư tôi từ ngày còn là Sa-di vốn đã mở rộng tầm mắt to lớn, tham học khắp thiên hạ như Ngũ Đài, Hoa Sơn, Tung Khâu, Hoành Nhạc, Khuông Lư, Nga Mi, Tào Động, đều là những chỗ mà dấu chân của ngài đã từng in tới.

(Nhân sư tôi cần cù), sườn chẳng bén chiêu, mười mấy năm ròng, siêng vận dụng tâm đại bi, rộng chở chiếc bè té độ viết thành sách này, cầm lá cờ vượt biển nay tôi định khắc lại mà in mới. Để làm phước cho thế tục, để lợi ích cho bản thân, dám nói rằng đều là ở tại sách này.

Còn như hỏi một miếng thịt trong vạc lớn, dòm nửa đường văn của cả con báo, ăn cũng là để nhấm nháp vị đạo ngon lành, vạch xem vườn pháp xum xuê.

(Sách này), văn bát quá hơn 100 thiên mà nghĩa thật như trời-hop.

Lời lẽ chương mục rành mạch chẳng xót, độc giả cứ thuận theo thứ tự mà đọc, tùy chốn rong chơi, tùy chốn trang nghiêm. Huyền hưu phi hưu, chân không bất không, trùng trùng ảnh hiện, đều được tín chủng.

Ví như vào núi báu, ăn ngủ trong rừng châú, rú ngọc, mà lại bảo là trỏ về tay không, lẽ nào lại như vậy được !

Năm Kỷ Mùi, sau tiết Hoa Triêu (mùng 2 tháng 2) ngày 10.
Đệ tử là Tăng Quang Đạt đánh lẽ mà đê tựa này.

BẢN ĐỒ AN LẬP PHÁP GIỚI TỔNG MỤC

QUYỀN THUỢNG – phần trên

I)- Lược minh Nam Châú Mười tám bài

QUYỀN THUỢNG – phần dưới

II)- Quang bộ Đại Địa Hai mươi bốn bài

QUYỀN TRUNG – phần trên

III)- Biển Quan Tam Giới Hai mươi hai bài

QUYỀN TRUNG – phần dưới

IV)- Tứ Đại thiên Kiếp Lượng Mười sáu bài

QUYỀN HẠ - phần trên

V)- Du chư Phật Sát Mười chín bài

QUYỀN HẠ - phần dưới

VI)- Nghiên cùng Pháp Giới Sáu bài

VII)- Pháp Giới tổng luận Mười một bài

TỔNG THÍCH ĐẠI Ý

Giải thích chung về Đại Ý từ mục I đến mục VII

Từ phàm đến Thánh, từ gần đến xa, chung làm một quán. Như vào biển cả, càng xuống càng sâu, mới biết thế giới là vô biên, chúng sanh nhiều vô số mà chân pháp giới suy lường cũng không có lúc nào hết được. Song lìa Sự thì không có Lý, lìa Lý thì không có Sự, tánh - tướng bất nhị, thể - dụng cùng như. Tóm lại, pháp giới là một đại duyên khởi, cho nên kinh nói rằng :

*Không có cảnh ngoài tâm,
Làm duyên được với tâm,
Đều là tự tâm sanh,
Lại cùng tâm làm tướng,
Vì sắc lớn nên Bát Nhã lớn,
Vì sắc thanh tịnh nên Bát Nhã thanh tịnh.*

**BẢN ĐỒ AN LẬP PHÁP GIỚI
MỤC LỤC RIÊNG TỪNG QUYỀN**

QUYỀN THUỢC – phần trên

I)- LUỢC MINH NAM CHÂU :

- Phật hưng duyên
- Hiền kiếp duyên
- Sa-bà cương vực
- Nam Thiệm Bộ Châu đồ
- Biệt Hồ Phạm thuyết

LUẬN ĐỊA TRUNG : chín nghĩa

- 1- Danh văn
- 2- Lý phần
- 3- Sơn vương
- 4- Thủy nguyên
- 5- Địa tề
- 6- Luân vương
- 7- Phạm thư
- 8- Khí hòa
- 9- Trung đạo

**LUẬN TIÊN ĐẠO :
ĐOẠN NGHI SANH TÍN ĐỀ CHÚ**
(Chú giải về đầu đề Lược Minh Nam Châu)

Hành trình ngàn dặm phải bắt đầu bằng nửa bước. Sắp dạo chơi cõi pháp giới, phải khởi hành từ cõi nhân gian. Vì thế giới rộng lớn bao la, chẳng ai có thể biết (hết) được. Cho nên tạm chỉ qua một phương, một góc, thoát đầu chỉ thuyết minh qua về một châu, rồi dần dần đề cập đến chỗ lớn chỗ xa, tăng mười mà lên trăm, gom sông mà thành biển vậy.

BẢN ĐỒ AN LẬP PHÁP GIỚI

QUYỀN THUỢNG – phần trước

I) LUỢC MINH NAM CHÂU
(Thuyết minh sơ qua về Nam Châu)
Yên Sơn Sa-môn Nhân Triều tập lục,
Phật tử Như Thị ở chùa Khánh Lâm trùng san.

PHẬT HƯNG DUYÊN

Xét thấy : Cõi trần hoàn bao la,
Néo dị thú chằng chịt,
Lưới mười hoặc, đan rát dày,
Mây năm ấm, che chòng chất,
Chùm mê hố dục,
Quán quít rừng dày,
Bị hun đốt bởi ngọn lửa trong Hỏa trạch đáng sợ,
Bị xoay vần mãi trong vòng sanh tử luân hồi,
Lại thêm sóng nghiệp giòi hoài,
Cách nguồn giác ngày càng xa lắc,
Bị cầm cổ trong thành cao ngu si,
Ở trong đêm dài mà khó tỉnh,
Hăng sa kiếp dễ dàng qua đi,
Dòng khổ hải chẳng bao giờ hết,
Cho nên đức Phật là bậc Lục Thông Chí Thánh,
Là bậc Thập Trí Năng Nhân,
Mặc áo giáp hoằng thệ,
Chuyển bánh xe đại bi,
Chẳng động Chân tế mà trí trùm pháp giới,
Thường trú Tam-muội mà phô hiện sắc thân.
Vầng tuệ nhật mọc lên soi sáng cửa tối tăm,
Tiếng sấm pháp rèn vang thức tỉnh căn nhà mộng.
Diễn viên âm mà độ rộng,
Rưới cam lộ để nhuận đều,
Khiến thoát khỏi lối hiểm nghèo,
Khiến lên được trên bờ giác,
Đến khi tám tướng đã thành,
Mười Trời phô diệu,
Làm bền làm cầu cho Cửu Địa,
Làm thuyền làm xe cho tứ sanh,
Tuy đã là bậc Chân thừa thượng trí,
Vẫn đầy niềm từ bi mà cứu muôn loài,

Thê nguyện lớn quyết ra công giáo hóa,
Tùy căn duyên mà lợi ích chúng sanh,
Thế thì :
Quần sanh lấy khổ cảm làm nhân,
Như Lai lấy bi ưng làm duyên vạy.

HIỀN KIẾP DUYÊN

Phật nổi lên để làm lợi cho muôn vật, thời kỳ này đúng là thời hiền kiếp.
Vì sao mà lại gọi là hiền kiếp ?

Có nghĩa là lúc đại thiên thế giới bắt đầu sắp sửa hình thành thì nước lớn tràn lan, có 1.000 đóa hoa sen xuất hiện, ánh vàng soi khắp.

Tịnh Cư Thiên thấy thế bèn nói : Thật hiếm có điểm lành như vậy, sẽ có 1.000 Phật xuất hiện ở đời, vì nhân duyên đó mà gọi kiếp này là Hiền kiếp.

Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai chính là đức Phật thứ tư của Hiền kiếp, Ngài là Bổn sư của chúng ta, là Giáo chủ của cõi Sa-bà.

SA BÀ CƯƠNG VỰC

Bờ cõi thế giới Sa-bà, cõi mà đức Phật cai quản gọi là thế giới Sách Ha. Kinh cổ phiên âm là Sa-bà, trong kinh còn gọi là Nhẫn độ. Ý nói người ở cõi này có sức lực mạnh, nhẫn được khổ lạc, đáng làm đạo khí, cho nên Phật làm vua cõi này.

Xét thấy bờ cõi của cõi này như bánh xe tròn, xung quanh là núi sắt (tức Thiết vi sơn), ngoài núi là Hư không, Hư không chẳng thể lường, dưới núi là Địa, dưới Địa là Kim, dưới Kim là Thủy, dưới Thủy là Phong, Phong này rắn chắc hơn cả kim cương.

Chúng sanh tâm lực cùng nghiệp chiêu cảm giữ được thế giới chẳng để nghênh đón, ngoài Phong trở ra tức là Hư không.

Tính bánh tròn này từ dưới lên trên tận cùng của Vô Sắc giới, gọi là Hữu đảnh. Nếu xét cho tận cùng ranh giới ngang dọc của cõi này thì rốt cuộc chẳng thể lấy số dặm mà đo đạc được.

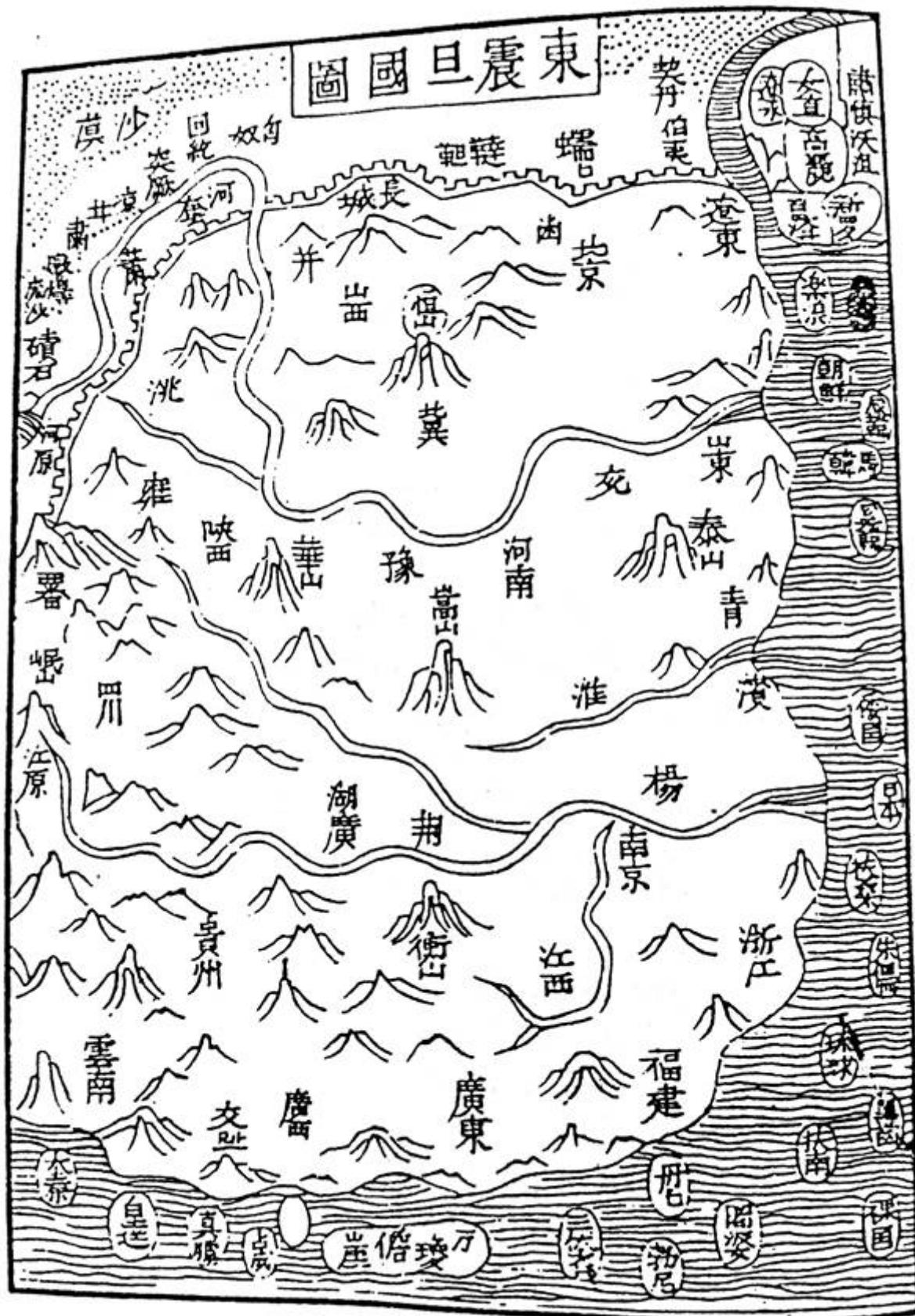
Theo luận Đại Trí Độ, nếu từ cõi Sắc giới mà ném một hòn đá lớn xuống thì phải mất một vạn tám ngàn ba trăm tám mươi hai năm (18.382) mới tới được đất.

Ở phương trên đó gọi là một cõi Phật, bên trong núi Thiết vi có trăm ức tú Thiên hạ. Nay chỉ mới thuyết minh sơ qua về Nam Châu là một cõi tú Thiên hạ.

* Nam Châu có hai :

- Một là nước Chán Đán,
- Hai là Nam Thiệm Bộ Châu.

ĐÔNG CHÂN ĐÁN QUỐC ĐỒ



NUỚC CHÂN ĐÁN Ở MIỀN ĐÔNG

Nước Chân Đán ở về Đông thổ, việc phân chia khu vực thì :

- Thời vua Đế Cốc chia làm 9 châu (Kí, Duyện, Thanh, Tù, Dương, Kinh, Dự, Lương, Ung).

- Thời vua Thuấn chia làm 12 châu (vì Kí châu đất rộng nên đặt thêm 3 châu là Tính, U, Doanh).

- Nhà Hạ - Vũ bình định đất nước, chia làm 9 châu (Dương, Kinh, Dự, Thanh, Duyện, Ung, U, Kí, Tính).

- Nhà Chu phong Hầu kiến Áp một cách ô ạt, đại để có tới một ngàn tám trăm (1.800) nước.

- Tới thời Xuân Thu, số nước thấy nói trong kinh truyện còn tới 124 nước.

- Tới thời Chiến Quốc, 7 nước hùng cường bị gộp lại mà thành nhà Tần. Nhà Tần lấy cái tệ của chế độ phong Hầu, kiến Áp của nhà Chu làm răn, bèn bãi Hầu, đặt Thú, chia thiên hạ ra làm 36 Quận.

- Đến khi bình định được nước Việt ở phương Nam, lại đặt ra 4 quận : (Mân Trung, Nam Hải, Quế Lâm, Tượng Quận).

- Thời Lưỡng Hán chia ra làm 13 Châu mà thống trị (Hán Vũ Đế đặt ra 13 bộ Thú sứ).

- Thời Tần chia làm 19 Châu.

- Nhà Đường chia ra làm 10 Đạo, lại đặt ra 15 Thái Phỏng Sứ.

- Niên hiệu Nguyên Phong đời Tống cho ban hành Cửu Vực Chí do Lý Đức Sô soạn, chia nước ra làm 13 Lộ.

Thời Hán thịnh trị, những vùng thống trị xa xôi ở bốn phương. Đông thì tới Lạc Lãng, Tây thì tới Đôn Hoàng, Nam thì tới Nhật Nam, Bắc thì tới Nhạn Môn. Đông Tây 9.000 dặm, Nam Bắc 13.000 dặm.

Trường thành cổ là do nước Triệu xây dựng thời Chiến Quốc, từ Âm San ở Đại Tịnh (tên 2 châu) cho đến Cao Khuyết để phòng bị rợ Hồ. Nước Yên cũng xây đoạn từ Bắc Qui Châu đến tận Liêu Đông.

Tần Thủy Hoàng sai Mông Điềm xây Trường thành bắt đầu từ Lâm Thao vào tận Cao Ly.

Thời Nguyên chia làm 18 Đạo.

Tới thời Hoàng Minh nhất thống đặt ra Nam Bắc hai Trực - Lê và 13 Tỉnh.

TÚ ĐỘC (bốn sông lớn) gồm :

- Sông Hà bắt nguồn từ núi Thích Thạch,
- Sông Giang bắt nguồn từ núi Miên Sơn,
- Sông Hoài bắt nguồn từ núi Đồng Bách,
- Sông Té bắt nguồn từ núi Vương Ốc;

NGŨ NHẠC (năm núi lớn) gồm :

- Thái sơn ở phía Đông,
- Hành sơn ở phía Nam,

- Hoa sơn ở phía Tây,
 - Hằng sơn ở phía Bắc,
 - Tung sơn ở Trung ương.

NAM THIỆM BỘ CHÂU



Ngắng tìm chư Phật giáng linh, chẳng thể cầu bằng hình tướng. Tùy cơ ẩn hiện, nên mới có thể dùng ngôn ngữ văn chương mà thuật lại. Kể từ khi Pháp vương thị hiện hình tích, giáng lâm chiêu rọi cho Nhẫn phuơng, quần sanh may sao được sự giáo hóa của Ngài, khiến 25 Hữu dứt nhân sanh tử, diệt hết 98 kiết

Sử, đoạn nghiệp tiền khiên, cùng vượt ba cõi (sắc, dục, vô sắc), đều chỉ Nhất thừa.

Loài hàm dục đội ơn Đại tạo, Bậc chí nhân dã lụ tràn lao, nên có dấu Thánh từ bi để lại, truyền bá khuôn phép thiêng liêng này, khiến cho những kẻ vô cùng mê muội cũng phải động cẩn cơ huyền diệu, khiến cho sóng thức cũng phải tự dẹp yên cơn giận dữ dạt dào, mới trở thành lối thênh thang vào đạo, mà cũng là bắt đầu nhận biết lối ra.

Sự vốn đều là ngầm ngầm quyền nghi, mà Lý thì phù hợp với Sự vận động thần diệu. Có lẽ chẳng phải do trời trao, mà thật ra là người mưu tính. Nhưng vẻ lành ngùn ngụt, điềm tốt bời bời, sáng ngời trời đất, soi khắp u minh. Thế thì nền văn vật rạng rõ muôn thuở, tiếng tăm vẻ sáng được kẻ nghe người nhìn thấy đánh giá cao. Cho nên tạm bày đường rộng để xem khuôn mẫu lớn vậy.

Theo Tây Vực Chí nói : Ở chính giữa Thiêm Bộ là ao A Nậu Đạt. Ao này ở phía Nam núi Hương Sơn, phía Bắc núi Đại Tuyết Sơn, chu vi 800 dặm.

Theo kinh Khởi Thế : núi Tuyết Sơn do các thứ báu tạo thành, trên đỉnh có bốn ngọn núi vàng, giữa có một ngọn núi cao, ngọn núi đó có ao Long Trì rộng 50 do-tuần. Bồ-tát Thập-địa hóa làm Long vương, làm nhà ngầm ở trong đó.

Ao này tuôn nước trong mát để cung cấp cho Thiêm Bộ. Cửa Ngân Ngưu ở phía Đông ao, chảy ra sông Căng Già (tức sông Hằng) chảy vào biển Đông Nam. Cửa Kim Tượng ở phía Nam ao, chảy ra sông Tín Độ, chảy vòng quanh ao một vòng rồi chảy vào biển Tây Nam. Cửa Lưu Ly Mã ở phía Tây ao, chảy ra sông Phoc Sô, chảy vòng quanh ao một vòng rồi chảy vào biển Tây Bắc.

Cửa Phả Đê Sư Tử ở phía Bắc ao chảy ra sông Tỉ Đa, chảy vòng quanh ao một vòng rồi chảy vào biển Đông Bắc.

(Có thuyết nói là chảy ngầm dưới đất rồi ra khỏi núi Tích Thạch mà thành đầu nguồn của sông Hoàng Hà của Trung Hoa ở phía Đông).

Rặng núi Thông Lĩnh ở chính giữa Thiêm Bộ, phía Nam nối với rặng Đại Tuyết Sơn, phía Bắc tới Nhiệt Hải Thiên Tuyền, phía Tây tới nước Hoạt-Quốc, phía Đông tới nước Ô-Sát, bốn phương đều mây ngàn dặm, núi non tới mấy trăm lớp, băng tuyết gió lạnh, núi đồi xanh um, nên gọi là Thông Lĩnh. Từ Thông Lĩnh đi về Đông gần nước Cao Xương là A Kỳ Ni (theo sách Hán Thư, nước Yên Kì có mấy chục Già-lam (chùa). Tây Nam là Khuất Chi (cũ gọi là Qui Tư, có mấy trăm ngôi Già-lam).

Phía Bắc núi Thông Lĩnh 400 dặm là Thanh Trì (còn gọi là Nhiệt Hải) đi về Tây 1.000 dặm nữa là Thiên Tuyền, phía Nam có Tiểu Tuyết Sơn (là nơi nghỉ mát của Đột Quyết), phía Tây tới Đát La Tư cho tới nước Sử Quốc, phía Đông Nam đi vào cửa Thiết Môn, phía Nam ra đến Đồ Hóa La (Đông tới Thông Lĩnh, Nam tới Tuyết Sơn, Tây tới Ba Tư, Bắc giữ Thiết Môn, có 30 nước).

Vượt qua các nước tới Phoc Hạt, Bắc giáp sông Phoc Sô (có mấy trăm Già-lam, người ta gọi là thành Tiểu Vương Xá).

Từ đó, hướng Tây Nam này vượt qua các nước sang Đông Nam vào Đại Tuyết Sơn (góc núi này có động Rồng, Phật hóa lưu ảnh tại trong động Rồng

này, ngài Huyền Trang đời Đường đã từng đích thân tới đó lễ bái, xa trông thấy sắc vàng rực rỡ, gần thì dần dần biến mất, chẳng nhìn thấy nữa).

Rồi đến nước Phạm Diễn Na (có tượng Phật nằm dài 1.000 trượng. Tôn giả Thương Na thai sanh ở đây, áo Cửu Điều Y vẫn còn).

Đông vượt Hắc Lĩnh tới nước Ca Tất Thí (nước này phía Bắc dựa lưng vào Tuyết Sơn có mấy trăm ngôi Già-lam).

Đông vào cõi Bắc Ân Độ tới nước Kiện Đà La (có tháp lớn cao 500 thước. Hò Thái Hậu nhà Ngụy từng sai sứ mang tràng phan dài 500 thước treo ở đầu ngọn tháp đây, thì chân tràng phan mới chấm đất. Tháp này cùng với Lạc Dương Già-lam vốn đồng một thời phải có hai tháp).

Bắc tới nước Ô Trượng Na (người dòng họ Thích bị phạt thì làm vua ở nước này. Thời cổ khi Luân vương mất, Tăng chúng thường có đến một vạn người).

Nam vượt sông Tín Độ, Đông Nam tới nước Ca Thấp Di La (có mấy trăm Già-lam). Vượt qua các nước lên phía Đông Bắc tới nước Mạt Thô La (ngài Cúc Đa độ người, lưu thể đầy hang đá). Đông Bắc tới Thất Phật La, rồi đến Thúy Lộc Na (Đông giáp sông Hằng).

Đông vượt sông tới Mạt Đề La. Lại đi về Đông, tới phía Bắc núi Tuyết Sơn, cạnh núi có nước Kim Thị (nước này nữ làm vua, chẳng biết chính sự, nước này về phía Đông tiếp giáp với Thổ Phiên, phía Bắc giáp với Vu Diền, phía Tây giáp Mạt La Bà).

Từ Mạt Đề La đi về phía Đông Nam tới nước Hê Đát (đây là chỗ đức Phật thuyết pháp cho Long vương Văn Lân).

Vượt sông Căng Già ở phía Nam (bên tả ngạn sông này có 1.000 tháp).

Đông Nam tới nước Kiếp Tỉ Tha (đây là chỗ mà Đề Thích thị hiện ba đường thềm báu khi đức Phật thuyết pháp cho thân mẫu Ngài ở trên cõi trời Dao Lợi).

Tây Bắc tới nước Khúc Nữ (là chỗ Giới Nhật Vương mở đại hội sai ngài Huyền Trang lập ra nghĩa Tỉ lưỡng luận).

Đông Bắc tới nước Xá Vệ (phía Nam thành này cách 5 dặm có vườn Kỳ Thọ Cáp Cô Độc).

Đông Nam tới nước Ca Tì La (nơi Phật giáng sanh, điện Tịnh Phạn Vương, điện Ma Da phu nhân, chỗ Bồ-tát giáng thai, chỗ đức Phật độ cho 8 vị Vương tử giòng họ Thích khi Ngài trở về bồn quốc sau khi thành Đạo).

Đông Bắc tới nước Câu Thi Na (rừng Ta La Song Thọ nơi Phật nhập Niết-bàn).

Tây Nam tới nước Ba La Nại (vườn Lộc Uyển chỗ đức Phật chuyển pháp luân, gần vườn có chùa Chi Na do Quốc vương xây dựng cho chúng tăng. Chi Na ở đây gọi là Đại Đường).

Xuôi dòng sông Căng Già, Đông Bắc tới nước Tì Da Li (tên cũ gọi là Tì Xá Li. Ở đây có phuơng trượng của Duy Ma Cật, ngang dọc mỗi chiều 10 thước).

Đông Bắc tới Phất Lật Thị (thuộc vùng Bắc Ân). Tây Bắc tới Ni Ba La (nước này Bắc giáp nước Đông Nữ tiếp giáp với Thổ Phiên. (Trung Quốc) sai

sứ trở đi trở về may nhở có đất này. Đường Phạm cách nhau vạn dặm từ thời cổ phải đi đường vòng vèo xa xôi. Nước này có ao trên mặt nước, ao bốc lửa, trong ao có rồng lửa).

Từ Tì Da Li, Nam vượt sông Căng Già tới nước Ma Kiệt Đà (hoặc gọi là Ma Già Đà, thuộc Trung Án, có thành Vương Xá. Đi về phía Tây Nam vượt sông Ni Liên có thành Già Da. Phía Tây cách thành này 6 dặm có núi Già Da, tục gọi là Linh Sơn. Phía Tây Nam có cây Bồ-đề, cây này cao 5 trượng là chỗ Phật thành Đạo, chu vi 500 bước, trong có tòa Kim Cương, 1.000 đức Phật ngồi ở trong đó mà nhập định Kim Cương. Có chùa Na Lan Đà do 5 vua xây dựng, Tăng đồ có tới mấy ngàn đều là các bậc anh tuần học rộng, tài cao.

Phía Đông Nam nước này có núi Kê Túc là chỗ ngài Ca Diếp nhập định.

Đông Bắc là núi Linh Thủ, thành Vương Xá có suối nước nóng tuôn ra. Ngài Mục Liên nói : nước suối này chảy qua Tiểu Địa Ngục mà tới, nên nóng sôi và vẫn đục, có ba giếng vọt lên, nước to cũng không đầy (đó là chỗ mà những kẻ báng Phật bị đọa xuống ngay lúc sống).

Đông Bắc vượt qua các nước đến Bôn Na Phật (từ sông Tín Độ trở về Đông đến đây đều là Trung Án).

Sau đó đi về phía Đông tới nước Ca Ma Lũ (Đông Án từ đây trở về phía Đông núi đồi liên tiếp, đi hai tháng thì có thể tới vùng biên giới Tây Nam của đất Thục).

Nam tới nước Tam Ma Đát (bờ biển Đông Bắc). Tây Nam tới tận nước Ô Đồ. (Đông Nam giáp biển có thành là chốn nghỉ chân của các lái buôn trên biển, phía Nam cách nước Chấp Sư Tử 2 vạn dặm, đêm nhìn ánh bảo châu trên tháp Phật Nha của nước này sáng chói như ngọn đuốc lớn).

Vượt qua các nước, Tây Bắc tới nước Kiều Tát La [thuộc Trung Án, có vua Dẫn Chính vì đã xây chùa cho Long Mãnh, tập trung 1.000 vị Tăng. Tính riêng tiền muối cho thợ ăn (để xây chùa) đã hết 9 úc tiền vàng].

Phía Nam nước này có núi (trên vách núi này có nhà gác bằng đá năm tầng, mỗi tầng đều có bồn sân có suối phun chảy vào).

Vượt qua các nước xuống phía Nam tới Mạt La Cự (Nam Án bên bờ Nam Hải có núi Mạt Lạt Da, sản xuất hương long não, hương cây này như băng tuyết. Phía Đông núi này có núi Bồ Đát Lạc Ca, trên đỉnh núi có ao, bên ao có Thạch Thiên Cung. Đức Quán Tự Tại Bồ-tát vân du đến ở đây. Ai muốn gặp thì phải lội nước lên núi).

Phía biển Đông Nam có nước Chấp Sư Tử (không phải đất Án Độ, trên tinh xá Phật Nha có dựng một cột nêu, trên có để hạt bảo châu lớn, đêm nhìn như sao sáng. Bên cạnh cung vua có dựng một bếp lớn, hàng ngày làm cơm chay cúng cho một vạn tám ngàn vị Tăng ăn, thường cúng đường như vậy chẳng dứt).

Cách mấy ngàn dặm về phía Nam có châu Na La Kê La (người cao 3 thước, miệng như mỏ chim ăn cùi dừa, phía Đông Nam châu này có núi Lăng Già).

Tù Đạt La Tì tới Bắc Cung Đạt Bồ (đất Nam Ân có rừng cây Bối Đa La, chu vi 30 dặm, lá của cây này dài rộng sắc bóng mượt, người ở Ngũ Ân viết lách đều dùng thứ lá này. Nay bối diệp chính là tên tắt của lá này).

Phía Tây rừng này 2.000 dặm là nước Ma Ha Lạt (núi lớn ở phía Đông có chùa, La Hán xây nhà cao trăm thước, tượng Phật làm bằng đá cao bảy trượng, trên có mái đá bảy lớp, lơ lửng từng không cách nhau ba thước. Truyền rằng : đó là do nguyện lực của La Hán, hoặc nói là do thần lực, hoặc nói là do lực của dược thuật).

Tây phương tới nước Ma Lạp Bàn (trong cõi Ngũ Ân có nước này và nước Ma Kiệt Đà, coi trọng việc học, có bậc danh Tăng rất giỏi, nước này phía Nam ra tới biển).

Tây Bắc vượt qua các nước tới Cù Triết La (thuộc vùng Tây Ân). Vượt qua sông Tín Độ tới nước Tín Độ. Phía Tây tới tận nước Lang Yết La (sát biển Tây trong hải đảo có nước Tây Nữ).

Đi về phía Bắc, vượt qua các nước thì tới biên giới Ca Tất Thí (Đông giáp Bắc Ân, Tây tới Phát Lâm nước Ba Tư).

Còn phong vật các nước khác nay chẳng ghi chép đầy đủ như Tây Vực Chí, Thích Ca Phương Phổ, có đầy đủ tường tận hơn).

ẤN ĐỘ

(Ở đây gọi là mặt trăng, vì ở giữa các nước, như mặt trăng giữa các vì sao. Đó là tên đúng của Tây Vực, còn Thiên Trúc, Thân Độc chỉ là tên gọi sai).

Phía Bắc dựa lưng vào núi Tuyết Sơn, ba mặt là biển cả, địa hình phía Nam hẹp như trăng truỵt huyền, sông băng đất rộng, chu vi chín vạn dặm, có hơn 7.000 thành được xây dựng ở trong đó, cho đến tận bờ ba biển đều do một vua cai trị.

(Theo Hán Thư, nước này thịnh vượng thanh bình, được khí hòa trác thiêng giáng xuống. Có các bậc hiền đức nổi bật giáng sanh. Lý Hậu và thần tích quý quái nhiều nhất thế gian; sự tích linh ứng minh hiển vượt ra ngoài Trời).

Kinh Kim Quang Minh viết rằng : “Ở đó có tám vạn bốn ngàn thành áp thôn xóm”, còn kinh Nhân Vương thì nói : “Ở đó có 16 nước lớn, 500 nước vừa, 10 vạn nước nhỏ”.

Kinh Lăng Nghiêm nói : “Cõi Diêm Phù Đề này có 2.300 nước lớn”, kinh Lâu Thán nói : “Tù Thông Hà trở về phía Đông gọi là Chấn Đán”. Pháp sư Ngạn Tông đời Đường nói : “Tù Thông Lĩnh trở về phía Tây đều thuộc nòi Phạm, bên trái Thiết môn đều là làng Hò).

BIỆT HỒ PHẠM (Phân biệt Hồ Phạm)

Đất Nam Châu đại để chia làm 5 phần : Trung phần là Tuyết Sơn Thông Lĩnh, Nam phần là Ngũ Ân Độ, đó là nơi Kim luân Thánh Vương thời xưa cai

trị. Đó là giống Phạm Thiên, thế gian gọi nước họ là Thiên Phương, cũng gọi là nước Bà La Môn (ở đây gọi là Tịnh Hạnh, Phạm Chí).

Tây phần là các nước Đỗ Hóa La, Ba Tư là nơi cư trú của Tây Di. Bắc phần là quê hương của Hồi, Lỗ, nơi cư trú của Đột Quyết, Khả Hân, Ô Tôn, Hung Nô.

Đông phần chia làm hai :

Từ Kỳ Sa Hà trở về Tây có người Hồi, Thổ phiên cư trú, từ Tích Thạch trở về Đông là nước Chân Đán, đó là nơi được Đế vương giáo hóa, là nước của người quân tử, phong vực phân chia khác nhau, cần phải phân biệt rõ, không nên coi Phạm là Hồi mà tự lẩn lộn.

Có người cho Thiên Trúc là Hồi, lời đó rất sai. Lại có người gọi là Hồi kinh, Hồi ngữ v.v... Đó đều không phải là chánh ngôn (cách nói đúng đắn), mà phải gọi là Phạm kinh, Phạm ngữ v.v... mới đúng.

LUẬN TRUNG

Chánh kiến lợi sanh của đẳng Pháp vương không hề phân biệt chỗ trung thõ với nơi biên địa. Cơ duyên thích hợp thì giáo hóa, không kể phương nào. Lẽ nào việc giáo hóa ấy lại chỉ căn cứ vào hình thức.

Tuy mây lớn đỗ mưa tưới khắp, nhưng giống hư hỏng khó có thể tốt tươi. Dẫu mặt trời buổi sớm chiếu ở trên cao nhưng trong chậu úp chǎng soi được tới. Đến nỗi nửa tin nửa ngờ, tà chánh lẩn lộn vậy mà ánh sáng đại bi vẫn chưa từng gián đoạn. Có người bảo Hoa Hạ được cái thể chính trung của trời đất, ngoài chín chau ra đều là hạng Man Di ở nơi biên địa mà thôi. Điều này chǎng đáng để tranh luận, cứ xem Tây Vực đỗ sẽ rõ.

Nay vì những ai chưa biết xin thuyết minh thêm.

Khảo cứu các kinh luận thấy có chín nghĩa như sau :

1. DANH VĂN (danh tiếng)

Kinh Bản Hạnh kể rằng : “ Bồ-tát Hộ Minh bảo vị Thiên nhân là Kim Đoàn rằng : ‘Xưa kia, Bồ-tát Bồ Xứ thắc sanh vào nhà nào, nhà ấy át phải có đủ 60 loại công đức, ba đời thanh tịnh. Ông hãy xuống cõi Diêm Phù vì ta mà quán sát xem !’. Kim Đoàn nói : ‘Thành Ca Tì La có vua là Tịnh Phạn, phu nhân là Ma Da, là nhà có đầy đủ công đức ở trong thế gian. Nhà ấy thanh tịnh, có danh tiếng lớn, đáng sanh vào nhà đó’.

Hộ Minh nói : ‘Tốt lắm ! Ta nhất định sẽ sanh vào nơi đó’ ”.

Phật tự mình đích thân chọn lấy như vậy, chư Thiên đều cùng nghe thấy. Thế thì biết rằng nước Ca Tì La nổi danh hơn hết là nơi trung tâm của các nước (kinh Phổ Diệu cũng nói như trên).

2. LÝ PHẦN

Đại địa rộng lớn, thế gian không ai có thể đi tới cùng được. Từ xưa tới nay không có người nào tới biển Tây Bắc, thì làm sao mà biết được chỗ nào là trung tâm của đại địa. Thế tục gọi là Trung Quốc, chỉ là tự luận về nơi trung tâm của phương này mà thôi, chứ chẳng phải là nơi trung tâm của thiên hạ.

Theo Chu Công đo đạc trời đất, qui định Dự Châu là trung tâm, nói rằng : bốn bên mỗi phía 5.000 dặm (từ Dự Châu đến biển Đông không tới 5.000 dặm, còn đó sanh sang phương Tây, từ đó lên phương Bắc chẳng biết đến mấy vạn dặm, ấy thế mà lại nói là 5.000 dặm được ư ?).

Vũ Công nói : mỗi bên cách 2.500 dặm. Dương thời đất hẹp, sau dần dần mở rộng tới đời Hán mới tới 9.000 dặm nay còn rộng hơn.

Theo Nội Kinh thì đại địa chu vi 28 vạn dặm, đường kính là 9 vạn dặm. Nếu đem chiều Đông sang Tây là 9 vạn dặm, vẽ làm 9 phần thì Hoa Phương chỉ chiếm chừng một phần ở cực Đông mà thôi, sang phía Tây còn những 8 phần đất nữa. Thiên Trúc chiếm 5 phần ở trung ương, Đông Tây cách biển mỗi phía bốn vạn năm ngàn dặm. Nên biết rằng nước ta là miền Đông của đại địa, Thiên Trúc là trung tâm của đại địa. Đó là điều đã rõ ràng.

3. SƠN VƯƠNG

Núi non trong thiên hạ đều từ Côn Lôn phát mạch mà ra, núi Côn Lôn là núi cao nhất lớn nhất, chu vi tới hơn vạn dặm, là nhà của Long thần chẳng phải là chỗ mà sức người có thể leo lên được. Chi nhánh núi này phân bố thành gốc gác của mọi núi, tuy co duỗi dòm ngó, khởi phục thiên hình vạn trạng, nhưng ăn mạch liền nhau như vườn tre vây, hoặc nối lên hai cây măng ở gần, hoặc luồn xuống đất mầm đi tới chỗ xa rồi lại mọc ra hai cây măng nữa.

Núi Côn Lôn bên trái chia làm mấy nhánh, một nhánh chạy về phía Đông vượt Sa hà, Thích thạch dằng dặc mà phát triển thành núi non ở Chấn Đán, một nhánh chạy xuống phía Đông Nam phát khởi các núi ở Đông Ân Độ. Sau đó chạy về Đông mà thành núi non của Bách Di.

Bên phải chia làm mấy nhánh; một nhánh chạy xuống phía Tây Nam mà sanh ra các núi ở Tây Ân Độ, một nhánh chạy sang phía Tây mà thành các núi non của Hoạt Quốc, Ba Tư.

Mặt trước là Hắc Sơn, Tuyết Sơn và các núi ở Bắc Ân, tới Trung Ân thì phần nhiều ẩn phục, ít xuất hiện. Mặt sau là Thông Lĩnh sanh ra các núi của Bắc Hồ v.v... Các núi chạy như bay dưới núi Côn Lôn, núi Côn Lôn cao vót trên các núi khác. Côn Lôn ở chỗ chính trung của đại địa, Ngũ Ân Độ chiếm phía Nam núi Côn Lôn (Tục thư gọi Chi Đông của Tuyết Sơn là Côn Lôn sơn, đó là tên muộn vậy).

4. THỦY NGUYÊN (nguồn nước)

Nước là vật mà đặc tính của nó chảy từ chỗ cao xuống chỗ thấp, không có giòng nước nào là không có gốc từ núi chảy ra mà ngọn thì đổ vào biển cả.

Trên đỉnh Tuyết Sơn có ao Đại Long Trì, chu vi hơn ngàn dặm, là nguồn chung của các giòng sông trong thiên hạ. Từ bốn mặt Long Trì, mỗi mặt đều chảy ra một giòng sông lớn, sông rộng tới 40 dặm, sóng nước dào dạt tuôn ra bốn phương, mỗi giòng sông đó lại cùng 500 sông đều chảy ra biển. Các giòng nước ở phía Đông Long Trì đều chảy về Đông, các giòng nước ở phía Tây Long Trì đều chảy về Tây, các giòng nước ở phía Nam Long Trì đều chảy về Nam, các giòng nước ở phía Bắc Long Trì đều chảy về Bắc. Bốn góc cũng thế. Bởi vì đại địa hình tròn như quả bầu, mà đỉnh của nó là Tuyết Sơn chiếm chỗ cao nhất, bốn mặt thấp dần, cho nên mới thế. Các giòng nước ở Chấn Đán đều là những giòng chảy về Đông, vì ở góc phía Đông của đại địa. Như vậy thì biết rằng núi phải ở chính giữa đại địa, Long Trì ở trên đỉnh núi. Long Trì này là trung tâm thủy nguyên của đại địa, trung Ân Độ chính là đối diện với Long Trì này.

5. ĐỊA TỀ (rốn đất)

Kinh Phạm Võng viết rằng : “Đức Thích Ca Mâu Ni Phật ở đạo tràng tịch diệt ngồi trên tòa Kim Cương Hoa Quang Vương”.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ viết : “Tất cả thế gian, tất cả các nước ở cõi Diêm Phù Đè đều không có tòa này : chỗ tòa Kim Cương này rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Phật ngồi tòa này được Phật Bồ-đề, các đất khác không thể đỗ nổi Phật”.

Tây Vực Chí kể rằng : “Trung Ân Độ phía Nam sông Hằng có nước Ma Kiệt Đè, phía Tây Nam nước này vượt qua sông Ni Liên Thiền 10 dặm có cây Bồ-đề, dưới cây có tòa Kim Cương, ngàn Phật ngồi nhập định Kim Cương”.

Luận Câu Xá nói : “Tòa này, dưới liền với Kim luân, nên gọi là tòa Kim Cương. Chư Phật ba đời đều thành đạo hàng ma ở tòa này, cho nên biết rằng tòa Kim Cương là rốn của đất vậy.

6. LUÂN VƯƠNG

Người có đức tốt át ở đất tốt, như Kim luân Vương kia là người phuớc đức tốt nhất trong những người ở cõi Diêm Phù, đó là bậc Thánh thần trong Hoàng đế, các vua chúa. Cho nên có bánh xe vàng để nêu điềm tốt, có bảy thú báu để tỏ vẻ lành. Tướng hảo trang nghiêm, ngàn con vây quanh, cuồng long mã mà bay trên tầng không, vua chúa bốn châu mông đức mà tuân theo sự giáo hóa. Cho nên Luân Vương xuất thế, át sanh ở nơi trung thô. Nơi trung thô ấy tức là trung Ân Độ vậy, đó là chốn mà các vị Luân Vương các đời dấy lên. Nỗi tiếng đặc biệt tốt đẹp chính là nơi đây vậy.

7. PHẠM TỰ (chữ Phạm)

Chữ Phạm giống như chữ Triệu cổ, từ khi trời đất mờ mang tới nay đã có chữ này rồi, trải qua hơn vạn vạn năm mà xưa nay vẫn chẳng đổi. Chẳng giống như văn tự ở phương này, chữ Triệu đổi thành chữ Lê có sự ngoa truyền lầm lẫn.

Chữ Phạm vốn từ Phạm Thiên truyền xuống, nên gọi là Phạm Thư. Kim Ngân Luân Vương nối tiếp nhau mà kế thừa sử dụng, cho nên chỗ viết chữ Phạm, yêu ma đều phải lánh xa. Lúc xuống Phạm âm, Quý thần đều phải kính sợ. Bởi vì đó là ngọc âm của Thiên Đế, nên ai mà dám chẳng kính vâng ! Vì thế chư Phật thuyết pháp đều dùng tiếng Phạm, Thiên Long Bát Bộ tuân phụng lưu hành. Thậm chí gọi Trời, Trời ứng; triệu trùng, trùng theo. Thông suốt âm dương, chí linh chí thần có lẽ chỉ ở tiếng Phạm vậy chẳng !

Ghi lại tiếng Phạm đó là chữ Phạm trong kinh Tống Trì để nói rõ những lợi ích của chữ Phạm như giữ chữ A mà nhập định, nhìn chữ Luân mà sáng lòng, chữ Úm mà đem ra cúng thì có thể dâng lên chư Phật ở trên... chữ Hạt Rì tỏa ánh sáng hòa quang có thể cứu khổ cho quần sanh ở dưới. Chữ Phạm có thể khiến kẻ bị ô nhiễm trở nên thanh tịnh, kẻ ngu si trở nên khôn ngoan, kẻ yếu được thọ, kẻ ốm được lành, diệt tà giúp chánh, làm lợi ích cho chúng sanh có lẽ chỉ có tác dụng của chữ Phạm vậy chẳng !

Văn tự trên thế gian có 64 loại : thứ nhất là chữ Phạm, thứ hai là chữ Khu Lâu, cho tới các kiểu Liên Hoa, Thụ Diệp, Hữu Tuyền, Trich Chuyển, tới 64 loại chữ gọi là nhất thiết chủng âm. Trong 64 loại chữ đó, chữ Phạm là nhất. Cho nên biết rằng chữ Phạm là vua của các loại văn tự.

8. KHÍ HÒA (khí hậu ôn hòa)

Thổ nghi nóng lạnh tùy từng phương mà phát sinh tác dụng, vì đất có chỗ cao chỗ thấp, khí có nơi ẩm nơi khô, cho nên nóng lạnh khác nhau.

Khí hậu nếu được chỗ trung độ thì ôn hòa, nếu mất chỗ trung độ thì ác liệt. Bởi vậy miền cực Nam thì nóng nực, miền cực Bắc thì rét mướt, miền bờ biển thì gió ẩm, miền núi non thì lam chướng.

Đất có đất màu bãi lửa, nước có suối câm giếng đắng, đó há chẳng phải là do khí hậu ở chỗ thiên theo nên mới xui nên như vậy ru ?

Còn như phương Ân Độ thì hè chẳng nóng lầm, Đông chẳng lạnh lầm, bốn mùa ôn hòa, năm trán thăng diệu.

Hoa Trời Ca Tì sắc lạ (ngài Huyền Trang đời Đường tới Trung Ân thấy hoa trời kỳ lạ, bèn lấy giống đem về Đông, qua sông gấp gió, giống hoa đó đều mất hết, ngờ là bị rồng cướp đi).

- Trúc Luật Giải Cốc Chính Âm:

(Hán chí : vua Hoàng đế sai Linh Luân tới Giải Cốc ở phía Bắc núi Côn Lôn lấy trúc, chặt khúc giữa lấy hai đốt làm cung Hoàng Chung mà thổi, 12 ống

nghe như tiếng phượng kêu, con trống kêu 6 tiếng, con mái kêu 6 tiếng, cung Hoàng Chung này đều có thể phát ra những tiếng đó. Đó là gốc của Âm Luật.

Đời cực thịnh trị thì khí trời đất hòa hợp mà sanh ra gió, khí gió của trời đất chính đinh thì 12 luật được xác định).

- Cho đến cây thuốc Dược Vương :

(Tuyết Sơn có cây Dược Vương, hễ ngửi hoặc nếm, hoặc chạm vào cây thuốc đó thì mọi bệnh đều khỏi).

- Cỏ thơm Phì Nhị :

(Tuyết Sơn có loại cỏ này, trâu bò ăn vào thì sữa thành đê hò, phân thơm như mùi đàn hương).

- Trong đất vị ngọt :

(Trong đất ở Tuyết Sơn có vị ngọt chảy ngầm, ống chôn dưới đất có thể lấy được. Đây là loại suối ngọt).

- Long Trì ngọt :

(Thời Phật có vị Tỳ-kheo ôm, Tỳ-kheo đến Tuyết Sơn xin ngọt sen, rồng cho ngọt sen đường kính tới một thước vị ngọt, ăn vào khỏi bệnh).

Quả là do trời đất khí hòa, cho nên mới sanh ra cỏ cây thuần túy vậy. (Thiệu Tử nói : Trời có thứ chí túy, đất có thứ chí tinh. Loài người mà được các thứ đó thì thành sáng suốt, cỏ cây mà được các thứ đó mà thành chi lan).

9. ĐẠO TRUNG

Danh đê nêu Thực, Sự đê tò Lý.

Cho nên nơi trung thô át có trung đạo tồn tại vậy thì hỏi có khác gì nơi biên địa ? Cho nên các bậc Thánh hiền ở Hoa Hạ đều nói rằng :

- Đạo nuôi dân phải lấy Trung làm gốc; rằng : - giữ đúng Đạo Trung; rằng : - vận dụng Đạo Trung với dân; rằng : - Trung đó là Đạo lớn của thiên hạ, Đạo ấy sẽ dẫn tới vị trí trung hòa của trời đất, sẽ làm cho vạn vật sanh sôi nở.

Thánh nhân thế gian còn như vậy, huống chi là bậc Đại Thánh xuất thế, lẽ nào lại đem đạo Thiên Tà mà chỉ bảo cho người !

Cho nên bậc Chánh Giác Năng Nhân sanh ở nơi trung độ, thị hiện tướng mạo thù thắng.

(Sanh ở Vương cung có đủ 32 tướng quý), há chẳng phải là để dùng chánh pháp của Trung đạo mà khải ngộ quần sanh ru ?

Vậy mà bọn Ma đạo phàm phu bô gốc, đuổi theo ngọn, chưa có Thánh trí, rằng tri rằng kiến đều là mê đảo, đến nỗi ưa cái đồng thì ghét cái dị, chuộng cái này thì bỏ cái khác. Cho nên thị phi vì thế mà nảy sinh, hoặc đảo vì thế mà trói buộc. Yêu ghét so độ với nhau, tà chánh khuynh đảo lẫn nhau thì thành ra tội phước.

Cho nên đắng Chánh Giác ta là bậc Thánh nhân mới thương xót mà dụ bảo cho họ, mới điều phục mà khiến cho họ thuần hòa, mới làm sữa làm thuốc mà nuôi nấng chạy chữa cho họ, mới giúp đỡ mà cứu cho họ, khiến bỏ thói tranh cạnh hỗn loạn mà trở về cuộc sống thái bình, bỏ thói cuồng vọng mà trở lại làm người lương thiện thành thật để hợp với đức Đại Quân, để khế với tánh

Bản chân, để đạt tới Đạo chí trung, chí công, chí thuần, chí thần, chí diệu rồi mới thôi.

Chúng sanh căn cơ khác nhau, ý kiến chấp trước chẳng giống nhau, hoặc chấp về sắc, hoặc chấp vào không. Chấp sắc thì bế tắc, chấp không thì buông xuôi. Bậc Chánh Giác dùng lời được ngôn mà bảo họ rằng : “Sắc túc là Không, Không túc là Sắc, thế thì Sắc - Không bất nhị là Trung”.

Hoặc chấp là đồng, hoặc chấp là dị. Chấp đồng thì à uôn, chấp dị thì rối loạn. Lời được ngôn bèn dạy rằng : Đồng là Đồng Dị, Dị là Dị Đồng, phi Đồng phi Dị nhất quán là Trung.

Hoặc chấp các pháp là thật là hư, là thường là đoạn, là to là nhỏ, là biến là chẳng biến, là tự là tha, là hữu biên là vô biên, hoặc túc hoặc ly, hoặc ưa hoặc chán; cũng có cũng không, cũng hằng cũng biến, nào đến nào đi, nào nói nào im, nào siêng nào nhác, nào thanh nào hòa, nào khen nào chê. Những thứ như thế, ai nấy đều chấp trước, kiến giải khác nhau, nhất nhất đều thành thiên kiến.

Đường chia lăm ngả thì mất dê, cứ trôi xuôi mãi thì quên về.

Đáng Chánh Giác bèn bảo cho họ rằng : Muôn pháp vốn nhàn, mà người tự bận.

Trong hư không thật ra không có hoa, mà người quáng nhìn ra thành thấy, nhân ba quỉ hỏa, tánh của nước không khác, mà khỉ vượn vồ trăng. Chó ngu đuối cục đất, người Diễn Nhã đầu mê mà chạy khắp Đông Tây. Tánh cuồng tự hết, túc là Bồ-đề.

Ngài lại dạy rằng : Ví như người lái đò, chẳng trụ ở bờ bên này, chẳng trụ ở bờ bên kia, mà vận chuyển, chở chúng sanh tới được bờ bên kia.

Rằng : Học đạo ví như người chăn trâu, cầm gậy mà trông coi nó, chẳng để nó đi lung tung xâm phạm vào lúa mạ của người ta.

Lại ví như cưỡi ngựa, cầm cương ở tay, nếu nó lười thì thúc lên, nếu nó lồng thì kìm lại, ung dung theo Trung đạo mà đi.

Lại như người thợ gốm nhào đất, sao cho chẳng rắn chẳng mềm đúng với bàn xoay khuôn rập, mới có thể làm chậu làm bình.

Lại như người nhạc công gảy đàn, phải điều chỉnh dây đàn sao cho chẳng chùng chẳng căng, mới có thể tấu thành khúc điệu.

Đúng với mức Trung thì Đạo kia có thể hy vọng đạt được ! Nhân duyên bị bệnh của mỗi người mỗi khác, nên cho thuốc cũng có nhiều phương. Cho nên có Sự - trung, có Lý - trung, có Tục - trung, có Chân - trung, có Tiệm - trung, có Đốn - trung, có Tiếu - trung, có Đại - trung, có Sơ - trung, có Chung - trung, có Chí - trung, có Viên - trung, có Giới - trung, có Định - trung, có Tuệ - trung, có Quán - trung, có Hành - trung, có Nhân - trung, có Quả - trung.

Nhờ ngọc ma-ni ứng sắc, như hang trống dội tiếng vang. Cho đến ăn uống áo quần, đi đứng nằm ngồi, mọi việc lớn nhỏ, tự mình hành, giáo hóa người khác, không việc gì không dùng Trung đạo mà chỉ bảo. Đức Phật tự mình ăn một bữa vào lúc nhặt trung (giữa trưa), bảo các Tỳ-kheo nếu quá trung (quá trưa) thì không ăn. Ăn thì vừa mức, chẳng đói chẳng no. Áo may ba tấm, chẳng xa xỉ cũng chẳng lõa lồ. Đi thì đi thẳng, ngồi thì kiết-già, điều hòa thân thể thì

chẳng khoan chẳng gấp, điều hòa hơi thở thì chẳng rít chẳng trơn, điều tâm thì chẳng hôn trầm, cũng chẳng trao cử.

Đến như nỗi chìm đều bỏ, tĩnh tịch đều buông, chẳng xuất chẳng nhập, tịch mà thường chiểu, chiểu mà thường tịch, tâm tâm Vô gián, trung trung chảy vào biển Trung đạo, đạt tới cực điểm của Trung vậy.

Thuận nghịch chẳng quản, oán thân như nhau, diệt hết dị đồng, tử sanh là một, ta - vật coi ngang, thông suốt cổ kim. Trộn hư không làm một thể, hiện núi biển ở đầu lông. Một nói một im, một động một tĩnh, đều làm lợi ích cho khắp hết thảy chúng sanh. Như vậy thì há có thể gọi là kẻ Thệ trí cuồng giải, hạng Vô tướng Si thiền ư ?

Tới từ Trung tới, nên gọi là Như Lai. Đi từ Trung đi, nên gọi là Như Khú (tức là Thiện Thệ vậy).

Trung chẳng phải là Động thì ai tới ? Trung chẳng phải là Tĩnh thì ai đi ? Chẳng động chẳng Tĩnh, không đến không đi, há chẳng phải là đức tính của bậc Chí Nhân ru ? Chẳng Động Tĩnh mà Động Tĩnh, không đến đi mà đến đi. Há chẳng phải là sự thần diệu của Bi Vân ru ?

Không đến mà đến, tuy sanh chẳng có. Không đi mà đi, dẫu diệt chẳng không. Cho nên đạo của Như Lai chẳng thể đem những chuyện động - tĩnh, lai - khú, hữu - vô, sanh - diệt ra mà nói được.

Thế thì há chẳng phải là Đại Chí Huyền tuyệt diệu, không thể nghĩ bàn, vượt mọi số lượng, dứt mọi đối đãi ư ?

Thế gian có người ở bên sông chẳng tin nước biển có vị mặn. Có ông ở biển lấy một muôi nước biển đem đến bảo cho y để y biết được vị mặn ấy mà thôi. Chứ đâu phải là nói rằng biển cả có thể lấy muôi mà múc hết được !

LUẬN TIỀN ĐẠO (Bàn về đạo Tiên)

Tiên là Thiên vây, nghĩa là người mà hình thân có thể biến thiên mà chẳng chết. Thê tục nói là Tiên, có mấy loại khác nhau : có Thiên Tiên, Thần Tiên, Nhân Tiên, Địa Tiên, Quý Tiên, hoặc chơi chốn nhân gian, hoặc ẩn chốn núi sâu (như Thiên Thai, Khuông Lư, Cổ Sơn, Chung Nam v.v...) hoặc ở nơi hải đảo (như các đảo Bồng Lai, Doanh Châu, Lăng Uyển, Tiểu Hữu v.v...) hoặc ở dưới đất (xưa có người xuống chơi dưới hang đất thấy các Tiên ở chín quán) đều sống lâu chẳng chết. Người xưa đã từng được thấy, cho nên thế gian nhiều người hâm mộ. Người đời ghét đoán yểu, thích trường thọ. Hễ thấy ai hơn một trăm tuổi đã gọi là Tiên, hưỡng hồn là người tới ngàn vạn tuổi.

Chẳng biết rằng họ cũng có lúc vô thường, chỉ trường thọ mà thôi, chứ chẳng phải là vĩnh viễn không chết. So với người thì là hơn, so với trời thì lại là kém. Người trời sống lâu trải nhiều kiếp, coi những Tiên kia thọ đoán tựa như kiếp con vò vây.

Đạo Tiên tuy màu, cố nhiên chẳng bằng Người Trời, Người Trời tuy hơn, nhưng sao bằng bậc Thánh Nhân vượt số lượng, ly hợp thường lạc, vĩnh viễn không bị vòng sanh tử làm cho biến chuyển mà đến úc kiếp vẫn thường còn.

Kinh Hoa Nghiêm nói : “Trong núi Thần Tiên, người Tiên Ngũ Thông đầy dãy ở trong” (đây chính là những Thiên Tiên ở trong bảy núi Kim Sơn).

Kinh Lăng Nghiêm viết : “Phật dạy : ‘Còn có những kẻ đi theo người ta, chẳng theo bậc Chánh Giác tu Tam-ma-địa, biệt tu vọng niệm, tồn tưởng cố hình, đến ở chỗ núi rừng không ai tới được. Có mười loại Tiên, các chúng sanh đó :

- Kẻ thì kiên trì cố luyện bằng cách ăn uống mà chẳng hề ngoi, Thực Đạo Viên Thành, gọi là Địa Hành Tiên.

- Kẻ thì kiên trì cố luyện bằng thảo mộc mà chẳng hề ngoi, Dược Đạo Viên Thành, gọi là Phi Hành Tiên (uống được thảo lâu, thân nhẹ bay được).

- Kẻ thì kiên trì cố luyện bằng vàng đá mà chẳng hề ngoi, Hóa Đạo Viên Thành, gọi là Du Hành Tiên (luyện đan hóa cốt, điểm thạch thành kim).

- Kẻ thì kiên trì cố luyện về tân dịch mà chẳng hề ngoi, Nhuận Đức Viên Thành, gọi là Thiên Hành Tiên (nuốt tinh lìa dục, đẹp như băng tuyết).

- Kẻ thì kiên trì cố luyện về tinh sắc mà chẳng hề ngoi, Hấp Túy Viên Thành, gọi là Thông Hành Tiên (ăn cầu vòng, uống sương mù, khí tinh túy ngầm thông).

- Kẻ thì kiên trì cố luyện về chú cẩm mà chẳng hề ngoi, Thuật Pháp Viên Thành, gọi là Đạo Hành Tiên (có khả năng dùng pháp thuật, mê đạo tự nhiên).

- Kẻ thì kiên trì cố luyện về tư niệm mà chẳng hề ngoi, Tư Úc Viên Thành, gọi là Chiếu Hành Tiên (tưởng định xuất thân, quán rốn luyện đan).

- Kẻ thì kiên trì cố luyện về giao cấu mà chẳng hề ngoi, Cảm Ứng Viên Thành, gọi là Tinh Hành Tiên (khảm li sát phổi, thái tinh nhiếp vệ).

- Kẻ thì kiên trì cố luyện về biến hóa mà chẳng hề ngoi, Giác Ngộ Viên Thành, gọi là Tuyệt Hành Tiên (tồn tưởng hóa lí, tà ngộ biến hóa).

Những hạng như vậy ở trong loài người luyện tâm, chặng tu Chánh Giác, được lẽ sống riêng, thọ ngàn vạn tuổi, ở trong rừng sâu, hoặc nơi hải đảo, đoạn tuyệt với cõi người.

Những hạng này cũng bị luân hồi, vọng tưởng, lưu chuyển, chặng tu Tam-muội (tức Chánh định), báo hết quay về, tản vào các nẻo.

Cư sĩ Long Thư nói rằng : “Kinh Lăng Nghiêm nói : ‘Có mười loại Tiên thọ ngàn vạn tuổi, thảnh thơi ở chốn núi sâu, số hết lại nhập luân hồi’, vì chặng liễu ngộ chân tánh giống với lục đạo chúng sanh, gọi là Thất Thú. Những kẻ học Tiên ở đời, vạn chặng được một. Ví dù có được đi nữa thì cũng chặng tránh khỏi vòng luân hồi, vì chấp trước vào Hình Thần, chặng thể bỏ đi được. Mà Hình Thần đó lại chỉ là vọng niệm được hiện ra từ trong chân tánh, đều chặng phải là chân thật.

Muốn cầu trường sanh, không gì bằng Tịnh độ. Chặng biết tu pháp này mà lại học Thần Tiên, đó là bỏ ngọc đẹp ở ngay trước mắt mà chuốc lấy hòn cuội không thể kiềm được, há chặng phải là lầm cảm ru !”.

Cư sĩ Hương Sơn (Bạch Cư Dị) đời Đường tặng thơ cho Vương Sơn Nhân, bài thơ viết :

*Nghe bác bót ăn ngũ,
Ngày nghe Thần Tiên thuyết,
Những đợi bậc phi thường,
Ngầm cầu trường sanh quyết,
Nói trường vốn đối đoán,
Chưa lìa đường sống chét,
Giả sử được trường sanh,
Mới thăng được yêu chét,
Cây thông ngàn năm mục,
Bông bụt một ngày nát,
Rót ráo giống hư không,
Cần gì khoe tué Nguyệt,
Bành thương luồng tự khác,
Sanh tử nào phân biệt !
Chặng thà học Vô sanh,
Vô sanh tức Vô diệt.*

ĐOẠN NGHI SANH TÍN

Chặng tin thì gọi là nghi, đó là nguồn gốc nảy sinh vạn hoặc. Chặng nghi thì gọi là tin, muôn thiện đều từ đấy mà ra.

Tín là lối thông cù để nhập đạo, nghi là chướng ngại lớn cho việc tu hành.

Tín như thuyền thuận gió mà xuôi dòng, thế thì có thể hy vọng tới nơi ngàn dặm. Nghi như sóng dồi nước xoáy, thế thì cả buồm vẫn lẩn quẩn ở trong.

Cho nên kinh nói rằng : Bậc Y vương có thể chữa được mọi thứ bệnh, chứ không thể chữa được người mệnh tận.

Phật có thể độ được hết thảy chúng sanh, chứ chẳng thể độ được hết thảy người chẳng tin.

Cho nên biết rằng, việc học đạo lấy đức tin làm đầu, như đất mầu ruộng tốt, ngũ cốc trồng ở đó át sê sinh trưởng tốt tươi.

Người thế gian chẳng tin, sự nghi ngại của họ có ba điều :

1) Ngoài trời đất, nhật nguyệt này, làm sao lại còn có trời đất, nhật nguyệt khác ?

2) Người chết hình hoại khí tan, làm sao mà Thần lại có sự thăng trầm sướng khổ ?

3) Chẳng tin người làm sao có thể thành Phật được?

Vì cho rằng đó là những điều mà mắt ta chẳng tới được, nên ngờ mà chẳng tin. Cũng ví như người ở sóc Bắc chẳng tin là có thuyền muôn hộc mà lái buôn vẫn hằng sử dụng, người ở Giang Nam chẳng tin là có lèu ngàn người mà người Hồ hằng ngày vẫn ăn ở trong đó.

Người thường chẳng tin có cõi trang nghiêm bằng các thú báu mà các bậc Thánh Nhân vẫn thường chơi, thường ở.

Lẽ nào lại có thể nói rằng : mắt ta chẳng thấy, nên quả thật là không có thứ đó mà được ư ?

Đức Phật có đủ sáu phép thần thông : có Thiên Nhẫn thông, Túc Mạng thông, thấy được rõ ràng thấu suốt hết, mươi phương thế giới không đâu mà không thấy, sáu đường thăng trầm thấy đều biết hết, cho nên dùng Thần đạo mà lập giáo, đem nhân duyên mà chỉ bảo cho người, khiến họ lìa chỗ khổ đến chỗ sướng, tu tâm luyện tính cho tới mức thành Phật.

Phật là Giác (ngộ), tức là tánh chân tâm bản giác của mọi người, chúng sanh mê muội về điều này nên chẳng giác ngộ mà giống như ở trong đêm dài. Bậc Năng Nhân thấu triệt, chứng ngộ bản chân, nên gọi là Đại Giác.

Bùi Tường quốc (Tể tướng Bùi Hữu) nói : “Suốt ngày Viên Giác mà chưa từng Viên Giác, đó là kẻ phàm phu. Đầy đủ Viên Giác mà trụ trì Viên Giác, đó là Như Lai”.

Cho nên Phật Thích Ca thành đạo tại Trung Thiên, thuyết hữu, thuyết không, quán căn mà lập giáo, chặt đứt cội nguồn của sự khổ, chỉ rõ con đường quan trọng để nhập đạo, khiến chúng sanh đi theo con đường của Ta đi. Con đường của Ta đi chẳng phải là lục đạo, chẳng phải là Tam thừa, mà chính là con đường của Như Lai Chánh Giác vậy.

Cho nên tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, thì gọi là Phật. Thế thì bậc Thánh nhân Nho giáo há chẳng làm sáng cái Đức sáng mà đổi mới cho dân đó sao ?

Vương Cử Sĩ Long Thư nói rằng : “Những điều mà họ Thích Ca đem ra ân cần dạy bảo người đời, thấy đều là răn điêu ác, khuyên điêu thiện cả mà nhà Nho ta có bao giờ chẳng răn điêu ác, khuyên điêu thiện đâu ! Đạo lý của hai nhà không hề khác nhau. Chỗ khác nhau chỉ là nhà Nho dùng ở pháp thế gian, mà nhà Phật thì còn có pháp xuất thế gian. Nhà Nho dùng ở pháp thế gian, nên chỉ nói một đời mà quy cho Trời. Nhà Phật còn có pháp xuất thế gian nên biết nhiều

đời mà thấy được gốc ngọn nghiệp duyên của chúng sanh. Đó chính là điều khác nhau vậy”.

Thế thì những điều Phật nói không thể vì chẳng nhìn thấy trước mắt mà chẳng tin. Huống hồ Phật răn người ta không được vọng ngữ, át tự mình chẳng vọng ngữ để dối người. Người thế gian từ hạng trung nhân trở lên, còn chẳng thèm vọng ngữ để đến nỗi mất cả đức hạnh của mình, huống chi là Phật !

Cho nên lời Phật là đáng tin, không có điều gì phải nghi ngờ cả.

Bậc Tiên Hiền nói : “Lời Phật chẳng tin thì còn lời nào đáng tin !”.

Lại nói Thần là Ngã vậy, Hình là nhà của Ngã, Ngã có lúc đi lúc đến, nên nhà ở có thành có hoại. Thế thì sanh chẳng phải là sanh, vì Thần đến thì hình thành mà thôi. Tử chẳng phải là tử, vì Thần đi thì hình hoại mà thôi.

Người đời chẳng thấy cái Thần đó, chỉ nhìn thấy Hình, bèn thích sanh mà ghét tử, há chẳng buồn sao ! Hơn nữa, Thần đến là từ đâu mà đến ? Đó là theo nghiệp duyên mà đến, Thần đi từ đâu mà đi ? Đó là theo nghiệp duyên mà đi.

Nghiệp duyên là cái gì ? Là những thứ mình tạo tác ra, nếu là nghiệp nhân gian thì Thần sẽ theo đó mà sanh ở nhân gian. Những thứ tạo tác ra, nếu là nghiệp trên trời thì Thần sẽ theo đó mà sanh ở trên trời. Nếu tạo nghiệp A-tu-la thì Thần sẽ theo đó mà sanh ở loài A-tu-la. Nếu gây ba nghiệp đường ác thì Thần sẽ theo đó mà sanh ở ba đường ác. Đó là sáu nẻo luân hồi không có kỳ nào ra khỏi.

Thế thì Thần từ vô thi tới nay đầu thai đổi xác, chẳng được ở lâu một chỗ. Sở dĩ như vậy là vì sao ? Là vì nghiệp do ta tạo ra chẳng phải là trường cửu mà bất tận.

Cho nên Thần ở chỗ nghiệp, nghiệp hết thì hình hoại; hình hoại thì thần không có chỗ ở, lại theo nghiệp của ta gây ra đời nay mà đi. Ví như người làm nhà ở, át phải ở trong đó, người làm thức ăn thức uống, át phải hưởng các món đó. Cho nên tạo nghiệp như thế nào, át phải thọ báo như thế ấy.

Đó chính là cái lẽ tự nhiên vậy. Như vậy thì mọi việc làm của ta đời nay, há có thể không thận trọng ư !

(Chú thích : Người thế gian hay chấp rằng Thần diệt theo hình, không có các sự sướng khổ hậu báo. Nên Long Thư mới nói : “Thân có lúc hoại, còn thần thì chẳng diệt mà thôi”. Đó là lời dược ngôn để trị bệnh).

Vì thế chớ nên hiếu làm mà nảy ra tà kiến chấp dược thành bệnh.

BẢN ĐỒ AN LẬP PHÁP GIỚI
QUYỀN THU QNG – phần dưới
Yên Sơn Sa-môn Nhân Triều tập lục
Phật tử Như Thị, Mô hóa trùng san.

Mục lục :

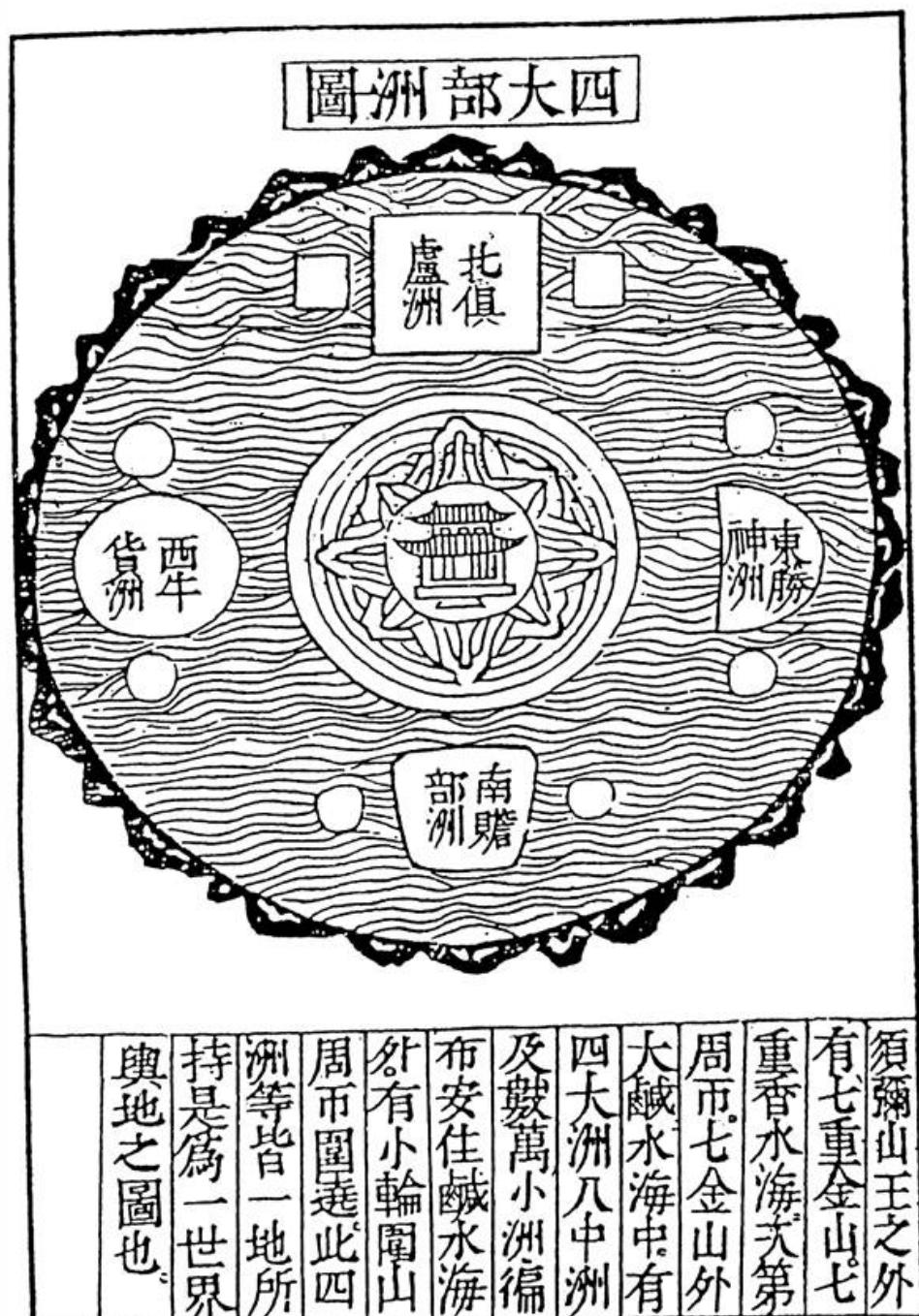
II) Quảng bộ Đại địa :

- 1) Tú Châu đồ
- 2) Tú Châu thuyết
- 3) Nghiệp nhân
- 4) Xả báo tướng
- 5) Sơn Hải đồ
- 6) Sơn Hải thuyết
- 7) Địa - Động - Duyên
- 8) Long vương cung
- 9) Kim Xí Điều
- 10) A-tu-la
- 11) Thiên A-tu-la chiến
- 12) Long Thần thân lượng
- 13) Nghiệp nhân
- 14) Địa ngục danh
- 15) Bát Nhiệt ngục đồ
- 16) Du Tăng ngục đồ
- 17) Khổ Báo tướng
- 18) Bát Hàn ngục đồ
- 19) Tiêu địa ngục
- 20) Xuất địa ngục
- 21) Ác nhân
- 22) Diêm ma vương
- 23) Ngạ quỷ
- 24) Súc sanh

(Nội dung) :
QUẢNG BỘ ĐẠI ĐỊA

(Trên kia tuy đã thuyết minh về một châu, mới chỉ tạm mở mang chút ít nhằm giải quyết những sự bê trê, vẫn chưa hết được đại địa, chẳng biết hải ngoại từ châu Tu-di đều là đại địa cả, nên tiếp theo phần trên lại phải thuyết minh các vấn đề này).

SƠ ĐỒ TỨ ĐẠI BỘ CHÂU



TÚ CHÂU THUYẾT (Thuyết minh về bốn châu) :

- Bốn châu lớn :

Theo kinh Trường A Hàm : Phía Nam núi Tu-di có một cõi thiền hạ gọi là Diêm Phù Đè (đây gọi là Thắng Kim Châu, luận Tần Bà Sa thì gọi là Thiêm Bộ Châu). Cõi đó phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, ngang dọc mỗi chiều 7.000 do-tuần, mặt người giống như địa hình đó. Có cây to tên là Diêm Phù, vòng thân bảy do-tuần, cao 100 do-tuần, cành lá tỏa ra bốn bên tới 50 do-tuần, người thọ 100 tuổi, đẻ ít chết nhiều, người chết yếu giữa chừng nhiều.

Luận A Tỳ Đàm viết rằng : Nam Châu y phục trang sức nhiều loại khác nhau, một đời dục sự vô số, cũng có người tu hành đến chết vô dục.

Kinh Khởi Thế nói : Phía Bắc đại hải có cây Diêm Phù, dưới cây có đống vàng Diêm Phù Na Đàm cao 20 do-tuần.

(Do loại vàng tốt này xuất hiện ở dưới cây, bèn lấy tên loại vàng đó để đặt tên cây, tên châu).

Luận Thuận Chánh Lý nói : có hai châu vừa (trung châu).

1) Già Mạt La (luận Tần Bà Sa nói : đó là chỗ La sát ở).

2) Phật La Già La, đều có người ở (Tục Thư Luy trùng lục nói về hình người các nước khác nhau, có thể là các châu nhỏ ở trong biển chăng ?).

Kinh Trường A Hàm nói rằng : Phía Đông núi Tu-di có cõi thiền hạ, gọi là Phát Vu Đãi (đây gọi là Thắng Thân, Sách Lập thế gọi là Phát Bàn Đè). Cõi này phía Đông hẹp, phía Tây rộng như hình bán nguyệt, ngang dọc 9.000 do-tuần, mặt người cũng giống như vậy; có cây rất lớn gọi là Già Lam Phù, vòng thân bảy do-tuần, cành lá tỏa ra bốn bên 50 do-tuần, cao 100 do-tuần, người thọ 200 tuổi. (Kinh Lâu Thán nói là 300). Ăn cơm cá thịt, dùng thóc lúa châu ngọc để mua bán đổi chác, có lễ cưới xin.

(Sách A Tỳ Đàm nói : Đông Phát Ba Đè). Người nhiều dục, một đời kể tới sáu bảy lần, cũng có người tu hành đến chết vô dục. Ăn cá thịt tự chết, chẳng sát sanh, tóc cắt phía trước, để xõa phía sau, mặc quần vát xong, quần vải làm áo.

Luận Chánh Lý nói : Có châu vừa : một là Đè Hà, hai là Tì Đè Ha, đều có người ở.

Kinh Trường A Hàm nói : Phía Tây núi Tu-di có một cõi thiền hạ gọi là Câu Da Ni (ở đây gọi là Ngưu Hóa, luận Bà Sa gọi là Cù Đà Ni). Cõi này hình như vàng trăng tròn, mặt người cũng giống như thế, ngang dọc 8.000 do-tuần, có cây đại thụ gọi là cây Cân Đè, vòng thân bảy do-tuần, cao 100 do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía 50 do-tuần, người thọ 300 tuổi, dùng trâu ngựa, châu ngọc để cùng nhau trao đổi mua bán ở chợ búa.

- Sách A Tỳ Đàm nói : cõi đó ăn thịt sát sanh, người chết đốt xác hoặc thả xuống nước, chôn dưới đất, tục cưới xin như Nam Châu. Người nhiều dục (một đời) tới 10 hay 12 lần (lấy vợ, lấy chồng). Cũng có người vô dục, trang sức đều bỏ xõa tóc, trên dưới mặc áo, mặc quần.

- Luận Thuận Chánh Lý viết : có hai châu vừa : Một là Xá Đệ, hai là Đát Lý Noa, đều có người ở.

- Luận Khởi Thế nói : dưới cây Cân Đè có một con trâu đá cao một do-tuần, vì thế mà đặt tên là Cù Đà Ni và lấy tên đó làm tên châu.

Kinh Trường A Hàm nói : phía Bắc núi Tu-di có một cõi thiên hạ gọi là Uất Đan Việt (ở đây gọi là Tối Thắng, luận Bà Sa gọi là Câu Lư Châu). Châu này hình vuông, mặt người giống như thế, ngang dọc một vạn do-tuần, có cây chúa tên gọi là cây Am Bà La, vòng thân bảy do-tuần, cao 100 do-tuần, cành lá tỏa ra bốn bên 50 do-tuần, người thọ 1.000 tuổi, không có chợ búa mua bán, cứ duy trì sinh hoạt mà sống, không có ngã - ngã sở; các núi, ao tắm, hoa quả xum xuê, chim chóc hòa vang, bốn mặt có bốn sông lớn, từ ao A Nậu Đạt chảy ra, không có hố rãnh, gai góc, ruồi muỗi trùng độc, gạo tẻ mọc tự nhiên (tự sinh), các món ăn đầy đủ, dùng ma-ni Diệm Quang đặt ở dưới nồi vạc tự nhiên nấu cơm chín thì ánh Diệm Quang tắt.

Có cây tự uốn thân, lá nó kín dày, trời mưa không dột, nam nữ ngủ ở dưới đó, cây thơm quả chín tự nhiên tách ra thấy đủ mọi loại áo quần, hoặc là đồ ăn thức dùng. Trong sông có thuyền báu chờ người vui vầy trong đó; khi xuống sông tắm, họ cởi quần áo để trên bờ, rồi ngồi thuyền sang qua sông, gấp quần áo liền mặc, chẳng tìm quần áo cũ, tới cây hương thụ vui vầy, họa đàn rồi đi; họ không có bệnh tật, hình mạo giống nhau, màu tóc đen xanh, đê ngang mày thì thôi. Lúc người nào khởi dục tâm thì nhìn chằm chằm vào người nữ, người nữ đó theo vào vườn trong rừng. Nếu người nữ đó là hàng thân thích nội ngoại của cha mẹ thì chẳng nên hành dục, mà cây chẳng rủ bóng xuống, nam nữ đều tự giải tán mà đi; nếu chẳng phải là người thân như vậy thì cây tự cong uốn che cho thân thể của họ để họ tùy ý vui vầy, một ngày, bảy ngày mới bỏ đi; có thai bảy tám ngày thì sanh, tùy sanh trai hay gái đều mang đê ở ngã tư đường, người đi đường chia ngón tay ra, đúra trẻ ngậm mút ra sữa đầy khắp cả người. Qua bảy ngày rồi, đúra trẻ đó to lớn, nam đi theo đám nam, nữ đi theo đám nữ, lúc chết chẳng khóc (vì tuổi thọ của người ở đây nhất định đều đủ 1.000 tuổi, nên chết thì không điếu). Người chết được trang sức rồi đặt ở ngã tư đường, có loại chim gọi là chim Ưu Úy Thiền Già tha đi đặt ở nơi khác (Lập Thế nói rằng : chim đó tha thi hài đến chỗ bên ngoài núi mà ăn. Kinh Khởi Thế nói rằng : người ở đây chết thì có loài chim tha tóc của người đó đặt ở thế giới phương khác).

Đất ở đây mềm mại, bập bênh theo bước chân đi. Lúc đại tiểu tiện, đất tự nứt ra, xong thì đất tự khép lại. Đây chính là chỗ tốt lành, những người trong đời trước đã tu hành mười điều thiện mới được sanh ở châu này, mạng chung sẽ được vãng sanh lên cõi trời.

Sách A Tỳ Đàm nói : người ở đây, ai đa dục thì một đời đến bốn năm lần, cũng có người vô dục.

Sách Thuận Chánh Lý viết : có hai châu vừa : một là Cù Lạp Bà, hai là Kiều Lạp Bà, đều có người ở.

Kinh Khởi Thế nói : người Nam Châu thân cao ba trâu rưỡi, người ở các châu Đông Tây cao cũng như thế (trâu lượng ít), người Bắc Châu cao bảy trâu.

Sách A Tỳ Đàm nói : người Nam Châu thân cao ba trửu rưỡi hoặc bốn trửu, người Đông Châu cao tám trửu, người Tây Châu cao 16 trửu, người Bắc Châu cao 32 trửu (mỗi trửu bằng một thước tám tấc của nhà Chu).

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói : người Bắc Châu dù bị núi chắn vẫn nhìn thấu suốt được các thứ ở bên ngoài không hề trở ngại; tai nghe dù gần dù xa, dù to dù nhỏ, đều nghe rõ cả. Người Đông Châu ở trong chỗ tối vẫn nhìn thấy rõ các màu sắc. Nhĩ thức chỗ duyên hết một tầm tên bắn. Người Tây Châu nhẫn thức chỗ duyên núi non tường vách đều không ngăn ngại được; nhẫn thức còn có thể nghe được âm thanh, như loài trăn ở Diêm Phù Đề, trong mắt nghe được âm thanh. Người Cù Đà Ni cũng thế, như cách chướng ngại vẫn nghe rõ các âm thanh, nhìn rõ các sắc tượng, giống y như thế (đây nói về báo thân của ba châu, nên có thể nhìn thấu nghe suốt được).

(Còn người Nam Châu thì cách lớp giấy dán cửa sổ đã chẳng nhìn thấy các vật ở bên ngoài, cách chướng thì chẳng thể nghe thấy tiếng, cho nên chẳng được như thế. Đó là nói chung, chứ nói riêng thì Nam Châu cũng có người thông).

Như Thiền sư Thanh Bẩm đang an tọa thì nghe thấy tiếng kéo gỗ, bèn nói: 'Chó có làm hỏng thềm !'. Thị giả chẳng thấy có ai kéo gỗ, nhìn kỹ thì thấy đàn kiến đang kéo cánh con chuồn chuồn lòn thềm mà bò lên. Đó cũng là nói về chuyện Tĩnh Cực Quang Thông vậy.

Ngài Long Thọ ngủi viên thuốc mà biết được trong dược phẩm đó, thành phần mỗi thứ là bao nhiêu.

Ngài Đồ Trừng cách mấy ngàn dặm nhìn thấy được lửa cháy thành.

Ngài Phạm Tăng đang ngủ nghe tiếng rận gào mà thức giấc.

Người thế tục cũng có kẻ mắt sáng nhìn rõ mây lông mùa thu, tai thính nghe rõ tiếng kiến đánh nhau).

Kinh Lăng Nghiêm nói : A Na Luật Đà không mắt mà nhìn thấy; rồng Bạt Nan Đà không tai mà nghe tò; Thần nữ sông Cảng Già chẳng dùng đến mũi mà ngủi thấy mùi hương; Kiều Phạm Bát Đề lưỡi khác mà biết được vị; Thuần Nhã Da Thần không thân mà biết đụng; Ma Ha Ca Diếp không dùng ý mà vẫn biết.

(Đây đều là những bậc chẳng dùng đến sáu căn mà vẫn biết. Hơn nữa, lại biết được một cách thắc diệu. Hoặc tu mà được, hoặc do quả báo mà được, nhưng nói chung đều nhờ nghiệp duyên. Nếu tịnh được lưu vọng, khôi phục được viên thường thì chân minh thông suốt, sáu căn hổ dụng, tức là trong diệu lại thêm diệu vậy).

Luận Bà Sa nói : bốn châu lớn, tám châu vừa, hình người lùn nhỏ. Lại có 500 châu nhỏ, hoặc loài người ở, hoặc loài phi nhân ở, hoặc có chỗ trống (phi nhân là loài quý, loài này có loại là thai sanh, có loại là hóa sanh, dày dầy khắp nơi).

Kinh Nhân Bồn viết : Diêm Phù có năm điều hơn ba cõi thiền hạ khác, thậm chí hơn cả Tha Hóa (Tự Tại Thiền) :

- 1- Dũng kiện,
- 2- Chánh niệm,

- 3- Là nơi Phật xuất thế,
- 4- Là đất tu nghiệp,
- 5- Là chốn tu hành phạm hạnh.

Chư Thiên và ba cõi thiên hạ khác đều có ba điều hơn cõi Diêm Phù :

- 1- Trường thọ.
- 2- Sắc thắng.
- 3- Địa thắng.

Kinh A Hàm nói : Nam Châu có ba sự thắng :

- 1- Dũng mãnh nhớ dai, năng tạo nghiệp hạnh.
- 2- Siêng tu phạm hạnh.
- 3- Phật xuất thế ở đất đó.

Luận Phân Biệt Công Đức nói : Tôn giả Bà Câu La trường thọ đệ nhất, trong trăm tuổi thọ còn thêm 60 tuổi nữa; ngài A Nan hỏi : ‘Tôn giả trường thọ, sao không sanh ở ba phương khác ?’. Đáp : ‘Chư Phật chẳng sanh ở ba phương khác, vì ở các cõi đó, con người khó giáo hóa. Ở cõi này, chúng sanh lợi căn nhanh nhẹn, cực ác mạnh mẽ, theo đạo chẳng khó. Cho nên chư Phật thời xưa đều sanh ở cõi này.

(So sánh kinh luận thì thấy Nam Châu nếu hơn là hơn về đạo, ba châu khác có hơn là hơn về phước. Song Bắc Châu phước lạc hơn hết, mà kinh lại gọi là khó (giáo hóa) là vì sao ?

Vì tuy có phước lạc dồi dào, tuổi thọ lâu dài, nhưng không có trí tuệ, chẳng thể tăng tu đạo nghiệp; Phật chẳng sanh ở cõi đó, nên chúng nhân chẳng được nghe chánh pháp, mới gọi là khó, tức là một trong tám điều khó (bát nạn) vậy.

Nam Châu có Phật xuất thế, các bậc cẩn khí đại kiệt phàm nhiều đều sanh trong châu này, vì chúng sanh ở đây thọ mệnh ngắn ngủi, bị mọi nỗi khổ bức bách, sợ hãi phát tâm, siêng tu đạo hạnh, có ích cho tương lai nên là hơn hết trong bốn châu vậy.

NHIỆP NHÂN

Tứ Giáo Nghi nói : tại nhân nếu tu hành Ngũ Thường, Ngũ Giới, Trung Phẩm, Thập Thiện thì sẽ được quả báo sanh làm thân người.

(Hoặc lúc làm phước, có chánh - trợ, kính - mạn, hỉ - nộ, chuyên - lược. Nhiều ít khác nhau, nên khi thọ báo cũng có đẳng bậc Trung Biên, sang hèn, đẹp xấu, tinh thô, giàu nghèo khác nhau).

Kinh A Hàm nói : vua Ba Tư Nặc bạch Phật rằng : ‘Bà-la-môn thì lại thác sanh vào tộc tính Bà-la-môn của mình, hay là sanh vào nhà các đẳng cấp Sát-đế-lợi, Bề-xá, Thủ-đà-la ?’. Phật dạy : ‘Sao lại có thể như vậy được ? Phải biết rằng có bốn loại người :

1- Là loại từ chối tối lại vào chối tối : nghĩa là có người sanh ở gia đình thuộc tộc tính thấp hèn như sanh ở nhà Chiên-đàn-la, nhà dân chài, phường săn và ở các gia đình thấp hèn khác, làm các nghề nghiệp thợ thuyền nghèo túng

tiều tụy, lại làm các nghề thấp hèn, thậm chí làm đầy tớ cho người ta sai khiến. Đó gọi là chỗ tối. Ở trong chỗ tối đó, nếu lại làm các điều ác về thân, khẩu, ý thì khi thân hoại mạng chung sẽ phải thác sanh vào chỗ ác. Xả ác, thọ ác, nên gọi là từ chỗ tối lại vào chỗ tối.

2- Là loại từ chỗ tối vào chỗ sáng : có nghĩa là có người thế gian sanh trong gia đình thuộc tộc tính thấp hèn, thậm chí làm các nghề nghiệp hèn kém như làm tông tớ cho người ta sai khiến, đó gọi là chỗ tối. Ở trong chỗ tối đó mà thân, khẩu, ý đều thiện, thì khi mạng chung sẽ được vãng sanh lên cõi trời. Cho nên gọi là từ chỗ tối vào chỗ sáng.

3- Là loại từ chỗ sáng vào chỗ tối : có nghĩa là sanh ở gia đình giàu sang, thông minh sáng láng, đó gọi là chỗ sáng. Ở trong chỗ sáng đó mà thân, khẩu, ý ác thì khi mạng chung sẽ phải sanh vào nẻo ác. Nên gọi là từ chỗ sáng vào chỗ tối.

4- Là loại từ chỗ sáng lại vào chỗ sáng : chỉ những người sanh ở gia đình giàu có sung sướng, đó gọi là chỗ sáng. Ở trong chỗ sáng này mà thân, khẩu, ý thiện thì khi mạng chung sẽ được vãng sanh vào nẻo thiện, thọ thiên hóa sanh, đó gọi là từ chỗ sáng lại vào chỗ sáng.

(1- Sát-lợi : là vương tộc, giòng làm vua

2- Bà-la-môn là Tịnh Chí

3- Bè-xá là lái buôn

4- Thủ-đà-la là nông phu

5- Chiên-đà-la là hạng đồ tệ.

Đó là sự phân biệt quý, tiệm ở Ấn Độ (thời xưa).

Tối (minh) là ác vậy, ác tướng ngu si tối tăm, thì gọi là tối (minh).

Sáng (minh) là thiện, thiện tướng thông minh sáng láng, nên gọi là sáng (minh).

Ba nghiệp ác thì thập ác đủ, sanh ở chỗ ác thì đủ cả ba đường ác.

Ba nghiệp thiện thì đủ thập thiện, sanh ở nẻo thiện thì đủ cả ba đường thiện.

Nói sanh lên cõi trời, là nói lược qua. Có nghĩa là : nhân bao quát cả thiện ác, quả thông suốt tới sáu đường, tất cả đều xuất phát từ đường người).

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt viết : Phật dạy rằng : còn có mười nghiệp hay khiến chúng sanh có thể được quả báo sanh vào nẻo người.

Mười nghiệp đó là những gì ?

1) Chẳng sát sanh,

2) Chẳng trộm cắp,

3) Chẳng tà dâm,

4) Chẳng vọng ngữ,

5) Chẳng ý ngữ,

6) Chẳng lưỡng thiệt,

7) Chẳng ác khẩu,

8) Chẳng tham,

9) Chẳng sân,

10) Chẳng tà kiến.

Trong mười thiện nghiệp đó có chỗ thiếu sót chăng được hoàn toàn, (nhưng) nhờ mươi nghiệp này sẽ được quả báo thác sanh vào nẻo người (đây là thuyết minh về tổng báo).

Thêm nữa, các nghiệp tự mình sát sanh hoặc khuyến khích sai bảo người khác sát sanh thì sẽ bị quả báo phải đoán mạng. Các nghiệp tự mình chăng sát sanh, khuyên người khác chăng sát sanh, thì được quả báo trưởng thọ.

Tự mình trộm cắp, xui người trộm cắp sẽ bị quả báo phải túng thiếu. Tự mình không trộm cắp, khuyên người khác chăng trộm cắp, thì được quả báo giàu có.

Hay đánh đập chúng sanh, nǎo loạn bậc Tôn Hiền thì bị quả báo lăm bệnh tật. Chăng đánh đập chúng sanh, săn sóc người ốm đau, khổ sở thì được quả báo ít bệnh tật. Hiềm thù, gây phiền não cho người khác, chăng kính trọng bậc Tôn trưởng thì bị quả báo xấu xí.

Yêu kính cha mẹ, Hiền Thánh, cúng áo Sa-môn, quét tháp thì được quả báo tướng mạo đoan chánh. Chăng kính cha mẹ, Sa-môn, Sư trưởng, khinh miệt hạ tộc (đăng cấp) thì bị quả báo phải sanh vào tộc tính thấp hèn.

Kính thờ cha mẹ, Sa-môn, Sư trưởng, tuân theo các lời dạy bảo (của các bậc đó) thì được quả báo sanh vào tộc tính bậc thượng.

Chăng học hỏi bậc trí tuệ Đại sư Sa-môn, công khai thuyết rõ ác pháp thì sẽ bị quả bào tà trí. Năng học hỏi bậc trí tuệ Sa-môn, tu tập đa văn thì sẽ được quả báo chánh trí.

Ở chỗ Tam bảo, chỗ người tịnh giới, chăng sanh tâm kính trọng, cúng dường, bố thí, thì sẽ bị quả báo phải sanh ở nơi biên địa.

Đối với Tam bảo, với người tu phạm hạnh, sanh tâm kính trọng, cúng dường bố thí thì được quả báo sanh ở nơi trung tâm của đất nước, gặp Phật nghe pháp (đây nói sơ lược về biệt nhân, muốn biết tường tận thì phải xem toàn kinh).

Kinh Hoa Nghiêm nói rằng : Nghiệp có các tướng, hiện thọ, sanh thọ và hậu thọ.

(Đây tức là ba loại báo : Thọ tức là báo, hiện tác hiện thọ, đó là hiện báo. Nay gây nghiệp đến đời sau thọ, đó là sanh báo. Dời nay gây nghiệp đến đời sau nữa mới thọ, thì gọi là hậu báo. Vì nhân có thứ mạnh, thứ yếu, nên báo cũng có thứ nhanh thứ chậm khác nhau. Người đời chăng biết điều đó, cho là không có báo ứng).

XẢ BÁO TƯỚNG

Người lúc chết, thân tâm mê muội như lúc ngủ không mơ, như lúc chết ngất, ý thức sáng suốt át chăng hiện khởi.

Sáu loại : chuyển - thức, hành - tướng, sở - duyên át chăng thể biết. Tâm có tán loạn đó gọi là sanh tử tâm (tức là Bát thức vậy). Lúc này do nghiệp thiện ác, các phần trên dưới thân thể, chất lạnh dần dần lan toả lên.

Có bài tụng rằng :

*Đánh : Thành, nhẫn : sanh Thiên,
Nhân : tâm, ngã quỷ : phúc,
Bàng sanh : Tất-Cái li,
Địa ngục : Cước bắn xuất.*

(Mắt chẳng nhìn thấy, tai chẳng nghe tiếng, trước hết là không có năm thức, tâm chẳng biết, sáu thức cũng không nốt. Thân còn ám túc là bát thức vẫn còn, bát thức lia thân thì lạnh. Nghiệm chổ cuối cùng vẫn còn nóng là chổ nào, nếu tâm nóng thì sẽ sanh vào đường người. Các chổ khác cũng như lệ này : ý nói có sự thăng trầm là căn cứ vào đó. Người thế tục bảo rằng : thân chết khí tan, ai thọ khổ báo ? Đó là do chẳng biết, chỉ có bát thức mà thôi).

Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ nói : Phật dạy rằng : nếu người nào lúc mạng chung mà biết trước lúc mạng chung, chánh niệm phân minh, tǎm gội mặc quần áo, yên lành mà đi, ánh sáng chiếu thân, thấy Phật tướng hảo, mọi điểm lành đều hiện, thì biết chắc rằng người đó nhất định được vãng sanh tới cõi Tịnh độ.

Nếu người nào niệm Phật giữ giới, nhưng không có tâm tinh tấn, mạng chung cũng không có tướng lành, cũng không có tướng ác, địa phủ chẳng thu, cõi an dưỡng (tức Tây phương Cực lạc) cũng chẳng nạp, như ngủ mà đi, người đó nghi tình chưa đoạn, sanh ở Nghi thành, 500 năm thọ lạc, lại tu thêm tín nguyện thì mới được về cõi Tịnh độ.

Nếu người nào khởi tâm lân mẫn, chánh niệm hiện tiền, đối với của cải châu báu, vợ con tâm không ái luyến, nhẫn sắc thanh tịnh, ngẩng mặt ngâm cười, tướng niệm Thiên cung sẽ đến đón ta, tai nghe Thiên nhạc, mắt thấy Thiên đồng, bỏ báo thân này, nhất định sẽ vãng sanh lên Thiên giới.

Nếu người nào sanh tâm nhu nhuyễn, khởi tâm phuộc đức, thân không bệnh nạn, nhớ tới cha mẹ vợ con, đối với điều thiện điều ác, tâm chẳng rối loạn, tâm vẫn chánh trực, di chúc gia tài, từ biệt mà đi thì người ấy chắc chắn sẽ lại sanh ở cõi người.

Nếu người nào đối với quyền thuộc của mình, mắt nhìn dữ tợn, giơ tay bắt chuồn chuồn, đại tiểu tiện đều chẳng biết, thân thường hôi thối bẩn thiu, hai mắt đỏ ngầu, úp mặt mà nằm, người co quắp nghiêng về bên trái, trăm khớp nhức mỏi, hoặc thấy ác tướng, miệng chẳng nói được, rên rỉ kêu la, oan trái hiện tiền, tâm thức tán loạn, cuồng hoặc điên đảo, người lạnh như băng, chết năm tay lại, thân cứng như đá, người đó mạng chung nhất định vào địa ngục.

Nếu người nào thích liếm môi mình, thân nóng như lửa, thường lo đói khát, thích nói đến chuyện ăn uống, miệng há chẳng ngậm, tham lam luyến tiếc tiền của châu báu, mạng hết khó dứt, mở mắt mà đi, người ấy nhất định đọa vào ngã quỷ.

Nếu người nào thân bị bệnh nặng, như ở chổ mây mù, tâm thần hôn tán, sợ nghe danh Phật, thường hay thích ăn các món máu thịt, chẳng chịu nghe khuyễn hóa, ái luyến vợ con, ngón tay ngón chân co quắp, mồ hôi chảy khắp người, phát ra tiếng khò khè, miệng sùi bọt mép, tướng này hiện tiền thì nhất định đọa vào ngã súc sanh.

(Đoạn này ý nói : người ta lúc mạng chung, tâm có niệm thiện ác, thân có tướng tốt xấu để bói được sẽ thăng trầm ở chốn nào).

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói : Phật bảo ông A Nan : Hết thảy thế gian, sanh tử nối nhau, sanh theo thuận tập, tử theo biến lưu. Lúc sắp mạng chung, chưa bở noãn xúc (cảm giác về hơi ấm), những điều thiện ác trong cả một đời bỗng nhiên cùng hiện lên ngay trong một lúc. Thuần túng túc phi át sanh lên trời; nếu trong phi tâm kiêm cả phước tuệ, cùng với tịnh nguyện thì tự nhiên tâm khai, thấy mười phương Phật, tùy theo bốn nguyện có thể vãng sanh tới mọi cõi Tịnh độ. Tình ít túng nhiều, khinh cử chẳng phải là xa, túc là phi tiên.

Tình túng bằng nhau, chẳng phi chẳng trụy, thì sanh ở cõi người. Túng thì thông minh, tình thì ám độn, tình nhiều túng ít, lưu nhập hoạnh sanh (tức sanh vào loài súc sanh), nặng thì làm loài có lông, nhẹ thì làm loài có cánh.

Bảy tình, ba túng chìm xuống Thủy luân, sanh ở Hỏa Tế, thọ khí lửa mạnh, thân làm ngã quỷ, thường bị lửa đốt, nước cũng hại được, không ăn không uống, trải trăm ngàn kiếp.

Chín tình một túng, xuống động Hỏa Luân, nhẹ thì sanh ở địa ngục Hữu gián, nặng thì sanh ở địa ngục Vô gián.

Thuần tình thì chìm, nhập ngục A Tì, như chìm trong tâm, hủy báng Đại thừa, chê giới cầm của Phật, thuyết pháp dối lừa, tham bội tín thí, lạm hưởng cung kính, ngũ nghịch thập trọng, lại sanh ở ngục A Tì tại khắp mười phương.

(Ở đây căn cứ vào tình, túng nhiều ít mà phân biệt túng thăng trầm;

Tình : chỉ ái nhiễm vọng tình,

Túng : chỉ khát ngưỡng thiện túng).

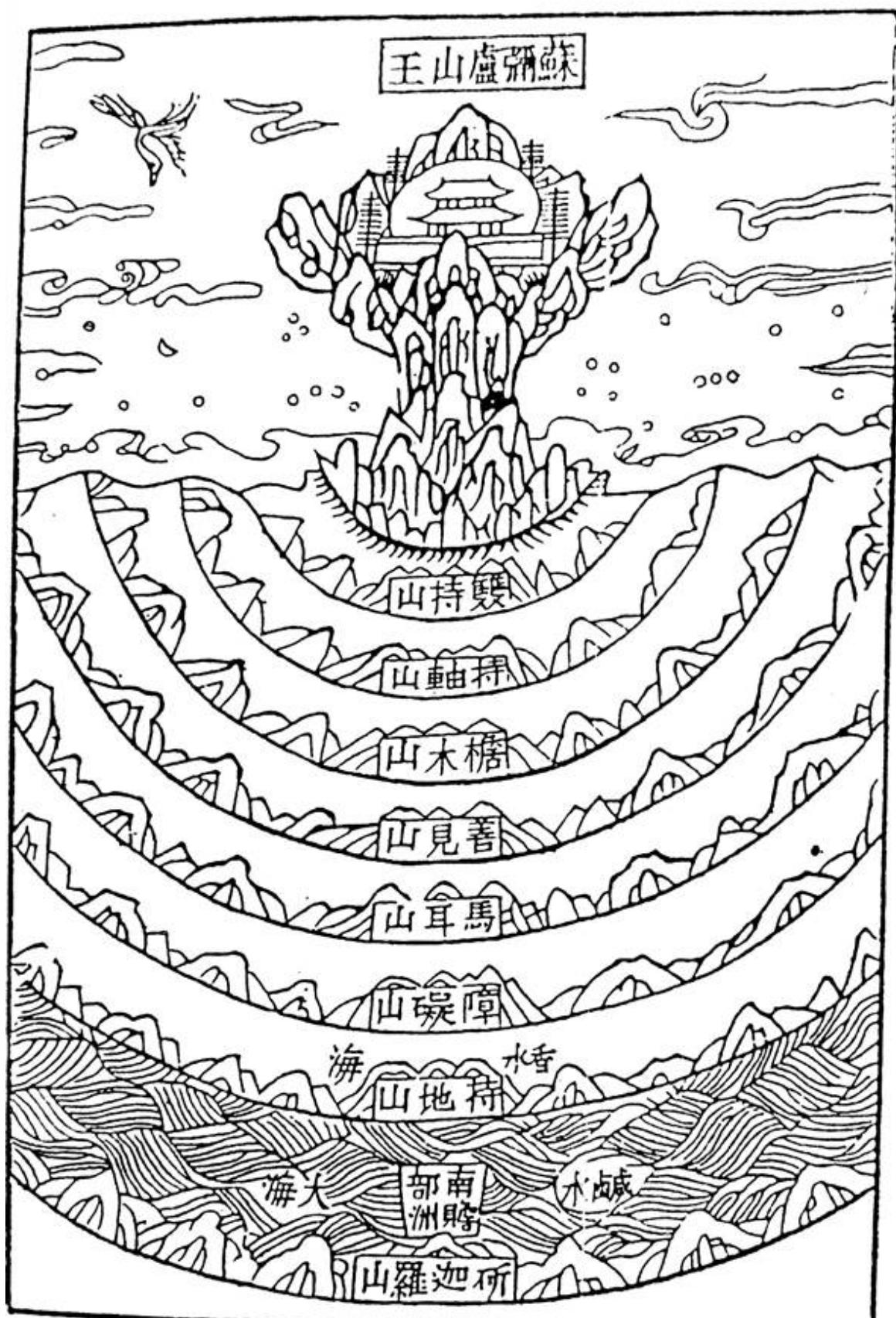
Kinh Hoa Nghiêm viết : ví như có người sắp sửa mạng chung, nhìn thấy túng thọ báo, tùy theo nghiệp của mình.

- Kẻ làm nghiệp ác thì nhìn thấy hết thấy mọi cảnh giới khổ sở ở địa ngục, ngã quỷ, súc sanh, hoặc nhìn thấy Ngục Tốt tay cầm binh khí gậy gộc, giận dữ chửi bới, bắt làm tù mà mang đi, còn nghe thấy tiếng kêu gào buồn thảm, hoặc nhìn thấy đủ mọi thứ sông tro, vạc sôi, núi dao, cây kiếm, bức bách khổ não phải chịu.

- Người làm nghiệp thiện thì nhìn thấy cung điện của hết thấy chư Thiên, vô lượng Thiên chúng, chư thể nữ trời, đủ thứ y phục, đầy đủ trang nghiêm, cung điện, vườn rừng, hết thấy đều đẹp đẽ, thân tuy chưa chết, nhưng do nghiệp lực mà nhìn thấy các sự như vậy.

(Lại như kinh Chánh Pháp Niệm Xứ : Sắp sanh lục đạo có nhiều loại trong thân túng, nên biết).

CỬU SƠN BÁT HẢI ĐÔ



CỬU SƠN BÁT HẢI THUYẾT (Thuyết minh về chín núi, tám biển)

Chín núi, tám biển, căn cứ vào kinh Khởi Thể Nhân Bồn nói rằng :

1- Thứ nhất là núi Tu-di, núi này đáy bằng bặn, ngay ngắn, trụ trên Kim luân, dưới hẹp trên rộng, dần dần phình to. Núi do bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành, trên núi mọc nhiều thứ cây um tùm tươi tốt tỏa hương rất xa. Đó là nơi có nhiều bậc Thánh hiền an trụ, núi cao mươi tám vạn tám ngàn do-tuần, phần nhô lên trên mặt nước cao tám vạn bốn ngàn do-tuần.

(Kinh Trường A Hàm cũng nói như trên, Câu Xá, Lập Thể thì nói rằng : cao rộng mỗi chiều tám vạn do-tuần, bảy núi và núi Thiết vi cứ theo thứ tự, mỗi thứ lại giảm một nửa, đứng cách xa nhau).

Ngoài núi Tu-di có biển Hương thủy, ngang dọc cũng tám vạn bốn ngàn do-tuần (Câu Xá nói : tám vạn do-tuần). Bảy biển cứ l่าน lượt mà giảm một nửa, có hoa Uy Bát La, hoa Bát Đầu Ma, hoa Câu Mân Đà, hoa Bôn Trà Lợi Ca v.v... che khắp trên mặt nước (những biển ở dưới đây cùng núi, cùng do-tuần).

2- Thứ hai là núi Song Trì, cao rộng mỗi chiều bốn vạn hai ngàn do-tuần, biển cũng như thế (Câu Xá : núi cao bốn vạn, biển rộng bốn vạn).

3- Thứ ba là núi Trì Trục, cao rộng mỗi chiều hai vạn một ngàn do-tuần, biển cũng như thế (Câu Xá : núi cao hai vạn, biển cũng hai vạn).

4- Thứ tư là núi Thiêm Mộc, cao rộng đều một vạn hai ngàn do-tuần, biển cũng như thế (Câu Xá : cao rộng đều 5.000 do-tuần, biển cũng như thế).

5- Thứ năm là núi Kiến Thiện, cao rộng mỗi chiều đều 6.000 do-tuần, biển cũng như thế (Câu Xá : cao rộng đều 5.000 do-tuần, biển cũng như thế).

6- Thứ sáu là núi Mã Nhĩ, cao rộng đều 3.000 do-tuần, biển cũng như thế (Câu Xá : cao 2.500 do-tuần, biển cũng như thế).

7- Thứ bảy là núi Chướng ngại, cao rộng 1.200 do-tuần, biển cũng như thế (Câu Xá : cao 1.250 do-tuần, biển cũng như thế).

8- Thứ tám là núi Trì Địa, cao rộng đều 600 do-tuần, biển cũng như thế (Câu Xá : cao 625 do-tuần, biển cũng như thế. Biển thứ tám là Đại Hàm Thủy hải, ngang rộng ba mươi vạn hai ngàn do-tuần, mé chu vi là ba ngàn sáu ức tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm do-tuần).

9- Thứ chín là núi Chước Ca La, cao rộng 300 do-tuần.

(Luận Câu Xá : núi Luân vi cao 312 do-tuần. Luận A Tỳ Đàm : chu vi ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do-tuần, bao Đại Hàm Thủy hải. Hoặc gọi là Tiểu Thiết vi sơn, đó là căn cứ vào nghĩa mà dịch).

Các núi nhập thủy đều tám vạn do-tuần, các biển trụ trên Kim luân đều sâu tám vạn do-tuần.

(Trong kinh luận, số do-tuần của các núi biển hơi có khác nhau chút ít; hơn nữa nếu căn cứ vào luận Câu Xá mà tính toán thì từ trung tâm núi Tu-di ra tới rìa phía Nam của núi này là 40.000 do-tuần. Từ rìa Nam này, cứ theo hướng Nam, vượt bảy Kim Sơn là bảy vạn chín ngàn ba trăm bảy mươi lăm do-tuần, bảy biển số do-tuần cũng như thế. Tổng cộng là 198.750 do-tuần).

Tới bờ Bắc Hàm Hải, từ phía Bắc núi Tu-di trở đi cũng thế.

Nam Bắc thông kính cộng là 397.500 do-tuần, còn từ rìa Nam bảy núi trở về Nam, vượt Hàm Hải đến rìa cực Nam Luân vi lại được 322.312 do-tuần. Từ bảy núi Bắc tới rìa cực Bắc của Luân vi, số do-tuần cũng như Nam, hợp lại thành 644.624 do-tuần.

Nam Bắc thông kính của núi Luân vi tổng cộng có 1.042.124 do-tuần.

Đông Tây thông kính cũng như thế, đó là biên tế của một thế giới.

- Biển lớn vì sao có thủy triều ?

Kinh Hoa Nghiêm nói rằng : nước trong cung điện của Long vương Ta Già La tuôn ra đổ vào biển, nước tuôn ra đó màu sắc như lưu ly xanh. Nước tuôn ra có lúc, cho nên thủy triều ở biển cả, chẳng chêch ngày giờ.

Trăm sông đua nhau đổ vào biển, vì sao mà chẳng tràn ?

Kinh Hoa Nghiêm viết : có bốn báu lớn đặt ở dưới đáy biển, tính cực mãnh nhiệt, uồng hút trăm sông, cho nên biển cả không hề tăng giảm :

1) Nhật Tạng Đại Bảo : ánh sáng chiếu chạm vào nước biển đều biến thành sữa loãng.

2) Ly Nhuận Đại Bảo : ánh sáng chiếu chạm vào sữa loãng đó đều biến thành sữa đặc.

3) Hỏa Diệm Quang Đại Bảo : ánh sáng chiếu vào sữa đặc đó đều biến thành vị tô.

4) Tận Vô Dư Đại Bảo : ánh sáng chiếu vào vị tô đó đều biến thành đê hò; như lửa cháy vậy, thảy đều không còn sót lại.

- Vì sao nước biển lại mặn ?

Kinh Lâu Thán nói có ba nhân duyên :

1) Trong biển có cá lớn, thân dài hai vạn tám ngàn dặm bất tịnh trong đó.

2) Thế giới lúc mới thành, từ trên trời A Ca Ni Cha đổ mưa to tẩy rửa bụi băm cáu ghét trút vào biển.

3) Xưa kia từng có người Tiên niêm chú về biển, cho nên mới thế.

ĐỊA ĐỘNG DUYÊN

Vì nhân duyên gì mà động đất ?

Kinh A Hàm viết : Phật dạy rằng nhân duyên của việc động đất có 8 :

1) Đất ở trên nước, nước dừng trên gió, gió dừng trong không, gió lớn có lúc tự khởi lên thì nước lớn bị nhiễu, nước lớn bị nhiễu thì đất động khắp.

2) Có lúc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni đắc đạo, cùng Đại thần, Tôn Thiền quán thủy tính nhiều, địa tính ít, muốn tự thử sức thì đất động khắp, đó là hai.

3) Nếu Bồ-tát mới từ trời Đâu Suất giáng trần vào mẫu thai, chuyên niệm chẳng loạn. Đất vì thế mà động lớn, đó là ba.

4) Bồ-tát mới từ sườn phải mà sanh ra khỏi thai mẹ, chuyên niệm chẳng loạn thì đất bị động mạnh, đó là bốn.

5) Bồ-tát mới thành Vô Thương Chánh Giác, đất chấn động lớn, đó là năm.

6) Phật mới thành đạo, chuyển pháp luân vô thượng, hoặc ma hay Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, thế nhân đều chẳng thể chuyển được thì đất động khắc, đó là sáu.

7) Phật giáo hóa sắp xong, chuyên niệm chẳng loạn, sắp bỏ thọ mạng thì đất động khắc, đó là bảy.

8) Như Lai lúc vào Niết-bàn Vô dư, mà lúc Bát Niết-bàn, đại địa chấn động, đó là tám.

Kinh Hoa Nghiêm nói : Bồ-tát thuyết pháp, đại địa sáu loại chấn động (theo hai kinh, đất động đều là tốt lành, nếu Tu-la đại chiến đất động là diêm dữ).

Thêm nữa, kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói : Phi pháp Ác Long khởi đại sân khuỷ, chấn động nước lớn, hoặc 100, 200, 300 do-tuần. Đất trụ trên nước, vì nước động nên đại địa cũng động. Thế gian hoặc nói Tai kiêm, Phong lạc, Bình khởi, Thủy hạn v.v... Còn có động đất do nhân duyên khác, dưới đất có trì phong, trì phong động nên đại thủy động, đại thủy động nên khiến đại địa động 50 do-tuần, hoặc 100, hoặc 200 do-tuần tùy theo gió rộng hẹp; thủy động cũng thế, như nước rộng hẹp, đất động cũng thế.

Còn có hai loại động :

- Nếu do nhân duyên thiện mà động thì chúng sanh thịnh vượng sung sướng, không có các sự suy sụp bệnh hoạn.

- Nếu là động do các chúng sanh làm các nhân duyên bất thiện thì chúng sanh có sự bất thiện khởi lên.

Thêm nữa, A-tu-la đánh nhau với trời, đại địa cũng bị chấn động.

LONG VƯƠNG QUỐC (Nước Long vương)

Kinh Lâu Thán nói rằng : dưới nước biển cả ở phía Bắc núi Tu-di có cung điện của Long vương Ta Già La, ngang dọc tám vạn do-tuần, thành báu, bao lớn, vườn rừng ngọc trang súc bằng các thứ báu.

Kinh Hoa Nghiêm nói rằng : trong cung điện của Long vương Ta Kiệt La có bốn hạt bảo châu có thể sanh ra mọi thứ châu báu trong biển. Cung điện của Long vương Thái tử Diêm Phù Tràng, cùng cung điện của 80 ức các đại Long vương như Long vương Đại Phấn Tán v.v... đều khác nhau (long có năm loại là : Xà long, Giao long, Ngư long, Tượng long, Hà Mô long).

Long vương Ta Kiệt La hiện lực đại tự tại, làm lợi ích cho chúng sanh từ bốn cõi thiên hạ cho đến Tha Hóa Thiên, nổi lên đủ mọi sắc mây, phát ra đủ mọi sắc chớp, rung lên đủ mọi thứ tiếng sấm, lại nổi gió mát rồi sau đó mới đổ xuống đủ mọi thứ mưa.

Tuy Long vương đó, tâm thật bình đẳng nhưng vì thiện căn của chúng sanh có sự khác nhau nên mới có sự khác nhau.

Long vương A Na Bà Đạt Đa nổi mây dày kín cõi Diêm Phù Đề, đổ mưa ngọt xuống khắc, hàng trăm thứ lúa mạ mùa màng đều được sinh trưởng, sông ngòi suối ao thảy đều đầy ắp.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói : trong biển cả sâu một vạn do-tuần, có thành gọi là thành Hí Lạc, ngang dọc 4.000 do-tuần, Long vương đầy dẫy ở trong đó. Có hai loại Long vương :

- Một là pháp hành
- Hai là phi pháp hành

Loại một thì hộ thế giới, loại hai thì hoại thế gian.

Chỗ pháp hành ở chảng mưa cát nóng, chỗ phi pháp hành ở thường mưa cát nóng, thiêu đốt cung điện cùng các quyền thuộc.

Nếu người thuận pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường Sa-môn, tu hành chánh pháp, khiến Pháp hành Long vương tăng trưởng đại lực, vì nhân duyên ấy nên giáng mưa nhỏ, ngũ cốc được mùa, sắc hương vị đủ, không bị tai hại, quả trái xum xuê, muôn hoa tươi đẹp, nhật nguyệt sáng trong, uy đức minh tịnh, phuộc đức Long vương, chảng phóng gió độc. Nếu các chúng sanh chảng hành thiện pháp, chảng hiếu với cha mẹ, chảng kính Sa-môn và Bà-la-môn, Ác Long tăng trưởng thế lực, làm thân đại ác, vì ác tâm nên nổi mây mưa ác, gió ác thổi khí pha trộn chất độc vào trong nước, ngũ cốc hư xấu, ăn vào ốm đau khổ sở, khiến người chết yếu. Rồng ác tai độc thay nhau đến làm hại, đó là do Phi pháp Long làm các điều ác vậy.

Kinh Đại Vân Thỉnh Vũ viết : Phật tại cung Long vương thuyết pháp, sai triệu các đại Long vương như : Long vương Đại Vân Luân Cái, Long vương Sa Già La, cùng các Long vương Đại Âm, Đại Thiệt, Bảo Quan, Xà Thân, Thiên Đầu, Xích Nhã, Vân Lôi Hưởng, Diệu Vân Quang, Thiểm Điện Quan, Thùa Đại Vân, Trì Đại Vũ, Trì Đại Phong Luân, tới làm mưa to tưới xuống cõi Diêm Phù Đè.

(Theo Nội Kinh mưa gió sấm chớp đều do Long Thần chủ trì. Ngoại Thư nói rằng : đó là do âm dương khí biến. Âm bọc dương, dương vùng ra mà thành sấm, ép nghiền phát ra ánh sáng thì thành chớp, âm hòa dương thì thành mưa. Thêm nữa, dương hòa âm thì thành mưa móc, âm hòa dương thì thành sương tuyêt.

Đây chỉ mới nói ra được cái duyên, mà chảng biết cái nhân vậy).

CA LÂU LA QUỐC (Nước Ca Lâu La)

Ở đây gọi là Kim Xí Điểu (chim cánh vàng).

Kinh nói rằng : phía Bắc biển lớn có cây to gọi là cây Cư Tra Xa Ma Li, gốc cây chu vi 7 do-tuần, ăn sâu xuống đất 20 do-tuần, thân cây cao 100 do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía tới 50 do-tuần, phía Đông của cây có rồng sanh đẻ bằng trứng, và chim Kim Xí sanh đẻ bằng trứng. Cung điện rộng 600 do-tuần, phía Nam cây có cung điện của rồng sanh bằng thai, và chim Kim Xí sanh bằng thai, phía Tây cây có cung điện của rồng ảm thấp sanh, và chim Kim Xí ảm thấp sanh, phía Bắc cây có cung điện của rồng hóa sanh, và chim Kim Xí hóa sanh.

Chúa của loài chim Kim Xí đó lúc đánh bắt lấy các rồng liền bay lên trên cây nhìn xuống biển cả, rồi dùng hai cánh vỗ quạt vào nước biển cả, nước biển phải rẽ rộng ra đến 1.600 do-tuần, chim bèn mổ lấy các rồng tùy ý mà ăn.

Bốn loài sanh long đều bị chim chúa ăn thịt, chỉ không bắt được Long vương Ta Kiệt La cùng Nan Đà, Ưu Bát Nan Đà, Long vương Đề Đầu Lại Tra, Long vương A Nậu Bà Đạt Đa v.v...

Và trong các rồng có những rồng thợ tam quy, lục trai, bát cẩm cũng đều chẳng thể ăn thịt được.

(Xưa các rồng khổ về nạn chim Kim Xí bèn bạch Phật, Phật liền ban cho tấm áo cà-sa bảo chia ra cho nhau mà đeo. Các rồng nếu được đeo một sợi dây của áo này thì chim Kim Xí chẳng thể ăn thịt được, nhờ thế nỗi khổ ấy mới chấm dứt).

A-TU-LA QUỐC (Nước A-tu-la)

(Đây gọi là Phi Thiên, đó là loài phuộc lực ngang với Thiên, nhưng không có thiên đức vì còn nhiều sân, mạn).

Kinh nói rằng : phía Đông núi Tu-di cách 1.000 do-tuần, dưới biển có chỗ ở, đất nước của Bè Ma Chất Đa La A-tu-la vương, nước biển ở trên, gió đỡ như mây, ngang dọc tám vạn do-tuần, bảy lớp báu cùng vườn được cây báu v.v... Cung thành rộng một vạn do-tuần, trong có cung điện rộng 1.000 do-tuần, cung của các A-tu-la to nhỏ mỗi thứ mỗi khác.

- Phía Nam núi (Tu-di) có cung điện của Dũng Dược A-tu-la vương.
- Phía Tây núi (Tu-di) có cung điện của Xa Bà La A-tu-la vương.
- Phía Bắc núi (Tu-di) có cung điện của La Hầu A-tu-la vương.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói rằng : dưới đất biển cả, có kẻ thù địch của trời gọi là A-tu-la, có hai loại :

1)- Quý đạo nghiệp : Ngạ quý Thiên ma có lực thần thông.

2)- Súc sanh nghiệp : trọ cạnh núi Tu-di, ở dưới đất biển tám vạn bốn ngàn do-tuần.

Có bốn địa :

- Địa thứ nhất hai vạn một ngàn do-tuần, là chỗ ở của La Hầu A-tu-la vương, ở trong dục giới, hóa thân to nhỏ tùy ý, đều có thể làm được. Thành để ở gọi là Quang Minh, ngang dọc 8.000 do-tuần, có vô lượng rùng báu suối chảy, ao tắm, thọ 5.000 tuổi, 500 năm ở nhân gian là một ngày, một đêm ở đó.

- Địa thứ hai ở dưới địa thứ nhất hai vạn một ngàn do-tuần, đó là chỗ ở của Dũng Kiện A-tu-la vương, ngang dọc một vạn ba ngàn do-tuần, thành gọi là Tinh Man, thọ 6.000 tuổi, 600 năm ở nhân gian bằng một ngày, một đêm ở đó.

- Địa thứ ba ở dưới địa thứ hai, hai vạn một ngàn do-tuần, đó là chỗ ở của Hoa Man A-tu-la vương, ngang dọc một vạn ba ngàn do-tuần, thành gọi là Hàm Tì La, ngang dọc 8.000 do-tuần, thọ 7.000 tuổi, 700 năm ở nhân gian bằng một ngày, một đêm ở đó.

- Địa thứ tư ở dưới địa thứ ba, hai vạn một ngàn do-tuần, đó là chỗ ở của Tì Ma Chất Đa La vương, rộng sáu vạn do-tuần, thành gọi là Hàm Tì La rộng 13.000 do-tuần.

(Kinh Lăng Nghiêm nói còn có bốn loại A-tu-la là thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hóa sanh).

TRỜI ĐÁNH NHAU VỚI A-TU-LA

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói rằng : lúc A-tu-la định đánh nhau với trời, trước tiên sai Ác Long làm mưa gió dữ dội, phá hoại trăm thứ lúa mạ của người ở Nam Châu (vì người hành nghiệp thiện, chư Thiên tăng thịnh, cho nên muốn phá hoại đi, như phá hoại gốc cây).

Pháp hành thiện Long vương cưỡi mây đón tiếp khuyên răn.

Thuận Pháp Thiện Long thường hộ trì người thiện, cho nên đến cứu đó. Ác Long không nghe, nên xảy ra đuổi nhau, đánh nhau, hai bên lửa sấm giao chiến. Bấy giờ nhân gian lực thiện nhiều, nên Thiên Long đắc thắng, Ác Long bại thoái, Tu-la lại sai quan quân đến đánh. Lúc này thế gian làm ác nhiều, nên bọn Tu-la thắng, bọn rồng thua chạy, bèn nhờ Dạ-xoa Không hành phi thân vọt lên trên không, để thỉnh Thiên binh (Dạ-xoa có ánh sáng, bay nhanh như sao sa, nên người đời gọi là sao sa, miệng phun ra khói, nên người đời gọi là sao chổi).

Thiên binh lại thắng, Tu-la thua, Tiểu Tu-la vương lại xuất đại quân hợp chiến, Thiên Long chẳng thắng, nên bốn vị Đại thiên vương tung ra bốn bộ đại binh mà đánh. Quân của Tu-la vương chẳng thắng, nên thỉnh Đại Tu-la vương; Đại Tu-la vương tức giận nhảy mình ra khỏi tòa, đại địa lay động, Long vương Nan Đà lấy đuôi quất biển cả, mưa tới tận trời Đao Lợi.

Đé Thích thấy đất động, mây nhiễu, biết Tu-la xâm phạm bờ cõi, sai Tam Thập Nhị Thiên vào rừng Chất Đa La ai nấy giáp trụ kim cương, nai nịt gọn gàng, mỗi người đều cầm dao kiếm kim cương, cung tên, rìu, chạc, cạm bẫy khí giới v.v... để phòng chống Tu-la. Còn Đại Tu-la vương thì xuất lĩnh các Tu-la đông vô số ngàn vạn ở bốn nước, ra khỏi nước biển, ai nấy đều cầm binh khí vượt tầng không mà lên, đánh nhau với bốn vị Thiên vương.

Bốn Thiên vương thấy chúng thế lực rất lớn, liền bay lên đỉnh núi Tu-di tâu với Đé Thích. Bấy giờ Đé Thích bèn cưỡi Tượng Long, sắc cho các Thiên vương triệu tập đại binh từ trên không trung mà xuống, nhưng quân của A-tu-la vương đã tới sườn núi, Đé Thích dùng lời lẽ tử tế để khuyên nhủ y. Y liền mắng rằng : Bắt ngươi ! Trói ngươi ! Thiên vương liền ra lệnh phát binh.

Nhật Thiên Tử đi trước, phóng đại quang minh bắn vào mắt A-tu-la. A-tu-la vương bị mù mắt, chẳng nhìn thấy Thiên chúng, bèn lấy tay ngăn mặt trời (nhân gian cho là nhật thực, nhờ Thiên phước đức lực, mặt trời chẳng thể tồn hại được).

Tu-la vương ra lệnh cho Tu-la ra đánh, thế là hai bên hợp trận, trận đánh diễn ra hùng mạnh nhất, đại chiến ở thế gian cũng không ác liệt hơn được trận này.

Vua đánh nhau với vua, quan đánh nhau với quan, quân đánh nhau với quân, rồng đánh nhau với rồng, cưỡi mây lớn, đánh trống lớn, vận lực thần thông lớn, đánh bằng nhiều cách, hoặc cầm kiếm kích, hoặc cầm giáo mác, hoặc dùng sấm sét chớp nhoáng, hoặc dùng dao luân cung điện, hoặc dùng đá to, có khi dùng cả cây to, đánh bằng nước, đánh bằng mưa lửa, đánh bằng đầm, đánh bằng kêu, đánh bằng huyền thuật, hoặc dùng mưa đao, mưa tên cùng mưa đá núi, hoặc bắt trói lẫn nhau, sát thương lẫn nhau, cho nên có những kẻ mất tai, mất mắt, mất cả chân tay.

Người Trời, các phần thân thể bị tổn thương, rồi lại mọc lại.

Tu-la chân tay bị thương, rụng ra rồi chẳng thể mọc lại, nếu đầu rơi, tim bị thương thì chết.

Người Trời dẫu bị trúng tên xuyên qua người, tên qua rồi lại liền như cũ, nhưng thấy đau đớn, nếu đầu rơi, lung đút thì cũng chết.

Bấy giờ núi Tu-di bị chao đảo, biến cả sô sục, rồng cá ẩn hiện, hoảng hốt múa may. A-tu-la vương hiện lực thần thông có 500 đầu, 500 tay, vác núi lớn 300 do-tuần, chạy xông về phía Thiên chung. Thiên vương dùng tên bắn núi nát ra như cát vụn; Tu-la vương lại lấy núi lớn ném vào Đế Thích; Y La Tượng vương lấy vòi bắt lấy núi rồi ném trả lại Tu-la, khiến hắn bị trúng vào ngực ngã lăn, Thiên vương quát rằng : Loài súc sanh ! Voi trắng sẽ đánh ngươi. Tượng vương hiện lực thần thông hóa làm ngàn đầu, miệng phun ra lửa, hóa làm rất nhiều thân đầy cõi hư không. Đế Thích ra oai, hiện thân có 1.000 đầu, 1.000 tay, cầm chày kim cương, tuôn lửa kim cương, hóa thân vô số, mỗi thân đều cưỡi Tượng vương ra uy rượt đuổi A-tu-la. A-tu-la vương thấy Đế Thích thần biến chật cả cõi hư không, tâm sinh hoảng sợ, bèn thu quân chạy trốn xuống dưới.

32 Thiên cùng bốn Thiên vương, Thần binh úc tải, phi dao như hoa rụng, tên bay như mưa thu cùng nhau truy đánh Tu-la.

Đế Thích thuyết từ tâm, ra lệnh cho các Thần binh lại quay về cõi trời Đao Lợi, cởi giáp trụ thay mặc áo trời.

Đế Thích lên điện các Thiên vương lễ mừng, Đế Thích thuyết pháp răn dạy chư Thiên siêng tu giới Thiện, không được buông lung. Chư Thiên phụng hành, ai nấy đều về bến cung. Y La Tượng vương vui mừng nhảy nhót, vòi tuôn ra hai giòng sông tưới khắp bốn châu, mưa ngọt bảy ngày, trăm thứ lúa mạ mùa màng thảy đều tươi tốt, rồi Tượng vương cũng trở về hang báu.

(Trời và Tu-la đánh nhau, sự thắng bại lên xuống đều có quan hệ với sự thiện ác ở nhân gian, đó là vì sao ? Há chẳng phải là do cảm ứng loài nào theo loài ấy ư ! Sao vậy ? Vì Trời tức là thiện, người mà thiện thì cảm thông với đạo Trời, như lửa thêm củi vào thì lửa càng vượng, cho nên Trời thêm lực mà thắng được Tu-la. Tu-la là ác, người mà ác thì thông với đường ác, như nước thêm dòng thì sóng phải lớn, cho nên Tu-la tăng lực mà thắng Trời. Tính với tính hợp nhau mà không hề trái nghịch, bởi vậy ảnh hưởng khớp nhau, đồng thời chẳng sai, ví như dương toại đối chiếu với mặt trời thì bốc lửa, núi đồng lở thì tiếng chuông ứng theo. Đó cũng là cảm ứng loài nào theo loài ấy vậy. Nên chỉ Trời thắng bại lên xuống tức là người thiện ác tiêu trưởng. Sự thiện ác của con người tăng lên hay mất đi, đó cũng tức là sự thắng bại lên xuống của Trời vậy, cho nên

Trời và người là nhất thể, phàm và Thánh là cùng nguồn. Dẫu sang hèn có sự khác nhau, nhưng lý tánh thì là một mà thôi.

Thế thì núi Thái Sơn cần gì phải đợi thêm vào một năm đất rồi sau mới cao ? Đáp : Người thiện thì phải tăng thêm tính ấy, tăng thêm tính ấy tức là vun thêm gốc ấy, gốc rễ mạnh thì cành lá tự nhiên tươi tốt, còn nếu như phá đi hủy đi, đẽo gốc rễ đó đi thì cành lá chẳng mong nó khô mà nó tự khô vậy.

- Hỏi : Nếu thế thì người quả thiện có ích cho Trời chăng ?

- Đáp : Chẳng phải là ích cho Trời mà ích cho mình vậy.

Cho nên Thiên long hoan hỉ phun mộc ngọt mà tưới cho đất, khiến con người được ăn được thọ vậy. Thế thì quả có phải là chỉ ích cho Trời đâu !

Cho nên cỗ đức nói rằng : thiện đuối theo tâm mà sanh, như hạt châu sanh ra ánh quang minh rồi trở lại chiêu châu thê. Đó là nói về cái lý này chăng ?

- Hỏi : Như vậy thì Trời quả là có ích cho người chăng ?

- Đáp : Chẳng phải là có ích cho người, đó là ích cho mình vậy.

Người hay tăng đạo tiến thiện thì Trời càng sáng sủa, phuộc lạc càng thịnh. Đó quả có phải là chỉ ích cho người đâu ! Cho nên đức Phổ Hiền nói rằng : như cây đại thụ vương, nếu rễ được nước thì cành lá hoa quả hết thảy đều tươi tốt. Dùng nước đại bi mà làm lợi ích cho chúng sanh thì có thể thành tựu hoa quả trí tuệ của các Phật, Bồ-tát; cũng như Thế giáo khéo trị nước thì trước hết làm cho nhân dân yên ổn. Dân yên thì nước vững, nghĩa ấy giống nhau, cho nên trời với người như trong với ngoài cần đến nhau mới thành được. Trời người sở dĩ thành trời người là do đều lấy giới thiện mà làm gốc. Nếu thế gian chẳng thực hành giới thiện thì trời người tồn giảm, Tu-la mạnh thêm, mưa dữ gió to, mùa màng chẳng được thì con người bi làm than, khổ sở. Cho nên kinh Pháp Hoa nói rằng : khi Phật chưa ra đời thì ba đường ác đầy dãy, chư Thiên chúng ít đi, A-tu-la tăng thịnh. Quả đúng là như vậy.

Mong rằng hãy tu giới thiện để hợp với trời, tâm dung hòa mà triệu hòa, mưa phùn gió nhẹ, uống nước suối ngọt, cưỡi lân, cưỡi phượng.

Tu-la thăng thì dữ, trời thăng thì lành, giằng co thì nửa lành; chẳng bằng không có giặc giã thì chẳng đánh nhau mới là đại cát.

THÂN LUỢNG

Kinh A Hàm nói : trong các loài thú lớn, là loài rồng Nan Đà, Bạt Nan Đà có hình thể lớn nhất, quấn quanh núi Tu-di bảy vòng, mà đầu vẫn còn ở trên đỉnh, đuôi thì ở trong biển (hai Long vương này tức là đã bị ngài Mục Kiền Liên Tôn giả hàng phục).

Kinh Bồ tát Xử Thai nói : loài chim lớn nhất chẳng qua là chim Kim Xí, đầu đuôi cách nhau 8.000 do-tuần, cao cũng như thế. Khi nào nó bay thì bay một mạch từ núi Tu-di này sang núi Tu-di kia không nghỉ (Trang Tử nói : lunge chim bằng chẳng biết là đến mấy ngàn dặm, khi nó bay đập nước 3.000 dặm, cánh như đám mây rủ từ trên trời xuống. Đó là hạng nhỏ của chim Kim Xí này vậy, Tục Thư gọi là chim Bằng).

Kinh Hoa Nghiêm nói : khi cõi trời ba mươi ba đánh nhau với A-tu-la, chư Thiên đắc thắng, A-tu-la thua chạy. A-tu-la vương thân hình to lớn tới 700 do-tuần, bốn binh vây quanh đông đến vô số ngàn vạn. A-tu-la vương đã dùng lực huyền thuật làm cho các quân chúng đồng thời chạy vào trong lỗ tơ ngó sen.

Lại có bài kệ rằng :

Như A-tu-la thân biến hóa

Đạp nền kim cương đứng giữa biển

Nước biển rất sâu mới nửa người

Đầu cùng Tu-di đều ngang nhau

(Hóa thân cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, nên biển sâu cũng chỉ mới ngang thắt lưng mà thôi).

Luật Tứ Phân nói rằng : cá lớn Ma Kiệt thân dài 300, 400 do-tuần, con cực lớn tới 700 do-tuần, cho nên kinh nói rằng : mắt như mặt trăng, mặt trời; mũi như núi lớn, miệng như hang đỏ (Tục Thư nói : loài thủy thú lớn không gì bằng rùa Cự Linh, thân hình nó lớn nhất, đầu đội được núi Bồng Lai nhởn nhơ vui đùa ở trong biển. Loại rùa này vẫn chưa bằng cá Ma Kiệt loại nhỏ nhất).

Trong luật kể rằng : ngài Xá Lợi Phất lọc nước mà uống, lọc nhiều lần mà vẫn còn các trùng nhỏ, nên bảy ngày liền không uống, thân hình khô héo tiêu tụy. Phật hỏi vì sao ? Đáp : Phật bắt lọc nước mà uống, con dùng thiền nhẫn quán sát thấy vẫn còn có trùng to hơn là hạt thóc trong chum, hạt cát trong nước, vì bảo hộ sanh mạng của chúng, con không dám uống, nên mới như vậy.

Phật dạy : nếu lấy thiền nhẫn mà quán sát, thì hết thấy nhân dân sẽ không còn ai sinh sống nữa. Từ nay về sau cho phép cứ dùng mắt thịt mà xem thấy nước thanh tịnh là được uống.

(Chúng sanh thọ báo cực nhỏ thì hình thể như hạt bụi nhỏ, mắt phàm chẳng thấy. Cho nên biết rằng nghiệp lực rất huyền bí không thể nghĩ bàn, chẳng phải là thứ mà phàm tình có thể biết được; chỉ có đức Phật là bậc Đại Thánh mới có thể biết hết thấy được, cho nên gọi Như Lai là Chánh Biến Tri).

NGHIỆP NHÂN

Kinh A Hàm viết : những chúng sanh khổ não ấy đều do trước kia tuy thực hành bồ thí lớn nhưng tâm tự cao vượt cả hư không.

Tâm nhiều sân mạn thì phải sanh trong loài chim Kim Xí, vì sân mạn nên phải sanh trong loài súc sanh, vì có phước đức bồ thí nên được làm vua trong loài chim, cung điện trang nghiêm.

Lại nữa, trước kia hay sân khuỷ, tâm quắt quéo chẳng ngay thẳng, thực hành đại bồ thí nhưng thích trêu ghẹo, phạm giới, đấu đá tranh giành, phi báng kinh giới, nên bị đọa vào loài rồng, nhưng do có phước đức bồ thí nên được dùng bảy thứ báu mà làm cung điện.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ viết : lúc còn ở trong loài người, tâm ngu si sân khuỷ, thiêu đốt tăng phong, thôn xóm, thành áp. Người ác như vậy, mạn chung bị đọa địa ngục, thọ vô lượng khổ; từ địa ngục sanh ra, sanh trong loài rồng, thọ thân chúng sanh, bị cát nóng thiêu. Ở thời tiền thân trong hội bồ thí

cúng dường ngoại đạo, thực hành bất tịnh thí, tạp lậu chǎng bèn, đem cơm bồ thí cho kẻ phá giới tạp hạnh, tâm chǎng suy nghĩ đúng đắn. Bố thí như vậy rồi, lúc mạng chung sẽ sanh vào loài A-tu-la, có ba hạng thượng - trung - hạ.

Kinh Nghiệp Báo nói : do ba thứ thân khẩu ý làm các nghiệp ác nhỏ như kiêu mạn, tà mạn v.v... thì sẽ bị quả báo phải làm thân A-tu-la.

Thêm nữa, do ba nhân sân - mạn - nghi mà bị báo làm thân A-tu-la, cũng làm các phước nghiệp, nhưng xiêm nịnh quắt quéo, háo thang nên bị báo làm thân A-tu-la.

Kinh nói : tâm tự cao vượt cả hư không thì bị làm chim, tâm quắt quéo chǎng ngay thang thì bị làm rồng, và ở trong loài người mà sát sanh thì bị đoan mệnh, trộm cắp thì sẽ bị nghèo túng, khinh mạn thì sẽ bị sanh vào giòng họ hèn hạ, cung kính thì sẽ sanh vào giòng họ tôn sang.

Đó chính là đúng như người ta nói : hình ngay thì bóng thang, tiếng hòa thì vang thuận, chưa hề thấy có chuyện hình dáng xấu xí mà soi vào gương lại thấy có vẻ đẹp như hoa ưa nhìn, thân thể thấp ngắn soi xuống nước mà có bóng cao lớn hơn cả mọi người).

ĐỊA NGỤC TỔNG DANH

Địa ngục, tiếng Phạn gọi là Nê Lê Tà, ở đây gọi là Phi Đạo, vì là chỗ thấp hèn nhất trong Dục giới (luận Tỳ Đàm).

Còn gọi là Nại Lạc Ca, ở đây gọi là Ác Nhân, đó chính là chỗ ở của kẻ ác bị tội (theo luận Bà Sa).

Luận Bà Sa nói : dưới châu Thiêm Bộ có đại địa ngục, trên châu cũng có biên địa ngục và độc địa ngục, hoặc ở trong hang, trên núi, hoặc ở giữa đồng trống, trên không trung (trong miếu bên bờ biển).

Ba châu khác chỉ có biên địa ngục, độc địa ngục, không có đại địa ngục.

Có thuyết nói rằng : Bắc châu không có địa ngục, loài hữu tình ở địa ngục, thân hình cũng giống như người, miệng phát ra những tiếng kêu rên đau đớn, thậm chí không thành một lời nào có thể hiểu được !

Địa ngục do đồng sắt làm thành, cũng có thành sắt, cây gươm, sông sôi, lưỡi sắt v.v... các thứ trang nghiêm. Đường ác này có nhiều loại, nói chung lại thì có ba loại lớn : một là Nhiệt, hai là Hàn, ba là Biên.

Nhiệt địa ngục : theo luận Bà Sa : dưới Nam châu tới ngục Vô gián cộng là bốn vạn do-tuần, trên nhọn dưới rộng, giống như hình đồng thó.

Luận Tát Bà Đa : dưới Nam châu có lớp đất bùn dày 500 do-tuần, rồi đến lớp đất sét trắng dày 500 do-tuần, bảy ngục từ ngục Đắng hoạt tới ngục Cực nhiệt cao một vạn chín ngàn do-tuần, mỗi ngục rộng một vạn do-tuần, ngục Vô gián rộng mỗi chiều hai vạn do-tuần.

Kê Pháp Uyển rằng :

Bảy ngục trước rộng 500 do-tuần

Các ngục sau đều 132 vạn dặm

Ngang dọc các thành bằng đồng sắt,

Hữu tình ác nhất sanh ở đó.

*(Sơ thất các khoát ngũ bách tuần
Hậu nhất tam thập nhị vạn lý
Tung quảng chánh đắng đồng thiết thành,
Hữu tình thương ác phẩm sở sanh).*

BÁT NHIỆT ĐỊA NGỤC ĐỒ



Kinh Nhân Bổn viết : bốn châu lớn, ngoài các núi chúa còn có một núi gọi là núi Thiết vi cao 680 vạn do-tuần, ngang dọc cũng thế, do kim cương tạo thành. Ngoài núi này, lại có một lớp núi Đại Thiết vi cao rộng cũng như vậy, giữa hai núi là một vùng cực kỳ đen tối, không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Có tám địa ngục lớn gọi là Hoạt Đại Địa Ngục đẳng.

VÔ GIÁN

Thọ lượng ở các địa ngục :

Theo luận A Tỳ Đàm thì : Đẳng Hoạt thọ 500 tuổi, Hắc Thắng 1.000 tuổi, rồi cứ lần lượt loại sau tăng gấp đôi so với loại trước, tới ngục Viêm Nhiệt thì là 16.000 tuổi. Cực Nhiệt là nửa kiếp. Vô gián là một kiếp.

Luận Câu Xá nói : Đẳng Hoạt, một ngày một đêm bằng 500 năm của Tứ Thiên vương. Lần lượt tới Viêm Nhiệt thì một ngày một đêm bằng một vạn sáu ngàn năm của Tha Hóa Thiên.

Kinh Giáo Lượng Thọ Mạng nói : Đẳng Hoạt, một ngày một đêm bằng một vạn sáu ngàn hai trăm câu-chi năm của cõi người (câu-chi đây là úc số).

Hắc Thắng, một ngày một đêm bằng ba vạn hai ngàn bốn trăm câu-chi năm của thế gian (tăng gấp đôi là hai lần).

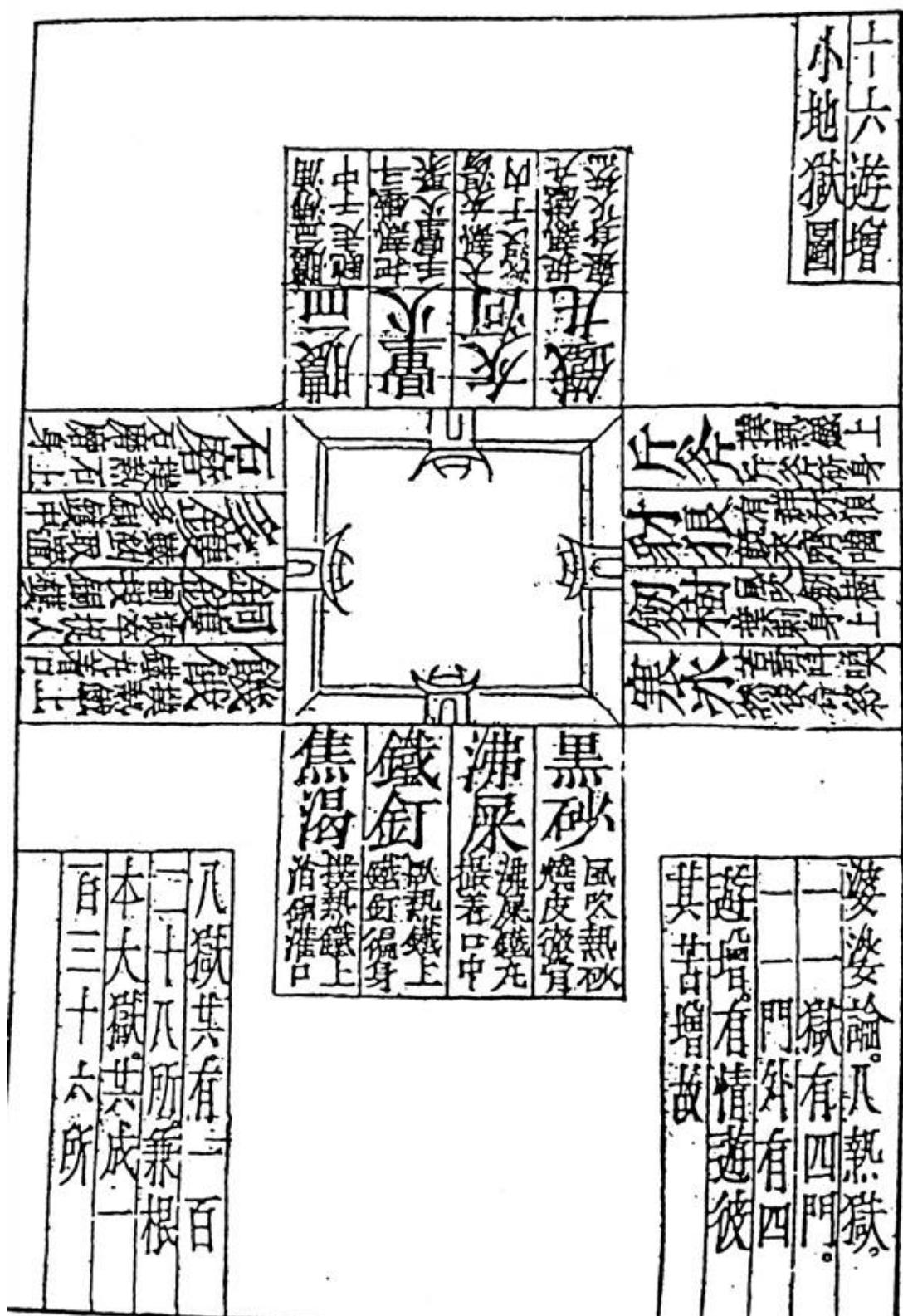
Chung Hợp, một ngày một đêm bằng sáu vạn bốn ngàn tám trăm câu-chi năm của cõi người (tăng gấp đôi nữa thành bốn lần).

Khiếu Hoán, một ngày một đêm bằng mười hai vạn chín ngàn sáu trăm câu-chi năm của cõi người (gấp đôi trên thành tám lần).

Đại Khiếu, một ngày một đêm bằng hai mươi lăm vạn chín ngàn hai trăm câu-chi năm của cõi người.

Diệm Nhiệt, một ngày một đêm bằng năm mươi mốt vạn tám ngàn bốn trăm câu-chi năm của cõi người.

SƠ ĐỒ 16 DU-TĂNG TIỀU ĐỊA NGỤC



Kinh Địa Tạng viết rằng : ở phía Đông cõi Diêm Phù Đề có núi gọi là núi Thiết vi, núi này tối om không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng, có địa ngục lớn gọi là Cực Vô gián, lại có địa ngục gọi là Đại A Tỳ, lại có các ngục Tứ giác, Phi đao, Hỏa tiễn, Giáp Sơn v.v... (hai mươi bốn tên), những địa ngục đó số nhiều vô hạn, hoặc một, hoặc hai, ba, bốn cho đến trăm ngàn. Có các địa ngục ở trong núi Đại Thiết vi, địa ngục lớn có 18 sở, thứ nữa có 500, đều có tên gọi khác nhau.

Ngục Vô gián, thành của ngục này chu vi hơn 8 vạn dặm, làm toàn bằng sắt, cao một vạn dặm, trên thành lửa cháy từng đống, ít có chỗ hở. Trong thành các ngục nối liền nhau mà tên gọi đều khác nhau, trong có một ngục gọi là Ngục Vô gián, chu vi một vạn tám ngàn dặm, tường ngục cao 1.000n dặm, đều làm bằng sắt, lửa ở trên cháy suốt tối dưới, lửa ở dưới cháy suốt lên trên. Rắn sắt, chó sắt phun lửa đuổi nhau ở trên tường ngục.

Trong ngục có giường chật khắc vạn dặm, một người chịu tội, tự thấy thân mình nằm chật cả giường, ngàn vạn người chịu tội, ai nấy đều thấy thân mình nằm chật trên giường, vì cảm ứng bởi nhiều nghiệp, nên bị quả báo như vậy.

THÀNH THẬT LUẬN

Ngũ Vô gián gồm có :

- 1- Thú Quả Vô gián : bỏ thân rồi liền vãng sanh tới đó.
- 2- Khổ Vô gián : trong đó không có sự khoái lạc.
- 3- Thời Vô gián : nhất định phải qua một kiếp.
- 4- Mạng Vô gián : trong đó chịu khổ không dứt.

5- Hình Vô gián : ngục này ngang dọc 8 vạn do-tuần, một người cũng chật ngục, nhiều người cũng chật ngục (nhiều luận nói là hai vạn do-tuần).

KHỔ BÁO TƯỚNG

Tát Bà Đa Bồ nói có tám ngục lớn :

- 1)- Ngục Đắng Hoạt (A Hàm gọi là Tướng) cũng gọi là Cánh Hoạt.

Các tội nhân ở đây, tay chân mọc vuốt sắt, giận giữ nhau, cào cấu bứt thịt, chúng còn cầm kiếm băm vằm đâm chém lẩn nhau, thân nát ở cả đất, chết rồi, gió lạnh thổi vào lại sống lại. Hoặc ngục tốt reo là sống, tội nhân tự tưởng mình sống lại rồi, nên ngục này gọi là Tướng, cũng gọi là Hoạt. Họ bị khổ lâu, đã ra khỏi Tướng Địa Ngục, hoảng hốt chạy tới Hắc Sa Ngục. Sau khi hết khổ ở Hắc Sa, lại đến Phí Thi Ngục, lần lượt cho đến Ngục Hàn Băng là ngục thứ 16. Sau đó mạng chung, do thân khẩu ý gây các nghiệp bất thiện, nên phải đọa vào địa ngục này.

2)- Ngục Hắc Thằng : chỉ dùng giây sắt nóng, trói rồi dựng đứng tội nhân lên mà dùng búa rìu băm vằm cho tan nát, rồi lại dùng cưa mà cưa, hoặc gió thổi giây sắt càng quấn chặt thân tội nhân, xương da xém nát, khổ sở muôn đường,

chịu khổ lâu rồi, ra khỏi ngục Hắc Thăng, thì tới ngục Hắc Sa cho tới ngục Hàn Băng, rồi sau đó mới mạng chung. Những kẻ ác ý đối với cha mẹ, đối với Phật và Thanh văn thì bị đọa vào trong ngục này.

3)- Ngục Chúng Hợp : (Kinh gọi là Phụ Áp) hoặc hai núi kẹp lại đè nát xương thịt, hoặc voi sắt đạp lên thân, hoặc bị giã bằng chày sắt, bị đá lớn đè, máu me chảy đầy mặt đất, nhiều nỗi khổ cùng dồn tới, chịu khổ lâu rồi, ra khỏi ngục Chúng Hợp, sau đó lại đến các ngục như Hắc Sa v.v... (như trên). Do gây ba nghiệp ác nên bị đọa vào ngục này.

4)- Ngục Khiếu Hoán : ngục tốt túm lấy tội nhân ném vào trong vạc sắt, hoặc ném lên trên giáo sắt, kêu la thảm thiết, thọ khổ lâu rồi, ra khỏi ngục Khiếu Hoán, tới 16 ngục nhỏ (như trên). Những kẻ sân khuê, trong bụng thâm độc, gây các tội ác thì bị đọa vào trong ngục này.

5)- Ngục Đại Khiếu Hoán : bắt tội nhân bỏ vào trong vạc sắt và trên ngọn giáo lật đi lật lại mà rán mà quay, nên phải gào thét rõ to, chịu khổ lâu rồi mới được ra (như trên). Những kẻ tà kiến, tạo dị lậu hạnh thì bị đọa vào địa ngục này.

6)- Ngục Viêm Nhiệt (Kinh A Hàm gọi là Thiêu Chá) : mang tội nhân đặt trên thành sắt, hoặc trên lầu sắt, trong hang sắt rồi đốt cho lửa cháy cả bên trong bên ngoài mà nướng cho cháy nát, tội hết mới được ra (như trên). Kẻ nào đốt nướng chúng sanh thì bị đọa vào trong ngục này.

7)- Ngục Cực Nhiệt (Kinh A Hàm gọi là Đại Thiêu Chá) : Đem tội nhân đặt trên hầm lửa lớn, hoặc dùng chạc sắt mà xiên rồi đem nướng ở trong lửa, tội hết mới được ra (như trên). Do bỗng nghiệp thiện quả, gây các điều ác nên bị đọa vào trong ngục này.

8)- Ngục Vô gián : ngục tốt lột da tội nhân, rồi quấn vào thân tội nhân, dùng bánh xe lửa chà đi xát lại trên người tội nhân, lửa to trong thành sắt cùng đốt, muôn nỗi khổ sở cùng dồn tới, mọi thứ gặp phải đều là ác sắc, ác thanh, ác khứu, ác xúc không giây phút nào ngừng, nên gọi là Vô gián, bị khổ lâu rồi, lần lượt tới ngục Hắc Sa và 16 địa ngục nhỏ (như trên). Do gây những tội nặng (thập ác, ngũ nghịch) thì bị đọa vào trong ngục này.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói rằng : nỗi khổ trong ngục A Tỳ còn gấp hơn ngàn lần bảy ngục lớn trước (A Tỳ ở đây gọi là Vô gián).

Kinh Quán Phật Tam Muội viết : địa ngục A Tỳ ngang dọc 7.000 do-tuần, bảy lớp thành sắt, bảy lớp lưới sắt, có 18 vạc sắt, xung quanh bảy lớp đều là rìu dao, có bốn con chó đồng lớn, 18 ngục tốt 8 đầu, 64 sừng, 64 mắt, có 7 cờ sắt lửa tuôn như sôi.

Nếu có tội nghịch thì lúc mạng chung, chó đồng sẽ hóa làm 18 cỗ xe hình dáng giống như Bảo cái, tất cả ngọn lửa hóa làm ngọc nữ, tội nhân từ xa trông thấy trong lòng hí hửng ưa thích muốn tới, gió đao mổ thân, lạnh quá kêu lên, muốn được lửa sưởi, đặt vào trên xe, liền bị hỏa thiêu. Tội nhân mạng chung, lại ngồi trên xe lửa khoảnh khắc bằng một lần co duỗi cánh tay đã thăng tới ngục A Tỳ, từ vạc trên trở xuống như bánh xe lửa quay đến vạc dưới.

Hóa Diêm La vương lớn tiếng quát bảo rằng : Quân ngu si kia ! Người ở ngục nào ? Lúc người tạo thế, bất hiếu với cha mẹ, tà kiến vô đạo, nơi sanh của

ngươi hiện nay là ngục A Tỳ, khổ lớn như vậy, một ngày một đêm bằng 60 tiểu kiếp ở nhân gian, cứ như vậy họ mạng phải hết một đại kiếp. Kẻ nào đủ cả tội ngũ nghịch thì phải chịu tội năm kiếp.

Lại có những chúng sanh phạm bốn giới cấm trọng, ăn uống của tín thí, phỉ báng, tà kiến, chẳng biết nhân quả, đoạn học Bát Nhã, chê mười phương Phật, lấy trộm vật Tăng kỵ, dâm dật vô đạo. Người đó tội báo, trải tám vạn bốn ngàn đại kiếp lại phải vào tron 18 vạc ở phương Đông như trên, các phương Nam – Tây – Bắc cũng lại như vậy; A Tỳ tức là vô cứu vây.

II)- BÁT HÀN ĐỊA NGỤC ĐÔ



- 1)- Địa ngục Át Phù Đà : rét mướt khổ sở cắt thịt, nỗi mụn rộp nhỏ.
- 2)- Địa ngục Nê Lại Phù Đà : bị gió rét thổi khắp người thành phồng rộp.
- 3)- Địa ngục A Cha Cha : môi bị cứng đờ, không cử động được, mới thành tiếng như vậy.
- 4)- Địa ngục A Ba Ba : lưỡi chẳng động được, lưỡi kêu thành tiếng đó.
- 5)- Địa ngục Âu Hầu Hầu : trong họng khí run thành tiếng như vậy.
- 6)- Địa ngục Uất Ba Ba : máu thịt tách nhỏ như hoa sen xanh.
- 7)- Địa ngục Ba Đầu Ma : thịt nứt toác to như hoa sen đỏ.
- 8)- Địa ngục Phân Đà Lợi : tội nhân toác xương như hoa sen trắng.
- Các ngục 1 và 2 được đặt tên theo thân tướng của tội nhân.
- Các ngục 3, 4, 5 được đặt tên theo thanh tướng của tội nhân.
- Các ngục 6, 7, 8 được đặt tên theo sang tướng của tội nhân (hình tướng vết thương).

Tám ngục này ở dưới núi Thiết vi, ở trong đó phải ngửa lên mà chịu khổ sở vì gió rét cũng buốt.

Luận Tỳ Đàm nói rằng : đức Phật dạy : bên ngoài các thế giới đều có địa ngục lớn đen tối, ánh sáng mặt trời mặt trăng chẳng thể chiếu tới được. Ngoài hai giới của núi Thiết Luân là Hàn địa ngục; có mươi địa ngục lớn, từ ngục số 1 gọi là Át Phù Đà cho tới ngục số 10 gọi là Ba Đầu Ma; vì bị gió lạnh thổi vào người, nên thân bị nứt ra, tiếng nứt nổ thành tiếng lách cách, tai có thể nghe thấy rõ, chỗ hẹp nhất là 8 vạn do-tuần, dưới không có đáy đõ, trên không có mái che, chỗ rộng nhất là 16 vạn do-tuần.

Kinh Tam Pháp Độ nói : tuổi thọ của chúng sanh ở Át Phù Đà, như Kiều Tát La Hộc, đong 20 hộc vùng, có một người đàn ông cứ hết 100 năm lại lấy một hạt, cứ như vậy lấy cho hết số hạt đó (tức là bằng một kiều-tát-la). Hai mươi lần tuổi thọ của Át Phù Đà thì bằng một lần tuổi thọ ở ngục Ni Lại Phù Đà, sau đó cứ lần lượt như thế tính gấp lên.

Trang Thung lục còn viết có 10 địa ngục :

1)- Ngục thứ nhất là Át Phù Đà : (ở đây gọi là Nhục Đoạn, tội nhân bị đong cứng, thịt trên mình bị nứt rụng từng đoạn), thọ bằng 1 bà-ha-vùng (luận Trí Độ : 20 hộc vùng, đong lượng như vậy thì gọi là một bà-ha, nhân gian cứ qua 100 năm, lại lấy đi một hạt, chờ cho lúc lấy hết 20 hộc vùng đó mới được ra khỏi địa ngục này).

2)- Ngục thứ hai là Nê La Phù Đà : (ở đây gọi là Bào Đống, thịt họ cóng nứt rộp lên thành nốt phồng), thọ bằng 2 bà-ha hạt vùng.

3)- Ngục thứ ba là A Hô Hô : (tiếng xuýt xoa vì rét), thọ bằng 4 bà-ha hạt vùng.

4)- Ngục thứ tư là Hô Hô Bà : (tiếng xuýt xoa vì rét), thọ bằng 8 bà-ha hạt vùng.

5)- Ngục thứ năm là A Tra Tra : (tiếng tặc lưỡi vì rét), thọ bằng 16 bà-ha hạt vùng.

6)- Ngục thứ sáu là Tao Càn Đề Ca : (ngọn lửa như sắc hoa), thọ 32 bà-ha hạt vùng.

7)- Ngục thứ bảy là Uưu Bát La : (ngọn lửa như màu hoa sen xanh), thọ 64 bà-ha hạt vừng.

8)- Ngục thứ tám là Câu Ni Đà : (ngọn lửa này giống như hoa), thọ 128 bà-ha hạt vừng.

9)- Ngục thứ chín là Bôn Trà Lý Ca : (ngọn lửa này giống như hoa), thọ bằng 256 bà-ha hạt vừng.

10)- Ngục thứ mười là Ba Đầu Ma : (ngọn lửa giống như hoa), thọ bằng 512 bà-ha hạt vừng (bằng một vạn hai bốn mươi hộc vừng).

Mười ngục trên đây đều làm bằng đồng sắt, mỗi ngục ngang dọc đều 100 do-tuần.

Năm ngục trước đều là các ngục Hàn Băng, năm ngục cuối là các ngục Nhiệt Diệm, càng về trước thì thọ hạn càng ngắn hơn về sau, càng về sau thì khổ não càng gấp bội hơn về trước.

Mỗi ngục đều có 10 địa ngục nhỏ làm quyển thuộc.

III)- TAM BIÊN TIÊU ĐỊA NGỤC (Ba biên tiêu địa ngục)

Kinh Tam Pháp Độ nói rằng :

1- Sơn Gian

2- Thủy Gian

3- Khoáng Dã (đồng trống), thọ biệt nghiệp báo.

Trang Thung lục : địa ngục Cô Độc ở các nơi trong cõi Diêm Phù Đề, hoặc ở nơi đồng trống, ở trong núi hay nơi bờ biển, trong miếu, có tám vạn bốn ngàn tòa, khổ báo thành nhẹ (các địa ngục nhỏ này bị cả nóng lẫn lạnh, khổ nhiều hay ít, thọ dài hay ngắn có sự khác nhau. Loại ở bờ biển thì như loại mà Tăng Hộ nhìn thấy; loại ở trong núi thì như Thái Sơn, Phong Đô; lại như các ngục mà Úc Nhĩ nhìn thấy.

XUẤT ĐỊA NGỤC

Kinh Quán Phật Tam nói : A Tỳ chét rồi sanh trong Hàn Băng, Hàn Băng chét rồi sanh ở chốn Hắc Ám 8.000 vạn năm, mắt chẳng hề trông thấy gì, thọ thân đại trùng lớp uyển chuyển đi bằng bụng, bị cáo sói lôi đi ăn thịt. Sau sinh trong loài súc sanh, 5.000 vạn thân, thọ hình chim muông; sau sanh trong loài người làm kẻ đui điếc câm ngọng, hủi lở, ung thư, nghèo túng thấp hèn trải 500 thân. Lại sanh trong loài ngạ quỷ, gấp bậc Thiện tri thức và Bồ-tát quở trách mới hồi cải, miệng Nam Mô Phật, ca ngợi ân đức của Phật, ít lâu sau liền mạng chung, sanh ở chỗ Tú Thiền, hết lỗi tự trách, phát tâm Bồ-đề.

NGHIỆP NHÂN

Trang Thung lục nói : tội căn bản cực nặng đệ nhất là giết cha mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp chúng, bức gian tịnh ni, làm đổ máu thân Phật, không hề sám hối, phạm tội ngũ nghịch cùng thượng thượng phẩm, thập ác nghiệp thì bị nghiệp cảm phải đọa vào tám địa ngục lớn; thượng trung phẩm thập ác thì sanh trong địa ngục Hàn Băng v.v... thượng hạ phẩm thập ác thì sanh trong tiểu địa ngục Cô Độc.

(Thập ác nói trên đều là tống nhân, lại còn có biệt nhân như hủy báng Hiền Thánh, vọng ngôn ác khẩu, chết nhập địa ngục, bị nước đồng sôi đổ vào miệng, rút lưỡi ra mà cày;

Nấu luộc chúng sanh, bị báo phải đọa địa ngục Thang Hoạch;

Lột cướp quần áo của người, bị báo đọa địa ngục Hàn Băng;

Các biệt nhân như vậy thấy khắp trong các kinh luận, ở đây chép trích lục hết được).

Kinh Na Tiên Tỳ Kheo Vấn Phật nói rằng : lửa nóng ở thế gian chǎng bằng lửa nóng ở ngục Nê Lê, như cầm một hòn đá nhỏ bỏ vào trong lửa thế gian, đến tối vẫn chǎng thể tiêu được, nhưng lấy một tảng đá to cho vào trong ngục Nê Lê thì lập tức tiêu ngay. Người nghiệp ác ở trong đó nhiều năm vẫn chǎng chết, cũng như giao long ăn đá liền tiêu ngay, còn người mang thai thì đứa con đó chǎng tiêu; nghiệp lực thiện ác khiến cho tiêu hay không tiêu. Người gây thiện ác như bóng theo thân, người chết chỉ mất thân xác, như đốt lửa mà đọc sách ban đêm; lửa tắt chữ còn, đốt lửa lên thì lại thành chữ. Đời này gây ra, đời sau sẽ thành.

DIÊM VƯƠNG TRỤ XỨ (Chỗ ở của Diêm Vương)

Kinh Khởi Thế nói : Ngoài hai núi Thiết vi ở phía Nam châu Diêm Phù, có cung điện của Diêm Ma La vương, ngang dọc 6.000 do-tuần, có bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới vàng, bảy lớp hàng cây, vườn hoa, ao hoa, đủ thứ quả ngon, chim chóc hòa vang. Vương vì ác nghiệp, đêm ngày sáu thời tự nhiên có nước đồng đổ nấu chảy ngay ở trước mặt, cung điện liền biến thành sắt, công đức ngũ dục đều mất. Vương nhìn thấy thế rồi sợ hãi chǎng yên, lập tức đi vào trong; bấy giờ có ngục tốt bắt vương đè ra trên đất sắt, đem nước đồng sôi mà đổ vào miệng vương, nước đồng đó mà từ dưới chảy ra. Diêm Vương bèn nghĩ như vậy : “Xưa kia làm ác, nay bị nỗi khổ này; ta nguyện xả thân, thọ sanh ở nhân gian, chánh tín xuất gia ở trong pháp của Như Lai”. Phát ra thiện niệm đó rồi, cung điện lại thành thắt bảo, ngũ dục đầy đủ; các Đại thần đó của Diêm vương cũng lại giống như thế.

Kinh nói rằng : Diêm La vương, xưa là Quốc vương Tỳ Sa đánh nhau với Duy Đà Thủy vương, binh lực chǎng địch nỗi bèn thệ nguyện làm chúa địa

ngục. Bè tôi phò giúp có 18 người, lĩnh trăm vạn chúng cùng thề rằng : sau này sẽ vâng mệnh giúp trị bọn tội nhân này.

Tỳ Sa vương nay là Diêm La vương đó; 18 bè tôi nay là 18 Tiêu vương, còn trăm vạn chúng túc là A-bàng vậy.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói : Diêm Ma La đây nói là Song vương (hai vua), anh trai coi ngục nam, em gái làm chủ ngục nữ.

NGẠ QUÝ

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói : Ngạ quý có hai loài : một loài trụ ở trong loài người, một loài trụ ở trong thế giới ngạ quý.

Loài ngạ quý trụ trong loài người, nếu người đi đêm thì có khi trông thấy.

Loài trụ trong thế giới ngạ quý thì trụ ở dưới cõi Diêm Phù 500 do-tuần, dài ba vạn sáu ngàn do-tuần, cùng các quyền thuộc ngạ quý khác số nhiều vô lượng trụ ở cõi Diêm Phù Đề, có loài ở gần, có loài ở xa, nếu kể sơ qua thì có 36 loại :

Hoạch thân, Châm khâu, Thực thố, Thực phân, Thực khí, Thực thủy, Hi vọng, Thực thoa, Thực man, Thực huyết, Thực pháp, Thực nhục, Thực hương yên, Tật hành, Tứ tiện, Địa hạ, Thần thông, Xí nhiên, Tứ anh nhi thiện, Dục sắc, Hải chữ, Diêm vương Chấp trượng, Vô thực, Thực tiêu nhi, Thực nhân tinh khí, La sát, Thiêu thực, Bất tịnh hạng mạch, Thực phong, Thực hỏa khôi, Thực độc, Khoáng dã, Tủng gian thực nhiệt hôi, Thụ trung trụ, Tứ giao đạo, Sát thân.

Nói qua thì có 36 loài, nói rộng ra thì nhiều vô lượng.

Chúng sanh tâm nặng gây ác, hành nghiệp khác nhau, đủ mọi thứ tâm bốn xén keo kiệt, chẳng thực hành bô thí, do tâm tham nhân duyên phải sanh làm thân ngạ quý.

SÚC SANH

Quán sát các súc sanh thấy chúng loại khác nhau có đến 34 ức, tùy tâm tự tại sanh trong ngũ đạo.

Trong ngũ đạo, chúng loại súc sanh nhiều nhất, đủ mọi tướng mạo, đi đứng ăn uống khác nhau, bay liệng bầy đàn khác nhau, yêu ghét, theo trống, đi lẻ, đi đôi, đi theo, cùng sanh, cùng đạo. Đó gọi là chim bay, muông chạy.

Các loài quạ, thuóc, ngỗng, nhạn, hồng, khác đàn đi riêng, chẳng oán hại nhau. Cáo, chó, cầy v.v... ghen ghét lẩn nhau.

Chim quạ và chim cắt, ngựa và trâu, trăn, rắn, chồn v.v... tàn hại lẩn nhau, hình tướng khác nhau, đi đứng ăn uống mỗi thứ mỗi khác. Quán sát các chúng sanh này bị đủ mọi loại tâm sai khiến, gây đủ mọi thứ nghiệp, nhập vào đủ mọi đường, ăn đủ mọi thứ. Hoặc thọ thân hóa sanh là con tằm, con ngài và các trùng nhỏ. Hoặc thấp sanh làm rùa, ba ba, cá, cua, trai, hến cùng các trùng nhỏ như ruồi, muỗi, chấy, rận.

BẢN ĐỒ AN LẬP PHÁP GIỚI

QUYỀN TRUNG – phần trước Yên Sơn Sa-môn Nhân Triều tập

III)- BIẾN QUAN TAM GIỚI

- 1) Nhật Thiên Cung điện đồ,
- 2) Nguyệt Thiên Cung điện đồ,
- 3) Nhật Nguyệt chiêu dụng,
- 4) Khí hậu hàn thử,
- 5) Tinh Thiên Cung điện đồ,
- 6) Tú Thiên vương Cung đồ,
- 7) Phước Báo hóa sanh,
- 8) Sanh Thiên nghiệp nhân,
- 9) Đao Lợi Thiên Cung đồ,
- 10) Đao Lợi nghiệp nhân,
- 11) Tam Giới an lập đồ,
- 12) Chư Thiên thân thọ,
- 13) Chư Thiên nghiệp nhân,
- 14) Chư Thiên quang minh,
- 15) Âm Thực tinh thô,
- 16) Tam Giới Cửu Địa,
- 17) Luận chư Thiên chủ,
- 18) Tú Thiên Tú Địa,
- 19) Thiên hữu Thánh phàm,
- 20) Tam Giới tổng biệt,
- 21) Ngũ suy thoái tướng,
- 22) Tâm sanh Lục đạo đồ.

THÍCH TÔNG ĐỀ (Giải thích về đầu đề chung)

Cánh mà ta quán sát trước mắt, khắp trong núi Tiêu Luân vi cho tới núi Tu-di thấy đều thuộc về đất. Biết dưới đất rồi, cần quán sát ở trên trời.

Trời có ba cõi là Dục giới, Sắc giới, và Vô Sắc giới. Ba giới này đều là chỗ chúng sanh thọ báo, là căn nhà lớn của vị trưởng giả, trong đó có các con thơ dại của ông ta đang chơi đùa.

Nếu như bị bốn thứ lửa thiêu đốt, có ba loại xe để ở bên ngoài, những đứa con có trí thức lẽ nào lại chẳng xô đẩy nhau mà ra khỏi căn nhà cháy đó!

NHẬT THIÊN TỬ CUNG ĐIỆN



Kinh Khởi Thế nói rằng : cung điện của Nhật Thiên Tử làm bằng vàng, pha lê trên trời; thành quách ngang dọc 51 do-tuần, hình vuông như khu nhà, xa trông tựa như tròn vì có năm loại gió thổi vào xoay chuyển mà đi.

Dùng vàng Diêm Phù Đàn làm xe đẹp cao 16 do-tuần, vuông mỗi chiều 8 do-tuần. Nhật Thiên Tử cùng quyền thuộc ở trong đó hưởng thụ năm thứ dục lạc của trời, Nhật Thiên Tử thọ 500 tuổi, con cháu nối dõi đều cai trị ở nơi đó. Cung điện trụ được đùi một kiếp (hoặc là trung kiếp); ánh quang minh trên thân Nhật

Thiên Tử chiếu vào xe vàng, ánh quang minh của xe vàng chiếu vào cung điện. Ánh quang minh nối tiếp nhau, có 1.000 thứ quang minh, 500 chiếu bên cạnh, 500 chiếu xuống đất.

Nhật cung thường đi chặng nghỉ, sáu tháng đi ở phương Bắc, sáu tháng đi ở phương Nam.

NGUYỆT THIỀN TỬ CUNG ĐIỆN (Cung điện của Nguyệt Thiên Tử)



Nguyệt Thiên Tử, thành quách 50 do-tuần, cung điện làm bằng bạc và lưu ly xanh ở trên trời, cao 16 do-tuần, rộng 8 do-tuần, gió đỡ cho xoay chuyển mà đi. Nguyệt Thiên Tử cùng các Thiên nữ ở trong xe này mà hưởng thụ ngũ dục của trời.

Nguyệt Thiên Tử thọ 500 tuổi, con cháu nối dõi. Cung điện trụ được một kiếp, ánh quang minh ở thân Nguyệt Thiên Tử cùng cung điện tạo thành 1.000 quang minh, 500 chiếu bên cạnh, 500 soi xuống dưới.

Kinh Trường A Hàm nói : tường cung Nhật Thiên mỏng như cánh hoa, được năm thứ gió nâng đỡ. Nhật cung dày 51 do-tuần, chu vi 135 do-tuần. Nguyệt cung dày 50 do-tuần, chu vi kém 3 do-tuần.

Có thuyết nói rằng : trụ 40 kiếp (đây là tiểu kiếp).

NHẬT NGUYỆT CHIẾU DỤNG

Kinh Khởi Thế nói : vì nhân duyên gì mà Nguyệt Thiên Cung (tức mặt trăng) xuất hiện dần dần ? Có ba nhân duyên :

- 1) Tướng lung chuyển ra,
- 2) Chư Thiên áo xanh thường trong nửa tháng ẩn kín ở trong cung đó,
- 3) Nhật Thiên có 60 quang minh che mắt mặt trăng, cách mặt trời dần dần xa nên hiện ra dần dần.

Lại vì nhân duyên gì mà viên tịnh đầy đủ ? Cũng có ba nhân duyên :

- 1) Tướng mặt xoay ra,
- 2) Vào ngày 15, ánh trăng mạnh, che giấu kín chư Thiên áo xanh,
- 3) Nguyệt Cung cách mặt trời xa nhất, ánh mặt trời chẳng che được.

Lại vì nhân duyên gì mà ngày 15 của Hắc Nguyệt (tức là ngày 30 của phương này, ngày cuối cùng của tháng Âm lịch) tất cả đều chẳng hiện ? Lúc này, Nguyệt Cung gần mặt trời nhất, ánh sáng mặt trời che kín (át hết), nên tất cả chẳng hiện.

Vì duyên gì mà gọi là Nguyệt ? Vì từ ngày mùng một của Hắc Nguyệt (tức ngày 16 Âm lịch) trở đi cho đến ngày nguyệt tận, quang minh dần dần giảm bớt (ý nói trăng khuyết dần dần cho đến lúc có đêm không trăng).

Vì duyên có gì mà trong mặt trăng lại có bóng hiện ? Vì châu lớn này có cây Diêm Phù cao to nên bóng hiện ở trên mặt trăng.

Lúc tại Nam châu, mặt trời ở vị trí chính trung (giữa trưa) thì tại Đông châu mặt trời mới lặn, tại Tây châu mặt trời mới mọc, tại Bắc châu đang là nửa đêm (ba châu khác cũng như lệ này).

Thêm nữa, Nam châu gọi là Tây phương, thì Tây châu gọi là Đông phương. Tây châu gọi là Tây phương, thì Bắc châu gọi là Đông phương. Bắc châu gọi là Tây phương, thì Đông châu gọi là Đông phương. Đông châu gọi là Tây phương, thì Nam châu gọi là Đông phương.

Lập Thế nói : nhờ Tăng thượng duyên của nghiệp lực chúng sanh, nên có Phong luân hồi cho Nhật Cung, Nguyệt Cung xoay chuyển không ngừng. Nhật vận hành 180 đường, Nguyệt vận hành 15 đường.

Lại có hai đường : đường trong và đường ngoài.

Mặt trời vận hành hoặc hợp hoặc ly với mặt trăng. Trong mỗi ngày, mặt trời vận hành bốn vạn tám ngàn không trăm tám mươi do-tuần. Nếu là lúc hơi hợp thì mỗi ngày mặt trời che mặt trăng 3 do-tuần và 1/3 do-tuần nữa, cho nên ngày 15 (Hắc Nguyệt) bị mặt trời che, ánh trăng chẳng hiện; nếu là lúc hơi ly, hàng ngày mặt trời vận hành vẫn như trên, thì mặt trời lìa mặt trăng 3 do-tuần và 1/3 do-tuần nữa, cho nên ngày 15 của Bạch Nguyệt là trăng tròn sáng nhất.

Nếu mặt trời vận hành theo sau mặt trăng, Nhật quang chiếu Nguyệt quang, thì Nguyệt quang thô, nên bị chiếu sinh ảnh; ảnh lại tự che, nên nhìn thấy phần sau của trăng chẳng tròn, chính vì sự đó mà dần dần che khuất.

Mặt trời mà vận hành ở đằng trước thì căn cứ vào lệ trên cũng có thể biết được.

Hơn nữa, vòng tròn vận hành của mặt trời nhanh hơn mặt trăng. Sáu tháng mặt trời từ đường trong ra đường ngoài; sáu tháng từ đường ngoài vào đường trong.

Nếu mặt trăng 15 ngày từ trong ra ngoài thì 15 ngày từ ngoài vào trong, như mặt trời vận hành ở đường trong của Nam châu, thì là vận hành đường ngoài của Bắc châu, thì là vận hành đường giữa Đông Tây của hai châu. Lúc này ở Nam châu, ngày dài nhất tới 18 mâu-hưu-đa, đêm ngắn nhất chỉ có 12 mâu-hưu-đa. Bắc châu đêm dài nhất 18 mâu-hưu-đa, ngày ngắn nhất 12 mâu-hưu-đa. Hai châu Đông Tây ngày và đêm bằng nhau, đều 15 mâu-hưu-đa. Ba châu kia cũng như lệ Nam châu, có thể biết được (1 mâu-hưu-đa = 3 khắc, 3 ly, 3 hào, 3 ti, 3 hốt ở phương này, chỉ Trung Quốc).

KHÍ HẬU HÀN THỦ (Khí hậu nóng lạnh)

Kinh Khởi Thế nói : vì duyên có gì mà mùa hè nóng ? Vì lúc Nhật cung suốt sáu tháng vận hành lên phía Bắc thì có mười nhân duyên, vì ánh sáng mặt trời chiếu vào mười loại núi, khiến các núi đó sanh nhiệt.

Lại vì duyên có gì mà rét mướt ? Vì trong thời kỳ sáu tháng Nhật cung vận hành về hướng Nam, có 12 duyên sanh ra lạnh; giữa núi Tu-di và bảy núi đều có biển lớn của bốn châu, ánh mặt trời chiếu vào nước biển đó, nên sanh ra rét mướt.

Lại vì duyên có gì mà có nước sông đó ? Vì có mặt trời nén nóng, vì nóng nén có sự như hơi nướng, vì như hơi nướng nén có sự bốc hơi, vì bốc hơi nén có sự đồ mồ hôi ẩm ướt, vì đồ mồ hôi ẩm ướt nén tất cả trong núi đồ mồ hôi ra nước mà thành các dòng sông.

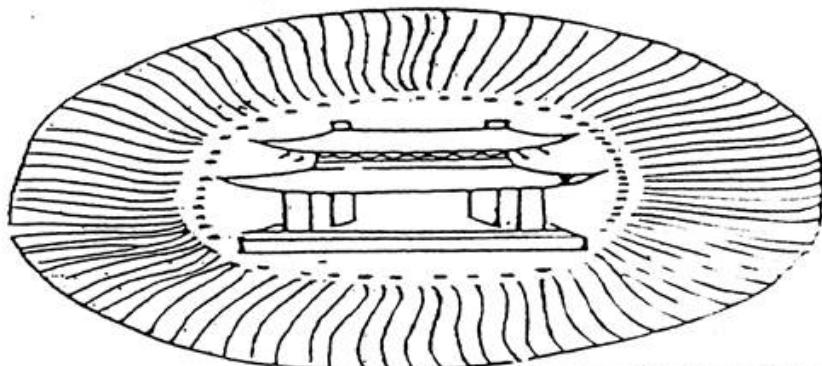
Lập Thế nói : Vì duyên có gì mà mùa đông lạnh, mùa xuân nóng. Còn mùa hè thì vừa lạnh vừa nóng ? Đó là vì lúc mùa đông, thủy giới lên to nhất chưa giảm hết, thời cổ cây bị ngâm nước, do sự ẩm ướt chưa khô héo, địa đại ẩm ướt, hỏa đại hướng xuống dưới, thủy giới dâng lên trên. Vì sao mà biết là

như vậy ? Vì nước sâu ấm nhất, nước nông lạnh nhất. Thời tiết đã tới mặt trời vận hành ở đường ngoài, chiếu rọi thiêu đốt không lâu, cho nên đến mùa đông thì trời lạnh, mùa xuân thì thủy giới lên đã giảm hết, cỏ cây khô héo, đất đã khô ráo nứt nẻ, thủy giới hướng xuống dưới, hỏa giới bốc lên trên. Vì sao mà biết là như vậy ? Vì nước âu thì lạnh, nước nông thì nóng, mùa đông đã qua, mặt trời vận hành ở đường trong soi rọi thiêu đốt lâu; cho nên mùa xuân nóng. Bởi vậy trong ngày 8, đại địa luôn luôn bị rọi soi thiêu đốt, nước mưa đổ xuống, hơi đất nóng ấm bốc lên; nếu gió thổi làm tiêu tan hơi nóng ấm đó thì lạnh, lúc gió chẳng thổi thì nóng, nên mùa hạ có lúc nóng lúc lạnh.

(Thiên Trúc cứ bốn tháng là một mùa, nên chỉ đặt ra ba mùa).

TINH THIÊN TỬ CUNG ĐIỆN

殿宮子天星



大集經。過去婆伽婆。僊分布星宿。攝護國土。養育眾生。各有所主。東方角亢氐房心尾箕。北方斗牛女虛危室壁。西方奎婁胃昴。西方參南井鬼柳星張翼軫。

Kinh Đại Tập nói : xưa kia, Bà Già Bà Tiên phân bố tinh tú, nhiếp hộ các nước, dưỡng dục chúng sanh, các vì tinh tú đó đều làm chủ ở các nơi.

Phương Đông có các sao Giốc, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ.

Phương Bắc có các sao Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất Bích.

Phương Tây có các sao Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm.

Phương Nam có các sao Tinh, Quý, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn.

(Bốn Kinh và Khổng Tước nói giống nhau).

Kinh Tiêu Tai nói : có Cửu Chấp Đại thiên, 28 tinh tú, 12 Cung Thần.

Kinh Lăng Nghiêm nói : có tám vạn bốn ngàn tai biến ác tinh.

Văn Cú nói : Tỳ Sa Môn là chủ của tinh tú.

Hình lượng chư tinh, theo kinh Lâu Thán : sao lớn chu vi 720 dặm, sao vừa 480 dặm, sao nhỏ 120 dặm. Sao là cung điện nhà cửa của chư Thiên.

Luận Du Già nói : sao lớn 18 câu-lư-xá, sao vừa 10 câu-lư-xá, sao nhỏ 4 câu-lư-xá (1 câu-lư-xá = 6 dặm).

Kinh A Hàm nói : sao lớn một do-tuần, sao nhỏ 300 bộ.

Tinh cung nhỏ nhất đường kính bằng nửa câu-lư-xá, chu vi bằng 1 câu-lư-xá; sao lớn đường kính là 16 do-tuần, chu vi là 48 do-tuần (số dặm nhiều ít khác nhau, có thể là do truyền văn ghi chép khác nhau, không nhất định cứ phải khớp với nhau).

Bàn Sư Thuật nói : nếu căn cứ vào Nội Kinh thì các sao đều là nhà cửa cung điện của chư Thiên, trong đó có chư Thiên ở. Do quả báo mà ánh quang minh của phước lực hiển hiện ra, còn Tục Thư thì nói rằng : Thiên là tinh khí, Nhật là dương tinh, Nguyệt là âm tinh, Tinh tú là tinh của vạn vật, Tinh tú mà rời thì thành đá.

Vật lớn ở xa không phải là thứ có thể dùng cách đo đạc tầm thường mà biết được. Cho nên không thứ gì khiến con người ta khó mà biết được bằng trời.

Sao nếu là đá thì không thể có ánh sáng, tính của đá lại nặng nề, vậy thì chẳng buộc vào đâu?

Đường kính của một ngôi sao, nếu là sao lớn thì đến hàng trăm dặm, đầu đuôi một chòm sao cách nhau hàng mấy vạn dặm. Hàng mấy vạn số có đường kính hàng trăm dặm nối liền với nhau, rộng hẹp ngang dọc thường không co giãn. Hơn nữa, sao - mặt trời - mặt trăng - ánh sáng đều có màu sắc như nhau mà thôi. Chỉ có điều là to nhỏ khác nhau; như vậy thì mặt trời, mặt trăng chẳng lẽ cũng là đá ư ?

Đá rắn chắc như thế thì làm sao mà chúa được qua, thô (chỉ truyền thuyết Kim Ô - Ngọc thô là mặt trời, mặt trăng).

Đá ở trong khí thì làm sao mà một mình có thể vận hành được ?

Có người bảo rằng : mặt trời, mặt trăng, các vì sao đều là khí, nhưng thể của khí thì nhẹ nổi, át hòa hợp với trời, xoay vần chuyển động trong đó, nhanh chậm di động không đều, lẽ nào khí lại rơi xuống và rỗng nhiên thành đá được.

Xưa kia, tại một huyện nọ ở Sơn Tây, lúc mưa to sấm lớn, trong không trung có đá rơi xuống đất hình dáng như thớt cối đá, mọi người chẳng biết duyên cớ vì sao. Sau có vị Hồ tăng nói : đó là thức ăn của rồng, rồng tranh ăn

nên bị vãi xuống, vì rồng lấy đá làm thức ăn. Đại phàm là đá từ trên không trung rơi xuống đều giống như thế cả.

Kinh Quyển Sách nói rằng : Nhật Thiên tử, Nguyệt Thiên tử, Nhị Thập Bát Tú Thiên, Thất Diệu Tinh Thiên, đủ thứ áo quần, đầy đủ trang nghiêm, ngồi Bán Già Phu.

Lưng chừng núi Tu-di là nơi ở của Tứ Thiên vương.

(Kinh Nhân Bổn, luận Trí Độ nói : rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần; Luận Tỳ Đàm, luận Câu Xá nói : rộng bốn vạn do-tuần).

Phương Đông có thành tên là Thượng Hiền,

Phương Nam có thành tên là Thiện Kiến,

Phương Tây có thành tên là Chu La,

Phương Bắc có thành tên là Thiên Kính.

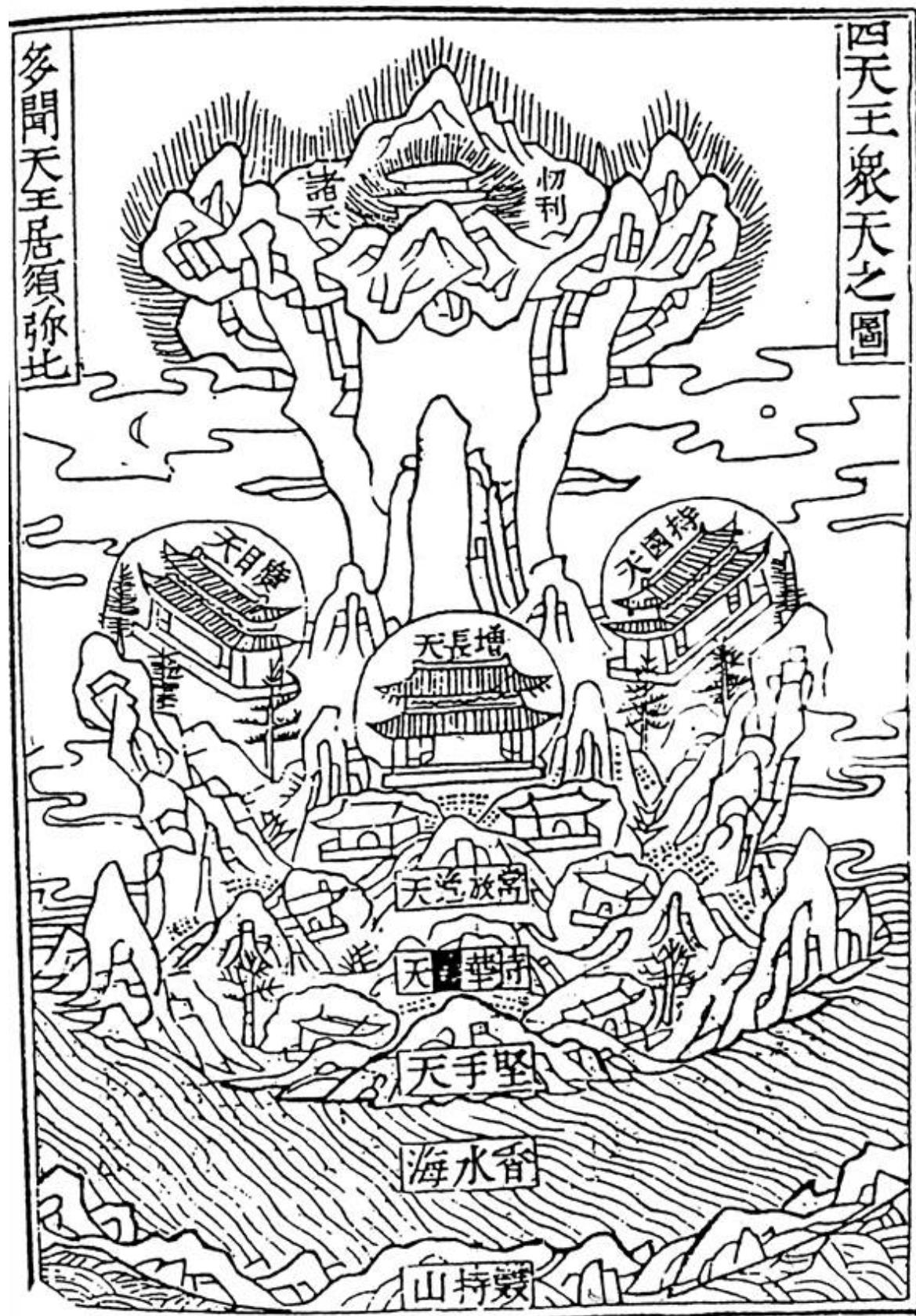
(Kinh Trường A Hàm, luận Trí Độ cũng nói như trên).

ĐÔNG PHƯƠNG TRỊ QUỐC THIÊN VƯƠNG

(Phần nhiều gọi là Trì Quốc, kinh Hoa Nghiêm gọi là Đề Đầu Lại Tra), đốc lĩnh loài Càn-thát-bà, loài Tì-xá-xà bảo vệ cho người ở Đông châu (Càn-thát-bà ở đây gọi là Tâm hương hành, là Nhạc thần của Đề Thích.

Tì-xá-xà, Hán dịch nghĩa là Hám-tinh-khí-quỷ (quỷ hút tinh khí), luận Trí Độ gọi là Phú-đan-na).

TÚ THIÊN VƯƠNG CHÚNG ĐÒ



NAM PHƯƠNG TĂNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

(Khiến thiện căn tự tha tăng trưởng, nên gọi tên như vậy, kinh Hoa Nghiêm gọi là Tỳ Lưu Lặc Xoa), đốc lĩnh các loài Curu-bàn-trà, Tiết-lệ-đa bảo hộ cho người Nam châu (Curu-bàn-trà ở đây gọi là Yếm mị quỷ, Tiết-lệ-đa ở đây gọi là Tối sơ ngạ quỷ).

TÂY PHƯƠNG TẠP NGỮ THIÊN VƯƠNG

Đốc lĩnh loài rồng và loài Phú-đan-na, bảo hộ cho người Tây châu (kinh Khổng Tước gọi là Quảng Mục, chuyên coi về việc trùng trị kẻ ác khiến chúng bị khô mà phát tâm. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Tỳ Lưu Bác Xoa, Phú-đan-na tức là Xú ngạ quỷ, luận Trí Độ gọi là Tì-xá-xà).

BẮC PHƯƠNG ĐA VĂN THIÊN VƯƠNG

(Gọi tên như vậy, vì tiếng đồn về phước đức vang khắp bốn phương. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Tỳ Sa Môn), đốc lĩnh bọn Dạ xoa, La sát bảo hộ người Bắc châu.

(Dạ xoa ở đây gọi là Tiệp tật quỷ, vì có khả năng truyền bá nhanh chóng; La sát ở đây gọi là Bạo ác, kinh A Hàm nói là giống quỷ ăn thịt người).

Tú Thiên vương có 28 bộ Quỷ thần (Kim Quang Minh), giá thú hành dục giống như nhân gian (kinh A Hàm).

Tú Thiên vương mỗi vị có 91 người con; có đại uy lực thì gọi là Đế, có khả năng bảo hộ được mười phương (kinh Đại Cát Nghĩa).

Tất cả núi, rừng cây, đất đai, thành quách, tất cả Quỷ thần đều thuộc quyền cai quản của Tú Thiên vương (luận Trí Độ).

Mỗi vị Thiên vương có 8 vị Tướng quân, tổng cộng là 32 Tướng đi khắp bốn cõi thiên hạ mà hộ trì người xuất gia. Trong 32 Tướng đó, Vị Tướng quân là người tích cực ủng hộ cho việc hoằng pháp nhất. Tỳ-kheo nào đạo lực yếu ớt, bị quỷ mê hoặc, Tướng quân đều xót thương lập tức chạy tới ứng cơ tiễn trừ (Thiên Nhân Cảm Thông truyền).

PHƯỚC BÁO HÓA SANH

Kinh A Hàm nói : Tú Thiên vương Thiên mới sanh, hóa hiện ở trên gối trời, bát báu tự nhiên đựng đầy hàng trăm vị của trời, ăn xong lớn lên bằng chư Thiên khác, vào ao tắm xong liền đi xuống dưới cây thơm; cây thơm uốn thân xuống xức hương thơm lên trên người. Sau đó, lại đi đến chỗ cây Át Cát Cụ lấy các thứ quần áo mặc vào rồi đến chỗ các cây Trang nghiêm (cây mọc ra đồ trang sức), cây Khí thụ (cây mọc ra bát đĩa khí cụ), cây Ăn quả, cây Lạc thụ, tùy ý thụ dụng, nhìn bên Đông thì quên bên Tây, nhìn bên Tây thì quên bên

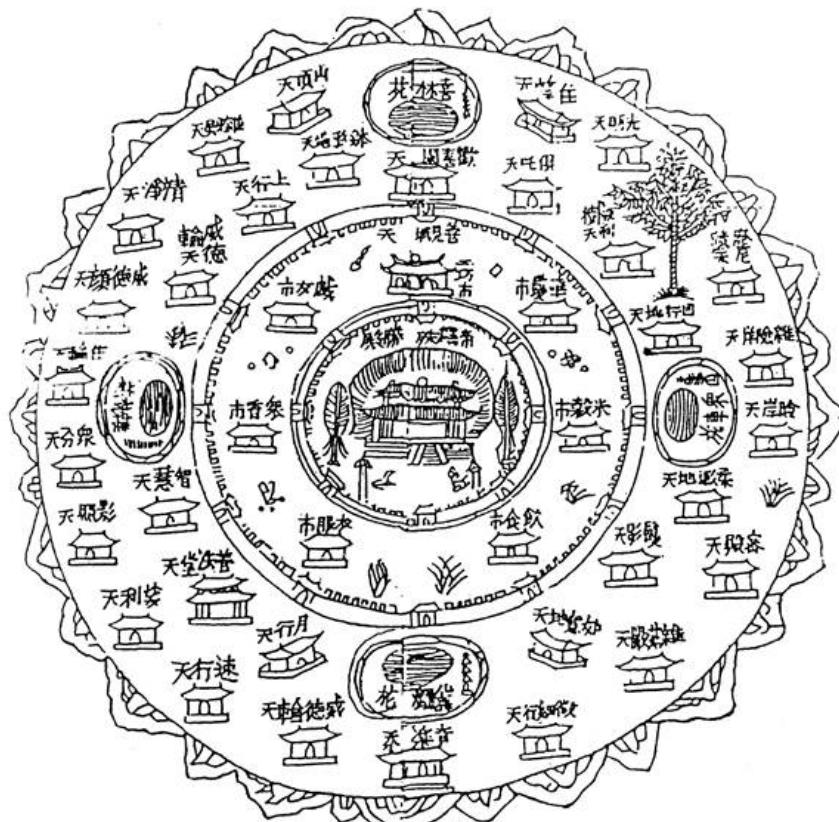
Đông, vô lượng khoái lạc, cùng nhiều thứ cung điện, vườn ao (như trong kinh nói lại).

Kinh Khởi Thế nói : lúc Tứ Thiên vương mới sanh ra đã bằng đứa trẻ 12 tuổi, bỗng nhiên sanh ra ở chỗ cha mẹ ngồi, hoặc ở hai bắp đùi, hai đầu gối. Ngay khi sanh ra liền có bình báu đựng Thiên Tu Đà cùng với rượu trời, tùy theo phuort báo thượng, trung, hạ mà có các màu trắng, đỏ, đen; sau khi ăn uống xong thì lớn bằng các nam nữ khác.

SANH THIÊN NGHIỆP NHÂN

Kinh Khởi Thế nói : các chúng sanh có một loại thiện hạnh về thân, khẩu, ý, làm như vậy rồi thì lúc thân hoại mạng chung sẽ được vãng sanh lên cõi trời Thức Diệt. Ở trên cõi trời kia, thức lại bắt đầu tiếp tục sanh, lúc hành thức sanh thì cùng sanh một lúc với danh sắc, vì có danh sắc nên liền sanh lục nhập. Nếu là Thiên nam thì sanh ở bên đầu gối ngồi của Thiên nữ, nếu là Thiên nữ thì sanh ở trong bắp vế đùi của Thiên vương. Sanh ra như vậy rồi thì trời sẽ gọi là con trai, con gái của ta.

ĐÀO LỢI THIÊN CUNG ĐỎ



Tiếng Phạn gọi đủ : Đát Lợi Dạ Đăng Lăng Xa (ở đây gọi là Tam Thập Tam Thiên = Cõi Trời Ba Mươi Ba).

Cõi trời này ở trên đỉnh núi Tu-di, ngang dọc tám vạn bốn ngàn do-tuần. Trong đó bằng phẳng có thể ở được chỉ có bốn vạn do-tuần.

(Luận Bà Sa, luận Thuận Chánh Lý nói : Tam Thập Tam Thiên ở trên đỉnh núi Mê Lô, đỉnh núi bốn mặt, mỗi mặt 8.000 do-tuần).

Bốn góc trên đỉnh núi, mỗi góc có một ngọn núi, cao 700 do-tuần, được làm bằng bảy thứ báu, đều trang sức bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xà cù, mã não.

(Kinh Nhân Bổn, luận Bà Sa nói : cao rộng 500 do-tuần, giống như Chánh Lý).

Có Thần Dược xoa tên là Kim Cương Thủ ở trong đó để canh gác, bảo vệ cho chư Thiên.

Thành lớn Thiện Kiến ở trên đỉnh núi, chu vi một vạn du-thiên-na, cửa kép cao một do-tuần rưỡi, thành có 1.000 cửa, trang trí đẹp đẽ, mỗi cửa đều có 500 Dược xoa áo xanh đều khôi giáp, khí giới chỉnh tề để canh giữ cửa thành, chính giữa có thành vàng chu vi 1.000 do-tuần.

(Luận Chánh Lý : điện Thủ Thắng, chu vi 1.000 do-tuần, đất bằng vàng ròng, được trang trí bằng nhiều thứ báu như bông Đô La Miên, pháp phòng theo bước chân đi).

Chỗ ở của Đế Thích : thành có 500 cửa, trong có lầu gác gọi là Bì Thiên Diên, bốn bên đều có 101 tòa lầu báu, trong đó có một vạn bảy trăm phòng; mỗi phòng có bảy Thiên nữ, mỗi Thiên nữ có bảy Thủ nữ.

Các Thiên nữ đó đều là chánh phi của Đế Thích, Đế Thích cùng ở với nàng Xá Chi (Saci), hóa thân cùng ở với các bà phi khác.

(Tỳ Đàm, A Hàm đại để cũng giống như trên).

Tôn giả Mục Kiền Liên đi dạo khắp tiểu thiên thế giới, không ở đâu đẹp đẽ trang nghiêm như nhà Tì Xà Diên đường (kinh Tạp A Hàm gọi là Tì Thiên Diên).

Đường xá trong thành, người trời tùy theo phước đức mà có nhà cửa nhiều hay ít, có 500 đường, có bảy chợ gồm các chợ Mễ cốc (thóc lúa), Âm thực (ăn uống), Y phục (áo quần), Chúng hương (các thứ hương thơm), Công xảo, Hoa nam (vòng hoa) đều có đặt quan coi chợ. Thiên tử, Thiên nữ qua lại buôn bán, mặc cả đắt rẻ, đúng như phép chợ búa. Tuy làm như vậy, nhưng không lấy cũng không cho, nếu cần thứ gì thì có thể xách mà mang đi.

Đó là thành Thiện Kiến, lại còn có Thiên châu, Thiên huyệt, Thiên thôn phân bố khắp xung quanh (theo kinh Nhân Bổn).

Cõi trời ba mươi ba có thành ngang dọc sáu vạn do-tuần, bảy lớp thành vách, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới nhạc, ngoài có bảy lớp hàng cây Đa La bao bọc xung quanh, màu sắc xen lẫn đẹp mắt, cũng đều làm bằng bảy thứ báu. Thành cao 400 do-tuần, dày 50 do-tuần, bốn mặt thành cũng cách nhau 500 do-tuần, ở giữa mở ra một cửa, các cửa cao 30 do-tuần, rộng 10 do-tuần. Mỗi một cửa thành cũng đều có Lâu Lỗ để đánh lui quân địch; có dài, tạ, đình, gác, hồ nước, rừng hoa đủ thứ kỳ diệu, chim chóc hòa vang, nhạc trời chốc chốc lại nổ

lên, nghĩ đến áo thì áo đến, muốn ăn thì thức ăn tới, lớp lớp hướng lên, nghiệp thô nhẹ dần, phước nghiệp càng ngày càng tốt (theo kinh Nhân Bồn).

Ngoài thành (chỉ ngoài thành Thiện Kiến) bốn phía có bốn vườn hoa :

1- Chúng Xa Uyển : (kinh Nhân Bồn gọi là Tạp Sắc Xa Uyển, kinh Tạp A Hàm nói là ở ngoài cửa Đông), nhiều thứ xe cộ hiện ra tùy theo phước đức, Đông Chiếu Minh Viên có tháp thờ tóc Phật.

2- Thô Ác Uyển : (kinh Nhân Bồn gọi là Thô Sáp Uyển, Tạp A Hàm nói là ở ngoài cửa Nam), lúc trời định đi đánh nhau thì áo giáp, khí giới tự nhiên hiện ra; (Nam Thô Sáp Viên có tháp thờ áo Phật).

3- Tạp Lâm Uyển : (kinh Nhân Bồn gọi là Tạp Loạn Uyển, hàng tháng cứ đến ngày 8, 14, 15, ba mươi ba Thiên tử, Thê nữ từ trong cung ra vào trong vườn này cùng với Thiên chúng hội họp, đùa bỡn hồn tạp, hưởng thụ năm thứ dục lạc ở trên cõi trời; Tạp A Hàm nói là ở ngoài cửa Tây), chư Thiên vào trong vườn này các thứ dục lạc tràn nhiễm tạp nhạp cực diệu đều hết mức; (Tây Hoan Hỉ Viên có tháp thờ bình bát Phật).

4- Hỉ Lâm Uyển : (kinh Nhân Bồn nói rằng vào trong đó đều được hoan hỉ, Tạp A Hàm nói là ở ngoài cửa Bắc), chư Thiên chơi đùa đều sanh hoan hỉ (Bắc Giá Ngự Viên có tháp thờ răng Phật).

Bốn vườn đó, chư vi mỗi vườn đều 1.000 do-tuần. Mỗi vườn đều có ao Như Ý, chư vi 50 do-tuần, trong ao có nước Bát Công Đức;

Phía Đông Bắc ngoài thành có cây Viên Sinh, ngày hoa nở, hương hoa bay theo gió tới hàng trăm do-tuần còn ngửi thấy, nếu ngược gió thì 50 dặm vẫn còn ngửi thấy (tức là cây hương Ba Lợi Chất Đa La mà trong kinh thường nói). Phía Tây Nam thành có Thiện Pháp đường, ba mươi ba Thiên thường tập họp, biện luận chế phục A Tố Lạc, xét xem các sự có đúng như pháp hay chẳng như pháp (theo luận Thuận Chánh Lý) chính giữa Thiện Pháp đường có tòa sư tử.

(Kinh Tỳ Da Tiên Nhân nói rằng : Thiện Pháp đường có tám vạn bốn ngàn cột, vào trong nhà này thì không có các lỗi như ác xúc, thụy miên (ngủ gục), tần thân (rên rỉ).

Đế Thích lên tòa, tả hữu mỗi bên có 16 vị Thiên vương xếp hàng mà ngồi chầu vào, có hai Thái tử là hai đại tướng quân ngồi hai bên tả hữu các Thiên vương.

Thiên vương Trì Quốc cùng Đại thần Quân Lữ cung kính chư Thiên ngồi theo cửa Đông,

Thiên vương Tăng Trưởng ngồi theo cửa Nam,

Thiên vương Quảng Mục ngồi theo cửa Tây,

Thiên vương Đa Văn ngồi theo cửa Bắc.

Bốn vị Thiên vương đó đem các chuyện thiện ác ở thế gian tâu lên Đế Thích, chư Thiên vương cứ đến ngày 8 thì Đại thần của Tứ Thiên vương đi tuần hành khắp cõi thế gian, ngày 14 thì Thái tử của Tứ Thiên vương tuần hành, ngày 15 thì bốn vị Thiên vương tự mình tuần hành, quán sát chứng kiến những điều thiện ác. Nếu không có nhiều người thọ giới, bố thí, nghe tâu xong thì Đế Thích sẽ buồn rầu mà nói rằng : Thiên chúng tốn giảm, Tu-la ngày một tăng (theo luận A Tỳ Đàm).

Lúc trước còn làm người, Đế Thích đã bố thí đồ ăn, thức uống, đèn đuốc, tiền của, vì thế nên gọi là Thích Đề Hoàn Nhân (ở đây gọi là Năng Thiên Chủ).

Lúc trước còn làm người, họ cũ là Kiều Thi Ca, Xá Chi là hoàng hậu thứ nhất, nên gọi là Xá Chi Bát Đế. Ở trên một tòa mà nghĩ ra 1.000 loại nghĩa, nên gọi là Thiên nhãn.

(Kinh Hoa Nghiêm nói rằng : Đế Thích hiện thân có 1.000 mắt, tay cầm kim cương tỏa ra ngọn lửa).

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói rằng : hiện thân có 1.000 đầu, vì là chủ của cả 33 cõi trời, nên gọi là Nhân Đề Lợi (theo kinh Trung A Hàm).

Hỏi : Bốn châu trong nhân gian nhờ mặt trăng, mặt trời mà phân biệt được ngày đêm. Ngày đêm ở Dục Thiên làm sao mà phân biệt được ?

Đáp : Hoa Bát Đặc Ma cùp, hoa Uẩn Bát La xòe, thích ngủ nhiều, lúc đó là đêm. Nếu hoa Uẩn Bát La cùp, hoa Bát Đặc Ma xòe, ít muộn ngủ nghỉ thì lúc đó là ngày (luận Tỳ Bà Sa nói rằng : Thiên cung suốt ngày đêm đều sáng, cho nên lấy hoa cùp hoa xòe làm căn cứ).

Lúc Trời 33 sanh thì trong tay Thiên nữ hoa nở, tự biết là có con liền trao cho chồng, bảy ngày thì Thiên sanh, khéo biết Thiên pháp, đi vào trong cung điện thấy không có chủ, Thiên nữ đến bảo rằng : Này Thánh tử, hãy tới đây ! Đây là cung điện của ngươi, tôi nay không có chồng, xin cúng dường cho người (theo kinh Tỳ Da Tiên Nhân).

Hoặc khi Thiên vương muốn dạo chơi thì có các Thiên nữ vây quanh, diễn tấu các thứ âm nhạc, tới Thiên cung kia rồi, thì vị Thiên vương ở cung đó liền ra đón rước vào trong cung ngồi, cũng lại tấu nhạc trời, ăn Thiên Tô Đà, uống nước cam lồ ở cõi trời. Các Thiên nữ hòa tấu các thứ tạp nhạc, chơi hết cảnh trời này lại đến cảnh trời khác, ở cảnh trời đó cũng lại đón tiếp vui vầy như trên. Cứ như vậy mà rong chơi khắp hết 32 cảnh trời.

Chư Thiên, cung điện, cây báu, vườn tược, cảnh giới, quang sắc mỗi nơi mỗi khác.

Hoặc là cung điện bằng vàng ròng, hoặc cung điện bằng bạc trăng, lưu ly, pha lê, hoặc cung điện bằng hai thứ báu, bằng ba bốn sắc báu, hoặc bằng bảy thứ báu, tường báu, cây báu v.v... quang sắc mỗi nơi mỗi khác, cũng lại như thế.

Hoặc một Thiên vương, hai Thiên vương cùng dạo chơi, ngồi xe báu, cưỡi thuyền báu rong chơi trên sông Hương thủy, vi diệu ngũ trấn khoái lạc vô lượng. Thiên nữ tấu nhạc, ca múa nói cười, co kéo khuyên nhủ, nhởn nhơ qua lại, lòng dục bùng bùng;

Lại tới chốn khác rất là buông thả. Bấy giờ, Đế Thích ngồi kiệu báu có Thiên nữ xúm quanh tấu nhạc mà tới. Các Thiên vương kia đều cung kính ra đón chào, Đế Thích hiện lực thần thông, chỉ cho thấy tướng khổ thời vị lai, răn bảo chư Thiên, khuyên tu đạo nghiệp, chớ nên phóng dật, chư Thiên phụng hành, ai về cung này, đều như trong kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, kinh này nói ra Đế Thích là sơ quả Tu đà hoàn).

NGHIỆP NHÂN

Luận Trí Độ nói rằng : xưa có một vị Bà-la-môn họ là Kiều Thi Ca cùng với 32 người bạn thân cùng nhau tu phước đức, tới lúc mạng chung đều được sanh ở đỉnh núi Tu-di.

Kiều Thi Ca là Thiên chủ, 32 người kia là Phụ thần.

Tịnh Danh Sớ nói rằng : xưa có một người nữ phát tâm xây tháp, được quả báo làm Thiên chủ, 32 người cùng giúp sức xây, quả báo được làm Phụ thần, cộng cả vua tôi là 33 người.

Tứ Giáo Nghi nói : nếu chỉ tu thượng phẩm thập thiện thì sẽ được vãng sanh lên cõi trời Đao Lợi (đây là tổng nhân).

Kinh Trường A Hàm nói : tịnh tu phạm hạnh ở chốn Phật thì khi mạng chung sẽ được vãng sanh lên cõi trời Đao Lợi tăng thêm năm phước là thọ - sắc - danh xưng - lạc - uy đức.

Kinh Thiện Giới nói rằng : Tăng Ni giữ 250 giới đó cũng là nghiệp sanh Thiên. Kinh Ôn Thất nói : Tăng tắm nghiệp sạch cũng được sanh Thiên.

Kinh Tạp A Hàm nói : bố thí áo đẹp cùng các thứ ưa thích, bố thí hương thơm, cơm ngon, chẳng sát sanh, chẳng tham lam, chẳng lười nhác, giảm ăn bồ thí cơm cho người nghèo, giữ tiết, khiêm nhún. Hoặc thấy Tăng Ni nghe chánh pháp, một đêm trai giới v.v... các nghiệp nhân như vậy đều sanh trên cõi trời, cung điện theo người, thân màu vàng ròng, được hưởng thụ sự khoái lạc thắng diệu ở cõi trời.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói : giữ các giới chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm v.v... đều được sanh Thiên.

Còn nói : các nghiệp sát, đạo, dâm nếu có được sanh trong loài người thì thân sắc cũng tiêu tụy, không có uy đức.

Nếu các nghiệp khác được làm thân trong cõi trời thì hình mạo cũng sút kém, các thứ báu để trang sức cũng kém vẻ sáng, bị các Thiên nữ đều ruồng bỏ, chư Thiên khác đều khinh bỉ chê cười, đánh nhau với A-tu-la sẽ bị A-tu-la giết.

Pháp Uyển nói : nếu giữ giới chẳng sát sanh sẽ được vãng sanh tới chỗ Tứ Thiên vương;

Chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, sẽ được sanh ở cõi trời Đao Lợi.

Chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm sẽ được vãng sanh lên cõi trời Dạ Ma Thiên.

Nếu lại thêm chẳng vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ nữa thì sẽ được sanh ở cõi trời Đâu Suất.

Vâng giữ Phật giới, kiêm bảy thiện nghiệp về thân, khẩu nữa thì sẽ được sanh ở cõi Hóa Lạc Tha Hóa Thiên.

(Kinh nói rằng : khi Đế Thích Thiên vương muốn đi du hành, ra khỏi cửa cung bèn chắp tay hướng về Nam mà cung kính lẽ ba lạy. Có viên Ngự Mã là Dạ xoa Thần sảng sốt sợ hãi đánh rơi roi ngựa.

Đế Thích hỏi : Nhà người là tiểu Quỷ thần, có sao mà lại sợ hãi ? Dạ xoa tâu rằng : Trong cõi trời 33, Thiên vương là bậc chí tôn, không còn ai hơn được.

Nay lại hướng lên không trung mà đánh lẽ, há chẳng phải là còn có bậc tôn quý hơn chẳng ? Vì thế nên sơ.

Đé Thích nói : Ta lễ Phật Đà ở Nam Thiệm Bộ châu cùng Tăng già và các bậc Thánh hiền ở đó, nhà ngươi là tiểu Quý thần mà chẳng biết ư ? Thé là Dạ xoa liền tín ngô, lễ chân Đé Thích Thiên vương.

Kinh còn nói : Đé Thích được quả Tu đà hoàn, răn dạy người, trời tu các đạo, phảm, tiến tới Niết-bàn. Hơn nữa, lại vì nhân tu giới thiện mà báo được thân trời, nên kính pháp là hạnh căn bản).

TAM GIỚI THỨ ĐỆ AN LẬP ĐÔ



TAM GIỚI THÚ ĐỆ AN LẬP THUYẾT **(Thuyết minh về thứ tự an lập của ba cõi)**

Trong hư không ở hạ phương, có Đại Phong luân cao 1.600.000 do-tuần (theo luận Câu Xá), Thủy luân cao 800.000 do-tuần, rộng 1.203.450 do-tuần (theo luận Câu Xá), nhờ nghiệp lực của chúng sanh, nước chǎng lưu tán, như ăn chưa tiêu, chǎng sa xuống thực tang (theo kinh Nhân Bổn).

Kim luân cao 320.000 do-tuần, rộng như Thủy luân (theo luận Câu Xá). Trên nước có gió thổi chuyển nước đó ở trên thành Kim luân, như sữa chín thành kem, đó gọi là Kim luân dày 4 lạc-xoa, 20.000 do-tuần (theo kinh Nhân Bổn).

Kim luân sâu 68.000 do-tuần (kinh Tân Bồ tát Tạng và kinh Cùng Như Tăng Nhất).

Trong núi Luân vi là Hàm Hải, Thất Kim Sơn, Hương thủy Hải, tới chân núi Tu-di. Lên cao 10.000 do-tuần, quanh núi ngang dọc 10.000 do-tuần là chõ ở của Kiên Thủ Thiên (theo luận Bà Sa).

Lại lên cao một lần nữa (kinh Nhân Bổn nói 20.000), quanh núi 8.000 do-tuần là chõ ở của Trì Hoa Man Thiên (một lần là 10.000).

Lại lên cao một lần nữa (kinh Nhân Bổn nói 30.000), quanh núi 4.000 do-tuần là chõ ở của Phóng Dật Thiên.

Lại lên cao một lần nữa (kinh Nhân Bổn nói : nửa núi là 42.000. chõ Tứ Thiên vương ở), quanh núi 4.000 do-tuần là chõ ở của Nhật, Nguyệt, Tinh Tú Thiên.

Lại lên cao một lần nữa, quanh núi 4.000 do-tuần là chõ ở của Tứ Thiên vương.

Dưới núi Tu-di, còn có chõ của chư Thần ba cấp, đều có bảy lớp tường quây, đều là Dạ xoa ở (theo kinh Nhân Bổn). Ba cảnh trời này đều là chõ ở của Dược xoa, chúng là bộ thuộc của Tứ Thiên vương (theo luận Câu Xá).

Lại lên trên 40.000 do-tuần, đỉnh núi ngang dọc 40.000 do-tuần. Trong đó, thành Thiên Kiến dọc ngang 10.000 do-tuần, đó là chõ ở của Tam Thập Tam Thiên.

Từ núi này lại lên cao 40.000 do-tuần (có thuyết nói là 60.000) có một chốn như mây, do bảy thứ báu tạo thành, giống như đại địa, đó là chõ Dạ Ma Thiên ở.

Lại lên cao gấp một lần nữa (hoặc 320.000) có đất như mây, đó là chõ ở của Đâu Suất Thiên.

Lại lên cao gấp một lần nữa, có đất như mây, đó là Tha Hóa Thiên ở.

Lần lượt cho đến Sắc Cứu Cánh Thiên đều có đất như mây.

(Lên cao gấp một lần, có nghĩa cao theo chiều thẳng đứng. Rộng như Đao Lợi ngang dọc 40.000, Diệm Ma 80.000 cho tới Tha Hóa lần lượt cái sau gấp đôi cái trước, ngang dọc 640.000 do-tuần, theo luận Bà Sa).

Kinh Nhân Bổn nói rằng : trên núi Tu-di từ Đao Lợi Thiên trở lên gấp một lần nữa có Dạ Ma Thiên, lại gấp thêm một lần nữa thì có Đâu Suất Thiên.

Lần lượt tới dưới Phạm Thiên có cung điện của Ba tuân Ma La, trên Phạm Thiên có Quang Âm Thiên, gấp một lần Quang Âm nữa có Biển Tịnh Thiên, gấp một lần Biển Tịnh nữa, có Quảng Quả Thiên, gấp một lần Quảng Quả, có Bất Thô Thiên, dưới có Vô Tưởng Thiên, gấp một lần Bất Thô có Bất Phiền Thiên. Lần lượt tới Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên, rồi lên đến A Ca Ni Tra Thiên (tức là Sắc Cứu Cảnh). Trên còn có các cõi gọi là Không Xứ, Thức Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Phi Tưởng Xứ.

Luận Tỳ Đàm nói : Phật dạy rằng : Phạm Xứ gần xa ra sao ?

Như có người rằm tháng 9 tại Phạm xứ thả một khối đá vuông bằng 100 trượng cho rơi xuống hạ giới, giữa chừng không hề bị chướng ngại gì, cho đến rằm tháng 9 năm sau mới đến đất Diêm Phù, gấp hai lần như vậy mới đến Vô Lượng Quang Thiên, lại gấp hai lần mới đến Biển Thắng Quang Thiên. Cứ gấp bội mãi lên như vậy cho đến A Ca Ni Tra Thiên.

Từ cõi A Ca Ni Tra Thiên này lăn đá lớn xuống giữa chừng không hề gấp chướng ngại gì thì phải trải qua 65.535 năm mới tới được đất Diêm Phù.

Luận Trí Độ nói : từ cõi ban đầu của Sắc giới lăn xuống một hòn đá vuông bằng một trượng, phải trải qua 18.383 năm mới tới đất.

CHU THIÊN THÂN THỌ

(Thân lượng theo luận Câu Xá
Y lượng theo Trường A Hàm
Thọ lượng theo Câu Xá, Tỳ Đàm
Và Giảo lượng theo kinh Thọ Mạng)

DỤC GIỚI LỤC THIÊN

- Tứ Thiên vương : thân lượng nửa dặm, quần áo nặng nửa磅 (50 năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở đây), thọ 500 tuổi.

- Dao Lợi Thiên : thân lượng một dặm, quần áo nặng 6 thù (100 năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở đây), thọ 1.000 tuổi.

- Da Ma Thiên : thân lượng nửa dặm, quần áo nặng 3 thù (200 năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở đây), thọ 2.000 tuổi.

- Đâu Suất Thiên : thân lượng hai dặm, quần áo nặng 2 thù (400 năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở đây), thọ 4.000 tuổi.

- Hóa Lạc Thiên : thân lượng hai dặm rưỡi, quần áo nặng một thù (800 năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở đây), thọ 8.000 tuổi.

- Tha Hóa Thiên : thân lượng ba dặm, quần áo nặng nửa thù (1.600 năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở đây), thọ 16.000 tuổi.

- Ma La Ba Tuần Thiên : áo quần nặng nửa磅 một phần sáu mươi bốn, thọ 32.000 tuổi.

Thọ mạng của Sắc giới dùng kiếp để tính (chẳng mặc quần áo mà không khác gì mặc quần áo, đầu tuy không có búi tóc mà như đội mũ trời, không có tướng nam nữ, chỉ có một loại hình – theo kinh Nhân Bổn).

SƠ THIỀN TAM THIỀN

Kinh Hoa Nghiêm : dưới Phạm Chúng có Phạm Thân Thiên.

- Phạm Chúng Thiên : thọ mạng nửa kiếp (nửa trung kiếp bằng 20 tiêu kiếp), thân cao nửa do-tuần (20 dặm).

- Phạm Phụ Thiên : thọ mạng một kiếp (40 tiêu kiếp), thân dài một do-tuần (40 dặm).

- Đại Phạm Thiên : thọ mạng một kiếp rưỡi (60 tiêu kiếp), thân dài một do-tuần rưỡi (60 dặm).

NHỊ THIỀN TAM THIỀN

(Kinh Hoa Nghiêm : Sơ Hữu Quang Thiên).

- Thiếu Quang Thiên : thọ mạng hai đại kiếp (thành, trụ, hoại, không cộng lại là một đại kiếp), thân dài hai do-tuần (quang minh ít nhất).

- Vô Lượng Quang Thiên : thọ mạng bốn đại kiếp, thân dài bốn do-tuần (quang minh hơn cõi trước).

- Quang Âm Thiên : thọ mạng tám đại kiếp, thân dài tám do-tuần (không giác quán ngữ ngôn, lấy quang minh làm ngôn ngữ. Thiên này lúc nói thì miệng tỏa ra Tịnh quang).

TAM THIỀN TAM THIỀN

(Kinh Hoa Nghiêm : Sơ Hữu Tịnh Thiên).

- Thiếu Tịnh Thiên : thọ mạng 16 kiếp, thân dài 16 do-tuần (vì ly hỉ, thọ lạc nên gọi là Tịnh; vì chưa đến được vị trên nên gọi là Thiếu).

- Vô Lượng Tịnh Thiên : thọ mạng 32 kiếp, thân dài 32 do-tuần (thanh tịnh hơn cõi trên).

- Biến Tịnh Thiên : thọ mạng 64 kiếp, thân dài 64 do-tuần (thanh tịnh khắp hết, không còn lầm lỗi).

TÚ THIỀN CỦU THIỀN

(Kinh Hoa Nghiêm gọi là Quảng Thiên v.v...)

- Vô Văn Thiên : thọ mạng 125 kiếp, thân dài 125 do-tuần (cõi này trên không nương vào mây mà trụ).

- Phước Sanh Thiên : thọ mạng 250 kiếp, thân dài 250 do-tuần (vì có lực thăng phước).

- Quảng Quả Thiên : thọ mạng 500 đại kiếp, thân dài 500 do-tuần (vì quả báo tối thắng)
- Vô Tưởng Thiên : thọ mạng 750 đại kiếp, thân dài 750 do-tuần (vì tâm tưởng bất hành).
- Vô Phiền Thiên : thọ mạng 1.000 đại kiếp, thân dài 1.000 do-tuần (vì không ngóng trông gì).
- Vô Nhiệt Thiên : thọ mạng 2.000 đại kiếp, thân dài 2.000 do-tuần (vì lìa được nhiệt não).
- Thiện Kiến Thiên : thọ mạng 4.000 đại kiếp, thân dài 4.000 do-tuần (vì định chướng dần dần kiến cực minh).
- Thiện Hiện Thiên : thọ mạng 8.000 đại kiếp, thân dài 8.000 do-tuần (vì hình sắc càng ngày càng tốt, khéo biết biến hóa).
- Sắc Cứu Cánh Thiên : thọ mạng 16.000 đại kiếp, thân dài 16.000 do-tuần (sắc pháp tối cực).

VÔ SẮC GIỚI THIÊN

- Vô Sắc Giới Thiên : không có bốn loại sắc, có Định quả sắc, phải biết rằng Vô sắc giới vì là cõi không có Sắc giới nên cũng không có thân lượng.
- Vô Biên Xứ Thiên : thọ mạng 20.000 đại kiếp (định hành, tuệ hành mỗi thứ được 10.000, vì chán sắc nương vô không).
- Thức Vô Biên Xứ Thiên : thọ mạng 40.000 đại kiếp (định, tuệ hai hành mỗi hành được 20.000, chán thức nương vào thức).
- Vô Sở Hữu Xứ Thiên : thọ mạng 60.000 đại kiếp (chỉ có định hành gấp bội, chán thức nương vào thức tính).
- Phi Phi Tưởng Xứ Thiên : thọ mạng 80.000 đại kiếp (cũng chỉ có định hành gấp bội. Theo luận Bà Sa : nghiên cứu thức tính đến cùng, tựa như hết mà chẳng hết).

Kinh A Hàm nói : trên đây Âm - Nhập - Giới - Tụ là nẻo qua lại (luân hồi) của chúng sanh trong vòng sanh - lão - bệnh - tử.

Kinh Nhân Bổn nói : đây là nơi mà tất cả mọi chúng sanh có sanh - lão - bệnh - tử trong thế giới này, đọa vào trong con đường sống như thế này mà an trụ, chỉ tới đây chứ không vượt qua được, cho nên gọi là thế giới Sa-bà, là cõi Vô úy. Tất cả các thế giới khác ở mười phương cũng đều như vậy.

CHU THIÊN NGHIỆP NHÂN

Luận Trí Độ nói : Dục giới chúng sanh có ba loại, vì thiện căn có ba hạng thượng, trung, hạ :

Hạng thượng là Lục Dục Thiên, hạng trung là hạng giàu sang trong loài người, hạng hạ là hạng thấp hèn trong loài người.

Luận này còn nói :

Thượng phần nhân duyên thì quả báo là Thiên đạo (được sanh vào cõi trời).

Trung phần nhân duyên thì quả báo là Nhân đạo (sanh vào cõi người).

Hạ phần nhân duyên thì quả báo là Tu-la (sanh vào loài A-tu-la), Tu-la tuy tương tự như Thiên, nhưng vì kiết sử che lấp bốn tâm, tâm nhiều tà khúc, gàn đạo khó nêu ở dưới người.

Tứ Giáo Nghi nói : Tứ Vương, Đao Lợi chỉ tu thượng phẩm, thập thiện là được vãng sanh (lên các cõi đó); còn từ Dạ Ma trở lên kiêm tu thêm cả chưa đáo định được vãng sanh (cũng gọi là Dục giới định).

Thứ Đệ Sơ Môn nói : nếu tự mình giữ giới trong sạch, chí tại Thiên môn, chuyên tu năm pháp thì từ đại Sắc giới thanh tịnh tự hiện trong thân, duyên vào thứ đệ này sẽ được mọi thứ công đức chi lâm thăng diệu của căn bản tứ thiền, như vậy thì mới vượt được lười dục và mới được quả báo sanh ở Sắc giới.

+ Năm pháp (ngũ pháp) là : dục, tinh tấn, niêm, xảo tuệ, nhất tâm.

+ Chi lâm là : tứ thiền có 18 chi, thêm nữa trong thiền định các sự khoái lạc như thấy nóng lạnh v.v... rất nhiều như rùng, đủ như Chỉ Quán đã nói.

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói rằng : nếu chúng sanh tu đủ Tăng thượng Thập thiện thì được Dục Thiên báo (sanh ở Dục giới).

Tu Hữu lậu Thập thiện và định tương ứng thì được Sắc Thiên báo.

Tu Tứ không định thì được Vô Sắc Thiên báo.

THIÊN NHÂN QUANG MINH (Ánh sáng của Thiên Nhân)

Luận Trí Độ nói : chư Thiên nghiệp báo sanh thân quang :

Chư Thiên ở Dục giới vì bố thí đèn đuốc, minh châu và bố thí giới, thiền định v.v... đều thanh tịnh nên thân thường quang minh, chẳng cần đến ánh sáng của mặt trăng, mặt trời soi rọi.

Chư Thiên ở Sắc giới vì hành thiền lìa dục, tu tập Tam-muội Hỏa Quang nên thân phát ra diệu quang sáng hơn cả ánh mặt trời, mặt trăng và Dục giới quang. Các thứ quang minh này đều do tâm thanh tịnh mà được.

Phật thường tỏa ánh quang minh, trên mặt mỗi bờ đều dài một trượng.

Quang minh của chư Thiên, loại lớn tuy dài vô lượng do-tuần nhưng khi ở bên cạnh ánh quang minh một trượng của Phật liền bị che mất mà chẳng hiện được. Cho nên Kiều Thi Ca (tức Đế Thích) nghĩ như vậy : diệu quang của đức Phật che lấp cả quang minh của chư Thiên, đó là ánh sáng của trí tuệ để phá tan sự ngu tối của ta vậy.

Kinh Trường A Hàm nói rằng : ánh sáng của con đom đóm chẳng bằng ánh sáng của đèn nến, ánh sáng của đèn nến chẳng bằng ánh sáng của cả bó đuốc, ánh sáng của cả bó đuốc chẳng bằng ánh sáng của cả một đồng lửa, ánh sáng của đồng lửa chẳng bằng ánh quang minh trên thân thể, áo quần, cung điện của Tứ vương.

Ánh quang minh của Tứ Thiên vương chẳng bằng ánh quang minh của Đao Lợi Thiên, xoay vần cho tới ánh quang minh của Sắc Cứu Cánh Thiên

chẳng bằng ánh quang minh của Đại Tự Tại Thiên, ánh sáng của Đại Tự Tại Thiên chẳng bằng ánh quang minh của đức Phật; các thứ quang minh gom lại chẳng bằng ánh sáng của Tứ Đế pháp.

Ngài Đạt Ma nói : trong các loại quang, Trí quang là nhất. Trong các loại minh, Tâm minh là nhất.

Luận về hình sắc, Tỳ Đàm nói : chúng sanh ở Nam châu có đủ mọi loại sắc tướng, hai châu Đông Tây, trừ màu đen ra, còn thì đều giống như Nam châu. Người Bắc châu đều sắc trắng, Tứ Thiên vương bốn sắc xanh, đỏ, vàng, trắng; sắc của chư Thiên ở Dục giới cũng đều như vậy. Lúc sơ sanh nếu thấy hoa màu xanh, đỏ, vàng, trắng v.v... cũng như thế.

Có người nói rằng : Phạm vương sắc như bạc trắng, áo quần màu vàng ròng. Sắc Giới Thiên hai sắc là vàng ròng và bạc trắng.

(Trong Sắc giới cũng có các màu xanh, đỏ, vàng, trắng vì là biển xứ định, chứ chẳng phải chỉ có hai màu nói trên).

ÂM THỰC TINH THÔ

Kinh Khởi Thế nói : tất cả chúng sanh đều có bốn loại thức ăn :

1)- Thô Đoan Thực và Vi Tế Thực : bốn châu trở lên tới Lục Dục Thiên đều giống nhau, từ Sắc giới trở lên đến Vô Sắc Giới Thiên đều dùng pháp hỉ thiền duyệt làm thức ăn, không có Thô - Tế thực.

2)- Xúc Thực : tất cả loài noãn sanh mà được thân thì lấy xúc làm thức ăn.

3)- Tư Thực : chỉ ý tú tư nhuận cho các cẩn tăng trưởng cũng như cá, ba ba, rắn, tôm v.v... cùng các thứ ý tú tư nhuận làm lợi ích cho các cẩn thọ mạng.

4)- Thức Thực : chỉ chúng sanh ở địa ngục và Vô Biên Thức Xứ Thiên v.v... đều dùng thức trì làm thức ăn.

(Hoặc gọi là xúy, xúc, niêm, thức. Xúy là chỉ người rồng, chim đều là xúy thực. Xúy túc là đánh bắt, xúy thực là đánh bắt lấy mà ăn. Các chỗ khác nghĩa cũng như vậy).

Kinh Lăng Nghiêm nói : 12 loại chúng sanh như vậy trong thế giới chẳng thể tự bảo toàn được, đều phải dựa vào bốn loại thức ăn mới trụ được. Đó là Đoan thực, Xúc thực, Tư thực, và Thức thực.

Cho nên Phật dạy rằng : tất cả chúng sanh đều phải dựa vào ăn mà trụ. (Ôn Lăng chú : nhân gian đoạn thực, ý nói việc ăn uống át có phần đoạn. Quỷ thần xúc thực, ý nói chỉ đụng chạm vào là đã no rồi. Thiên định tư thực, ý nói thức ăn tới chỉ nghĩ đến đã thấy no. Thức Thiên Thức Thực : là đã không có hình sắc thì chỉ dùng thức tưởng).

Chư Thiên ở Dục giới, vị nào phuớc dày, chỉ cần nghĩ đến là mọi thứ đều đầy đủ, cam lồ đầy chén, trăm vị đều tới. Vị nào phuớc mỏng, tuy có thức ăn uống nhưng thường chẳng thỏa lòng.

Kinh nói rằng : chư Thiên đều cùng ăn uống bằng các thứ bảo khí (bát đĩa bát), nhưng tùy theo phuớc đức của từng người mà màu cơm có sự khác nhau;

loại thượng thì thấy màu trắng, loại trung thì thấy màu vàng, loại hạ thì thấy màu đỏ.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói : từ Diệm Ma trở lên cho đến hết Sắc Giới Thiên, giàu nghèo đều bằng nhau. Từ Đao Lợi trở xuống, báo có dày mỏng. Phước dày thì mọi thứ đầy đủ dư thừa, phước mỏng thì tuy có áo quần, cung điện nhưng thường ăn chẳng đủ.

(Đã từng có Bạc Phước Thiên phải bị đói, phải xuống Diêm Phù trảy táo chua mà ăn, người ta nhìn thấy hình thù khác lạ, liền hỏi, thì đáp rằng : Ta chẳng phải là người mà là Bạc Phước Thiên, chỉ có cung điện, nhưng ăn thường chẳng đủ cho nên mới thế này. Hỏi thêm, mới biết là do chỉ tu giới nhẫn mà chẳng tu hạnh bố thí).

TAM GIỚI CỬU ĐỊA

Luận chung Giới Địa, thì gọi là Tam Giới Cửu Địa (ba giới, chín địa).

I)- DỤC GIỚI LỤC THIÊN :

Hai Thiên ở dưới thì gọi là Địa Cư Thiên, bốn Thiên ở trên thì gọi là Không Cư Thiên. Tứ vương (Thiên vương) chỉ ở bốn phương thống nghiệp các bộ Quỷ thần.

Đao Lợi : chỉ trên đỉnh núi Tu-di có 33 Thiên cung.

Tứ Giáo tập nói : Dạ Ma (ở đây gọi là Thiện Thời : vì căn cứ vào hoa xòe hay cup mà phân chia ngày đêm.

Đâu Suất (ở đây gọi là Tri Túc) : vì đối với cảnh ngũ dục sanh hỉ túc, Hóa Lạc là đối với cảnh khéo hóa mà thọ lạc.

Tha Hóa là đối với cảnh tự tha đều có thể tự tại hóa dụng.

Kinh Lâu Thán nói : trong hai cõi giới Dục - Sắc, còn có riêng cung ma. Ma đó có lòng ghen ghét ví như đá mài, mài hỏng công đức. (Cung ma) ngang dọc 6.000 do-tuần, có bảy lớp tường.

(Đại Luận : Ma La dịch nghĩa là đoạt mạng, Ba-tuần là tên vua (của loài ma) dịch nghĩa là Sát giả (kẻ giết hại), thường muốn đoạt huệ mạng của người.

Niết Bàn Sớ nói rằng : ma dựa vào Phật pháp mà được thiện lợi, nhưng chẳng nghĩ cách báo ân, mà ngược lại còn định nói xấu.

Phụ Hành Ký nói : chữ Ma lẽ ra là thuộc bộc Thạch (chỉ chữ Ma có nghĩa là mài, thuộc bộ thạch là đá mài). Từ Lương Vũ Đế trở đi cho rằng vì ma hay quấy người, nên thay bằng bộ Quỷ.

Tịnh Danh nói rằng : (Ma) phần nhiều là Bồ-tát Bất Tư Nghị Giải Thoát ứng làm Ma vương.

Thùy Dụ Ký nói : cõi đệ lục Thiên có riêng chỗ ở của Ma La do Hóa Thiên nghiệp (cai quản), đó tức là Thiên Tử Ma vậy).

Trên đây gọi chung là Dục giới.

Quy Cử chú : dục chỉ ẩm thực (ăn uống), thụy miên (ngủ nghỉ), dâm dục (ba thứ này gọi là tam dục).

Lại có kệ rằng :

Lục thụ dục, giao, bão

Cháp thủ, tiêu, thị đâm

(Chỉ cách thụ dục của Lục Dục Thiên), ý nói Tú vương thì giao (giao hợp), Đao Lợi thì bão (ôm áp), Diệm Ma thì cháp thủ (cầm tay đã là hành dục rồi), Đâu Suất thì tiêu (cười là hành dục), Hóa Lạc thì thực thị (nhìn kỹ vào người đó là hành dục), Tha Hóa thì tạm thị (nhìn qua là hành dục). Như vậy là dục có hậu bắc (nồng nhạt) vậy.

Cũng gọi là Ngũ Thú Tạp Cư Địa, ngũ thú (năm chốn) : Thiên, nhân, tam đồ. Tu-la do Thiên thú thống nghiệp. Quỷ, súc thì khắp trong ngũ thú đều có tam dục (ăn uống, ngủ nghỉ, dâm dục).

II)- SẮC GIỚI THẬP BÁT THIÊN

(18 Thiên ở Sắc giới)

Dẫu lìa dục nhiễm nhưng vẫn còn sắc chất, nên gọi là Sắc giới.

Tên gọi chung là Phạm Thế, vì đã lìa được dục nhiễm. Còn gọi chung là Tú thiền vì lìa được tán động, Dục giới chỉ là thập thiện cảm sanh (tức là do nghiệp cảm thập thiện mà được sanh lên cõi này). Còn Sắc giới Thiên này thì do kiêm cả thiền định cảm mà sanh, nhưng chỉ là hữu lậu thiền quán, lục sự hạnh mà thôi. (Lục hạnh chỉ việc chán Dục giới là thô chướng, ưa Sắc giới coi đó là tịnh diệu ly).

Đây chỉ là phàm phu phục cảm, siêu thế gian đạo mà thôi (ý nói chỉ là quả báo của hạng phàm phu tu thập thiện và thiền định hữu lậu).

1)- Sơ thiền : luận Câu Xá gọi là Ly Sanh Hỉ Lạc Địa, ý nói lìa được tạp ác sanh của Dục giới, chứng được khinh an lạc vậy.

2)- Nhị thiền : luận Câu Xá gọi là Định Sanh Hỉ Lạc Địa, ý nói có nước định thủy nhuần tưới cho nghiệp, nên không bị ưu não bức bách (Tư Trung nói rằng : từ Nhị thiền trở lên không có ngôn ngữ, chỉ dùng định tâm phát quang, quang có hơn kém, căn cứ vào đó mà định cao thấp).

3)- Tam thiền : gọi là Ly Hỉ Diệu Lạc Địa; tuy tâm ly hỉ mà hỉ lạc tự đầy đủ.

(Sơ Môn nói : Sơ thiền có năm chi là : giác, quán, hỉ, lạc, nhất tâm.

Nhị thiền có bốn chi là : nội tịnh, hỉ, lạc, nhất tâm.

Tam thiền có năm chi là : xả, niệm, tuệ, lạc, nhất tâm.

Tướng tu chứng của ba loại này đều được nói rõ trong Chỉ Quán).

4)- Tú thiền : có Cửu Thiên, nhưng báo cảnh của Tú thiền chỉ có Tam thiền, còn Vô Tướng chính là do Quảng Quả tách ra (đi theo hai đường : một đường thẳng tới Quảng Quả, một đường đi vòng thì tới Vô Tướng).

Trên bốn thứ này thì có năm Bát Hoàn Thiên (chẳng quay về thọ sanh ở Dục giới).

Đó chính là do Thánh Hiền tu định lụy khác, nhờ nghiệp cũ Quảng Quả mà sanh, không giống với hạng phàm phu, nên liệt kê riêng gọi là Ngũ Tịnh Cư và gọi chung là Xả Niệm Thanh Tịnh Địa.

(Sơ Môn nói : Tú thiền có bốn chi : bát khổ, bát lạc, xả niệm, nhất tâm), cũng gọi là căn bản Tú thiền).

(Sơ Môn nói : tú vô lượng tâm, đều xả thắng xứ, nhất thiết xứ, thần thông biến hóa cùng vô lậu quán tuệ. Chư thiền Tam-muội đều từ trong đó mà ra, nên gọi là căn bản).

III)- VÔ SẮC GIỚI

Có Tứ Thiên (bốn cảnh trời)

Không có nghiệp quả sắc, có định quả sắc, y báo chánh báo đều thế, đó là diệt thân trở về không, là chỗ ở của hàng định tánh Thanh văn, hoặc hạng vô tưởng ngoại đạo biệt giáo, hoặc là chỗ ở chung chạ của hàng Thiên Nhân Yém Xá, chủng loại không thuần nhất, song đều không có Sắc-uẩn.

(Từ Sắc giới cho đến đây là theo sự giải thích của Ôn Lăng).

1)- Không Xứ Thiên : là hành giả chán ghét sắc lung (lòng sắc, ví sắc với cùi lòng giam hãm), tâm muốn xuất ly, liền tu quán trí, phá ba loại sắc (ba loại sắc gồm : 1- Khả kiến, khả đối sắc, tức là sắc trần mà mắt thấy được, 2- Bất khả kiến, khả đối sắc, tức là thanh - hương - vị - xúc, 3- Bất khả kiến, bất khả đối sắc, tức là ý duyên pháp trần, vô biến sắc vậy).

2)- Thức Xứ Thiên : chỉ loại chán ghét hư không vô biên, tu quán xả ngoại không trước kia, lại duyên vào nội thức.

3)- Vô Sở Hữu Xứ Thiên : ngoại cảnh gọi là không, nội cảnh gọi là thức, xả hai cảnh này, nhập Vô Sở Hữu Xứ Định.

4)- Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng Xứ Thiên : Hữu Tưởng Phi Thức Xứ và Vô Tưởng Phi Vô Sở Hữu, xả bỏ hai thứ trên mà nhập Thượng định.

(Sơ Môn cũng nói rằng : phàm phu ngoại đạo được định này thì gọi là chứng Niết-bàn, đoạn được mọi tưởng, nên gọi là Phi Hữu Tưởng. Đệ tử Phật biết đúng như thật là có té tưởng, dựa vào tú chúng mà trụ nên gọi là Phi Vô Tưởng Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng là tên kép gồm cả hai mặt trái ngược nhau tức là đắc và thất (được và mất).

Luận Thuận Chánh Lý nói rằng : hết thấy Thiên chúng đều nói Thánh ngôn, vì ngôn từ của họ giống với ngôn ngữ Trung Ân, nhưng chẳng phải do học, mà tự họ hiểu được ngôn ngữ kinh điển.

Luận về Thân xứ ở Vô Sắc giới có hai nghĩa :

1)- Nghĩa thứ nhất nói là Vô xứ, luận Bà Sa nói rằng : Tú không lìa hình báo, không có xứ khác, chỉ ở hai giới Dục - Sắc thành tựu Tú không Vô sắc nghiệp. Nghĩa này còn nói là Vô thân, luận Câu Xá nói : Vô sắc, Vô thân, chú thích rằng : không có Nghiệp quả sắc, chẳng phải thân dì thực. Kinh Lăng Nghiêm nói : Tú Không Thiên đó thân tâm diệt hết, định tánh hiện tiền, không Nghiệp quả sắc.

(Cô Sơn chú giải rằng : không có Nghiệp quả sắc thì hiển nhiên là có Định quả sắc).

2)- Nghĩa thứ hai nói là Có xứ, kinh Khởi Thế nói : gấp bội lần Sắc Cứu Cánh nữa thì có Không xứ, cho đến Phi Phi Tưởng Xứ đều gọi là Trụ xứ của chư Thiên.

Kinh Hoa Nghiêm nói : Tị căn của Bồ-tát ngửi thấy mùi hương của cung điện Vô sắc, còn nói là có thân.

Kinh A Hàm nói : Lúc Xá Lợi Phất diệt, Vô Sắc Giới Thiên nước mắt rót xuống như mưa phùn mùa xuân, kinh Nhân Vương có liệt kê ra Vô Sắc Thiên Chúng.

Kinh Trung Âm nói : Như Lai tối trong cõi Vô Sắc giới, chư Thiên lễ bái.

Đại Chúng Bộ nói : chỉ không có thô sắc chứ chẳng phải là không có té sắc.

Tịnh Danh Sớ nói : nếu là Bát liễu nghĩa giáo thì thuyết minh về nghĩa Vô sắc giới vô sắc, nếu là Liễu nghĩa giáo thì thuyết minh về nghĩa Vô sắc giới hữu sắc.

Kinh Niết Bàn nói : sắc của Vô Sắc giới chẳng phải là thứ mà hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.

Nay những điều thuyết minh ở đây sẽ theo nghĩa thứ hai.

LUẬN CHỦ THIỀN CHỦ (Bàn về chủ của các cõi trời)

Bàn về Thiên chủ thông biệt có hai nghĩa : Thông là bàn về Ma, Phạm của cõi Dục, cõi Sắc đều có Chủ - Nghĩa.

Thích Triêm nói rằng : Tứ Thiên vương là chủ bốn thiên hạ (đây nói : làm chủ tuần du thường phạt).

Đại Luận nói rằng : Đế Thích làm Thiên chủ hai xứ (Tứ Vương và Đao Lợi). Ma vương làm chủ Dục giới (cho nên ở đỉnh cõi dục). Đại Phạm vương là chủ của ba cõi.

Tịnh Danh nói : Đế Thích là Địa cư Thiên chủ, Phạm vương là chủ thế giới Sa-bà, thống ngự Đại thiên (thống ngự trên dưới).

Thiên Nhân Cảm Thông truyện đáp : Nam Sơn nói : Ma vương tuy làm chủ cõi Dục, Đế Thích Tứ Vương nếu hành Phật pháp, thì ma không thể chế ngự được.

Diệu Lạc nói : Phạm, tức là chủ của cõi Sắc, cũng là chủ của ba cõi. Ma, là chủ của Dục giới.

Phụ Hành nói : Phạm vương là chủ của ba cõi, còn những vị khác đều là thần thuộc.

Biệt luận có ba :

1)- Chỉ luận về Phạm vương, Văn Cú nói : Phạm vương trụ ở khoảng giữa Sơ thiền, trong có giác quán, ngoài có ngôn thuyết, được chủ lĩnh làm vua. Chỉ tu thiền thì là Phạm dân, thêm Tứ vô lượng tâm thì làm vua. Còn nói : hiệu lệnh của Phạm vương bao quát cả trên dưới.

Biệt Hành Sớ nói : Phạm (vương) tức là chủ của Sắc giới (Sắc chủ), tên gọi là Thi Khí.

Tỳ Đàm nói : Nhị Thiên trở lên không có pháp ngôn ngữ nên không lập vua (vương).

Thiên Môn nói : Sơ thiền có tâm giác quán thì có pháp ngôn ngữ, chủ lĩnh chúng sanh ở phương dưới là phương tiện.

2)- Chỉ luận về Ma Hê, Đại Luận nói : Ma Hê Thủ La tám tay, ba mắt, cưỡi trâu trắng. Lại nói : Quá Tịnh Cư Thiên có Bồ-tát Thập Trụ, Bồ-tát hiệu là Đại Tự Tại làm chủ của đại thiên thế giới. Theo kinh Quán Đỉnh thì vị này tên tự là Uy Linh Đế.

Kinh Hoa Nghiêm nói : chỗ của đại thiên thế giới là Ma Hê Thủ La, Niết Bàn Sớ nói : nếu nói đến chủ của thế giới thì đó chính là Ma Hê Thủ La. Phụ Hành nói : Ma Hê Thủ La hay che được cả cõi đại thiên, được tất cả thế gian tôn làm Hóa Bản.

3)- Ma Phạm Đồi Luận : Niết Bàn Sớ nói : Ma Hê Thủ La ở đỉnh của Sắc giới, làm chủ cả đại thiên thế giới.

Như kinh Pháp Hoa liệt kê ra, chủ của thế giới là Phạm Thiên vương, thật ra chỉ cai quản tiểu thiên thế giới, kinh gia suy tôn nên gọi là chủ mà thôi.

Trộm nghĩ, Chương An Phán nói rằng : đây là chính giữa của đại thiên, nên được làm chủ của đại thiên, hạ thấp vị này xuống là không được.

Đại thiên thế giới có vạn ức Phạm vương.

Phạm vương ở chốn này là Thi Khí ở chính giữa đại thiên, cho nên gọi là chủ, còn các Phạm vương khác đều ở vào mé nên chẳng thể làm chủ được. Vì vậy nên nay phán đoán rằng :

Ma Hê ở đỉnh của Sắc giới, nhờ báo thắng nên làm chủ, còn Phạm vương ở chính giữa đại thiên để thống ngự nên làm chủ.

TÚ THIỀN TÚ ĐỊA

Thuật rằng : từ xưa nói về Thiên (trời) chưa biết đến nghĩa Tú Thiền Tú Địa. Đó cũng là do văn bản la liệt quá nhiều, nên chẳng phân biệt được mà thôi. Căn cứ vào các sách Nhân Bồn kinh, A Tỳ Đàm, Bà Sa luận đều dùng tên Thiên để nói về thứ tự các vị từ thấp tới cao, cách xa nhau gấp mấy lần thì thấy đều có trụ địa cả. Lập nghĩa như trên chưa đủ để làm bằng cứ, nay theo Câu Xá nói thì Phạm Thiên không có xứ sở nào khác, chỉ ở Phạm phụ là có lâu gác cao, Pháp Uyển cũng nói như vậy. Đại Phạm là vua, Phạm phụ là bồ tát, Phạm chúng là dân. Căn cứ vào đó thì thấy Tam Thiên (Đại Phạm, Phạm phụ, Phạm chúng) cùng tại Sơ thiền chỉ là một địa mà thôi.

Như bộ Tát Bà Đa cho rằng : Vô Tưởng và Quảng Quả thân thọ chẳng khác, cùng là một chốn.

Kinh Lăng Nghiêm nói : từ Phuớc Ái Thiên có hai đường rẽ, phuớc đức viên minh thì gọi là Quảng Quả Thiên, thân tâm diệt tận thì gọi là Vô Tưởng Thiên.

Hai đường nhánh (lưỡng kỳ) tức là chia làm hai loại, giống với nghĩa của Tát Bà Đa, cùng ở một chốn vậy. Lại nói : trong này còn có năm Bất Hoàn Thiên (trong này chỉ Tú thiền).

Tú thiền Tú vị Thiên vương chỉ có Khâm văn, chẳng thể tri kiến như A La Hán trụ ở đạo tràng trong núi sâu tại thế gian, những người thô tục trong thế gian không thể nào thấy được.

Căn cứ vào đây thì biết rằng chỉ có một Quảng Quả gọi là vua (vương) và ở trong này có năm Na Hàm, một ngoại đạo cùng ở Tú thiền chỉ một địa mà thôi.

Thú Đệ Thiên Môn nói : trong kinh Nhân Vương, Phật thuyết về 18 Phạm, thế thì theo lý mà nói cũng phải có vua, có dân khác nhau. Lại nói, trong Tú thiền có Đại Tĩnh Vương. Kinh Anh Lạc đã chứng minh rằng : Thiên thiền đều có Phạm vương.

Kinh Lăng Nghiêm cũng nói, bốn thiền bốn vị Thiên vương.

Kinh Hoa Nghiêm liệt kê ra 39 vị, trong đó thì Dục giới, Thiên Thiền đều xung vương, Sắc giới, Thiền Thiền đều xung vương, chư Thiên khác thì không liệt kê.

Nay xem kỹ Sơ thiền thì thấy đã lấy Đại Phạm làm Vương, mà ba kinh (Nhân Vương, Anh Lạc, Lăng Nghiêm) đều nói Tú thiền có vương. Thế thì biết rằng ba Thiên Quang Âm, Biển Tịnh và Quảng Quả đều là vua (vương). Còn lại, có nghĩa đều là một bồ tát, một dân thường.

Cho nên nay căn cứ vào ý chỉ các kinh Đại thừa từ Sơ thiền đến Tú thiền lập làm Tú Địa là Quảng Quả làm vua, Phước Ái làm bồ tát, Vô Văn làm dân. Năm Na Hàm, một ngoại đạo thì ở nhở trong Quảng Quả Thiên. Chín Thiên nói trên cùng ở một địa Tú thiền vậy (Nhị thiền, Tam thiền cũng giống lệ này).

Có người cho rằng : chư Thiên thân thọ khác nhau, nên mỗi vị phải ở riêng một nơi, như những người luận về kinh Tiểu thừa.

Song Phạm vương so với Phạm phụ, Phạm chúng dù là thân hay thọ đều dài ngắn khác nhau. Thêm nữa, Quảng Quả, Vô Tưởng tuy đều là năm kiếp, nhưng Quảng Quả thì có sự chênh lệch giữa chúng, còn Vô Tưởng thì nhất định cứ hết kỳ báo đó.

Căn cứ vào đó mà suy luận ra thì tuy thân thọ khác nhau cũng chẳng trở ngại gì, cho nên cùng ở một chỗ với nhau, cũng giống như người ở cõi Diêm Phù có người thọ, có người yêu vậy.

Lại nữa, kinh Hoa Nghiêm nói rằng : các Thiên vương đều là Bồ-tát Thập địa, các vị này đều là Quyền đến dẫn Thực ở trong Thiên giới, giáo hóa các Thực Báo Thiên khiến họ mong thoát Thiên nghiệp cho nên được xung vương. Nếu bảo rằng đấng Vương giả phải một mình ở một chỗ cách biệt với chư Thiên khác, thế thì còn dùng vương đó mà làm gì nữa, và chư Thiên khác sẽ nương tựa trông cậy vào đâu ? Nếu chẳng luận thế này, há chẳng rất sai trái với nghĩa ru ?

Có người nói rằng : từ Nhị thiền trở lên không có pháp ngôn ngữ (Tỳ Đàm) thế thì lấy gì để mà giáo hóa ? Song Quang Âm đã lấy quang làm ngữ, thế thì biết rằng chư Thiên thượng địa, uy nghi tiến chỉ thấy đều là ngôn giáo cả. Dùng nghĩa này mà suy, không phải là không được !

THIÊN HỮU PHẨM THÁNH

Luận Bà Sa hỏi : 32 Thiên (Lục dục, Thập bát Phạm, Tứ không Thiên cùng Hăng-kiều, Kiên-thủ, Trì-man và Nhật-Nguyệt tinh tú) mấy Thiên là phàm ? Mấy Thiên là Thánh ?

Đáp : hai chỉ có phàm ở, năm chỉ có Thánh ở. Còn 25 Thiên khác thì Thánh phàm cùng ở.

Nói hai cõi chỉ có phàm ở :

1) Sơ thiền, Đại Phạm Thiên vương chẳng hiểu thấu nghiệp nhân, chỉ nói ta có thể tạo tác biến hóa ra trời đất, rồi cậy vào điều này mà kiêu mạn khinh miệt hết thảy. Bởi vậy, bậc Thánh nhân không thèm ở chung.

2) trong Vô Tưởng Thiên chỉ là ngoại đạo tu Vô Tưởng định để được sanh trong đó, thọ báo Vô Tâm trong 500 kiếp.

Ngoại đạo chẳng thông đạt, gọi đó là Niết-bàn. Thọ báo hết rồi, ắt sanh tà kiến, tới đời sau sẽ phải sanh ở địa ngục. Cho nên Thánh nhân cũng chẳng sanh ở trong đó.

Còn năm cõi chỉ có Thánh ở :

Từ Quang Quả trở lên, Ngũ Tịnh Cư Thiên như Vô Phiền, Vô Nhiệt v.v... chỉ là chỗ ở của Na H Amanda, La Hán.

Phàm sanh ở những cảnh trời đó, phải là những vị tiến hướng Na H Amanda, thân được Tứ thiền, phát ở Vô lậu, khởi huân Thiền nghiệp, hoặc khởi Nhất phàm cho đến Cửu phàm thì mới được sanh.

Nếu nói Na H Amanda sanh ở đó thì về lý không còn có điều gì phải nghi ngờ cả.

Hỏi : A La Hán đã là vô sanh, có chi cũng nói là sanh ở cõi trời đó ?

Đáp : Đây phải nói là Na H Amanda ở Dục giới sanh nơi đó mà được La Hán, chứ không phải là nói rằng trước đây đã là La Hán rồi mà lại vãng sanh đến đó.

TAM GIỚI TỔNG BIỆT

Tổng danh tam giới (tên chung ba cõi) là Dục - Sắc và Vô Sắc. Dưới từ Kim Cương Té lên đến Tha Hóa Thiên ở trên, giữa khoảng đó năm loài tạp cư, hết thảy hữu tình chưa lìa tham dục, nên gọi là Dục giới.

Từ Phạm chúng lên tới Sắc Cứu Cánh, 18 Thiên này, chính báo thân tướng như màu bạc trắng, cung điện màu đỏ hoặc màu vàng ròng, quang sắc chiếu nhau nên gọi là Sắc giới.

Từ Không Xứ tới Phi Tưởng Xứ, bốn cảnh trời này người như bích lạc, cõi tựa hư không, bốn uẩn thành thân, không có sắc uẩn, nên gọi là Vô Sắc giới.

Biệt danh Nhị Thập Ngũ Hữu (tên riêng 25 hữu) là chỉ :

Bốn châu, bốn ác thú,

Lục dục cùng Phạm Thiên.

Tứ Thiên, Tứ Không Xứ,

Vô Tưởng, Ngũ Na H Amanda

(Bốn ác thú : địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A-tu-la).

25 cõi này đều gọi tên là Hữu, bởi vì nhân thuộc hữu lậu, quả thuộc hữu vi, hữu sanh hữu tử.

NGŨ SUY THOÁI TUỐNG (Năm tướng suy thoái)

Kinh Nhân Quả nói rằng : hạng Thiên nhân (người trời) thì thân thanh tịnh, chẳng thọ trần cầu, có đại quang minh, tâm thường vui vẻ, không có điều gì chẳng vừa ý. Nhưng vì vẫn còn bị lửa dục bức thúc, đến khi phuoc hết, năm tướng suy sê hiện ra :

Một là hoa trên đầu bị héo, hai là mắt nháy, ba là thân quang bị diệt, bốn là dưới nách đố mồ hôi, năm là tự nhiên lìa bản tọa.

(Bà Sa nói : có áo quần uế nhiễm, thân thể sanh ra hơi hôi hám, không có các mục mắt nháy, quang diệt, ba mục khác cũng như trên).

Lại nói các Thiên tử này vốn tu ít điều thiện, được thọ Thiên lạc, quả báo sắn hết, sanh đại khổ não, đọa ba đường ác. Vốn tạo thiện hành để cầu lạc báo, nay sau khi được một ít khoái lạc rồi, lại bị khổ nhiều. Ví như người đói mà ăn món ăn có lẫn chất độc, thoát đầu tuy cho là ngon, cuối cùng sẽ thành họa lớn, vì sao mà bậc trí giả lại tham hám ưa thích chuyện này được !

Chư Thiên ở Sắc giới và Vô Sắc giới thấy thọ mang dài liền cho là thường lạc. Đã thấy biến hoại, sanh đại khổ não, rồi liền khởi tà kiến, phi báng nói là không có nhân quả. Chính vì sự này mà luân hồi trong ba đường, phải chịu đủ mọi nỗi khổ sở, khắp trong ba cõi không có một sự gì là sướng cả.

Luận Trí Độ nói : Bồ-tát được lực thân thông, thấy Vô Sắc Giới Thiên lạc định, tâm sanh tham trước, chẳng thấy mạng hết phải đọa vào trong Dục giới, thọ hình chim muông ! Chư Thiên ở Sắc giới cũng lại như vậy, từ chốn thanh tịnh bị đọa trở lại thọ dâm dục trong chốn bất tịnh. Chư Thiên ở Dục giới ham mê ngũ dục, bị đọa trở lại phải vào địa ngục.

[Như Uất Đầu Lam Phất được Phi Tưởng Định, sau khi báo hết bị đọa là thân con Phi Ly trùng (con rái cá, chồn bay)].

Thuật rằng : ba cõi định vị, sáu đường phân chia, tướng thô hay diệu khác nhau, báo khổ hay sướng cũng khác. Xét về nguồn gốc, chẳng lìa sắc tâm, nghiệm về kết cục đều là sanh diệt. Sanh diệt luân hồi, đó gọi là vô thường ! Sắc tâm huyền ảo, đó là khổ bản !

Cho nên kinh Niết Bàn mới ví với sông to ! Kinh Pháp Hoa mới ví với nhà lửa ! Thánh nhân giác ngộ dừng xe lại mà quay về nguồn, vượt ra ngoài tam hữu, dần dần lên tới Thập địa vây.

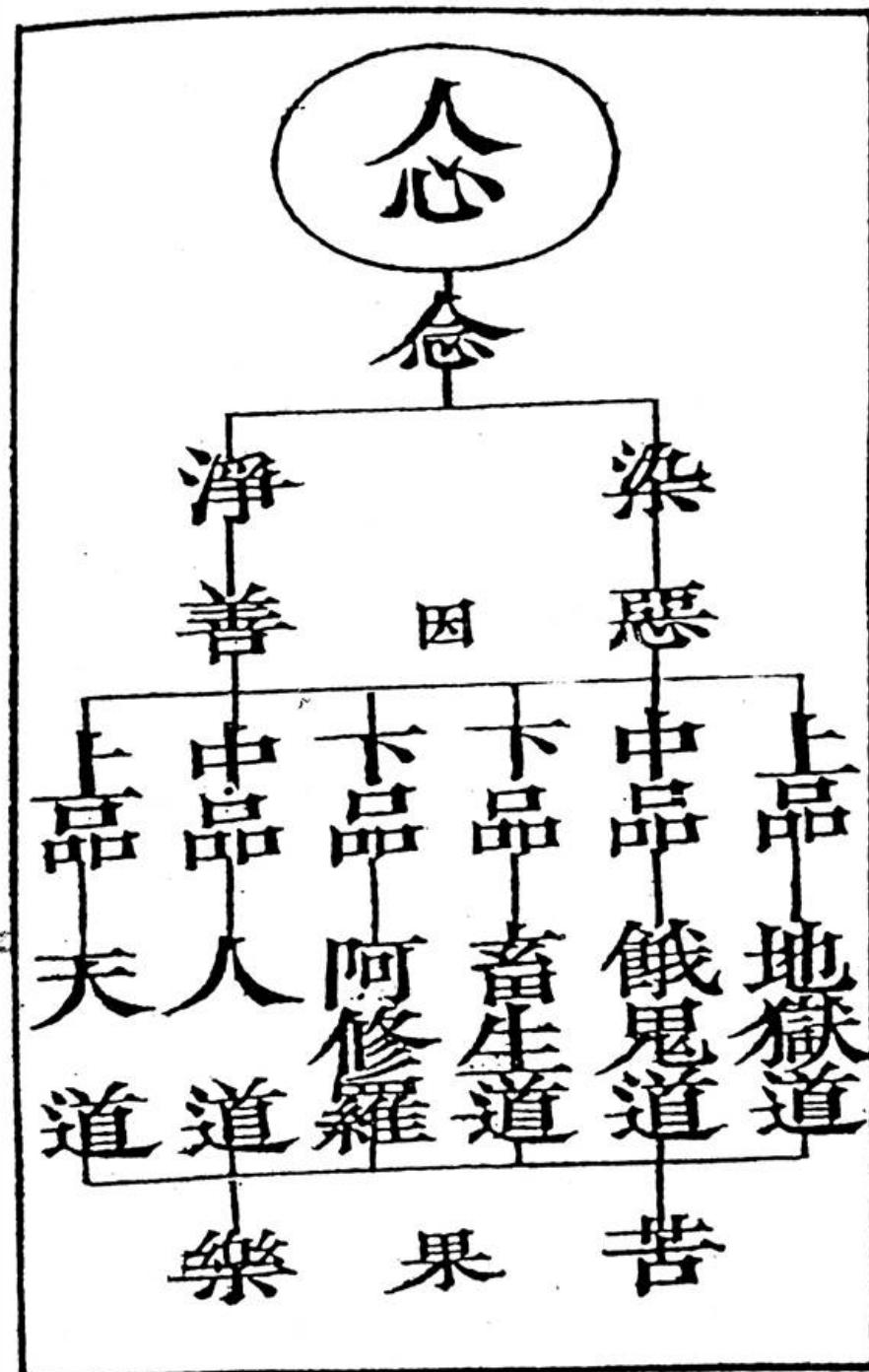
Còn như tìm kiếm Thiên báo, đầu rằng được sung túc vinh hoa, đồ mặc, đồ chơi tươi đẹp mỏe, thân hình khinh diệu, thế nhưng trên Tự Tại Thiên lại có Ma vương, trong Vô Tưởng định lại thành ngoại đạo. Sau Phi Tưởng định vẫn đọa làm thân rái cá.

Lục dục tạp nhiễm, mê hoặc càng nặng, chẳng thể thọ trì Bát Nhã, cúng dường, Niết-bàn, kiêu mạn càng tăng, ngã nhân càng mạnh. Bởi vậy đầu tóc rủ

rượi như hoa héo, mồ hôi nách tuôn đầm áo, điện báu hết ánh quang minh, áo lụa chúa đầy cát ghét, phuốc hết, đến lúc suy, khó mà tránh khỏi vô thường.

Dựa vào đây để tịnh tâm mà sám trù hết thảy, cầu mong cho khắp mọi người lìa hẳn khổ nhân, mà thanh thảng thường lạc.

TÂM SANH LỤC ĐẠO ĐỒ



Con người ta, ai cũng có tâm, đã có tâm, ắt có niêm. Niêm khởi ắt có nhiễm, có tịnh.

Nhiễm : có nghĩa là thủ trước lục trần.

Tịnh : có nghĩa là chẳng thủ lục trần.

Hơn nữa, người đời không có ai là không nhiễm lục trần. Nếu thủ trước lục trần mà gây ra các nghiệp tham, sân, dâm, sát v.v... thì là ác. Nếu đối với lục trần chẳng khởi tham, sân, dâm, sát v.v... thì là thiện. Thêm nữa, đối với lục trần mà thực hành thí, giới, nhẫn v.v... thì đó là thiện.

Nghiệp thiện hay ác thành ở đời nay thì báo sướng hay khổ sẽ ứng ở đời sau. Vì thiện ác trong nhân đó có ba phẩm thượng, trung, hạ khác nhau, nên sự thăng trầm trong quả đó có sáu đường Thiên, nhân, A-tu-la, địa ngục, nga quỷ, súc sanh khác nhau.

Ở trong lục đạo, lại tạo nghiệp nữa, nghiệp lại nối báo, cho nên sáu đường luân hồi không ngừng.

Xét về nguồn gốc ban đầu thì thấy đều do tâm niệm của ta mà sanh ra.

Cho nên đức Phật dạy rằng : ba cõi chỉ là tâm, muôn pháp chỉ là thức (tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức).

Bởi vậy, người khéo tu đạo chỉ cần hiểu rõ điều này, thận trọng đối với sơ niệm của mình, chế phục nhiễm tâm của mình, đó chính là yếu thuật.

Nếu đối với lục trần mà chẳng thủ trước, chẳng thủ thì không có nghiệp, không có nghiệp thì không có báo. Cho nên một niệm chẳng sanh, thời sáu đường đều diệt, ấy là dứt hẳn luân hồi.

Nếu nghiệp đã đoạn tức là vượt ra ngoài ba cõi vậy.

Nếu ở Bát Sanh mà chúng được chân lý, thân tâm dẹp hẳn, thì đó là Nhị thừa. Nếu từ chốn Bát Sanh mà khởi lục độ vạn hạnh thì đó là Bồ-tát Đại thừa.

Nếu tựa như đoạn (chưa thực đoạn căn bản phiền não) nhưng chưa chứng (chưa được chân lý), còn có dị kế, tà kiến thì đó là ngoại đạo chưa tránh được luân hồi. Cho nên bị trói buộc hay được giải thoát đều là do tâm, được hay mất đều do ta, hành giả phải nêu soi xét kỹ !

BẢN ĐỒ AN LẬP PHÁP GIỚI

QUYỀN TRUNG – phần dưới Yên Sơn Sa-môn Nhân Triều tập

IV)- **Đại thiên kiếp lượng :**

- 1- Kỷ kiếp niên số
- 2- Thiên thế giới đồ thuyết
- 3- Đại thiên nghiệp thiền
- 4- Đại thiên tích số
- 5- Kiếp lượng tổng danh
- 6- Thành kiếp
- 7- Trụ kiếp
- 8- Hoại kiếp
- 9- Không kiếp
- 10- Đại kiếp đồ thuyết
- 11- Tăng giảm kiếp đồ thuyết
- 12- Tứ Luân vương
- 13- Tiểu tam tai
- 14- Đại tam tai
- 15- Kiếp vận đồ thuyết
- 16- Hiền kiếp Thiên Phật đồ thuyết

KỶ KIẾP NIÊN SỐ

(Trên kia tuy quán sát ba cõi, nhưng mới chỉ thuyết minh theo chiều cao thăng đứng, chưa đề cập đến chiều rộng. Nên phần dưới đây thuyết minh về đại thiên thế giới để biết khắp tám phương có sự vô cùng, ba cõi có thể tận cùng mà cõi Phật thì rất rộng vậy).

THIÊN THẾ GIỚI ĐÔ



ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI THUYẾT

Kinh Hoa Nghiêm nói : tam thiên đại thiên thế giới nhò vô lượng nhân duyên mới thành. Đại địa nương tựa vào Thủy luân, thủy nương vào phong, phong nương vào không, không không nương vào đâu cả. Chúng sanh nghiệp cảm thế giới an trụ.

Kinh Bồ Tát Tạng nói : chư Phật thành tựu trí không thể nghĩ bàn, nên có thể biết được các tướng gió mưa, biết thế gian có gió lớn gọi là Ô Lô Bác Ca. Mọi thứ giác thụ của chúng sanh đều nhò gió này lay động. Phong luân này cao 3 câu-lô-xá (ở đây gọi là trong khoảng một tiếng trống, Tập Tạng : 5 dặm = 1 câu-lô-xá).

Trong hư không, trên gió này lại có Phong Luân, tên là Chiêm Bạc Ca, lượng Phong luân này cao 10 do-tuần. Lần lượt tướng 8.000 Phong luân như vậy thảy đều biết cả.

Phong luân trên cùng gọi là Chu Biển Thượng Giới, là chỗ nương tựa của Thủy luân, lượng Thủy luân này cao 80.000 do-tuần, là chỗ nương tựa của Đại địa. Lượng Đại địa này cao 68.000 do-tuần, trên mặt Địa lượng này có một tam thiên đại thiên thế giới.

Kinh Trưởng A Hàm nói rằng : một mặt trời, mặt trăng vận hành xung quanh bốn thiên hạ, chỗ ánh sáng chiếu tới được, đó là một thế giới.

Trong ngàn thế giới như vậy có 1.000 mặt trời, mặt trăng, 1.000 núi chúa Tu-di, 4.000 cõi thiên hạ, 4.000 biển cả, 4.000 ác đạo, 1.000 Diêm La vương, 1.000 Tứ Thiên vương, 1.000 Đao Lợi, tới 1.000 Phạm Thiên, đó là một tiểu thiên thế giới.

Một ngàn tiểu thiên thế giới như thế thì là một trung thiên thế giới.

Một ngàn trung thiên thế giới như thế là một đại thiên thế giới.

Trong đó, núi Tu-di bốn châu, mặt trời, mặt trăng cho tới Phạm Thiên mỗi thứ có muôn ức, gọi chung là một cõi Phật.

Luận Câu Xá nói : bốn châu, mặt trời, mặt trăng, núi Mê Lô, Dục Thiên, Phạm Thế mỗi thứ 1.000 thì gọi là một tiểu thiên thế giới. Gấp 1.000 lần tiểu thiên đó thì gọi là một trung thiên.

Gấp 1.000 lần trung thiên đó thì gọi là một đại thiên, đều cùng một thành hoại (kinh Tạp A Hàm, luận Thuận Chánh Lý, luận Du Già, luận Trí Độ, Tạp Tập, luận Hiển Dương, đại thiên số đều như trên).

Kim Quang Minh nói rằng : lúc vua, chúa của loài người, tay bưng lư hương cúng dường kinh, hương đó tỏa khắp, chỉ trong khoảnh khắc bằng một niệm, tới khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới, trăm ức mặt trăng, mặt trời cho đến 100 ức Phi Phi Tưởng Xứ Thiên.

Kinh Hoa Nghiêm nói : bấy giờ, đức Thê Tôn từ dưới hai chân phóng ra 100 ức ánh quang minh chiếu cõi tam thiên đại thiên thế giới này, 100 ức tứ châu, 100 ức biển lớn, núi Luân vi, 100 ức núi Tu-di, Lục dục cho đến 100 ức Sắc Cứu Cánh Thiên, trong đó mọi thứ thảy đều hiện ra rõ ràng.

Hoa Nghiêm Sao nói : nếu nói tiểu thiên thì chỉ kể Sơ thiền, nếu kể trung thiền thì là kể Nhị thiền, vì lượng Nhị thiền bằng trung thiền. Nếu kể đến đại

thiên tức là kể đến Tam thiền, vì lượng Tam thiền bằng đại thiền. Thế thì biết rằng đại thiền có 100 úc Sơ thiền, có 100 vạn Nhị thiền, 1.000 Tam thiền và chỉ một Tứ thiền mà thôi.

Luận Bà Sa nói rằng : Sơ thiền rộng như bốn thiền hạ, Nhị thiền như tiểu thiền, Tam thiền như trung thiền, Tứ thiền như đại thiền (căn cứ vào đây thì Hoa Nghiêm Sao trên phải nói là lượng Nhị thiền bằng tiểu thiền, lượng Tam thiền bằng trung thiền mới đúng).

Thuật Luận viết : lời Thánh của Phật, lý hẳn không hai. Vì sao kinh luận lại khác nhau ?

Số núi Tu-di nếu theo A Hàm, Câu Xá v.v... thì đại thiền có vạn úc Tu-di. Nếu theo Quang Minh, Hoa Nghiêm v.v... thì có 100 úc Tu-di, thế là số này khác nhau vậy.

Thêm nữa, có khi nói đại thiền có 100 úc Tứ thiền thế thì lượng rất hẹp, có khi nói là chỉ có một Tứ thiền thế thì lượng rất rộng. Thế là rộng, hẹp khác nhau.

Lại nữa, hoặc nói có Tứ không Thiên, hoặc không có Tứ không Thiên, thế là tăng giảm khác nhau. Vì sao lại như vậy ?

Đáp : Tuy có những chỗ khác nhau chút ít, nhưng đều có lý cả.

1)- Hội Số (lĩnh hội về số). Trước hết lấy ví dụ để thể hiện thì một tiểu thiền giới cũng như một quan tiền (một đồng như một núi Tu-di, 1.000 đồng như 1.000 núi Tu-di).

Một trung thiền giới như 1.000 quan tiền, tuy số lớn nhỏ khác nhau, nhưng đều không ngoài 1.000 quan đó. Vì sao vậy ? Vì úc có bốn bậc. Nếu coi 100 vạn là úc thì một đại thiền có 1.000 úc Tu-di, nếu coi 1.000 vạn là úc thì một đại thiền có 100 úc Tu-di. Nếu coi vạn vạn là úc thì một đại thiền có 10.000 úc Tu-di.

2)- Số hội về rộng hẹp, lại như nói lượng Nhị thiền bằng một tiểu thiền, nếu đem tiểu thiền Sơ thiền hướng lên trên mà lấy thì có 1.000 Nhị thiền. Như vậy 100 úc Sơ thiền hướng lên mà lấy thì có 100 úc Tứ thiền, ví như mây mù hạ che khắp chín châu. Nếu lấy chau mà tính thì có chín mây, nếu lấy quận mà tính thì có hơn 400 mây. Nếu lấy huyện mà tính thì có hàng 1.000 mây là ít. Hoặc nói một mây che khắp muôn nước, hoặc nói mỗi nước có một mây mù hạ. Cứ nghĩ thì có thể thấy.

3)- Thiên số tăng giảm. Có hai nghĩa, nếu căn cứ vào Kim Quang Minh, Lăng Nghiêm thì trên Sắc giới có Tứ không. Còn nếu theo như Hoa Nghiêm qui định có xứ sở chỉ tới Sắc đỉnh, qui định rằng đạo pháp ở khắp Tứ không, thì Tứ không không có xứ, tùy xứ mà đắc quả, như tại Dục giới được Vô Sắc định thì ở Dục giới mà được quả báo. Nên không có xứ khác, mà được bao gồm ở trong hai giới.

A Tỳ Đàm nói : từ bên đỉnh Tu-di này đến bên đỉnh Tu-di kia là 12 úc 3.450 do-tuần, từ trung tâm của núi Tu-di này đến trung tâm của núi Tu-di kia là 12 úc 8 vạn 3.450 do-tuần; từ chân núi này đến chân núi kia là 12 úc 3.015 do-tuần. Các núi ở tám phương cách xa nhau cũng lại như thế. Đó là điều mà Phật nói.

Hoặc nói rằng : ngoài 1.000 núi Tu-di có một núi Tiêu Luân vi vây quanh, núi này cao tới cõi Sơ thiền.

Ngoài trung thiền giới có núi Trung Luân vi vây quanh ở phía ngoài, cao tới Nhị thiền. Ngoài đại thiền giới có núi Đại Luân vi vây quanh ở phía ngoài, cao tới Tam thiền (thêm nữa, ngoài một Tu-di tú thiền hạ có một núi Tiêu Luân vi, tổng cộng thành bốn bậc).

Còn trong chõ núi Tống Đại Luân vi bao bọc trên thì tới Phi Phi Tường, dưới thì tới hết Phong luân, gọi chung là tam thiền đại thiền thế giới. Vì phải nhân lên ba lần nên gọi là tam thiền. Lược tiểu, trung đi mà chỉ tính số cuối cùng nên gọi là đại thiền. Đại thiền giới này thành thì cùng thành, hoại thì cùng hoại, gọi chúng là Sa-bà thế giới, đó chính là cõi mà đức Thích Ca Như Lai nghiệp hóa vậy.

ĐẠI THIỀN NHIẾP THIỀN CHI ĐỒ

KIẾP LUỢNG TỔNG DANH (Tên chung của kiếp lượng)

Kiếp là tên chung của Đại thời (thời gian lớn).

Tiếng Phạn gọi đủ là Kiếp Ba Bá Đà (gọi tắt là kiếp).

Ở đây gọi là đại thời phân, nhưng đại thời này rất là lâu dài không thể dùng năm tháng mà tính được. Cho nên Thánh nhân lấy ví dụ phẩy đá thành hạt cài để chỉ các thời kỳ thủy hỏa thành hoại v.v... và để nói về lượng thời gian của các thời kỳ ấy.

Kiếp có nhiều loại, nếu nói qua về những loại có thể biết được thì có các loại đại, tiểu, thành, hoại mà thôi.

Thoạt tiên thu gọn lại làm bốn bậc :

- 1- Biệt kiếp (một tăng giảm)
- 2- Thành kiếp 40 (lấy trụ hợp thành)
- 3- Hoại kiếp 40 (lấy không hợp hoại)
- 4- Đại kiếp (Tống, thành, hoại, biệt kiếp)

Nếu mở rộng ra thì có sáu loại kiếp :

- | | |
|---------|----------|
| 1- Biệt | 4- Hoại |
| 2- Hành | 5- Không |
| 3- Trụ | 6- Đại |

Nếu gói lại nữa thì có ba đại kiếp :

- 1- Tiêu kiếp (tức biệt kiếp)
- 2- Trung kiếp (thành trụ tùy nhất - một thành một trụ)
- 3- Đại kiếp (Tống, thành, trụ, hoại, không)

Mở ra khép lại tuy có khác nhau, nhưng chẳng ra ngoài một đại thời phân vậy.

THÀNH KIẾP

Chỉ thế giới quá khứ đã bị tiêu diệt rồi, không khoáng lâu ngày, nghiệp lực của chúng sanh lại nổi gió mưa tạo lập ra các khí thế giới như cũ. Theo như kinh Hoa Nghiêm thì tam thiên đại thiên thế giới chẳng phải là chỉ nhờ một duyên, chẳng phải chỉ nhờ một sự mà thành tựu được, mà phải nhờ vô lượng duyên, vô lượng sự mới thành tựu được.

Đó gọi là dấy đám mây lớn, đồ trận mưa to, bốn loại Phong luân nối nhau mà làm chỗ dựa.

Bốn loại đó là những gì ?

- 1- Thứ nhất gọi là Năng Trì, vì năng trì đại thủy,
- 2- Thứ hai là Năng Tiêu, vì năng tiêu được đại thủy,
- 3- Thứ ba là Kiến Lập, vì kiến lập hết thảy mọi xứ sở,
- 4- Thứ tư là Trang Nghiêm, vì trang nghiêm phân bố đều khéo léo.

Như vậy đều là do cộng nghiệp của chúng sanh cùng thiện căn của các Bồ-tát khởi lên, khiến hết thảy chúng sanh ở trong đó đều tùy theo sự thích nghi của mình mà được thụ dụng.

Thêm nữa, lúc mây lớn đồ mưa, có mây mưa lớn gọi là Năng diệt, diệt được hỏa tai. Có mây mưa lớn gọi là Năng khởi, dấy được đại thủy. Có mây mưa lớn gọi là Năng chỉ, ngừng được đại thủy. Có mây mưa lớn gọi là Năng thành, thành được mọi thứ báu ma-ni. Có mây mưa lớn gọi là Phân biệt, phân biệt tam thiên đại thiên thế giới.

Tam thiên đại thiên thế giới lúc mới thành, trước tiên thành cung điện của chư Thiên ở Sắc giới, sau đó thành cung điện của chư Thiên ở Dục giới, sau nữa thì thành nơi ở của người và các loài chúng sanh khác.

Hơn nữa, mây mưa lớn đó chỉ có một vị nước, nhưng tùy theo thiện căn khác nhau của chúng sanh mà cung điện được dựng lên cũng có nhiều thứ khác nhau.

Thế giới lúc mới sắp thành, có nước lớn sinh ra đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, sinh hoa sen lớn gọi là Như Lai Xuất Hiện Công Đức Bảo Trang Nghiêm che khắp trên mặt nước, chiếu sáng mọi thế giới ở mười phương. Khi ấy, Ma Hê Thủ La, Tịnh Cư Thiên v.v... nhìn thấy hoa này thì biết chắc rằng ở trong kiếp này, có đức Phật ở nơi đó nổi lên ở đời. Bấy giờ trong đó có Phong luân khởi lên gọi là Thiên Tịnh Quang Minh có thể thành tựu được các cung điện của chư Thiên Sắc giới.

Có Phong luân khởi lên gọi là Tịnh Quang Minh Trang Nghiêm, có khả năng thành tựu được cung điện của chư Thiên Dục giới.

Có Phong luân khởi lên gọi là Kiên Mật Vô Năng Hoại, có thể tạo thành được các núi Luân vi lớn nhỏ cùng núi Kim Cương lớn nhỏ.

Có Phong luân khởi lên gọi là Thắng Cao có thể tạo thành được núi chúa Tu-di.

Có Phong luân khởi lên gọi là Bất Động, hay tạo thành được mười Sơn vương lớn. Những gì là mười ? Đó là núi Khu Đà La, núi Tiên Nhân, núi Phục Ma, núi Đại Phục Ma, núi Trì Song, núi Ni Dân Đà La, núi Mục Chân Lân Đà, núi Ma Ha Mục Chân Lân Đà, núi Hương Sơn, núi Tuyết Sơn.

Có Phong luân khởi lên gọi là An Trụ, có khả năng thành tựu được Đại địa.

Có Phong luân khởi lên gọi là Trang Nghiêm, có khả năng thành tựu được cung điện của Địa Thiên, cung điện của loài rồng, cung điện Càn-thát-bà.

Có Phong luân khởi lên gọi là Vô Tận Tạng, có thể thành tựu được tất cả các biển lớn của tam thiên đại thiên thế giới.

Có Phong luân dây lên gọi là Phổ Quang Minh Tạng, có thể tạo thành được các thứ báu ma-ni của tam thiên đại thiên thế giới.

Có Phong luân khởi lên gọi là Kiên Cố Căn, có khả năng thành tựu được hết thảy mọi cây cối như ý.

Nước do mây lớn đổ mưa xuống đều cùng một vị, không có phân biệt. Vì thiện căn của chúng sanh khác nhau nên Phong luân khác nhau, Phong luân khác nhau thì thế giới khác nhau.

Kinh Khởi Thế nói : vì sao thế giới hoại rồi lại thành ? Vì sau khi thế giới quá khứ bị tiêu diệt, trải qua vô lượng thời gian, khởi mây tầng lớn che khắp Phạm Thiên, đổ mưa lụt lớn xuống, hạt mưa to như trực xe, trải suốt 100.000 vạn năm.

Nước mưa đó tụ lại dần dần tăng trưởng tới tận thế giới Phạm Thiên, nước lớn đầy khắp được bốn gió nâng đỡ. Sau khi tạnh mưa, nước lại tự rút vô lượng vạn ức do-tuần.

Có gió lớn nổi lên gọi là A Na Tì La thổi dám nước đó, nổi sóng cuồn cuộn, sanh ra đám bọt nước lớn, được gió thổi đặt vào giữa không trung. Từ trên tao tác cung điện Phạm Thiên, cung điện Tha Hóa Thiên v.v...

Lại tạo núi chúa Tu-di, bốn châu, núi Luân vi v.v... lại được xây dựng như cũ (tạo hóa, trời đất bắt đầu từ đây).

Nếu lúc thế giới thành, thì trước hết từ trên thành Tam thiên Thiên ở Sắc giới lần lượt thành ở dưới cho tới Diệm Ma Thiên ở Dục giới. Đó là nương vào Không mà ở, cho nên từ trên mà thành xuống dưới vậy.

Tiếp đến, trước tiên từ Phong luân ở dưới mà lần lượt thành lên cho tới Đao Lợi Thiên. Đó là dựa vào Địa giới, cho nên từ trên mà thành dưới vậy. Phong thủy cổ vũ biến hóa như vậy trải qua 20 tiểu kiếp, các khí thế giới mới được thành tựu.

TRỤ KIẾP

Trụ kiếp là chỉ thế giới đã thành có thể để cho loài hữu tình an trú thọ dụng được.

Kinh Hoa Nghiêm nói : tam thiên đại thiên thế giới đã thành tựu rồi thì đem lại lợi ích cho vô lượng các loài chúng sanh.

Đó là loài chúng sanh thủy tộc thì được lợi ích dưới nước;

Loài chúng sanh trên cạn thì được lợi ích của đất;

Loài chúng sanh ở cung điện thì được lợi ích của cung điện;

Loài chúng sanh hư không thì được lợi ích của hư không.

Kinh Trường A Hàm nói : trời đất lúc mới bắt đầu trở lại thì không có gì cả, cũng không có mặt trời, mặt trăng, đất tuôn suối ngọt (cũng gọi là vị đất) vì như tô mật. Bấy giờ, chư Thiên Quang Âm hoặc có vị phước hết đến sanh ở đây (người bắt đầu sanh ra), hoặc thích xem đất mới, tính hay bồng bột, lấy ngón tay chấm vào đó mà ném thử (bắt đầu có sự ăn uống), ba lần như vậy thấy được vị ngon, ăn mãi, ăn mãi dần sanh ra to béo, mắt vẻ quang minh thần túc diệu sắc của trời, trở thành rất tối tăm. Sau cơn gió Đại Hắc Phong thổi nước biển đó dạt ra mặt trời, mặt trăng (bắt đầu có mặt trời, mặt trăng) quanh núi Tu-di soi khắp bốn cõi thiên hạ. Bấy giờ con người thấy mặt trời, mặt trăng mọc thì mừng, thấy lặn thì sợ (bắt đầu có ngày đêm).

Từ đây về sau, ngày đêm hối sóc, xuân thu tuế số, đến lúc cuối cùng rồi lại bắt đầu trở lại. Lúc kiếp mới thành, con người đều là hóa sanh, không có sự phân chia nam nữ tôn ti, hợp thành đàn lũ cùng sinh sống ở đời, cho nên gọi là chúng sanh (bắt đầu có chúng sanh).

Kẻ ăn vị đất (địa vị) nhiều thì nhan sắc thô kệch tiêu tụy, kẻ ăn ít thì nhan sắc sáng sủa mượt mà (bắt đầu sanh ra đẹp xáu).

Rồi sinh ra hơn thua, sinh ra phải trái (bắt đầu có sự bất thiện).

Vị đất kiệt dần, khiến chúng sanh thấy đều ảo não, than thở coi đó là tai họa. Không có vị đất nữa thì lại sinh Địa Bì đáng như bánh mỏng. Địa Bì cũng lại hết, lại sinh Địa Phu, Địa Phu hết (kinh Tăng Nhất nói) nên lại sinh ra tự nhiên Địa Phì như rượu Bồ đào.

Kinh Lâu Thán nói : Địa Phì chẳng sinh thì sinh hai cành Bồ đào (tức là Lâm đằng vậy). Vị nó cũng ngọt, lâu lâu ăn nhiều, cùng nhau cười cợt. Bồ đào chẳng sinh, lại sinh gạo tẻ không có vỏ trấu, chẳng cần giã đâm điệu hòa mà có đủ mọi vị ngon., Chúng sanh ăn vào sinh ra hình nam nữ (bắt đầu có cắn).

Luận Thuận Chánh Lý nói : lại mọc lúa thơm tự nhiên chẳng phải trồng cây, món lương thực này thô, nên có cắn bã bẩn thiu ở trong người, vì muốn thải bỏ đi, liền sinh ra hai đường, thế là sinh ra nam cắn - nữ cắn. Do nam nữ cắn hình thành, nên thói dục liền khởi.

Kinh Tăng Nhất (A Hàm) nói : các người ái dục nhiều thì thành nữ, nên có danh từ vợ chồng (bắt đầu có vợ chồng). Sau đó, chúng sanh dâm dục càng tăng, vợ chồng bèn cùng ở với nhau.

Sau Quang Âm Thiên Hạ sinh trong thân mẹ (bắt đầu có loài thai sanh) nên có loại thai sanh. Bấy giờ bèn xây dựng thành quách, lúa tẻ tự nhiên sớm gặt, tối lại chín, tối gặt sớm lại chín.

Kinh Trung A Hàm nói : hạt gạo đó dài bốn tấc chưa có cọng rơm rạ, bấy giờ có chúng sanh lấy để ăn trong một ngày, cứ bắt chước nhau như vậy, thậm chí lấy một lần để làm lương ăn trong năm ngày, gạo tẻ dần dần sinh ra trấu cám, gặt xong chẳng mọc, bèn thành rơm khô. Lúc đó, chúng sanh buồn rầu khóc lóc, ai nấy đều vào vườn ruộng lúa tẻ mà trở thành bờ cõi (bắt đầu có

ruộng đất). Đám chúng sanh đó tự cất giấu gạo của mình, đi ăn trộm thóc ở ruộng của người khác, không ai giải quyết được.

Bèn bàn nhau lập ra một vị chủ bình đẳng, giỏi giang bảo vệ được nhân dân, để thương người lương thiện, phạt kẻ gian ác. Ai này cùng nhau bót phần thu hoạch của mình để cung cấp cho vị đó.

Cho nên họ đã chọn một người hình mạo tôn nhã, rất có tài đức, thỉnh vị đó làm chủ (bắt đầu có chủ đất, điền chủ, như vua ngày nay), thế là bắt đầu có danh từ Dân, Chủ (chủ của dân, chúa của dân).

Vị chủ của dân đó, phụng hành thập thiện, thương xót nhân dân như cha mẹ yêu con, nhân dân kính chúa như con kính cha. Tuổi thọ của con người lâu dài, sung sướng vô cùng.

Kinh A Hàm nói : thế giới mới thành, Quang Âm Thiên Nhân giáng xuống, ai này đều có thân quang, phi hành tự tại, thấy có Địa Phì rất là thơm ngon, kẻ lấy ăn nhiều thì mất thần túc, thân thể nặng nề không còn quang minh.

Mặt trời, mặt trăng bắt đầu sinh ra, vì tham ăn nên Địa Phì diệt mất, lại sinh Bà La, Bà La diệt mất, lại sinh gạo tẻ dài chừng bốn tấc, sớm gặt tối sinh, ăn thứ gạo đó nén sinh ra hình nam, tướng nữ, làm các hạnh bất tịnh. Họ bèn lập ra gia đình, chúng sanh lười nhác ở trong đó liền nghĩ, phải lấy nhiều gạo tẻ để làm lương ăn một ngày, thậm chí tích tụ dần dần tới bảy ngày. Thế là lúa gặt đến đâu, tối chẳng mọc lại nữa.

(Luật sư Hựu nói : làn gió kiêu bạc động thì nguồn thuần phác cạn, tinh linh thông cảm thì sét đánh còn coi là chậm. Đông lai thêm tô thì cá biển lặn mất, Hợp phố tăng thuế thì trai ngọc dời xa. Lấy chuyện gần mà so với chuyện thời cổ, thì việc gạo tẻ chẳng sinh, cũng không có gì đáng lấy làm lạ, đáng phải nghi ngờ vậy).

Vì thế mà phải đặt ra ruộng nương cày cấy, dựng nêu, cắm mốc. Thế là nếu có một chúng sanh nào vào ruộng người khác mà gặt trộm lúa thì liền xảy ra sự đánh đắm lẫn nhau, nên chúng sanh cử một vị Trí giả Tam Ma Đa làm Thủ Đìền chủ (chúa giữ ruộng).

Nếu kẻ nào đáng quả phạt thì để cho vị đó quả phạt, còn thóc lúa chúng ta gặt được phải đem nộp cho vị điền chủ đó gọi là Sát Lợi chủng. Còn có những người bỏ nhà vào núi cầu đạo, xa lìa ác pháp thì gọi là Bà-la-môn chủng, những người tập nghiệp tự doanh thì gọi là Cư sĩ chủng, những người thạo các kỹ nghệ, dựa vào đó mà sinh sống thì gọi là Thủ-đà-la chủng (hoặc Tì Xá).

Trong bốn chủng đó, có người nghĩ rằng, ân ái thế gian, ô uế chẳng sạch, đâu đáng để mà tham đắm chấp trước ! Bởi vậy đã bỏ nhà, cắt bỏ râu tóc, mặc áo pháp mà cầu đạo, ta gọi là Sa-môn. (Thuật nói : danh hiệu Sa-môn từ thời thượng cổ đã có rồi, vì cõi Dục là gốc của sự khổ (khổ bản), nhà là rễ của chấp trước (trước căn). Chấp trước sâu thì mọi điều ác cùng dây lên, dục càng nhiều thì sanh tử sê vô cùng. Bởi vậy các bậc Đạt sĩ sáng suốt thời cổ tự mình giác ngộ, biết rõ cái sai, liền bỏ ân ái để lấp nguồn khổ. Lại bỏ thói luyến trước gia đình để đoạn trừ ác nhân, ví như chim sô lồng, như trăng lìa mây, như đường ra khỏi chõ bụi bặm. Đây thật là bậc đi trước vậy.

Trong trụ kiếp này, trời đất chǎng hoại, chúng sanh an trụ cùng trải qua 20 tiểu kiếp, mỗi một tiểu kiếp lúc tăng cực thì có vị Luân vương xuất thế, lúc giảm cực thì có vị Tiểu Tam Tai (xem kỹ phần sau).

HOẠI KIẾP

Hoại kiếp là nói trụ kiếp đã mãn, thế giới vạn vật thảy đều hoại diệt.

Kinh Hoa Nghiêm nói : tam thiên đại thiên thế giới lúc kiếp hoại nổi lên thì đốt cháy hết thảy cỏ cây rừng rú, thậm chí cả các núi Thiết vi, Đại Thiết vi đều rùng rực cháy không còn sót một tí gì.

Lại thêm lúc phong tai nổi lên thì có gió lớn nổi lên gọi là Tân Hoại, hủy hoại cả cõi tam thiên đại thiên thế giới, các thứ như núi Thiết vi v.v... đều thành bột vụn ! Lại có loại gió lớn tên là Năng Chướng, bao quanh cõi tam thiên đại thiên thế giới ngăn che không cho gió Tân Hoại tới thế giới khác. Nếu không có loại gió lớn Năng Chướng này thì mười phương thế giới không có nơi nào là không bị hủy hoại cho bằng hết.

Luận Hiển Tông nói : nói hoại kiếp có nghĩa là nói loài hữu tình địa ngục chǎng sinh nữa, cho tới khí thế giới ở bên ngoài cũng đều bị hủy hoại hết.

Hoại có hai loại :

- 1)- Thú hoại
- 2)- Giới hoại

Thú hoại là nói thế gian này qua 20 tiểu kiếp rồi, từ đó lại có 20 hoại kiếp bằng trụ kiếp nữa. Hoại kiếp sắp khởi, người trụ ở chốn này thọ lượng 8 vạn. Thời này, loài hữu tình ở địa ngục mang chung chǎng sinh mới nữa. Đó là lúc bắt đầu của hoại kiếp, cho tới lúc địa ngục không còn một hữu tình nào, lúc đó gọi là địa ngục đã hoại. Còn các chúng sanh nào nhất định phải thọ nghiệp báo ở địa ngục thì nghiệp lực dẫn đi đặt ở trong địa ngục phương khác. Căn cứ vào đây mà có thể biết về loài bàng sanh, quỷ thú (súc sanh, ngạ quỷ).

Lúc đó trong thân người không còn các trùng nữa, giống với thân Phật và giống bàng sanh đã hoại.

Có hai thuyết : loại có ích cho người thì hoại cùng với người. Ngoài ra, các loại khác hoại trước.

Bấy giờ loài người, một người châu này không có Sư - Pháp, nhưng được Sơ Tịnh Lự, rao lên như vậy : Ly Sinh Hỉ Lạc rất sướng, rất tịnh. Những người khác nghe xong, đều nhập Tịnh Lự, mang chung cùng sanh ở Phạm Thế, cho tới lúc loài hữu tình ở châu này đều hết thì gọi là người Thiệm Bộ châu đã hoại.

Hai châu Đông - Tây cũng đều theo lệ này, Bắc châu mang tân, sinh Dục giới Thiên, do họ độn cǎn, không lìa dục. Sinh Dục Thiên rồi, Tịnh Lự hiện tiền, chuyển được Thắng y, mới lìa được dục, cho tới khi nẻo người không còn một hữu tình nào, thì gọi là nẻo người (nhân thú) đã hoại. Lúc này Dục giới theo một hữu tình tuy không có Sư - Pháp nhưng được Sơ Tịnh Lự, cùng sinh ở Phạm Thế, cho tới khi Dục giới không còn một hữu tình nào thì gọi là Dục giới đã hoại. Bấy giờ Phạm Thế theo một hữu tình không có Sư - Pháp nhưng được Nhị Tịnh Lự reo lên như vậy : Định Sinh Hỉ Lạc rất sướng, rất tịnh. Chư Thiên khác

nghe xong đều nhập Tĩnh Lự đó, mạng chung đều sinh ở Cực Quang Tĩnh Thiên, cho đến lúc loài hữu tình ở Phạm Thế đều hết (Trên hoại tới Tam thiền, cứ theo lệ này thì có thể biết được).

Chỉ còn lại khí thế giới trống rỗng mà trụ. Đại tai sắp khởi, mới bắt đầu giới hoại. Giới hoại có nghĩa là các thứ tai họa hỏa, thủy, phong hủy hoại khí thế giới.

1)- Hỏa kiếp : lửa đều nỗi lên hủy hoại tới Nhị thiền Thiên.

2)- Thủy kiếp : nước đều dâng lên hủy hoại tới Tam thiền Thiên.

3)- Phong kiếp : gió đều nỗi lên hủy hoại tới Tứ thiền Thiên, nhưng Tứ thiền Thiên chẳng hoại vì Xả Niệm thanh tịnh.

Kiếp đại tam tai này chỉ hủy hoại khí thế giới, chẳng hủy hoại loài hữu tình, còn loài hữu tình thì dời đến thế giới khác.

Hoặc là người nào có Thiên nguyện và lực Tam-ma-đè thì được sanh trong Tứ thiền Thiên.

Luận Hiển Tông nói : Tam thiền Thiên ở dưới nhất định bị các tai họa thủy, hỏa, phong. Vì Sơ Tĩnh Lự thì Tâm Tứ là nội tai, có thể thiêu não được tâm, ngoài là hỏa tai; đệ nhị Tĩnh Lự thì Hỉ Thụ là nội tai, khinh an nhuận trạch, ngoài là thủy tai;

Đệ tam Tĩnh Lự thì động tức là nội tai, ngoài là phong tai.

Sơ Tĩnh Lự trong có đủ ba tai, ngoài cũng bị ba tai hủy hoại;

Đệ nhị Tĩnh Lự trong có hai tai, ngoài cũng bị hai tai hủy hoại;

Đệ tam Tĩnh Lự trong có một tai, ngoài cũng chỉ bị một tai hủy hoại.

Đệ tứ Tĩnh Lự không có ngoại tai, vì trong định đó, trong không có tai họa gì.

Luận Tạp Tâm hỏi : Vì có gì mà hoại kiếp chẳng tới đệ Tứ thiền ?

Đáp : Vì là Tịnh Cư Thiên, sinh ở Vô thượng địa, tức là Bát Niết-bàn, nên cũng chẳng sinh xuống hạ địa, chẳng phải là só diệt, nên vị đó trụ qua hoại kiếp mà cũng chẳng bị cháy, vì Tăng thượng phước lực sinh ở chốn đó, nên chẳng có nhiễu loạn ở bên trong. Nếu có nhiễu loạn ở bên trong thì ngoài át có tai họa. Sơn thiền kia vì trong có lửa Giác Quán nhiễu loạn, nên ngoài có Hỏa tai thiêu. Đệ nhị thiền vì trong có Hỉ Thủy nhiễu loạn, nên ngoài bị Thủy tai làm cho trôi dạt.

Đệ tam thiền trong có gió thở ra hít vào nhiễu loạn, nên ngoài bị Phong tai thủy hỏa.

Hỏi : Đệ tứ thiền chưa từng bị nhiễu loạn, vậy thì sao lại có thể là bất thường ?

Đáp : Bị sát-na vô thường hủy hoại; địa vị của Đệ tứ thiền không nhất định là liên tục, theo Thiên này sinh, cung điện đều cùng khởi lên. Nếu Thiên đó mang chung thì cung điện đó sẽ bị diệt cùng.

Hễ khi nào trụ kiếp hết thì át phải trải qua một làn hỏa tai hủy hoại, thế giới cũng trải qua 20 kiếp mới hoại được hết;

Kiếp thủy phong đó như sẽ trình bày rõ ở phía sau.

KHÔNG KIẾP

Không kiếp chi sau khi trải qua đại tai, trời đất vạn vật thấy đều vô hình, chỉ là khoảng trống rỗng mênh mông mà thôi.

Khoảng trống rỗng như vậy cũng trải qua 20 tiểu kiếp, qua kiếp này rồi lại nhập thành kiếp như kiếp phong trước đây đã thổi dâng kiếp thủy, thủy sinh bọt dày, hóa làm núi biển vị lai, thế giới lại được xây dựng như cũ.

ĐẠI KIẾP THÀNH HOẠI TUẦN HOÀN CHI ĐỒ



Bốn loại trên tổng cộng lại là một đại kiếp, đại kiếp này thành hoại tuần hoàn, mãi mãi không dứt.

Tất cả mọi thế giới ở mươi phương ba đời đều có bốn loại kiếp tướng đó là thành - trụ - hoại - không. Thành tức là trụ, trụ tiếp đến hoại, hoại thì lại không, không mà lại thành, liên hoàn vô tận.

(Ví như một chiếc cầu phao, phải dùng tới 20 năm mới làm xong, lại tới 20 năm chờ người qua sông, lại tới 20 năm dần dần hư hỏng, lại tới 20 năm không cầu chỉ có nước. Nước ví với không kiếp, lại ví một đại kiếp cũng như một năm, bốn trung kiếp ví như bốn mùa, thành như mùa xuân, trụ như mùa hạ, hoại như mùa thu, không như mùa đông, đông rồi lại xuân).

Luận Đôi Pháp nói : Đông phương vô lượng thế giới không gián, không đoạn như vậy, hoặc có thế giới sắp hoại, hoặc có thế giới sắp thành, hoặc có thứ đang hoại, hoặc có thứ hoại rồi không; hoặc có thứ đang thành, hoặc có thứ thành rồi trụ.

Cũng như Đông phương, cho tới mươi phương cũng đều như vậy, dù là hữu tình thế gian hay là khí thế gian, vì do lực của nghiệp phiền não mà sanh, do nghiệp phiền não tăng thượng khởi lên.

Hoa Nghiêm nói : ví như lá trong rừng có sinh thì cũng có rụng, trong các cõi cũng như vậy, thế giới có thành thì có hoại.

Trang Xuân Lục viết : xem thấy thế giới thành hoại thật vô cùng.

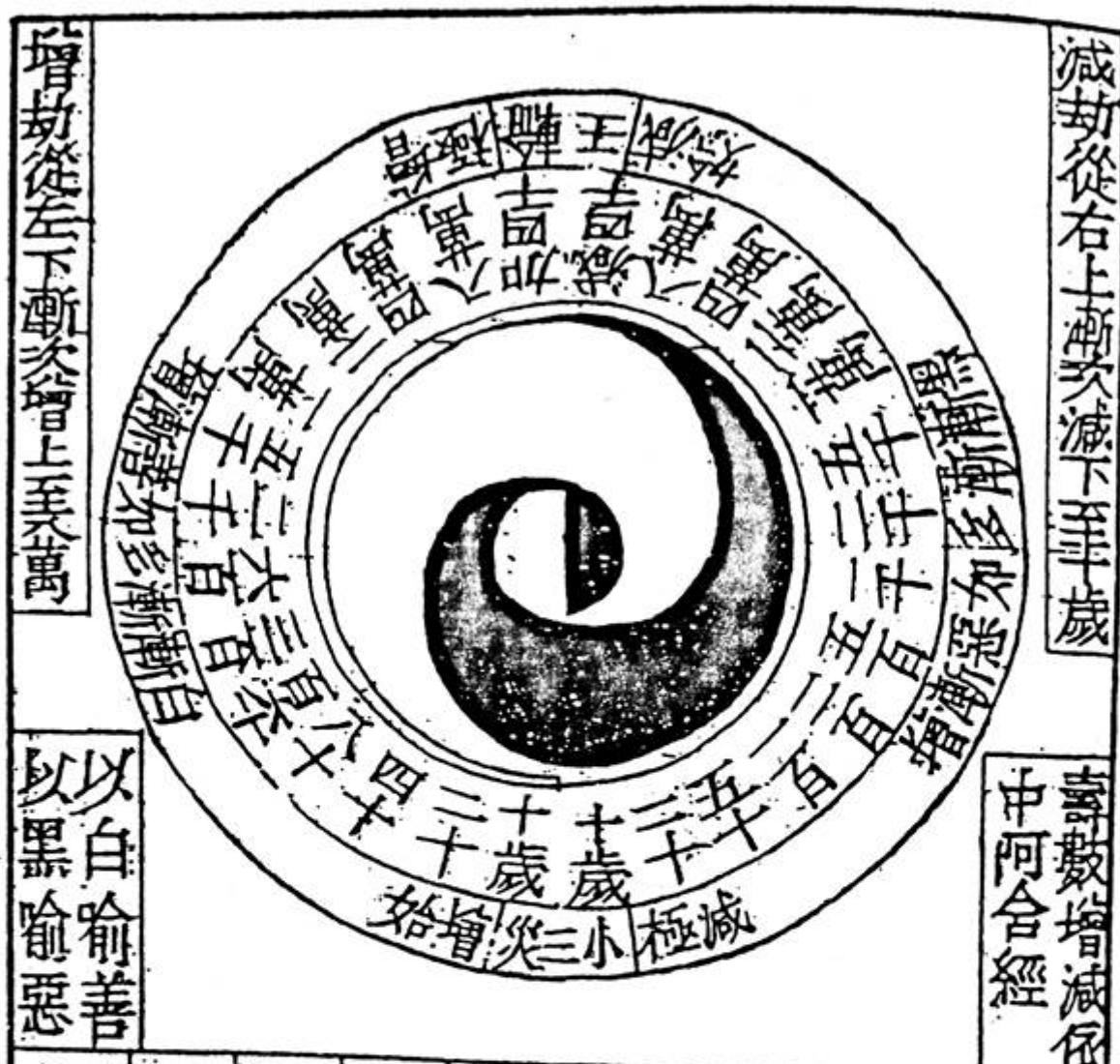
Có hai nhân duyên :

1)- Do chổ cảm cùng một nghiệp của chúng sanh :

Có nghĩa là cùng một Hoặc nghiệp tam độc, cùng mê một tâm mà cảm hiện y báo. Hoặc nghiệp chưa hết, y báo làm sao mà cùng được. Nếu không chổ nương, sao gọi là thọ báo nữa ! Cho nên khiến cho thế giới thành hoại liên tục.

2)- Do chổ cảm nguyện lực của chư Phật; có nghĩa là chư Phật có lời hoằng thệ độ cho hết chúng sanh, chúng sanh đã vô cùng thì Phật nguyện cũng vô tận. Do chổ cảm này mà y báo liên tục.

TIỀU KIÉP TĂNG GIẢM TUẦN HOÀN ĐÔ



解曰。經名增減劫者。皆就善以明義。謂增者。由善業增長。故福增壽增等。乃至十善具足時。人壽八萬歲。爲增劫之極也。如月一圓滿黑月。消盡減者。由善業損減。故福減壽減等。乃至十善消盡時。人壽十歲。爲減劫之極也。如月十六十七漸漸明少。至三十七日。夜白月消盡。唯黑月在。此皆以善增善減。立增減之名也。

Cứ trong một đại kiếp thì có một trụ kiếp.

Trong một trụ kiếp thì có 20 tiểu kiếp.

Một tiểu kiếp là một tăng, một giảm. Tăng giảm căn cứ vào tuổi thọ của con người mà thể hiện rõ.

1)- Giảm kiếp từ Hữu Thượng dần dần giảm xuống tới 10 tuổi.

2)- Tăng kiếp từ Tả Hạ dần dần tăng lên tới 8 vạn tuổi.

3)- Thọ số tăng giảm căn cứ vào kinh Trung A Hàm.

4)- Trắng ví với thiện, đen ví với ác.

(Giải rằng : kinh gọi là tăng giảm kiếp đều căn cứ vào thiện để thuyết minh về nghĩa. Gọi là tăng tức là do thiện nghiệp tăng trưởng, nên phước tăng, thọ tăng cho tới khi thập thiện đầy đủ thì con người thọ tới 8 vạn tuổi, đó là cực độ của tăng kiếp. Như mặt trăng mùng 1, mùng 2 dần dần sáng thêm cho tới hôm rằm, trăng sáng viên mãn, Hắc Nguyệt tiêu hết.

Gọi là giảm có nghĩa là thiện nghiệp giảm sút, phước giảm, thọ giảm v.v... cho đến khi thập thiện tiêu hết, con người chỉ thọ có 10 tuổi, đó là cực độ của giảm kiếp. Ví như mặt trăng 16, 17 giảm sáng dần dần cho tới đêm 30, Bạch Nguyệt tiêu hết, chỉ còn Hắc Nguyệt.

Đó đều là căn cứ vào thiện tăng, thiện giảm mà đặt ra danh từ Tăng - Giảm (kiếp) vậy.

Nếu là lúc tăng tới 8 vạn tuổi thì bảy báu hiển hiện, năm vị ngon ngọt, 100 phước dồn lại, người thần hòa vui, gió mưa đúng lúc, lúa thơm suối ngọt, trên đồi đều là người thiện. Luân vương ra đồi, sung sướng vô cùng. Nếu là lúc tuổi thọ con người giảm tới 10 tuổi, bảy báu biến mất, năm mùi đắng chát, 100 suy dồn tới, người cùng vật khổ, quý khóc thần gào, âm dương trái khuấy, gió mưa trái thời, đói kém dịch bệnh, tàn sát lẫn nhau, ngu si tệ ác, chỉ còn có hình người, suy cực ở đây.

Đó gọi là tích thiện thì giáng phước, tích ác thì giáng họa. Há chẳng đúng ư ! Há chẳng tin ư ?

Trên đây là lấy thiện để thuyết minh sự tăng giảm. Sau đó dùng cả hai thứ thiện ác mà thuyết minh lẫn cho nhau, có nghĩa là thiện tăng thì ác giảm, thiện giảm thì ác tăng. Nếu thiện một thì ác chín, thiện hai thì ác tám cho tới thiện chín thì ác một, thiện mười thì không còn ác nữa. Đó là tăng cực (cũng là ác cực giảm).

Còn như nếu ác một thì thiện chín, ác hai thì thiện tám, cho tới ác chín thì thiện một, ác mười thì không còn thiện nữa. Đó là giảm cực (cũng là ác cực tăng).

Giống như dương trưởng thì âm tiêu, âm trưởng thì dương tiêu. Quả là do lòng người thiện ác mà tiêu trưởng đắp đổi nhau vậy.

Cho nên cảm bão duyên vào sướng khổ, cao thấp mà có tướng tăng giảm vậy. Cho nên biết rằng nhân quả rành mạch, cảm ứng không sai. Tăng giảm như vậy một vòng thì gọi là một tiểu kiếp. Tuần hoàn trải qua 20 vòng thì gọi là một trụ kiếp.

Có người hỏi rằng : thọ số trong đồ tượng tăng giảm này hoàn toàn giống như khí trong quẻ kinh dịch của Phục Hi.

Dịch chính là âm dương đắp đôi nhau mà tiêu trưởng, tới kỳ dương cực thì âm sinh, âm cực thì dương sinh, tuần hoàn không ngừng. Lại là vì cái thế của khí số phải như thế.

Nếu vậy thiện ác đắp đôi nhau mà tiêu trưởng, vậy tức là thiện cực át ác sinh, ác cực át thiện sinh ư ? Cũng có thể thiện ác làm nhân lẩn cho nhau ư ? Nếu làm nhân lẩn cho nhau thì là tà nhân, tà nhân thì nhân quả đều sai. Nếu là nhân quả rành rành, vậy thì quả ở đâu ?

Đáp : chẳng phải là thiện sinh ra từ ác, cũng chẳng phải là ác sinh ra từ thiện. Thật ra là vì con người ta lúc kiếp мат, khổ đến hết mức thì muôn sướng, vật đến chỗ cùng thì biết quay trở lại, thế là lương tâm hiện ra, sửa ác làm thiện, nêu tội diệt phước sinh. Đó là phản ác thành thiện, chứ chẳng phải là ác cực sinh thiện.

Nếu ác cực mà chẳng quay lại (chẳng sửa đổi) thì đọa vào địa ngục, lý nào còn được tăng phước thọ nữa.

Thêm nữa, lúc tăng thịnh, hưởng phước đầy đất, kiêu xa phóng túng, bỏ thiện ác tràn, nên ác quá thì tội tới.

Thế là bỏ thiện làm ác, chứ chẳng phải là thiện cực sinh ác vậy.

Nếu thiện cực mà chẳng chán thì bỏ nhân báo sinh Thiên cung, chứ có lý nào mà giảm thọ, bớt phước được ? Chỉ có thể coi thiện là tăng nhân, ác là giảm nhân (tôn nhân), chứ không thể nói thiện là ác nhân (nhân của ác), ác là thiện nhân (nhân của thiện) được.

Cho nên tướng tăng giảm rất giống với âm dương tiêu trưởng, nhưng sở dĩ tăng giảm đó là do tâm chứ chẳng do số. Cho nên khác với cách kiến giải cho là tà nhân hoặc vô nhân, đó là vì kẻ hạ ngu bị vây bọc bởi số lượng, còn bậc thượng trí thì vượt lên số lượng, chẳng để cho vật (ngoài) xoay chuyển. Trên đây là căn cứ vào thông tướng của hiện kiếp mà giải thích nghĩa của biệt tướng.

Những điều giải thích đó đều được nói đầy đủ trong kinh luận.

Còn tiểu kiếp, pháp tăng giảm của nó thế nào ?

Theo Trang Xuân Tập : thì lúc ban đầu của trụ kiếp này, người Diêm Phù thọ 84.000 tuổi, thân cao 8 trượng, cứ qua 100 năm thì mạng giảm 1 năm, thân giảm một tấc. Qua 1.000 năm thì mạng giảm 10 năm, thân giảm 1 thước. Cứ như vậy giảm tới 10 tuổi, thân cao 1 thước thì là cực điểm của giảm kiếp.

Sau thời giảm đó lại nhập tăng kiếp, cứ qua 100 năm, mạng lại tăng 1 năm, thân tăng 1 tấc, tăng tới 1.000 năm thì mạng tăng 10 tuổi, thân tăng một thước. Cứ như vậy tăng tới 84.000 tuổi, thân tăng 8 trượng thì là cực điểm của tăng kiếp.

Một tăng, một giảm như vậy tính ra tổng cộng là 16.800.000 năm, đó gọi là 1 lộc-lu-kiếp. Qua 20 lộc-lu-kiếp mới là trụ một kiếp.

Xét sách Trang Xuân : thấy tổng số thì đúng, còn như nói thân cao 6 trượng là tăng cực thì lại là sai. Sao vậy ? Vì con người khi thân cao 8 trượng thì mới có 800 tuổi, lẽ nào mới tăng tới 800 tuổi mà đã giảm rồi ?

Và cũng làm gì có Luân vương 800 tuổi mà xuất thế ?

Nếu thế thì tăng giảm chỉ được mười sán vạn tám ngàn năm, chiếm 1/100 của tổng số nói trên mà thôi.

Kinh tuy nói rằng tăng tới 84.000 tuổi, nhưng đó chính là số năm trải qua, chứ chẳng phải tuổi thọ như vậy.

Nếu nói người thọ 84.000 tuổi, thế thì thân cao lẽ ra phải là 840 trượng, và số năm trải qua là tám vạn bốn ngàn năm đó mới là chính số của tăng cực.

Giảm cũng như thế.

Còn nói tới 10 tuổi, thân cao 1 thước là giảm cực thì là đúng.

Nhưng nếu bàn rằng giảm quá tám vạn bốn ngàn năm, thân giảm 8 trượng là giảm cực thì cũng sai.

Sao vậy ? Là vì, giả thử giảm quá tám vạn bốn ngàn năm (số năm trải qua), thân người giảm 8 trượng, lúc đó tuổi thọ của con người mới giảm 800 tuổi, vẫn thọ hơn tám vạn ba ngàn một trăm tuổi, thân vẫn còn cao hơn 831 trượng (lúc đó tuổi thọ chẳng phải là 10 tuổi, thân chẳng phải cao 1 thước) thế thì làm sao mà nói là giảm cực được ?

Lại dùng sơ đồ để thuyết minh, nếu qua 100 năm tăng 1 tuổi v.v... thì phải như sơ đồ này, nếu không thế thì chẳng phải là qua 100 năm tăng 1 tuổi (chờ khảo cứu thêm).

TĂNG KIẾP TỨ LUÂN VƯƠNG (Bốn vị Luân vương thời tăng kiếp)

Phàm là trong tăng kiếp thì đều có bốn vị Luân vương lần lượt ra đời. Như trên, tăng dần tới lúc tuổi thọ của con người là 2 vạn thì có Thiết Luân vương ra đời, làm vua trị vì một cõi thiên hạ ra oai thì mới ổn định được.

Lại tăng tới lúc con người thọ 4 vạn tuổi thì có Đồng Luân vương ra đời làm vua cai trị 2 cõi thiên hạ ra oai thì mới phục.

Lại tăng tới lúc con người thọ 6 vạn tuổi, thì có Ngân Luân vương xuất thế làm vua ba cõi thiên hạ phải sai sứ đi thì mới phục.

Tăng tới lúc con người thọ 8 vạn tuổi thì Kim luân vương ra đời làm vua cai trị cả bốn cõi thiên hạ, khi nghe oai thì đã quy thuận sự giáo hóa.

Kim luân vương có đủ bảy thứ báu, có 1.000 người con, dùng mười điều thiện mà giáo hóa thế gian.

Bảy thứ báu đó gồm có :

1)- Xe vàng báu làm toàn bằng vàng thật, có đủ 1.000 lẵn hoa. Ngày vua làm lễ Quán Đỉnh, vua bay ở trên không mà tới, nhờ sức chở của xe này, vua cùng tứ binh bay trên không trung mà đi quanh khắp bốn cõi thiên hạ, các vua Túc Tán vương ngóng đức đã quy phục.

2)- Voi báu : voi này trắng như núi Tuyết, có đủ 6 ngà.

3)- Ngựa báu : do nòi rồng sanh ra, vua cưỡi ngựa này, một ngày đi quanh được cả bốn cõi thiên hạ.

4)- Ngọc nữ báu : hóa sanh từ hoa sen, đoan chính đệ nhất.

5)- Chủ binh thần báu : (có người bê tôi báu giỏi về binh quyền), người bê tôi này dũng kiện có đại lực, trí lực vô địch.

6)- Bảo tàng thần báu : (người bètôi báu, coi giữ kho báu), người bètôi khéo biết cất giữ các thứ báu để vua mặc sức sử dụng.

7)- Như ý châu báu : ánh sáng chiếu xa 1 do-tuần, khiến đêm sáng như ngày lại theo ý vua mà mưa ra các thứ châu báu.

Vua (Kim luân vương) thọ tám vạn bốn ngàn tuổi, Thái tử nối ngôi;

Bấy giờ bảy báu (vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v...) xuất hiện, vị đát nối lên trên, gạo tẻ tự mọc, bốn mùa ôn hòa, mọi người đều làm 10 điều thiện, cực kỳ sung sướng, trải qua một thời gian rất lâu (nói đủ nhu trong các kinh luận).

GIẢM KIẾP TIỄU TAM TAI **(Ba tai họa nhỏ thời giảm kiếp)**

Hễ giảm kiếp tới cực điểm thì có ba tai họa lần lượt dây lên.

Cứ theo như A Tỳ Đàm Luận nói thì đức Phật có dạy rằng :

Thế giới trong kiếp giảm, trải qua 20 tiểu kiếp hoại, sau đó lại trải qua 20 tiểu kiếp hoại rồi không, sau lại trải qua 20 tiểu kiếp không rồi khởi, thứ đến 20 tiểu kiếp khởi thành rồi trụ.Trong khoảng giữa kiếp trụ này có 3 tai họa nhỏ lần lượt xoay vần :

- 1) Tật dịch tai,
- 2) Đao binh tai,
- 3) Cơ cẩn tai (nạn đói kém).

Lúc kiếp tiểu tai thứ nhất khởi lên thì có các dịch bệnh lớn. Người Diêm Phù tuổi thọ bị rút ngắn lại chỉ còn 10 tuổi, thân lùn chỉ bằng 2 hay 3 kiệt-thủ, lấy hạt vụng vục làm món ăn ngon nhất, lấy quần áo bện bằng tóc làm loại tốt nhất.

Đó là do con người lúc bấy giờ chẳng thực hành chính pháp, tà kiến tăng trưởng, ác quỷ gây tổn hại cho người, Quốc vương đều mất, đất nước hoang phế, chỉ còn các quận huyện nhỏ, cách nhau rất xa, bệnh khổ không được cứu chữa, một ngày một đêm, chết dịch nhiều vô kể, vì làm điều ác, bị quả báo này mà phải sinh vào kiếp trước này.

Bấy giờ quận huyện hoang vu, chỉ còn lại một ít nhà, cách nhau càng xa, không ai chôn cất, xương trắng đầy đất. Bảy ngày cuối kiếp, dân chúng còn lại đều bị dịch bệnh chết hết, chỉ còn một vạn người hay làm thiện hạnh được thiện Thần ủng hộ, chăng để đoạn tuyệt.

Bảy ngày qua rồi, dịch lớn tự tắt, quỷ ác tan đi, lúc ấy âm dương mới đều hòa, vị ngọt nảy ra, chúng gặp nhau giống như bạn thân, cùng yêu mến nhau, chẳng nở dứt, thiện pháp tăng trưởng (thiện tăng là nhân của tăng kiếp) tuổi thọ tăng dần cho tới 20.000 tuổi, lâu lâu tăng tới 80.000 tuổi. Bấy giờ nữ nhân 500 tuổi mới lấy chồng, đất nước sung sướng, thôn xóm đông đúc, áo quần tiền bạc châu báu đầy đủ thỏa thích, trải qua a-tăng-kỳ năm cho tới lúc chúng sanh chưa khởi lên mười điều ác (đây là lúc tăng cực).

Tới lúc họ khởi lên 10 điều ác (khởi ác là giảm nhân) thì thọ mạng giảm dần, đến khi tuổi thọ giảm tới 10 tuổi (giảm cực).

Còn tai họa đao binh, thì lúc người chỉ thọ 10 tuổi, tam độc tà kiến ngày đêm tăng trưởng, cha con anh em còn đấm đá tranh giành nhau, huống hồ là người khác. Họ dùng ngói đá dao gậy khủng bố lẩn nhau, các nước bốn phương sát phạt lẩn nhau, chết nhiều vô kể, quả báo bát thiện phải sanh vào thời kiếp trước này. Người người nhà nhà đều chết hết, còn sót ai thì phân tán đi, bảy ngày cuối kiếp, tay cầm cỏ cây liền thành dao gậy, tàn hại lẩn nhau.

Các người thời ấy sợ nạn binh đao phải chạy trốn vào trong núi rừng, lánh ra bãi bể, ẩn trong hang động đi tránh tai nạn.

Có lúc gặp nhau, ai nấy đều hoảng hốt bỏ chạy ví như hươu nai gặp phải thợ săn.

Bảy ngày đao binh, chết oan vô số, chỉ còn một vạn người để làm giống người (như trên).

Qua bảy ngày rồi, đao binh dập tắt, âm dương điều hòa, chúng sanh gặp nhau, vui mừng yêu thương nhau như bạn thân, từ 10 tuổi dần dần làm điều thiện, tuổi thọ tăng lên 20.000 cho tới 80.000 tuổi, trụ được a-tăng-kỳ năm (như trên).

Còn về nạn đói kém (cơ cắn tai) thì lúc tuổi thọ con người chỉ còn 10 tuổi, ăn toàn bằng vùng vực, lấy tóc người làm thành quần áo, bân cùng khốn khổ, ngu si tà kiến, ngày đêm tăng trưởng, thóc lúa đắt đỏ, sinh ra đói kém, thấy lương thực của người khác bèn tới cướp lấy mà ăn. Vì nhân duyên ấy, bị chết đói nhiều vô kể. Vì gây nghiệp ác, nên 4 – 5 năm liền chẳng mưa; vì đại hạn, nên phải kiêng rau cỏ để mà sống cũng còn chẳng được, huống chi là kiêng thóc lúa !

Một ngày một đêm, chết đói nhiều vô số kể. Quận huyện (chết sạch) vắng tanh, chỉ còn ít nhà, ba độc càng thịnh.

Lúc ấy 6 – 7 năm liền, đại hạn không mưa, nghĩ muôn thấy nước cũng còn chẳng được, nói chi đến chuyện ăn uống !

Bảy ngày cuối kiếp, chết đói gần hết, chỉ còn sót lại một vạn người (như trên) cho tới lúc tuổi thọ tăng tới 80.000 tuổi.

Luận Du Già nói : ba loại tiểu tai xuất hiện đó là :

- Kiệm – Bệnh – Đao.

- Kiệm tai : lúc tuổi thọ con người còn 30 tuổi, mới bắt đầu xảy ra. Giữa lúc bấy giờ đồ ăn thức uống tinh diệu chẳng còn kiêng được nữa, chỉ dành rang xương mục mà cùng nhau tiệc tùng, nếu gặp một hạt thóc, hạt lúa hay hạt vừng vực v.v... thì quý như ngọc ma-ni, đem cát kỵ vào hòm rương mà gìn giữ.

Do đói kém như vậy, nên loài hữu tình chết gần hết; kiệm tai này kéo dài bảy năm, bảy tháng, bảy ngày mới qua khỏi được. Trong hữu tình đó có những người nảy ra hạ phẩm yếm ly, nhờ nhân duyên này mà tuổi thọ chẳng giảm sút, kiệm tai cũng chấm dứt. Tới lúc con người chỉ còn thọ 20 tuổi, tư tưởng chán họa khởi lên trước đây, nay loại thoái bớt; bấy giờ có nhiều tai dịch liên tục phát sanh, các hữu tình đó phần nhiều bị chết.

Bệnh tai như vậy kéo dài bảy tháng, bảy ngày mới hết. Các hữu tình đó khởi trung yếm ly, do nhân duyên này nên thọ lượng không giảm, bệnh tai mới dứt.

Lại tới lúc con người thọ tới 10 tuổi, tư tưởng yếm họa khởi lên trước đây, nay lại thoái bỏ; bấy giờ các loài hữu tình dần dần gặp nhau, ai nấy đều nảy ra tâm địa mạnh tợn giết hại lẫn nhau. Do nhân duyên này tùy theo cầm cát cỏ hay ngói đá là đều thành dao kiếm, giết hại lẫn nhau. Trải qua bảy ngày mới chấm dứt được.

Lại có ba loại tối cực suy tổn :

1)- Thọ lượng suy tổn : chỉ thọ tối cực tới 10 tuổi.

2)- Y chỉ suy tổn : thân lượng giảm cực tới mức chỉ bằng 1 kiệt-thủ hoặc chỉ bằng một năm.

3)- Tư cụ suy tổn : chỉ còn có vùng vực, lúa té là loài thực phẩm hạng nhất, coi áo dệt bằng tóc là quần áo hạng nhất, coi sắt là đồ trang sức đẹp nhất.

Năm loại thượng vị thảy đều ẩn mất, có nghĩa là tô – mật – mía – dầu – muối thảy đều biến vị. Bấy giờ hữu tình là loài dần dần tụ tập khởi thượng yếm ly, chẳng thoái giảm nữa, lại hay bỏ được các pháp ác bất thiện, làm tổn giảm thọ lượng, tiếp tục thực hành các thiện pháp làm tăng trưởng thọ lượng. Do nhân duyên này mà thọ lượng, sắc lực, phú lạc, tự tại dần dần tăng trưởng tới tám vạn tuổi.

Kinh Trung A Hàm nói : lúc tám vạn tuổi, con người mới bắt đầu nảy ra thói ác, ăn cắp, ăn trộm tài vật của người khác, vì thói trộm cắp càng tăng nên thọ hình càng giảm. Cha thọ tám vạn tuổi, con chỉ thọ bốn vạn tuổi. Bấy giờ, chúng sanh lại tăng sát nghiệp, nên tổn thọ hai vạn tuổi. Lại thêm vọng ngũ, lưỡng thiệt nên tổn thọ một vạn tuổi. Lại thêm ghen ghét, tà dâm cho đến phi pháp dục ác, tà tham, lưỡng thiệt, ý ngũ, tà kiến, bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính trọng Sa-môn, chẳng làm phúc nghiệp, chẳng thấy tội đời sau nên thọ mạng ngày càng giảm tới 5.000, 2.000, 1.000, 500, 200, 100 cho tới khi tuổi thọ con người chỉ còn 10 tuổi. Nữ sanh ra năm tháng đi lấy chồng, lấy vùng vực làm thượng vị, các thứ ngon ngọt đều mất hết, chỉ có kẻ làm mười điều ác là được người ta kính trọng, người dân đều có tâm địa tàn hại lẫn nhau (đao binh kiếp khởi, giống như Tỳ Đàm).

Cũng còn có những người biết hổ thẹn, ghét điều ác, những người này bèn đi ẩn náu ở chỗ núi non, đồng nội. Sau khi kiếp đao binh qua rồi, lại mới từ núi non đồng nội trở ra, gặp nhau họ càng có từ tâm đối với nhau, thương yêu nhau như thân hữu và nói như vậy : chúng ta do sanh tâm bất thiện, khiến thân tộc bị chết hết. Vậy chúng ta hãy cùng nhau thực hành thiện pháp, lìa nghiệp sát hại.

Làm điều thiện rồi, thì tuổi thọ liền tăng trưởng, 10 tuổi sanh con thọ 20 tuổi. Lúc đó lại nghĩ như vậy : nếu làm điều lành, thọ sắc càng tốt hơn, thì chúng ta phải làm thêm nhiều điều thiện nữa, phải lìa thói người ta chẳng cho mà cứ lấy (bất dữ nhì thủ) tức là thói trộm cắp, thế là tuổi thọ được tăng tới 40 tuổi.

Lại lìa tà dâm, vọng ngữ, cho đến không hành các pháp bất thiện như : lưỡng thiệt, thô ngôn, ý ngữ, tham lam, ghen ghét, sân khuế, tà kiến, phi pháp dục ác, tà tham cho nên thọ mạng tăng tới 80, 160, 300, 600, 2.000, 5.000, một vạn, hai vạn, bốn vạn.

Tám vạn tuổi, bấy giờ (chúng sanh) hiếu thuận với cha mẹ, cung kính bậc Sa-môn, tu hành các phước nghiệp, cõi Diêm Phù này cực kỳ sung sướng, nữ nhân 500 tuổi mới đi lấy chồng. Luân vương trị đời, nhân dân an lạc v.v... tật dịch, đói kém (theo dõi) lâu mau như trước.

Luận Tân Bà Sa nói :

Nếu ai có thể trong một ngày một đêm giữ giới chẵng sát sanh thì đến đời vị lai quyết định chẵng gặp phải tai nạn đao binh;

Nếu ai có thể đêm một quả Ha Lê cúng đường tăng chúng với tâm ân cần thanh tịnh thì đến đời vị lai quyết định chẵng gặp phải tai nạn tật bệnh;

Nếu ai có thể đêm một nắm cơm thí cho các hữu tình thì đến đời vị lai quyết định chẵng gặp phải tai nạn đói kém.

Thuật rằng : quán sát kiếp số tăng hay giảm, tuổi thọ con người dài hay ngắn, đất nước sung túc hay đói kém, thọ dụng khô hay sướng đều hệ thuộc vào nghiệp. Nghiệp thiện hay ác chủ yếu là do tâm con người thuần phước hay phù bạc xâm lấn lẫn nhau, thiện và ác gặp nhau phát triển, nên kiếp tăng hay giảm, tuổi thọ dài hay ngắn cùng theo ngay đằng sau.

Đúng vậy thay ! Sự báo ứng của thiện ác như bóng theo hình, như vang theo tiếng, thọ báo sướng hay khô thay đổi nhau vốn đều có nguyên nhân cả. Cho nên chúng ta ngày nay được bẩm thụ làm loài khôn thiêng nhất (trong vạn vật) cần phải dẹp bỏ mười điều ác, siêng làm mười điều thiện để quả báo đời đời được tốt lành dẹp dễ. (Nếu như vậy) há chẵng tiêu dao vui sướng, phước đức có thừa ru ?

ĐẠI TAM TAI TUỐNG (Tướng của ba tai họa lớn)

Phàm là khí thế gian, thành lâu thì át hoại. Có ba loại tai họa lớn theo thời mà khởi lên :

1)- Một là hỏa tai, nghĩa là trong một đại kiếp, trụ kiếp qua rồi thì có một hỏa tai hủy hoại thế giới đó; tướng của hỏa tai đó như thế nào ?

Theo kinh Nhân Bổn nói rằng : lúc có ba tai họa lớn, thì có trận gió đèn lớn thổi rẽ nước biển ra hai bên, lấy cung điện của mặt trời đem đặt lên lưng chừng núi Tu-di đặt vào trong đường đi của mặt trời. Do đó mà thế gian có hai mặt trời xuất hiện, các dòng sông bị khô cạn, sau đó lâu lâu gió lớn lại đem mặt trời thứ ba đưa ra, khiến nước sông Hằng lớn cũng phải khô cạn. Rồi bốn mặt trời xuất hiện, khiến ao A Nôc cũng phải cạn. Năm mặt trời xuất hiện, khiến biển cả khô cạn. Sáu mặt trời xuất hiện thì đại địa bốc khói. Bảy mặt trời xuất

hiện thì đất núi hang bốc cháy rực (kinh Trường A Hàm, luận Tạp Tâm đều nói như trên. Kinh Quán Phật Tam Muội đồng thể giống như trên).

Thăng đến cõi Phạm Thiên, cho đến cả cõi tam thiên đại thiền thế giới, không chỗ nào là không bị thiêu đốt hủy diệt. Chu Thiên Lục Dục thấy đều mạng chung, núi Tu-di lở, lửa cháy rùng rực suốt đến Phạm Thiên.

Phạm Thiên bỏ mạng, liền sanh lên cõi Quang Âm Thiên, dưới đó đều thành tro đen. Thiên tử mới sanh, chưa từng thấy cảnh này thấy đều kinh sợ. Thiên tử sanh trước đều đến ai ủi nói : đừng có kinh sợ, cuối cùng chặng tới đây được (ý nói hỏa tai hủy hoại chỉ đến cõi Sơ thiền, chặng tới cõi Nhị thiền, vì không có hỏa nghiệp, nhưng vì cõi Nhị thiền ở bên cạnh cõi Sơ thiền nên lửa hoại Sơ thiền chiếu sáng tới cõi Nhị thiền. Các Thiên tử mới sanh ở cõi Nhị thiền vừa mới nhìn thấy, bèn chặng hiểu nê sanh ra hoảng sợ, các Thiên tử cũ nhìn quen rồi, nên đến an ủi).

Sau hỏa tai, lúc kiếp sắp thành, mây đen lớn kéo đầy, đổ mưa xuống khắp, giọt mưa to như trực xe, vô số ngàn năm, cả cõi Phạm Thiên, nước tràn ngập khắp bên trong tới cõi Phạm Thiên.

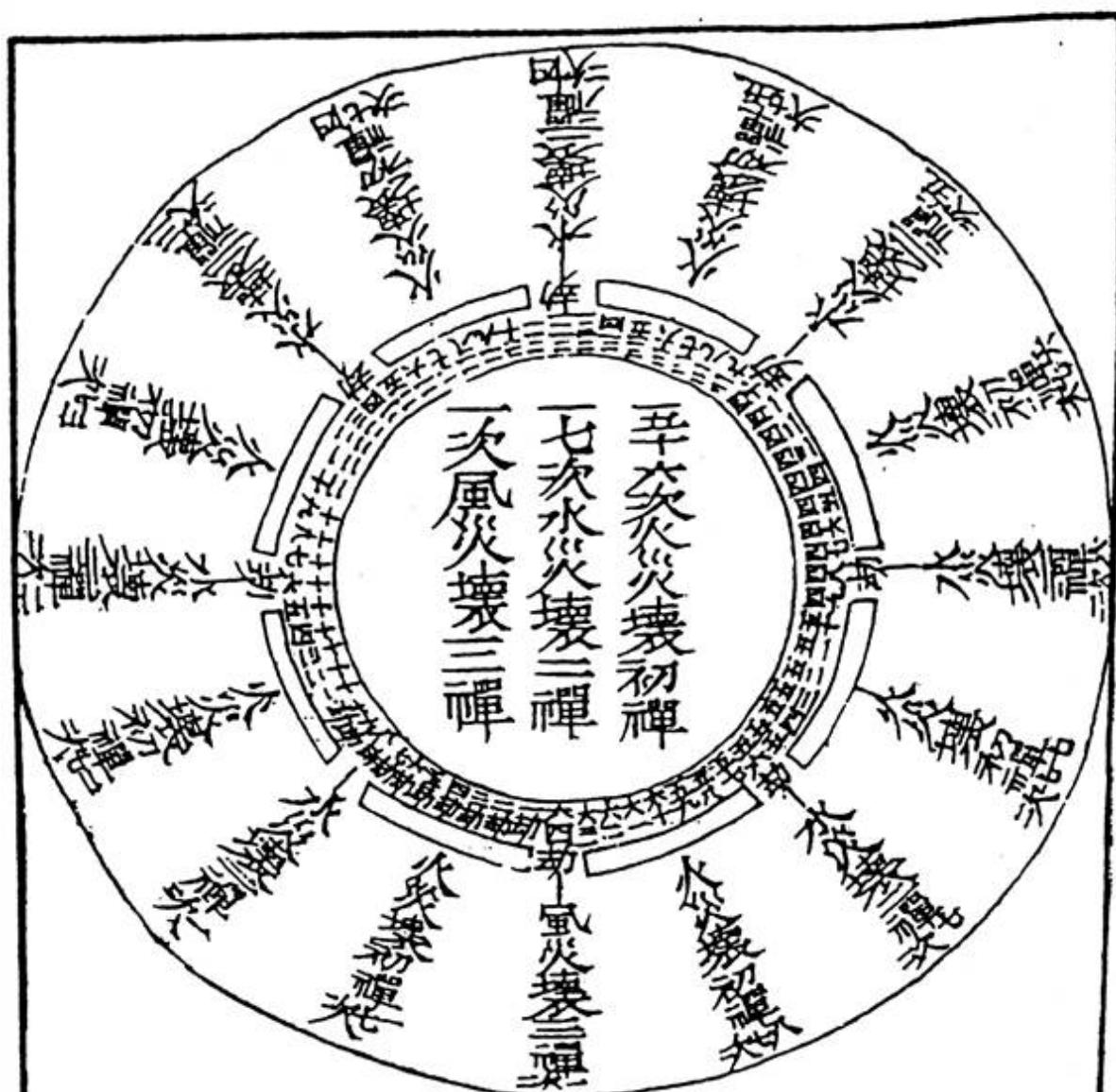
Nước đó lớn dần tới cõi Quang Âm Thiên (đó là nước thành kiếp này); nước này lại giảm, có trận gió lớn nổi lên khua động làm sóng cồn, làm nổi lên đám bọt tích tụ, tự nhiên kiên cố, biến thành những thứ trang sức bằng báu của Thiên cung. Do đó có Phạm Thiên cung nước đó càng giảm, dựa vào đám bọt trước, lần lượt thành tựu Tha Hóa Thiên cung, thăng đến khi thành bốn thiên hạ, thế giới lại được kiếp lập như trước (đây nói rõ về tướng thành trở lại của thế giới, thành rồi lại trụ, trụ rồi lại hoại, như thế lần lượt trải qua bảy kiếp hỏa tai, rồi sau kiếp thủy tai mới khởi).

2)- Hai là thủy tai : như trong hoại kiếp, chúng sanh đều sinh ở cõi Tam thiền rồi, bấy giờ mưa nước tro sôi, thủy tai từ cung thượng Quang Âm Thiên, ở trên theo nước mà tiêu diệt xuống tới cõi Dục Thiên, ở bên dưới thấy đều vô hình. Sau thủy tai lại có mây mưa lớn lại tạo tác ra thế giới. Sự tình cũng giống như lúc bị hỏa tai (lần lượt như vậy, trải qua bảy lần thủy tai, phong tai mới khởi lên).

3)- Ba là phong tai : chỉ khi các chúng sanh đều sinh ở cõi Tứ thiền rồi, phong tai mới nổi lên.

Kinh Nhân Bồn nói : sau thủy tai, sau đó rất lâu, trận gió đại Tăng Già thổi tới Quả Thực Thiên, gió này tỏa ra bốn phía, thổi vào các Thiên cung, khiến các cung này va đập vào nhau nát vụn như bụi, cho đến các núi chúa trong thiên hạ bị va đập vào nhau cũng y như thế. Dưới đất nước hết, dưới nước gió hết, sau đó lại trở lại mà đổ mưa lớn tới Quả Thực Thiên, gió thổi nổi sóng, chúa bọt thành đám, như lần thủy tai trước, thế giới lại được kiến lập như cũ.

TAM TAI KINH KIẾP ĐÔ



此總括三災次第數次釋。	風。	一水災。七七火後。	火次第後。然後。	鬼曇論偈云。七	數。	大劫爲一周之	大三災。劫運始
-------------	----	-----------	----------	---------	----	--------	---------

Phàm là kiếp tam tai hoại, đều trải qua thời gian rất lâu, chứ không phải là khởi lên cùng một lúc. Có nghĩa là sau một đại kiếp có một hỏa tai, sau bảy hỏa tai thì bị một thủy tai, như vậy rất lâu rồi mới có một trận phong tai.

Đại tam tai kiếp vận, trước sau cộng là 64 đại kiếp, đó là con số của một vòng (một chu kỳ).

Bài kệ trong luận Tỳ Đàm nói :

*Sau bảy lần hỏa tai
Đến một lần thủy tai
Bảy bảy hỏa, bảy thủy
Bảy hỏa nữa rồi phong.
(Thất hỏa thứ đệ hâu
Nhiên hâu nhất thủy tai
Thất thất hỏa, thất thủy
Phục thất hỏa, hâu phong).*

Đây là tổng quát về số lần lượt của tam tai (sẽ giải thích ở phía sau).

Luận Chánh Lý : ba tai họa lớn là thủy - hỏa - phong này nổi lên bức loài hữu tình, khiến họ phải bỏ mặt đất ở dưới mà lên tập trung ở trên trời. Thoạt đầu, hỏa tai đây lên là do có bảy mặt trời xuất hiện, thứ đến thủy tai xảy ra là do mưa như thác đổ; cuối cùng đến phong tai nổi lên là do gió đập vào nhau.

Thời gian Tam tai xảy ra lần lượt thế nào ?

Trước hết phải liên tục xảy ra bảy lần hỏa tai, sau đó nhất định xảy ra bảy lần hỏa tai, sau đó nhất định xảy ra một lần thủy tai. Sau đó lại liên tục xảy ra ra bảy lần hỏa tai, lại đến một lần thủy tai. Cứ như vậy cho đến khi đủ bảy lần thủy tai, thì lại xảy ra bảy lần hỏa tai nữa, cuối cùng thì đến một lần phong tai đây lên.

Tổng cộng có tám lần bảy thành 56 lần hỏa tai, bảy lần thủy tai, và một lần phong tai.

Thủy, phong tai khởi lên đều sau hỏa tai, vì đủ thủy, phong tai, ắt hỏa tai khởi lên; ba tai lần lượt, lý phải như thế.

Vì duyên cớ gì mà bảy lần hỏa tai mới có được một lần thủy tai ? Đó là do thọ thế của Cực Quang Tịnh Thiên (tức Quang Âm Thiên) nghĩa là thọ lượng của vị trời này phải hết tám đại kiếp, cho nên đến kiếp thứ tám mới có một lần thủy tai. Do đó phải biết rằng qua bảy thủy tai, tám lần hỏa tai, sau đó mới đến một lần phong tai.

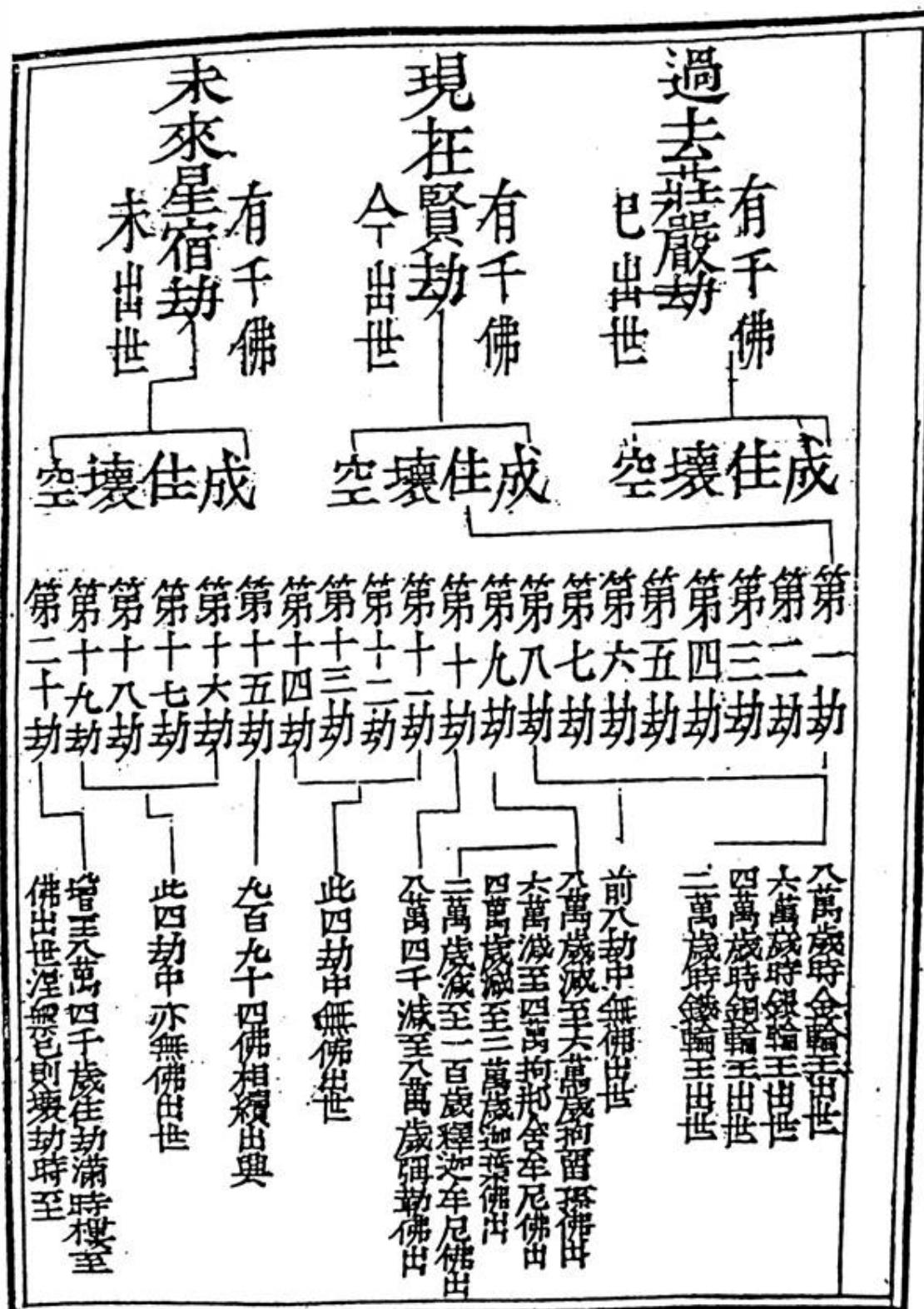
Đó là do thọ lực của Biển Tịnh Thiên, nghĩa là vì vị này thọ lượng 64 kiếp nên tới tám lần tám kiếp mới có một lần phong tai.

Như các hữu tình tu Định thắng dần, nên chỗ chiêu cảm dì thực của thân họ lớn dần. Do đó mà chỗ ở của họ cũng dần dần được lâu dài.

(Như Tứ Thiên Quảng Quả thọ 500 kiếp, Không Xứ hai vạn kiếp, Phi Phi Tưởng tám vạn kiếp. Y báo của họ cũng rộng dần, số kiếp trải qua cũng lâu, vì nghiệp lực không thể nghĩ bàn, nên thế gian chẳng thể biết được. Chúng sanh từ vô thi tới nay nghiệp báo liên hoàn, số kiếp trải qua nhiều vô lượng, vô biên đâu phải chỉ là ngàn, vạn kiếp mà thôi ! Cho nên khi đức Phật giảng về viễn nhân thì

lấy Sát-trần số để mà ví dụ, nếu chẳng phải là bậc Đại Thánh Lục Thông thì ai mà có thể dự vào đấy được).

TAM ĐẠI KIÉP PHẬT HƯNG CHI ĐÔ



Trong ba đại kiếp có 3.000 đức Phật ra đời.

Kiếp Trang Nghiêm đã trôi qua, kiếp Tinh Tú còn chưa tới, đến Hiền kiếp hiện tại bèn có 1.000 đức Phật ra đời. Vả lại nay cứ ước lượng bốn thời của Hiền kiếp thì có Thành - Trụ - Hoại - Không. Như vậy Thành kiếp đã qua rồi, Hoại - Không chưa tới. Hiện tại nay là Trụ kiếp, mà trong Trụ kiếp thì có 20 tiểu kiếp này lần lượt có đức Phật ra đời tại thế giới Sa-bà. Từ nhập Trụ kiếp đã trải tám giảm, tám tăng kiếp (tám tiểu kiếp) không có Phật ra đời. Nay sẽ là giảm kiếp thứ chín, có bốn Phật xuất thế, lúc đầu khi tuổi thọ con người mới giảm tới sáu vạn tuổi, thì có Phật Câu Lưu Tôn xuất thế; sau đó lúc giảm tới bốn vạn tuổi thì có Phật Câu Na Hàm Mâu Ni xuất thế.

Sau nữa khi tuổi thọ con người giảm tới hai vạn tuổi thì có Phật Ca Diếp xuất thế, sau đó nữa lúc tuổi thọ con người giảm tới 100 tuổi thì có Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế;

Từ lúc bắt đầu Trụ kiếp cho tới thời đức Thích Ca Thê Tôn đã được 14.279 vạn 3.000 năm.

Cho nên kệ Pháp Số nói :

*Sa-bà Trụ kiếp năm tháng đổi
Chín giảm còn nghe tám độ tăng
Một vạn bốn ngàn hai trăm lẻ
Bảy mươi chín vạn ba ngàn năm
(Sa-bà Trụ kiếp tué lưu thiên
Cửu giảm nhưng vẫn bát độ thiêm
Nhất vạn túc thiên linh nhị bách
Thát thập cửu vạn tam thiên niên).*

Lại từ sau khi đức Thích Ca Thê Tôn nhập diệt, cho tới niên kỷ Thiệu Hưng của nhà Tống, đã trải qua 2.100 năm.

(Tính mới : từ năm Thiệu Hưng thứ nhất đời Tống Cao Tông tới năm Bính Ngọ, Van lịch triều ta (tức triều nhà Minh) lại thêm 476 năm nữa).

Người lại giảm thọ 21 năm, thân giảm hai thước một tấc; người thời nay chỉ sáu thước, thọ 80 tuổi (giảm tới mức tuổi thọ con người là 80 tuổi, thì thân lẽ ra phải là tám thước, trên nói chỉ được sáu thước, chưa chắc đã đúng. Vì thước có (các thứ) cổ kim dài ngắn khác nhau; thước Tống dài hơn thước Chu ba tấc, bốn phân, nên theo thước Chu vừa vặn đúng tám thước làm chuẩn).

Từ đây lại qua 7.000 năm nữa thì tuổi thọ con người chỉ còn 10 tuổi, thân cao chỉ còn một thước, tới lúc bấy giờ sẽ là cực điểm của giảm kiếp (gấp ba tiểu tai).

Sau đó lại nhập tăng kiếp thứ chín : từ lúc tuổi thọ con người là 10 tuổi cứ qua 100 năm, mang tăng một tuổi, thân tăng một tấc như trước; cứ tăng dần như vậy cho tới khi tuổi thọ là tám vạn tuổi thì có vua Kim luân vương xuất thế, tới đó sẽ là cực điểm của tăng kiếp (phàm trong tăng kiếp đều có bốn vua Luân vương xuất thế).

Sau đó lại nhập giảm kiếp thứ 10 : lúc giảm tới tám vạn tuổi thì có Phật Di Lặc hạ sanh. Từ Thiệu Hưng đến thời đức Di Lặc còn phải trải qua tám trăm vạn bảy ngàn năm. Bấy giờ cõi Diêm Phù trăm úc vàng ròng làm đất, đất bằng

phẳng như bàn tay, lúa gạo tự sinh, nghĩ đến áo là áo lại, nghĩ đến cơm là cơm đến, vô cùng khoái lạc. Năm nay đến 500 tuổi mới lấy vợ lấy chồng.

Hội đầu đức Di Lặc độ người đã được 92 ức, sau đó độ người vô số.

Thân Phật cao 32 trượng, nhân dân thân cao 16 trượng.

Đức Di Lặc trụ thế sáu vạn tuổi, thuyết pháp độ sanh, sau khi Niết-bàn, chánh pháp, tượng pháp cũng như thế.

Kinh Hiền Ngu nói : lời Phật dạy rằng : “Đức Di Lặc ba hội độ người đều là các chúng sanh trong phước trong pháp Ta để lại, sau đó mới hóa độ đến loại đồng duyên”. Sau khi đức Di Lặc nhập diệt, lại giảm dần cho đến khi con người chỉ thọ 10 tuổi.

Mười giảm kiếp tới cực điểm lại nhập tăng kiếp thứ 10; từ kiếp thứ 11 đến kiếp thứ 14, không có đức Phật nào xuất thế. Trong kiếp thứ 15 có 994 đức Phật xuất thế; từ kiếp thứ 16 đến kiếp thứ 19 cũng không có đức Phật nào xuất thế. Tới kiếp thứ 20, cuối cùng có đức Phật Lâu Chí xuất hóa ở đời, sau khi Niết-bàn, 1.000 Phật xuất hết, 20 lộc-lư kiếp mãn rồi thì tới thời Hoại kiếp (gặp ba tai họa lớn).

Lâu lâu rồi lại tạo thành trời đất của vị lai kiếp Tinh Tú, và cũng lại có 1.000 Phật xuất thế.

Nên bài kệ Tam Thiên Phật Tông Quát viết rằng :

Trang Nghiêm : Hoa Quang, Tì Xá Phù

(1.000 Phật quá khứ, chỉ nêu lên vị đầu và vị cuối).

Hiền kiếp : Câu Lưu, Phật Lâu Chí

(1.000 Phật hiện tại, chỉ nêu lên vị đầu và vị cuối).

Tinh Tú : Nhật Quang, Tu Di tướng

(1.000 Phật vị lai, chỉ nêu lên vị đầu và vị cuối).

Chư Phật như vây độ chúng sanh.

KỶ NIÊN KIẾP SỐ (Số năm của kiếp)

Căn cứ vào sự tính toán của Trang Xuân Tập thì số năm của kiếp như sau:

1)- Tiêu kiếp : (cũng gọi là biệt kiếp hoặc lộc-lư-kiếp).

Nghĩa là một giảm, một tăng; tăng giảm đó tổng cộng là 1.680 vạn năm (như trên đã tính, cứ qua 100 năm thì giảm một tuổi; từ 84.000 tuổi giảm tới 10 tuổi, tất cả phải trải qua 84.000 lần 100 năm. Đó là 84.000 năm, tính số năm của tăng cũng giống như giảm, tăng giảm gộp lại thì được 1.680 vạn năm).

Gọi là 1 lộc-lư-kiếp; 20 tăng giảm số cũng như thế.

2)- Trung kiếp : (gồm bốn, tức là Trụ kiếp v.v...)

Nghĩa là 20 lộc-lư-kiếp; tổng cộng 20 lần tăng giảm là ba vạn, 3.600 vạn năm (cũng là 20 lần 1.680 vạn năm).

Đó gọi là một Trụ kiếp; bốn kiếp Hoai – Không – Thành số cũng như vậy.

3)- Đại kiếp : nghĩa là bốn trung kiếp vậy. Tổng cộng bốn trung kiếp (cũng gọi là 80 tiểu kiếp) cộng là mười ba vạn bốn ngàn bốn trăm năm; (cũng gọi là bốn lần 33.600 vạn năm). Đó gọi là một đại kiếp.

Đó là cực số trước, sau, thành, hoại của trời đất, hết một vòng lại bắt đầu trở lại, vận vận không cùng vậy.

Quán sát thấy hư không vô lượng, nên thế giới vô biên. Đại hóa vô cùng, nên kiếp vận vô tận. Đại kiếp ở trong đại hóa cũng giống như một năm, còn Thành - Trụ - Hoai – Không là bốn mùa vậy, 80 tăng giảm thì như 24 khí. Bốn vị Luân vương như lân, phượng tháng đầu mùa hè. Người trong cảnh tam tai thì giống như côn trùng mùa thu sương gió; huống chi là các chúng sanh bé nhỏ, lảng xăng đi lại cũng như con ruồi, con nhặng ở trong cái Khí thế giới kia, chúng nó cứ bay nhăng rối rít mãi vậy. Một lần hóa thì sinh, hóa lần nữa thì tử, trời dạt trong bể cả của đại hóa, cuối cùng sẽ về đâu ?

Đã là mộng rồi, lại còn mộng ở trong mộng, đêm dài tăm tối, khu khu chấp trước cái hư cho đó là thật, không biết đến ngày nào mà giác ngộ được ! Nếu chẳng có bậc Đại Thánh, Đại Giác ra đời, thì biết lấy ai là người giác ngộ cho họ được.

Có người hỏi : theo Kinh Thế của Thiệu Tử, thì con số tiêu trưởng của một Nguyên là mười hai vạn chín ngàn sáu trăm năm. Đó là cực số, trước sau của trời đất, so với đại kiếp nói trên chỉ là một phần vạn. Có sao lại bén nhiều, bén ít khác nhau ghê gớm như vậy ? Nhưng trên đời lại không có hai chân lý, vậy thì sẽ giải thích ra làm sao ?

Xin giải đáp về chuyện đó như sau : đại số Thành, Hoai của trời đất chỉ có bậc Thần Thánh Lục Thông mới biết, mới thấy được. Việc đó đâu phải là hạng tiểu trí, thế tục mà có thể lường được.

Người thế tục chỉ có thể nói chuyện thế gian, vượt quá loại đó thì là xuất thế pháp.

Hỏi : Thế thì số của 1 Nguyên há chẳng là sai ru ?

Đáp : Số thăng bằng lý; Số 1 Nguyên của Thiệu Tử, về lý thì là đúng.

Nói khai vật, bế vật đó là ví von, như nay một năm xoay vẫn có một lần bĩ, thái, suy ngược trở lên thì trong 129.600 năm thuộc về 1 Nguyên cũng có một lần bĩ, thái và vận khí cũng như của một năm. Cho nên nói khai vật ở Dần, bế vật ở Tuất; giống như tiết Kinh Trập thì khởi vật, tiết Sương Giáng thì sát vật.

Lý có khi là đúng.

Coi đó là số bĩ, thái của một đại vận thì là đúng. Nhưng cho rằng sự thành hoại của trời đất cũng như số ấy thì chưa chắc đã đúng. Nếu quả đúng như số ấy thì đến trong hội Dần mới có con người. Trải qua tám hội, đến sau hội Tuất thì con người đều không còn nữa, trời đất theo đó cũng sẽ bị hủy hoại.

Sau Tuất, trời đất quả thật sẽ bị hủy hoại ư ? Nếu hoại thì Phật Di Lặc v.v... sẽ sanh ở chốn nào ? (như trước đây đã nói trong vòng trời đất có 1.000

Phật xuất thế. Nếu trời đất đã bị hủy hoại rồi thì sẽ không có đất để mà sanh được).

Trước Dần quả thật không có người ư ? Nếu không có người thì Luân vương là ai ? Nếu nói sau Dần mới sanh ra con người thì lẽ ra là Luân vương vẫn còn đang tồn tại (Luân vương thọ 80.000 tuổi, nên đến nay lẽ ra vẫn còn tồn tại).

Thế thì số hoặc có sự thịnh suy (như tăng giảm kiếp nói trên), nhưng lẽ nào trời đất lại cứ theo con số tính toán của con người mà cũng có thể bị hủy hoại được.

BẢN ĐỒ AN LẬP PHÁP GIỚI
QUYỀN HẠ - phần trên
Yên Sơn Sa-môn Nhân Triều tập

V) DU CHU' PHẬT SÁT

- 1- Thích Tống đê
- 2- Thập phương Cõi Phật Đồ thuyết,
- 3- Đông Phương Tịnh độ,
- 2- Tây Phương Tịnh độ đồ,
- 4- Thất Bảo Nghiêm Địa,
- 5- Thất Bảo Cung Vũ,
- 6- Liên Hoa Dục Trì,
- 7- Hàng Thụ Nhạc Âm,
- 8- Bảo Võng Thư Quang,
- 9- Đỉnh Quang Viễn Chiếu,
- 10- Hóa Cầm Diễn Pháp,
- 11- Thọ Mạng Trường Viễn,
- 12- Vãng Sanh Chính Nhân,
- 13- Nghi Thành Thị Trích,
- 14- Tịnh độ Chánh Báo Tống Thuyết,
- 15- Nhất Phù Tràng Cõi Phật đồ,
- 16- Thập Phù Tràng Cõi Phật đồ,
- 17- Hoa Tặng Nghiệp Nhân Thuyết,
- 18- Thích Hoa Tặng Danh.

THÍCH TỔNG ĐỀ
(Giải thích đê mục chung)

Du chư Phật sát (đạo chơi các cõi Phật). Ý nói thâm tâm tín giải về các cõi Phật, tức là thần trí quán khắp. Vì biết có người trời mà chẳng biết có Phật, đó là phàm tục. Tin Phật là bậc Đại Thánh xuất thế, đó là đạo khí. Song tin một Phật, phước ấy vẫn tốt, nhưng kiến lượng còn hẹp. Tin nhiều Phật thì phước lượng mới vô biên, trí lượng mới càng rộng.

THẬP PHƯƠNG PHẬT SÁT ĐÔ

十方佛刹圖



...

Đại thiên thế giới là một cõi Phật; ngoài cõi Sa-bà như thế này ra, trong cõi thái hư không lại còn có mười phương đại thiên các cõi chư Phật. Làm sao mà biết như vậy ? Vì theo kinh Hoa Nghiêm thì ở về phía Đông thế giới Sa-bà này, có thế giới gọi là Mật Huấn, ở phía Nam thì có thế giới gọi là Phong Dật, ở phía Tây có thế giới gọi là Ly Câu, ở phía Bắc có thế giới gọi là Phong Lạc, ở phía Đông Bắc thì có thế giới gọi là Nhiếp Thủ, ở phía Đông Nam thì có thế giới gọi là Nhiêu Ích, ở phía Tây Nam thì có thế giới gọi là Tiên Thiếu, ở phía Tây Bắc thì có thế giới gọi là Hoan Hỉ, ở phía dưới thì có thế giới gọi là Quan Thược, ở phía trên thì có thế giới gọi là Chấn Âm. Mười phương thế giới này, Như Lai đều có trăm ức vạn danh hiệu khiến các chúng sanh thấy biết đều khác.

Cho đến mười phương vô số thế giới cũng lại như vậy (một cõi từ thiên hạ Phật có “mười” Mười danh hiệu; đại thiên có trăm ức cõi từ thiên hạ, nên có trăm ức vạn danh hiệu, mười phương đại thiên cũng như vậy).

ĐÔNG PHƯƠNG TỊNH ĐỘ

Kinh Thất Phật Công Đức nói rằng : ở phương Đông cách đây 4 cảng-già hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Vô Thắng, đức Phật hiệu là Thiện Danh Xung Cát Tường Vương Như Lai, cũng là cõi Bảo Nghiêm do Liên Hoa hóa sanh; rồi lại đi qua về phía Đông cách đây 5 cảng-già hà sa cõi Phật có thế giới gọi là Diệu Bảo. Đức Phật cõi đó hiệu là Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai. Rồi lại đi qua về phía Đông cách đây 6 cảng-già hà sa cõi Phật có thế giới gọi là Viên Mãn Hương Tích, đức Phật hiệu là Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Vương Như Lai.

Thứ nữa đi qua về phía Đông cách đây 7 cảng-già hà sa cõi Phật có thế giới gọi là Vô Ưu, đức Phật cõi đó hiệu là Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Vương Như Lai;

Thứ nữa lại đi về phía Đông cách đây 8 cảng-già hà sa cõi Phật có thế giới gọi là Pháp Tràng, đức Phật cõi đó hiệu là Pháp Hải Vân Lôi Vương Như Lai.

Thứ nữa đi về phía Đông cách đây 9 cảng-già hà sa cõi Phật có thế giới gọi là Thiện Trụ Bảo Hải, đức Phật đó hiệu là Pháp Hải Thắng Tuệ Du Hí Thần Thông Vương Như Lai.

Ở phương Đông cách đây 10 cảng-già hà sa cõi Phật, có thế giới gọi là Tịnh Lưu Ly, đức Phật cõi đó hiệu là Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai.

Các thế giới chư Phật như vậy, đều như thế giới Tây phương Cực lạc, công đức trang nghiêm bằng nhau không sai khác.

(Cảng-già hoặc Hằng hà, sông này rộng 40 dặm, cát nhỏ như bột mì; cứ một hạt cát thì tính một cõi Phật, tính hết số cát của cả một con sông Hằng, đó gọi là một hằng hà sa cõi Phật).

TÂY PHƯƠNG TỊNH ĐỘ ĐÔ



TÂY PHƯƠNG TỊNH ĐỘ



Thế nào gọi là Tịnh độ ? Thế giới trong sạch thì coi là Tịnh, nơi ở của mình được thanh tịnh thì gọi là Độ.

Nhiếp Luận nói rằng : cõi cư trú không có ngũ trược, giống như pha lê, thì gọi là Thanh Tịnh độ (cõi thanh tịnh).

Luận Đối Pháp nói : chỗ ở của chúng sanh không có phiền não thì gọi là Tịnh độ.

Mười phương quốc độ dù có thanh tịnh, duy chỉ có thế giới Tây phương Cực lạc là thù thăng nhất.

Nên kinh A Di Đà nói : từ đây đi về phía Tây qua 10 vạn ức cõi Phật (Đại Bản nói là 100 vạn) có thế giới gọi là Cực lạc.

Cõi này vì có gì mà gọi là Cực lạc ? Vì chúng sanh ở cõi nước đó không còn có mọi sự khổ, chỉ hưởng thụ những sự an vui, cho nên gọi là Cực lạc.

(Đại Bản nói : có âm tự nhiên thanh tịnh, có sự khoái lạc tự nhiên).

THẤT BẢO NGHIÊM ĐỊA (Bảy thứ báu trang trí trên mặt đất)

Kinh Đại A Di Đà nói : trong cõi Phật A Di Đà đều tự nhiên mà có bảy thứ báu, nghĩa là : vàng ròng, bạc trắng, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xà cù v.v... thể tánh của bảy báu đó ôn nhu, dùng các thứ báu đó xen kẽ với nhau mà thành đất, màu sáng rực rỡ, kỳ diệu thanh tịnh.

(Quán Kinh nói : trên đất lưu ly dùng dây vàng xen lẩn, ngăn chia ranh giới của bảy thứ báu đó thật đều đặn rõ ràng, khiến tỏa ra đủ mọi vẻ sáng óng ánh, vẻ sáng đó hoặc như hoa, hoặc như ánh trăng sao). (Mặt đất đó) bao la bằng phẳng, không có các núi Tu-di, Thiết vi, các bể cá cùng hàm hố giếng hang, cũng không có địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chỉ có suối chảy tự nhiên, cũng không có nóng lạnh (Tiểu Bản nói : không có ba đường ác).

THẤT BẢO CUNG VŨ (Cung điện, nhà cửa bằng bảy thứ báu)

Giảng đường, tinh xá của cõi Phật kia đều do bảy thứ báu hợp thành; lại có lầu quán, lan can báu (Tiểu Bản nói : có bảy lớp lan can) trang sức bằng các chuỗi hạt châu ngọc báu, thù đặc, kỳ diệu, đẹp đẽ, thanh tịnh rực rỡ.

Cung điện, nhà ở của Bồ-tát, Thanh văn cũng thế.

Cung điện, lầu gác của chư Thiên, của người thế tục tùy theo hình dáng cao thấp, lớn nhỏ, hoặc làm bằng một thứ báu, hai thứ báu, hoặc nhiều thứ báu, hoặc ở dưới mặt đất, hoặc treo trong không trung, tùy theo phuort đúc dày hay mỏng, ai nấy đều được thụ dụng.

(Quán Kinh nói : các cõi nước báu, trên mỗi một cõi đều có 500 úc lăng báu; Tiểu Bản nói : có lầu gác trang sức bằng bốn thứ báu).

LIÊN HOA DỤC TRÌ (Ao tắm hoa sen)

Có các hồ ao, hoặc vàng ròng làm thành ao, hoặc bạc tráng làm thành ao, hoặc thủy tinh, lưu ly làm thành ao, hoặc san hô, hổ phách làm thành ao, cho đến bảy thứ báu làm thành ao, lớp cát dưới đáy cũng như thế. Các hồ ao báu đó, có cái vuông 40 dặm hoặc năm sáu mươi dặm, cho đến vuông hai vạn bốn trăm tám mươi dặm, giống như bể cá.

Nếu là ao tắm của Phật thì diện tích còn gấp nhiều lần số đó.

Các ao đó đều do các thứ báu hợp thành, nước tám công đức trong vắt đầy tràn thanh tịnh, thơm tho vị ngọt như nước cam lồ, có hàng trăm thứ hoa lạ, hương thơm ngào ngạt.

Trong mỗi một ao bảy báu đều có 60 úc hoa Thất Bảo, mỗi hoa sen đó đều to bằng 12 do-tuần, mỗi một hoa báu đều có 100.000 vạn cánh.

Hoa đó ánh sáng vô lượng, đủ mọi màu sắc; hoa màu xanh thì tỏa ánh sáng xanh, màu trắng thì ánh sáng trắng, các màu tím, vàng, đỏ, tía thì ánh sáng cũng thế, rực rỡ hoán lạn, sánh cùng ánh mặt trời, mặt trăng.

Hóa Phật tỏa ánh hào quang thuyết pháp thanh tịnh.

HÀNG THỤ NHẠC ÂM (Cây thành hàng, tiếng âm nhạc)

Trên các bờ ao báu, có vô số cây chiên đàm thơm, cây quả cát tường, hoa quả thường thơm ngát, mùi hương tỏa khắp.

Lại có bảy loại cây báu : hoặc bằng một chất báu, hai chất báu cho đến bảy chất báu hợp làm một cây, gốc, đọt, cành, lá mỗi thứ bằng một chất báu. Các cây như vậy đều trồng thành từng hàng, các đọt đều vọng nhau, hàng lối như vậy có đến mấy trăm ngàn lớp (Tiểu Bản nói : có bảy lớp). Khắp thế giới gió hiu hiu thổi, phát ra tiếng nhạc mầu nhiệm đều diễn nói diệu pháp.

BẢO VÕNG THỦ QUANG (Lưới báu tỏa sáng)

Lại có vô lượng lưới báu che kín cõi đó, đều dùng vàng bạc, châu báu, trăm ngàn tạp bảo kỳ diệu, quý lạ mà trang sức tô điểm, rủ xuống khắp chung quanh, màu sắc chói lọi rực rỡ.

Gió nhẹ thổi vào lưới báu phát ra âm thanh diệu pháp, hoặc thổi vào diệu hoa rải khắp mọi nơi.

ĐÁNH QUANG VIỄN CHIẾU

Tất cả chúng sanh ở mười phương thế giới vãng sanh tới nước đó đều hóa sanh từ hoa sen trong ao báu, tự nhiên khôn lớn, không cần nuôi bằng sữa mà ăn thức ăn tự nhiên, thân đều màu vàng ròng, dung mạo đoan chính, thể gian không thể sánh được, chỉ có khác nhau ở chỗ hào quang, có người thì lớn, có người thì nhỏ. Ánh quang minh trên đảnh Phật thì chiếu sáng 1.000 vạn thế giới.

(Tiểu Bản nói : quang minh vô lượng chiếu mười phương cõi nước).

Đánh quang của Bồ-tát chiếu 1.000 ức vạn dặm, còn hàng Thanh văn thì Đánh quang chiếu được 7 trượng.

HỎA CẨM DIỄN PHÁP

Có các loài chim Hạc trăng, Không tước (tức chim công), Anh vũ (tức chim vẹt), chim Xá-lợi, chim Ca-lăng-tần-già, chim Cộng-mạng cùng diễn nói pháp âm, đó đều là do thần lực của đức Phật biến hóa ra.

(Tiểu Bản nói : các loài chim này đều là do Phật A Di Đà muốn khiến cho pháp âm được tuyên lưu khắp nơi, nên biến hóa ra).

THỌ MẠNG TRƯỜNG VIỄN

Thọ mạng của Phật và nhân dân ở cõi đó sống lâu vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp, nên gọi là A Di Đà (a-tăng-kỳ : ở đây gọi là vô-ương số, chính là tên gọi của đại kiếp).

Kinh Hoa Nghiêm nói : một kiếp ở thế giới Sa-bà chỉ bằng một ngày một đêm ở thế giới Cực lạc.

VÃNG SANH CHÁNH NHÂN

Chí tâm muốn vãng sanh về Cực lạc có ba bậc :

1) Bậc thượng phẩm thì bỏ nhà, bỏ dục mà làm Sa-môn, tâm không tham mến, trì giữ kinh giới, tu hạnh nghiệp Bồ-tát sáu Ba-la-mật, chuyên niêm đức Phật kia, tu các công đức. Những người này trong梦 thấy Phật, Bồ-tát, mạng chung được Phật và Thánh chúng đều đến rước đi tới ao báu ở cõi kia mà hóa sanh, được làm Bồ-tát.

2) Bậc trung phẩm thì dẫu chẳng làm Sa-môn, tu công đức lớn, nhưng thường tín thụ lời Phật dạy, phát tâm Bồ-đề vô thượng sâu xa, chuyên niêm đức Phật kia, tùy sức mà tu thiện, vãng giữ trai giới, xây tháp, tạo tượng, cúng cơm Sa-môn, treo phướn, thắp đèn, rải hoa, đốt hương, dùng công đức đó mà hồi hướng, nguyện sanh về nước kia, thì tới lúc mạng chung sẽ được hóa Phật tiếp dẫn vãng sanh về chốn kia, công đức tháp hơn bậc trước.

3) Bậc hạ phẩm chẳng thể làm các công đức, phát đại đạo tâm, nhưng một mục chuyên niệm, mỗi ngày niệm Phật 10 hơi, tới lúc lâm chung, mong thấy đức Phật, cũng được vãng sanh, công đức bậc này thấp hơn bậc trung.

Lại còn có ba bậc :

+ Là trai giới, thanh tịnh, nhất tâm niệm Phật, suốt 10 ngày đêm không ngừng, tới lúc mạng chung hẳn được vãng sanh.

+ Lại có người nếu như chẳng thể niệm suốt 10 ngày đêm thì nên dứt mọi lo nghĩ, chớ gần đàn bà, giữ cho thân tâm đoan chính, dứt trừ ái dục, trai giới thanh tịnh, nhớ niệm danh Phật một ngày chẳng dứt thì cũng được vãng sanh.

+ Dù là đàn ông hay là đàn bà, nếu phát tâm Bồ-đề, giữ các giới cấm, làm mọi duyên lành, nhiều ích cho chúng sanh, nhớ nghĩ niệm Phật cùng cõi Phật kia thì tới lúc mạng chung sẽ được Phật rước, hóa sanh Tịnh độ.

(Còn nói : muốn vãng sanh tới cõi Phật thì át phải tu thập thiện, Tiểu Bản nói : nếu một ngày, hai ngày cho tới bảy ngày nhất tâm chẳng loạn thì được vãng sanh).

NGHI THÀNH THỊ TRÍCH (Thành nghi để tỏ ý trách phạt)

Nếu người nào tu công đức, nguyện sanh về cõi Phật kia, sau lại có ý hối, nghi hoặc, chẳng tin cõi Phật kia, tới khi vãng sanh vẫn còn tiếp tục có tâm niệm nửa tin nửa ngờ, ý chí do dự, rồi lại hối lỗi niệm Phật thì cũng được sanh về cõi kia, nhưng sanh ở trong thành bảy báu biên địa, cũng từ hoa sen hóa sanh, áo cơm tự nhiên thụ nhiên khoái lạc, duy chỉ ở trong thành trải 500 năm chẳng được thấy Phật pháp và Bồ-tát, lấy đó làm khổ để tỏ sự trách phạt nhẹ.

Cho nên người niệm Phật cần phải thật tin, phát nguyện vãng sanh, chớ nên nghi hoặc để đến nỗi bị trách phạt như vậy.

CHÁNH BÁO TỔNG THUYẾT

Liên Tông Bảo Giám nói : nhân tu bạch nghiệp, quả cảm Tịnh phuơng, được hóa Phật dẫn lên đài vàng, Hiền thánh rước về nơi Lạc quốc, cao vượt ba cõi, ra xa bốn giòng, nghiệp hết, trần tiêu, quên tình, dứt nghĩ, chất thác trong bọc hoa sen, thần chơi trong cõi Bảo giới; tận mặt hâu đức A Di Đà là bồn sư, được thấy Quán Âm - Thế Chí là thân hữu, thanh tịnh hải chúng đại hội ở Bảo trì, chín phẩm thăng lưu đều diễn thuyết bản hạnh, năm hương phẩy cho cơ thể, ba đức trang sức bản thân, vừa mới tạm quạt làn gió nhẹ đã nghe thấy các tiếng diễn pháp, mưa hoa rơi phát phói, mắt thấy tia lướt tỏa hào quang, thần túc nổi lên gần đám vân hà thăm thẳm, áo vải nhẹ nhàng hứng đựng đầy hoa kỳ diệu.

Sớm yết đắng Từ nhan, được Pháp ấn mà về nước, tới chơi noi Cõi vàng, nghe Kê ngọc để tiêu dao; sen lành mới nở, xua hết tai ương còn sót, cho kẻ mới

học hóa sanh, hạnh thành chặng lui, há phải chỉ là quên đi những nỗi khổ lớn
gần kề, mà có khi quả Phật cũng chặng còn xa nữa.

*Vui chơi ở chốn rừng Quỳnh
Tấm gối bằng giòng Đức thủy
Trầm báu lâu đài hoa lê
Bảy trùng hàng thụ xum xuê
Cánh tựa mùa xuân bất tận
Đất phẳng như lòng bàn tay
Com áo nghĩ là tự đến
Nhạc trời chặng trỗi tự vang
Thụ dụng xuất hiện tự nhiên
Khoái lạc chặng như nhân thế
Vạn ức chư Thiên nào sánh
Hằng sa Phật thảy ngợi khen
Thân đủ quang minh diệu tướng
Chân bước thêm hương đạo Thành
Thọ lượng cùng tốt khôn lường
Bi nguyện độ sanh vô tận.*

Bỏ hai trùng lớp sanh tử, chặng còn là thân quả báo, được thường quang
của bản té, lìa tướng khứ lai. Duyên cường đức thắng đều do niêm Phật tâm
sanh; Phước đủ thọ trường thảy là Tịnh nhân cảm báo. Cho nên biết rằng : Phật
có bốn nguyện thu nghiệp chúng sanh mà chúng sanh cũng có nhân duyên cảm
ứng được Phật quả.

*Duyên tốt ấy phát sanh từ tín nguyện
Diệu quả kia thành tựu được chánh, y
Thiền quán, tụng kinh, bên ao bảy báu
Hoặc là qua lại, trên đất vàng rồng
No lòng hương vị thiền duyệt, pháp hỉ
Khoác mặc áo trời hỉ xả, từ bi
Công đức giúp thân, tăng thêm bi trí
Ung dung tu đạo, trưởng dưỡng Thành thai
Vào cửa Vô sanh, lên Bồ-tát địa
Được A Bạt Trí, chặng thoái Bồ-đề
Ở nhà Pháp vương, Như Lai thọ ký
Nghe pháp Đại thừa, Bồ xír tôn danh
Niêm niệm hư huyền, tâm tâm tịnh lự
Tam-muội Chánh Định, đủ sáu thân thông
Hiến cúng mười phương, lại qua vô ngại
Thân chia ức cõi, chặng mắt định tâm
Rưới nước pháp vũ khắp cõi tam thiên
Đưa đón chúng sanh ra khỏi nhà lửa
Tự tha đều lợi, hạnh nguyện chu viễn
Trăm ngàn Tam-muội đều chỉ do tâm
Công đức trang nghiêm thuộc về mình cả.*

Nay cõi thế giới Cực lạc này, cứ lấy cõi Sa-bà mà xét thì cách xa 10 vạn ức cõi Phật ở phương Tây. Nếu lấy thế giới chung mà xem thì thế giới Cực lạc vẫn ở trong lớp thứ 13.

Cách cõi Sa-bà ở khoảng giữa chặng xa, vì từ cõi Sa-bà đi về phía Tây có vi tràn số thế giới cõi Phật, mới tới 13 lớp ranh giới ở phía cực Tây của cõi Cực lạc, nay là chốn vãng sanh của người niệm Phật, thật sự có cõi Tịnh độ bắng bảy thứ báu, nếu cứ chấp trước cho rằng không có cõi Tịnh độ thì đó chỉ là thuyết tà kiến.

NHẤT PHÙ TRÀNG PHẬT SÁT ĐÔ



Kinh Hoa Nghiêm nói : có mươi Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số Hương thủy hải như lưới của Thiên đế phân bố mà trụ ở trong Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải.

Hương thủy hải ở chính giữa gọi là Vô Biên Diệu Hoa Quang, lấy hiệu Nhất Thiết Bồ-tát hình Ma Ni Vương Tràng làm đáy, trong đó nở ra một hoa sen lớn gọi là Nhất Thiết Hương Ma Ni Vương Trang Nghiêm, có các cõi nước trụ ở trên đó gọi là Phổ Chiếu Thập Phương Xí Nghiêm Bảo Quang Minh, lấy mọi thứ trang nghiêm làm thể, có 10 Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số thế giới phân bố ở trong, dưới cùng có thế giới gọi là Tối Thắng Quang Biển Chiếu, có Phật hiệu là Tịnh Nhã Ly Cầu Đăng :

1- Một cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Chung Hương Liên Hoa Diệu Trang Nghiêm, có Phật hiệu là Sư Tử Quang Thắng Chiếu.

2- Hai cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó qua một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm Phổ Chiếu Quang, Phật hiệu là Tịnh Quang Trí Thắng Tràng.

3- Ba cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh, trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Chung Chung Quang Minh Hoa Trang Nghiêm, Phật hiệu là Kim Cương Quang Minh Vô Lượng Tinh Tiến Lực.

4- Bốn cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh, trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Phổ Phóng Diệu Hoa Quang, có Phật hiệu là Hương Quang Hỉ Lực Hải.

5- Năm cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Tịnh Quang Minh, có Phật hiệu là Phổ Quang Tự Tại Tràng.

6- Sáu cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Chung Hoa Diệm Trang Nghiêm, có Phật hiệu là Hoan Hỉ Hải Công Đức Danh Xung Tự Tại Quang.

7- Bảy cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh, trên đó qua một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Xuất Sanh Uy Lực Địa, có Phật hiệu là Quảng Đại Danh Xung Trí Hải Tràng.

8- Tám cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó qua một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Xuất Diệu Âm Thanh, có Phật hiệu là Thanh Tịnh Nguyệt Quang Minh Tướng Vô Năng Tội Phục.

9- Chín cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh, trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Kim Cương Tràng, có Phật hiệu là Nhất Thiết Pháp Hải Tối Thắng Vương.

10- Mười cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Hằng Xuất Hiện Đế Thanh Bảo Quang Minh, có Phật hiệu là Vô Lượng Công Đức Pháp.

11- Mười một cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó qua một cõi Phật số thế giới có thế giới tên là Quang Minh Chiếu Diệu, có Phật hiệu là Siêu Thích Phạm.

12- Mười hai cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Sa-bà, Phật đó tức là đức Tì Lô Giá Na.

13- Mười ba cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; (thế giới Cực lạc ở trong cõi Phật vây quanh nói trên). Trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Tịch Tịnh Ly Trần Quang, có Phật hiệu là Biển Pháp Giới Thắng Âm.

14- Mười bốn cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Chúng Diệu Quang Minh Đăng, có Phật hiệu là Bất Khả Tội Phục Lực Phổ Chiếu Tràng.

15- Mười lăm cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Thanh Tịnh Quang Biển Chiếu, có Phật hiệu là Thanh Tịnh Nhật Công Đức Nhã.

16- Mười sáu cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó qua một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Biển Chiếu Thập Phương, có Phật hiệu là Vô Ngại Trí Quang Minh.

17- Mười bảy cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Ly Trần, có Phật hiệu là Vô Lượng Phương Tiện Tối Thắng Tràng.

18- Mười tám cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Thanh Tịnh Quang Phổ Chiếu, có Phật hiệu là Phổ Chiếu Pháp Giới Hư Không Quang.

19- Mười chín cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Diệu Bảo Diệm, có Phật hiệu là Phước Đức Tướng Quang Minh.

20- Hai mươi cõi Phật vi trần số thế giới vây khắp vòng quanh; trên đó cách một cõi Phật vi trần số thế giới có thế giới tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang, có Phật hiệu là Phổ Chiếu Thập Phương Xí Nghiêm Bảo Quang Minh.

Các cõi nước đó có những Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số thế giới rộng lớn như vậy, mỗi thế giới đều có hình trạng, thể tính, phương diện, chỗ y trụ, hướng đi tới, vẻ trang nghiêm riêng, ranh giới riêng, hàng lối riêng, mỗi thế giới đều có những nét không khác biệt, đều có lực gia trì trang nghiêm vây khắp vòng quanh.

Đó là :

- 1) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình xoay vòng,
- 2) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình sông lạch,
- 3) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình nước xoáy,
- 4) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình luân vồng,
- 5) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình đàn thiêng,
- 6) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình rừng cây,
- 7) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình lầu quán,
- 8) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình giới tràng,
- 9) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình phổ phương,
- 10) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình thai tang,

- 11) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình hoa sen,
- 12) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình Khư-lặc-ca,
- 13) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình chúng sanh,
- 14) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình Phật tướng,
- 15) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình viễn quang,
- 16) Mười cõi Phật vi trần số thế giới bằng hình mây,
- 17) Mười cõi Phật vi trần số thế giới như hình lưới,
- 18) Mười cõi Phật vi trần số thế giới hình cửa cổng.

Có những cõi Phật vi trần số thế giới nhiều không sao kể xiết như vậy, mỗi một thế giới đó lại có mười cõi Phật vi trần số thế giới rộng lớn làm quyến thuộc.

Tất cả các thế giới đã được thuyết minh như vậy đều trong biển Vô Biên Diệu Hoa Quang Hương thủy và trong sông Hương thủy vây quanh biển này.

Thanh Lương Sớ nói rằng : cứ theo như các điều chẳng nêu ra và phần kết luận thì đều là Bát khả thuyết cõi Phật vi trần số.

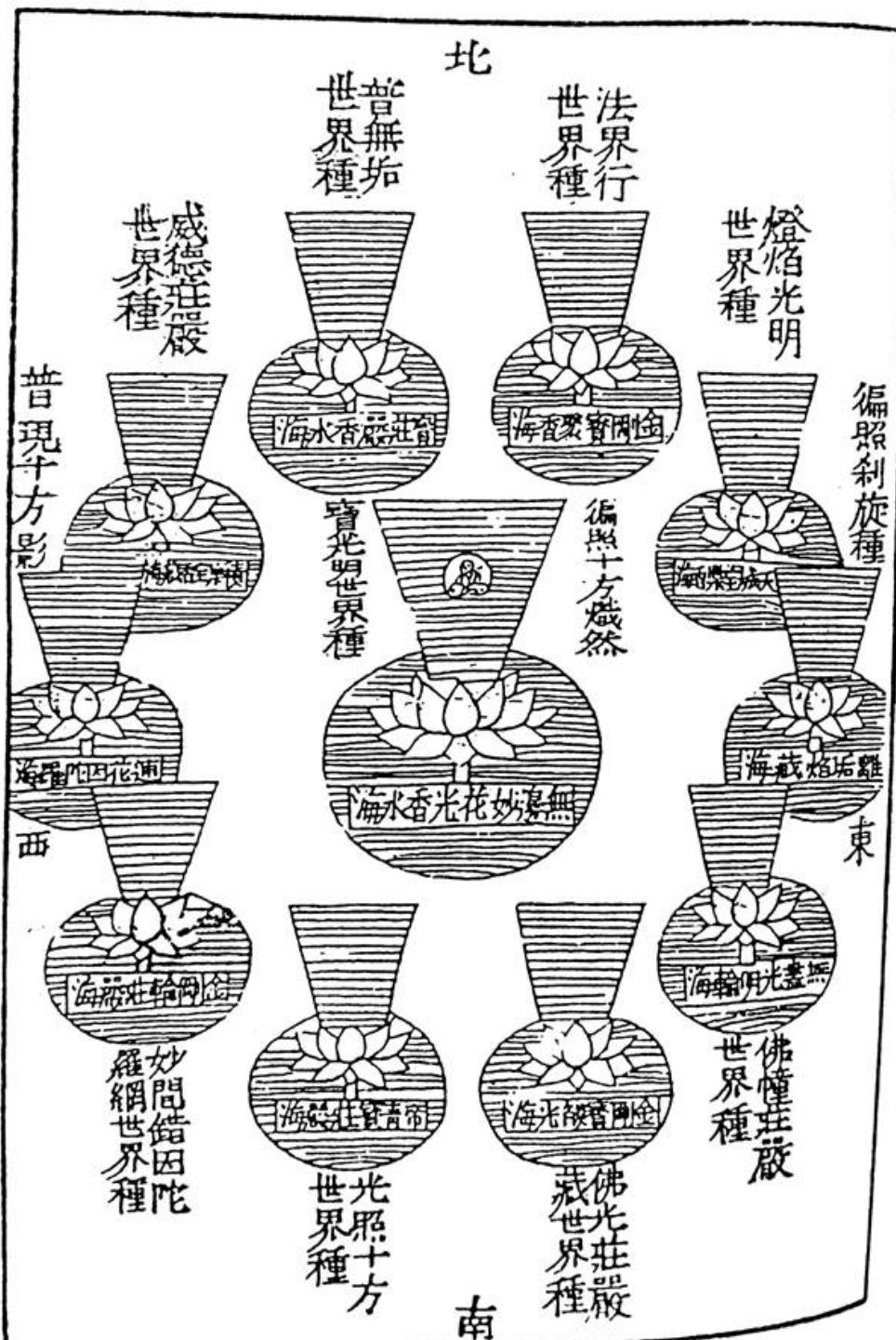
Trong phần phân tích riêng, chỉ liệt kê ra 19 cõi Phật vi trần số làm thành 20 lớp; còn các cái có thể bao bọc xung quanh, chỉ có 210 Sát-trần số.

(Phần Sớ Giải nói rõ : nêu tổng quát thì nhiều, liệt kê riêng thì ít. Bổ chú : trong kinh chỉ lấy 20 thế giới làm chủ cùng quyến thuộc thành 20 trùng lớp, là nêu các cõi ở trung gian lại không có quyến thuộc. Như vậy thì trên dưới của tám phương tầng tầng rõ ràng hồng làm sao mà thành an lập được ! Đủ biết chẳng phải như thế, cho nên kinh văn kết luận nói : có những cõi Phật vi trần số như vậy, thì thấy tám phương trùng lớp trùng lớp, phân bố đầy dãy đều nhau không khác, bối cáo thế giới đã đủ cả.

Và lại như trong các cõi nước, thế giới thứ nhất có một Sát-trần quyến thuộc, thế giới thứ hai cũng phải có một Sát-trần quyến thuộc, thế giới thứ ba, thứ tư cho đến dưới trùng lớp thứ hai, trải qua cõi Phật trần số cõi chủ đều có Sát-trần số cõi bạn vây quanh, tức là có rất nhiều Sát-trần số lần lượt đến 20 trùng lớp đều có vô số trùng lớp, số thế giới ấy nhiều hơn số mà kinh văn nêu ra rất nhiều.

Kinh văn chỉ nói là : mười Bát khả thuyết Sát-trần số, chưa tới hằng sa Sát-trần, nên rất ít, vì dưới trùng lớp thứ hai còn có Cõi Phật vi trần số các Cõi Phật vi trần số thế giới, cho nên trên trùng lớp thứ hai lại gấp bội, trên trùng lớp thứ ba lại gấp bội hơn).

THẬP PHÙ TRÀNG PHẬT SÁT ĐỒ

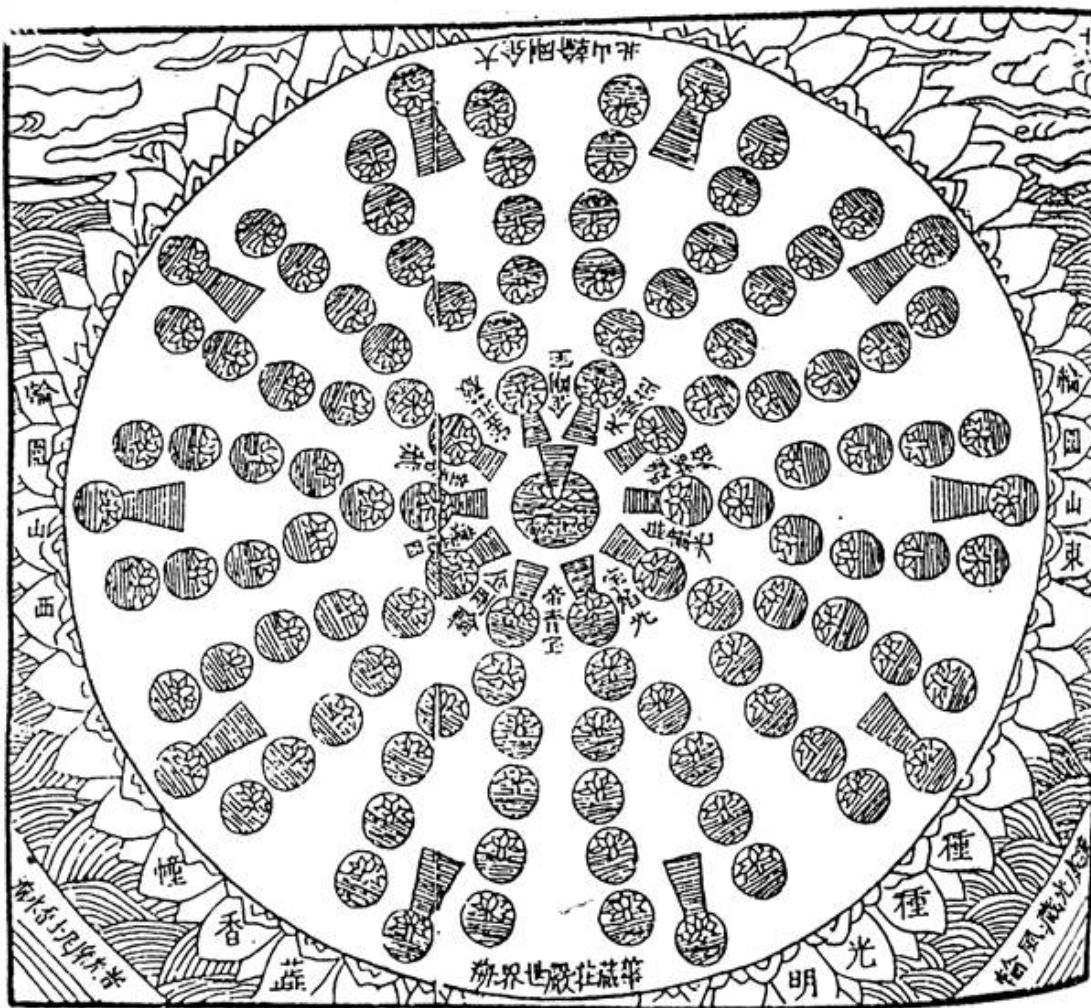


Phía Đông biển Hương thủy Vô Biên Diệu Hoa Quang này, lần lượt có biển Hương thủy gọi là Ly Cầu Diệm Tặng mọc ra hoa sen lớn nhất gọi là Nhất Thiết Hương Ma Ni Vương Diệu Trang Nghiêm, các cõi nước gọi là Biển Chiếu Sát Tuyễn, trong đó an trụ 20 trùng lớp thế giới.

Phía Nam biển Hương thủy này, lần lượt có biển Hương thủy tên là Vô Tận Quang Minh Luân, các cõi nước gọi là Phật Tràng Trang Nghiêm; Di quay về bên phải biển này, lần lượt có biển Hương thủy gọi là Kim Cương Bảo Diệm

Quang, các cõi nước gọi là Phật Quang Trang Nghiêm Tạng; Di quay về bên phải biển này, lần lượt có biển Hương thủy gọi là Dé Thanh Bảo Trang Nghiêm, các cõi nước gọi là Quang Chiếu Thập Phương; Di vòng về bên phải biển này, lần lượt có biển Hương thủy gọi là Kim Cương Luân Trang Nghiêm Đề, các cõi nước gọi là Diệu Gián Thác Nhân Đà La Võng; Di quay về bên phải biển này, lần lượt có biển Hương thủy gọi là Liên Hoa Nhân Đà La Võng, các cõi nước gọi là Phổ Hiện Thập Phương Ánh; Quay vòng sang bên phải biển này, lần lượt có biển Hương thủy gọi là Tích Tập Bảo Hương Tạng, các cõi nước gọi là Nhất Thiết Uy Đức Trang Nghiêm.

HOA TẠNG TRANG NGHIÊM THẾ GIỚI HẢI



Đi vòng về bên phải biển này, lần lượt có biển Hương thủy gọi là Bảo Trang Nghiêm, các cõi nước gọi là Phổ Vô Cầu; Đi quay về bên phải biển này, lần lượt có biển Hương thủy gọi là Kim Cương Bảo Tụ, các cõi nước gọi là Pháp Giới Hành; Đi quay vòng về bên phải biển này, lần lượt có biển Hương thủy gọi là Thiên Thành Bảo Địệp, các cõi nước gọi là Đăng Diệm Quang Minh.

(Mười biển như vậy, ngoài biển Diệu Hoa Quang, lần lượt vây khắp vòng quanh, đi quay về bên phải, trong mười các cõi nước đó đều có 20 trùng lớp thế giới an trụ ở trong).

Hoa Tang Trang Nghiêm thế giới hải đó có núi Tu-di được đẽo bởi vi trân số phong luân. Phong luân trên cũng gọi là Thủ Thắng Uy Quang Tạng Phổ Quang Ma Ni Trang Nghiêm có thể đẽo được biển Hương thủy.

Biển Hương thủy này có hoa sen lớn, gọi là Chủng Chủng Quang Minh Nhị Hương, Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới trụ ở bên trong, bốn phương đều bằng, thanh tịnh kiên cố, có núi Kim Cương Luân vây khắp chung quanh, đất, biển, các cây đều có sai khác. Đại địa trong núi Đại Luân vi đó, tất cả đều bằng kim cương tạo thành, kiên cố trang nghiêm, chẳng thể hủy hoại, thanh tịnh bằng phẳng, không có chỗ nào cao thấp.

Trong đại địa đó có mười Bất khả thuyết cõi Phật vi trân số biển Hương thủy, đáy biển được trang sức bằng mọi thứ báu đẹp, bờ được trang sức bằng diệu hương ma-ni, lưới báu làm bằng Tì Lô Giá Na Ma Ni Bảo Vương, Hương thủy trong vắt đủ mọi sắc báu, đầy dẫy ở trong, các thứ hoa báu quanh khắp ở trên, bột chiên đàm nhỏ thanh lọc ở dưới v.v...

Mỗi một biển Hương thủy này đều có bốn thiên hạ vi trân số ở sông Hương thủy vây quanh quay về bên tay phải, trong mười Bất khả thuyết cõi Phật vi trân số biển Hương thủy, có mười Bất khả thuyết cõi Phật vi trân số các cõi nước an trụ. Biển Hương thủy ở trong cùng gọi là Vô Biên Diệu Hoa Quang, các cõi nước gọi là Phổ Chiếu Thập Phương Xí Nghiêm Bảo Quang Minh, có 20 trùng lớp thế giới an trụ ở trong, như biển Hương thủy Vô Biên Diệu Hoa Quang ở trước.

Lần lượt phương Đông có mười biển Hương thủy như Ly Cầu Diệm Tạng v.v... đi qua Bất khả thuyết cõi Phật vi trân số biển Hương thủy tới biển Hương thủy ở rất gần núi Luân vi gọi là Pha Lê Địa, các cõi nước gọi là Thường Phóng Quang Minh, có 20 trùng lớp thế giới an trụ ở trong (kinh văn chỉ liệt kê danh hiệu của bốn trùng lớp).

Phía Nam biển Ly Cầu có mười biển Hương thủy như Vô Tận Quang Minh Luân v.v... đi qua Bất khả thuyết cõi Phật vi trân số biển Hương thủy, đến gần núi Luân vi có biển Hương Hải tên là Diệu Thu Hoa, các cõi nước gọi là Xuất Sanh Chư Phương Quang Đại Sát (cũng có 20 trùng lớp thế giới).

Quay về phía tay phải, Vô Tận Luân hải này, lần lượt có mười biển Hương thủy như Kim Cương Bảo Diệm Quang v.v... đi qua Bất khả thuyết cõi Phật vi trân số hương hải, đến gần núi Luân vi có biển Hương thủy tên là Vô Biên Luân Trang Nghiêm, các cõi nước gọi là Vô Lượng Phương Sai Biệt (cũng có 20 trùng lớp thế giới).

Quay vòng về phía tay phải biển Kim Cương Quang này lần lượt có 10 hương hải như Đế Thanh Bảo Trang Nghiêm v.v... đi qua Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số hương hải đến gần núi Luân vi có biển Hương thủy tên là Thụ Trang Nghiêm Tràng, các cõi nước gọi là An Trụ Đế Võng (cũng có 20 trùng lớp thế giới).

Quay vòng về phía tay phải biển Đế Thanh Hải này, lần lượt có 10 biển, như biển Kim Cương Luân Trang Nghiêm v.v... đi qua Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số hương hải, đến gần núi Luân vi có biển tên là ... (trong kinh thiếu mất tên biển này), các cõi nước tên là ... (trong kinh cũng thiếu tên các cõi nước này).

Quay vòng về phía tay phải biển Kim Cương này, lần lượt có 10 hương hải như biển Liên Hoa Nhân Đà La v.v... đi qua Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số biển Hương thủy, đến gần núi Luân vi có biển Hương thủy tên là Mật Diệm Vân Tràng, các cõi nước gọi là Nhất Thiết Quang Trang Nghiêm (cũng có 20 trùng lớp thế giới).

Quay về phía tay phải biển Liên Hoa này, lần lượt có 10 biển Hương thủy, như biển Tích Tập Bảo Hương Tạng v.v... đi qua Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số biển Hương Hải, đến gần núi Luân vi có biển Hương thủy tên là Diêm Phù Đàm Bảo Tạng Luân, các cõi nước gọi là Phổ Am Tràng (cũng có 20 trùng lớp thế giới).

Quay vòng về bên phải biển Tích Tập này, lần lượt có 10 hương hải như biển Bảo Trang Nghiêm v.v... đi qua Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số biển Hương Hải, đến gần núi Luân vi có biển Hương thủy tên là Xuất Đế Thanh Bảo, các cõi nước gọi là Chu Biển Vô Sai Biệt (cũng có 20 trùng lớp thế giới).

Quay vòng về bên phải biển Bảo Trang Nghiêm này, lần lượt có 10 hương hải như biển Kim Cương Bảo Tụ v.v... đi qua Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số biển Hương Hải, đến gần núi Luân vi có biển Hương thủy tên là Bát Khả Hoại Hải, các cõi nước gọi là Diệu Luân Gián Thác Liên Hoa Tràng (cũng có 20 trùng lớp thế giới).

Quay vòng về phía bên phải biển Kim Cương Bảo Tụ Hương thủy này, lần lượt có 10 biển Hương thủy như Thiên Thành Bảo Điện v.v... đi qua Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số biển Hương thủy, đến gần núi Luân vi có biển Hương thủy tên là Tích Tập Anh Lạc Y, các cõi nước gọi là Hóa Hiện Diệu Y (cũng có 20 trùng lớp thế giới).

Trong mười Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số biển Hương thủy như vậy có 10 Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số các cõi nước, đều nương vào hoa sen trang nghiêm hiện tất cả Bồ-tát Hình Ma-Ni Vương Tràng mà an trụ, các cõi nước đó hết thảy đều có cõi trang nghiêm không gián đoạn, thảy đều phóng ra bảo sắc quang minh, thảy đều có mây quang minh che ở bên trên, thảy đều đủ thứ trang nghiêm, thảy đều có kiếp số khác nhau, thảy đều có Phật xuất hiện, thảy đều diễn pháp hải, thảy đều có chúng sanh đầy cùng khắp, thảy đều từ khắp mười phương đổ dồn vào, thảy đều được gia trì bởi thần lực của hết thảy chư Phật.

Tất cả thế giới trong mỗi một cõi nước đó đều nương vào mọi thứ trang nghiêm mà an trụ, nối liền với nhau thành một mạng lưới thế giới, có nhiều vẻ khác nhau, được kiến lập khắp trong Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải.

(Theo như trong kinh thì Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải có 111 Hương Hải Thủy, chủng loại cũng vậy, tên các Hương Hải đó v.v... đều nói trong Hoa Tạng Phẩm).

HOA TẶNG NGHIỆP NHÂN

Thanh Lương Sớ hỏi : Liên Hoa, Hương Hải căn cứ vào sự thì có thể là thế, nhưng vì nguyên nhân gì mà tướng trạng cõi nước lại như vậy ?

Đáp : Xin nêu qua hai nhân.

1)- Căn cứ vào Như Lai Tạng thức của chúng sanh, đó tức là Hương hải, cũng tức là Pháp Tánh hải. Dựa vào gốc vô trụ đó gọi là Phong luân, cũng tức là Vọng Tưởng phong. Ở trong biển này có tướng nhân quả, hằng sa tánh đức tức là hoa Chánh nhân. Vì hàm tàng hết thấy quả pháp vị lai thế gian và xuất thế gian, cho nên gọi là Tạng. Nếu coi pháp tánh là biển, thì tâm tánh là hoa. Hàm tàng cũng thế, nhưng trong tướng phần của Tạng thức đó, một nửa là ngoại khí vì chẳng chấp thụ (sơ thích tướng phần), một nửa là nội thân vì chấp là tự tánh sanh giác thụ (thân thích tướng phần).

Như Lai Tạng thức vì duyên cớ gì lại như vậy ? Vì pháp như vậy, vì hành nghiệp dẫn.

2)- Căn cứ chư Phật, có nghĩa là gió đại nguyện gia trì biển đại bi, sanh ra hoa Vô Biên hạnh, chưa đựng quả pháp nhiễm tịnh nhị lợi, trùng điệp vô ngại, cho nên cõi chỗ cảm tướng trạng như vậy.

Bởi thế trong phẩm Xuất Hiện hay đem thế giới ví với Phật đức.

Tìm hiểu kỹ văn nghĩa thì thấy chính là do Phật đức, thế giới cũng như thế.

Luận Tảo Bách viết rằng : xưa nhân đại nguyện lực nhậm trì hết thấy quả báo được Phong luân, đại từ bi rất sâu báo được Hương hải, vô biên đại hạnh báo được hoa sen. Thêm nữa, hoa sen tức là trí thể vô y, là cung điện đại bi hàm dục, là lầu gác chiếu quán trí căn, theo hạnh từ bi tế độ vạn vật, là ngọc ma-ni bình đẳng tự tánh pháp thân tịnh giới.

Nghiệp phòng hộ thì được kết báo núi Luân vi. Vạn hạnh lợi sanh mở bày chúng thiện thì được phước báo Cây báu nhiều hoa đẹp, nên các hạnh phủ che bóng rợp.

Quả báo ra sao đều do nghiệp nhân, chẳng thể nói hết. Lại nói, báo chẳng phải bỗng dung mà được, mà đều là do có nguyên nhân. Nếu chẳng biết nguyên nhân thì làm thế nào mà tu quả !

Căn cứ vào đó mà xem xét thì do bình đẳng mang vác hết thấy không hề mỏi mệt chán nản, nên được kết báo bảo địa; vì đại bi tùy phuơng mà gội nhuần cho vạn vật, nên được kết báo có các biển Hương thủy. Vì tùy cơ mà làm lợi lạc

cho khắp các thế gian, thanh tịnh không nhiễm, nên các hoa sen mọc cao vượt lên trên mặt nước.

Vì các diệu đức phát khởi tất cả mọi thiện căn, nên có các cõi nước.

Thêm nữa, dùng Thi Ba-la-mật mà làm tường báu, láy dẹp tà lập chánh mà làm cờ báu, che bẳng lưới báu, thì được kết báo tế trí liền với nhau, treo Bảo đạt là biểu thị pháp âm nghiệp hóa kêu mòi, trang sức bẳng các thứ báu, là được kết báo cái đức đàm-na.

Nỗi mây cúng dường là đáp lại cái ơn tinh tấn; lại thêm ánh quang minh phá trừ tăm tối, cỏ thơm xông khắp, vườn tược Tam-muội Du Hí, sông lạch vô trước, vô ngại, cùng với thèm bậc Bát chánh để chúng sanh giẫm vào, đài quán Tam minh để chúng sanh trèo lên, pháp hỉ Thiền duyệt để chúng sanh ném mùi, chuỗi ngọc Tàm quý để chúng sanh trang sức, rùng rậm Thất giác chi um tùm, hoa quả Bát giải thoát thơm tho, trải qua trùng trùng Thánh vị, đạo chơi chốn chốn đạo tràng, đều là nhân quả tương phù, sự lý tương tế, thể dụng vô ngại, bi trí vô phuơng, tâm cảnh giao tham, Thánh đức khôn lường, thần công không thể bàn. Một cõi đã như vậy, thì mười cõi đều thế cả.

(Trên mới căn cứ vào một đức, một hạnh nhân quả tương tự mà nói. Nếu một độ đủ mọi độ, một đức đủ mọi đức, thiệp nhập lẫn nhau thì chẳng phải là ngôn ngữ tư duy có thể tới kịp được).

THÍCH HOA TẶNG DANH

Hoa Tặng Trang Nghiêm Thế Giới Hải đó là cõi Thật Báo Vô Chuồng Ngại, nơi đóng đô của đức Tì Lô Giá Na.

- Hoa : là hoa sen, vì hình tướng của núi Đại Bảo Sơn vương đỡ thế giới hải giống như vậy, tức là đài hoa nhụy hương.

- Tặng : chỗ trụ xú của hạt sen gọi là Tặng.

Ý nói các các cõi nước ở trong các biển Hương thủy cũng như hạt sen trên thế gian được chúa đựng ở trong Tặng vậy; và vì đại địa mà biển Hương thủy nương tựa vào đó, cũng giống như hương sen trên thế gian.

- Trang Nghiêm : là Bảo địa, luân sơn, rừng cây, sông lạch, cung điện, lầu gác, thèm bệ, lan can, cờ báu phuồn lọng, tường báu bao quanh, vườn tược hoa quả, lưới báu trên không, cỏ thơm đầy đất, ma-ni trân kỲ v.v...

- Thế Giới Hải : trong các các cõi nước, mọi thế giới có 20 trùng lớp, đều cao 19 cõi Phật vi trán số, rất rộng như núi Kim Cương, vì sâu rộng khó lường, nên ví với biển.

BẢN ĐỒ AN LẬP PHÁP GIỚI

QUYỀN HẠ - phần dưới
Yên Sơn Sa-môn Nhân Triều tập

VI)- Nghiên Cùng Pháp Giới

- 1) Thích đại số danh,
- 2) Thông quán Sát hải,
- 3) Cao tường pháp giới,
- 4) Phật Quang Quán,
- 5) Pháp giới vô tận.

VII- Pháp Giới Tổng Luận

- 1) Tứ Đạo Viên Dung đồ,
- 2) Y Chánh Thông Luận,
- 3) Tứ Đạo Tịnh Uế,
- 4) Đồng Xứ Dị Kiến,
- 5) Sắc Nhân Thức Biến đồ,
- 6) Cộng Tạo Nghĩa,
- 7) Tự Tạo Nghĩa,
- 8) Tâm Tạo Pháp Giới đồ,
- 9) Niệm Cụ Tam Thiên đồ,
- 10) Pháp Giới Trực Chỉ đồ.

Pháp giới là biệt mục của tâm, vì thể dụng của tâm sâu rộng, tánh tướng vô ngại, tức là lấy tâm làm pháp, lấy tâm làm giới mà an lập, thì diệu tướng, các phần trang nghiêm của tâm thấy đều kiến lập, chẳng hề tạp loạn lẫn nhau.

Thiền sư Khuê Phong nói : chưa tỏ lý sự, chẳng thuyết hữu không, chỉ thăng vào nguồn thiêng của bản giác, cho nên gọi là Nhất chân pháp giới. Từ Nhất chân pháp giới chia ra làm :

- + Lý pháp giới (sự tướng quang hư đều cùng một lý).
- + Sự pháp giới (muôn pháp la liệt bời bời, mỗi thứ đều có phận hạn).
- + Lý sự vô ngại pháp giới (dùng lý mà dung sự, hội sự quy về lý).
- + Sự sự vô ngại pháp giới (trần trán vô ngại, pháp pháp dung thông).

Pháp : có nghĩa là quí tắc, giới : có nghĩa là tính phần. Pháp quí tắc chân không đó, tại lý thì là Lý pháp giới, tại sự thì là Sự pháp giới.

Vì lý thì không có phận hạn, còn sự thì có cả 1.000 thứ sai biệt.

Cố đức dạy rằng :

Sắc xuân không cao thấp

Cành hoa có ngắn dài.

Nay tập này chỉ thuyết minh qua về Sự pháp giới mà thôi, cũng tức là Sự của Lý vậy.

THẬP PHƯƠNG SÁT HẢI ĐÔ

十方利海圖



Phẩm Nhu Lai Hiện Tướng nói rằng : Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải này, phía Đông lại có thế giới hải gọi là Thanh Tịnh Quang Liên Hoa Trang Nghiêm. Trong các cõi nước đó có cõi nước tên là Ma Ni Bà Lạc Kim Cương Tạng, Phật hiệu là Pháp Thủ Giác Hư Không Vô Biên Vương. Ở trong đại hội hải của đức Nhu Lai đó có vị Bồ-tát tên là Quán Sát Thắng Pháp Liên Hoa Tràng, cùng với thế giới hải vi tròn số các Bồ-tát đều cùng nhau đến chỗ Phật đó.

(Các phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc trên dưới, kinh văn cộng có 10 đoạn).

Trong 10 úc cõi Phật vi tròn số thế giới hải như vậy, có 10 úc cõi Phật vi tròn số Bồ-tát, đều cùng các Bồ-tát câu hội đến chỗ đức Phật.

Lại nữa, phẩm Nhập Pháp Giới nói rằng : bấy giờ ở phương Đông, vượt qua Bất khả thuyết cõi Phật vi tròn số thế giới hải, ra ngoài có thế giới tên là Kim Đăng Vân Tràng, có Phật gọi là Tì Lô Giá Na Thắng Đức Vương.

Trong đại chúng của đức Phật đó có vị Bồ-tát Ma-ha-tát tên gọi là Tì Lô Giá Na Nguyện Quang Minh, cùng với Bất khả thuyết cõi Phật vi tròn số các Bồ-tát cùng nhau câu hội tới hướng vào chỗ đức Phật đó mà nỗi mây cũng dường.

(Các phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc trên dưới, kinh văn có 10 đoạn, thì mười phương tổng cộng có mười Bất khả thuyết cõi Phật vi tròn số thế giới hải, gọi chung lại là một Pháp giới an lập hải).

THÍCH ĐẠI SỐ DANH (Giải thích tên gọi các số lớn)

Bất Khả Thuyết : là tên gọi của một số lớn, số này chỉ có Phật mới biết hết, cho nên khi Bồ-tát Tâm Vương xin hỏi về nghĩa của các danh từ chỉ số, đức Thế Tôn đã đích thân thuyết giảng phẩm A Tăng Kỳ chứng minh rằng, số lượng Phật đức, thế gian không thể sánh kịp.

Theo Hoa Nghiêm Kinh Chú của Pháp sư Uyển, thì căn cứ vào Hoàng đế toán pháp tổng cộng có 23 số gồm một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, một trăm, ngàn, vạn, úc, triệu, kinh, cai, tỉ, nhưõng, câu, giản, chính, tải. Từ vạn trở đi có tam đẳng số pháp. Các số ở dưới cứ gấp lên 10 lần, các số ở trên cứ gấp bội lên.

Nay phẩm A Tăng Kỳ dùng trung, thượng số pháp, sơ số bèn nói : 100 lạc-xoa (đây gọi là vạn), là 1 câu-chi (úc).

- Câu-chi câu-chi : là 1 a-dữu-đa (triệu),
- A-dữu-đa a-dữu-đa : là một na-do-tha (kinh),
- Tần-bà-la (cai),
- Căng-yết-la (tỉ),
- A-già-la (nhuõng),
- Tối thắng (câu),

- Ma-bà-la (giản),
- A-bà-la (chính),
- Đa-bà-la (tải).

Số phương này đến đây là hết.

- Đa-bà-la, đa-bà-la : là 1 Giới phần,
- Giới phần, giới phần : là 1 Phổ-na.

Cứ như vậy mà tăng gấp bội lên mãi cho đến 120 phiên là một Bát Khả Thuyết số, thế thì chẳng phải là toán số của thế gian.

(Luận Tảo Bách Hoa Nghiêm : phần giải thích về phẩm A Tăng Kỳ so với chủ thích của Pháp sư Uyển về đại thi giống nhau, nhưng cũng có những điểm chi tiết khác nhau. Đại để là trong sự so sánh các số, chưa chắc đã hoàn toàn giống nhau).

Cõi Phật vi trần số : đại thiên thế giới gọi là 1 Cõi Phật.

Đem 100 úc Tu-di, Tứ châu, Luân vi cùng đại địa v.v... đều nghiên nát ra hết thành bụi thì gọi là 1 Cõi Phật vi trần.

Đem một hạt vi trần đó mà tính là một thế giới, tính cho hết số vi trần đã nghiên ra trước đây thì gọi là một Cõi Phật vi trần số thế giới.

Trong kinh vì thế giới rất nhiều, chẳng phải là các con số của thế gian có thể ghi chép nổi, nên thường dùng Cõi Phật vi trần để mà tính, gọi là một Cõi Phật vi trần, hai Cõi Phật vi trần cho đến rất nhiều Sát-trần. Dùng số Sát trần hoặc để tính thế giới, hoặc để tính phù-tràng, hoặc để tính biển Hương thủy, hoặc để tính An Lập hải v.v...

THÔNG QUÁN SÁT HẢI (Quán chung về Sát hải)

Mười phương Sát hải phân bố khắp trong hư không, Hương hải Hoa tràng, đức nghĩa đều như nhau. Kinh tuy lược đi không nói, nhưng cứ theo lệ quán sát mà có thể biết được.

Cứ như phẩm Hiện Tướng nói : thì Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải này phía Đông có thế giới hải tên là Thanh Tịnh Quang Liên Hoa Trang Nghiêm, trong các cõi nước đó, có cõi nước tên là Ma Ni Anh Lạc Kim Cương Tạng, đức Phật hiệu là Giác Thủy Pháp Hư Không Vô Biên Vương.

Trong đại hội hải của đức Nhu Lai đó, có vị Bồ-tát tên là Quán Sát Thắng Pháp Liên Hoa Tràng v.v... bèn đi đến chỗ đức Phật đó để cúng dường v.v....

Đoạn văn này ẩn lược, giả sử như Đông Phương Pháp Thủy Giác Phật lúc thuyết pháp liền nói rằng : ở phía Tây Thanh Tịnh Quang Liên Hoa Trang Nghiêm Thế Giới Hải, lại có thế giới hải tên là Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm. Trong các cõi nước đó có cõi nước gọi là cõi Sa-bà, có đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Trong đại hội hải của đức Như Lai đó, có vị Bồ-tát tên là Di Lặc tới chỗ Phật. Chín phương còn lại cũng theo như ví dụ này thì có thể biết chủng loại cõi nước nghĩa bằng nhau.

Thế giới trong tất cả mười phương, mười úc cõi Phật vi tràn số thế giới hải, hương hải, phù-tràng và các thứ an lập trang nghiêm trong thế giới hải ở trung ương, về hướng đó không có gì khác nhau.

Thêm nữa, phẩm Nhập Pháp Giới nói : bấy giờ, phương Đông cách đây qua Bát khả thuyết cõi Phật vi tràn số thế giới hải, có thế giới tên là Kim Đăng Vân Tràng, đức Phật hiệu là Tì Lô Giá Na Thắng Đức Vương. Trong đại chúng của đức Phật đó có vị Bồ-tát Ma-ha-tát tên là Tì Lô Giá Na Nguyện Quang Minh đến hướng vào chỗ đức Phật. Đoạn văn này thì lại lược đi thế giới hải và các cõi nước.

Cũng như nếu đức Phật ở đó là chủ thì át sẽ nói rằng : bấy giờ ở phía Tây cách đây qua Bát khả thuyết cõi Phật vi tràn số thế giới hải, có một thế giới gọi là cõi Sa-bà, Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Trong đồ chúng của đức Phật đó, có vị Bồ-tát Ma-ha-tát tên là Di Lặc đến hướng về chỗ đức Phật đó v.v... Chín phương còn lại cũng theo lệ này. Cứ thế mà suy thì biết rằng tổng số mười phương, mười Bát khả thuyết cõi Phật vi tràn số thế giới hải.

(Tổng số căn cứ vào 10 đoạn kinh văn).

Có mười Bát khả thuyết cõi Phật vi tràn số hoa sen to lớn được nương dựa, nâng đỡ như đài nhụy hương tràng v.v...

(Các Sát hải ở mười phương đều như trung ương).

Trên mỗi một hoa sen lớn đều có núi Kim Cương Luân vi lớn, phía trong mỗi một núi Luân vi đều có mười Bát khả thuyết cõi Phật vi tràn số biển Hương thủy, như biển Hương thủy Vô Biên Diệu Hoa Quang v.v... Trong mỗi một biển Hương thủy lại mọc lên một hoa sen như hoa sen Nhất Thiết Hương Ma Ni Vương Trang Nghiêm v.v... Trên mỗi một hoa sen lại có một các cõi nước như Phổ Chiếu Thập Phương Xí Nghiên Bảo Quang Minh các cõi nước.

Trong mỗi một các cõi nước đều có 20 trùng lớp thế giới phân bố ở trong, như các thế giới ở tám phương trên dưới trong cõi Sa-bà.

Các Phù-tràng đều nhau, trên thì sát với các Bảo vân, dưới thì sát với các Bảo địa, được Hoa tràng nâng đỡ, dưới Hoa tràng có đại Hương thủy hải (biển này có hai nghĩa).

Nếu ngoài biển này có núi Luân vi thì tất cả đều có phận cõi, tất cả đều có danh hiệu, như biển Hương thủy Phổ Quang Ma Ni Trang Nghiêm, dưới có Phong luân như Thủ Thắng Uy Quang Tạng Phong luân v.v...

Nếu ngoài biển này không có núi Luân vi thì tám phương, các Đại Hỏa Vương cùng ở trong biển Hương thủy Phổ Quang như trong ao sen vậy. Nước Hương thủy trong đó đầy tràn khắp cả pháp giới, không thể lường được đâu là bờ bến.

(Bằng này thì gọi chung là một Pháp giới an lập hải).

CAO TƯỜNG PHÁP GIỚI

Nghiên cứu đến cùng về pháp giới thì thấy cao rộng vô cực, sẽ khiến mở rộng được giác thê, phát triển được tâm quang, từ trong đến ngoài, từ gần đến xa, thấu suốt mở mang khắp cõi hư không. Bắt đầu từ cõi nước mà chúng ta đang ở gọi là cõi Sa-bà, tám phương có 13 cõi Phật vi trấn số thế giới vây quanh, hướng lên trên thì trải qua 7 cõi Phật vi trấn số thế giới tới đỉnh Phù-tràng (trên đây chính là thái hư không), hướng xuống dưới thì qua 12 cõi Phật vi trấn số thế giới tới các cõi nước (tức là Bảo Quang Minh các cõi nước).

Cứ như vậy mà đi về phía Đông, vượt qua một chủng, 10 chủng, 100 chủng, 1.000 chủng, vạn, úc, triệu, kinh cho tới chính, tải số chủng, hằng sa số chủng, một châu trấn số, bốn châu trấn số, Tu-di trấn số, tiểu thiên trấn số, trung thiên trấn số, cho đến đại thiên thế giới vi trấn số các cõi nước. Cứ như vậy, một Phật Sát-trần, 10, 100, 1.000, tới chính, tải Phật Sát-trần, dần dần tới a-tăng-kỳ Sát-trần, cho đến Bất khả thuyết cõi Phật vi trấn số thế giới chủng, mới tới núi Đại Kim Cương ở cực Đông.

Như phương Đông, thứ đến phương Nam, thứ đến vòng theo tay phải, chín phương cũng đều như thế, vòng hết Luân vi.

Đó là biên cương của Hoa Tạng Thế Giới Hải, lại từ Sát hải này đi về phía Đông qua một Luân vi (trong Luân vi có một thế giới hải). Qua hai, ba Luân vi, 10, 100, 1.000 Luân vi, lạc-xoa, câu-chi, na-do-tha, hằng sa Luân vi, tiểu thiên, trung thiên, đại thiên trấn số, mười Phật Sát-trần, a-tăng-kỳ Sát-trần, cho đến Bất khả thuyết cõi Phật vi trấn số núi Kim Cương Luân vi. Lại một Luân vi (tức cực Đông Kim Đăng Vân Tràng Thế Giới).

Như phương Đông, các phương Nam, Tây, Bắc cùng bốn góc đều như thế, tổng cộng là tám Bất khả thuyết cõi Phật vi trấn số thế giới hải, đều dựng cao 19 cõi Phật vi trấn số thế giới trên ngang Bảo vân, dưới sát Bảo địa, dưới cùng tới tận Phong Luân, thống nhất tám cực lại mà thành ra biên giới của Pháp giới an lập hải.

(Tên của An lập hải xem ở phía sau).

Nghiên cứu tới đây (thì thấy) cực rộng, cực lớn, vô lượng, vô biên, tưởng chừng như đó là cùng cực, nhưng vẫn chưa phải. Cứ thế mà lên nữa, vì còn có các phương trên dưới.

Nếu thế thì Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải đó, trên Phù-tràng sẽ không khoáng vô cùng và lại có (1) Phong Luân.

(Như Bình Đăng Trụ Phong luân có vi trấn số núi Tu-di được đỗ ở trên). Biển cả (như biển Phổ Quang), Hoa tràng (như Đài Nhụy Hương Tràng), Sát hải (như Hoa Tạng Thế Giới Hải).

Cứ như vậy mà đi lên trên qua một Sát hải, lại qua 10 Sát hải, 100, 1.000, vạn, úc vượt mọi con số của thế gian, cho đến Bất khả thuyết cõi Phật vi trấn số Sát hải tới tận phía trên cùng là đến thế giới Thuyết Phật Chủng Tính Vô Hữu Tận, chỗ của đức Phật Phổ Trí Luân Quang Minh Âm (chỗ cực tận của thượng phuơng).

Thêm nữa, phía dưới cùng của Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải đó, có Phong luân gọi là Bình Đẳng Trụ. Dưới Phong luân này không khoáng khôn lường, lại có các Phù-tràng (20 tầng như Bảo quang minh chủng thượng). Hoa vương (như Đài Nhụy Hương Tràng), Hương hải (như Phổ Quang Hải), Phong luân (như Thủ Thắng Uy Quang Tạng vì có vi tròn số núi Tu-di nói ở phần trên).

Dưới đó vượt qua hư không đến Sát hải thứ hai (tức thế giới hải thứ hai ở hạ phương). Lại qua Sát hải thứ ba, thứ tư, thứ 10, 100, 1.000, vạn, cho đến số Sát hải mà thế gian không thể biết được, là Bất khả thuuyết cõi Phật vi tròn số thế giới hải, phía dưới cùng đến tận Nhất Thiết Như Lai Viên Mãn Quang Phổ Chiếu Thế Giới, là chỗ đức Phật Hư Không Vô Ngại Tướng Trí Tràng Vương (chỗ chí cực của hạ phương).

Tổng hợp pháp giới mười phương lại mà quán sát thì xung quanh Hoa Tạng có tám số, trên dưới có hai số, giống như hình bánh xe guồng nước dựng đứng trực (trên dưới dựng đứng một mình như trực xe, tám phương chau vào như tay nan hoa xe) và hình tròn lọng.

Cú tính lường như thế cũng vẫn chưa thể coi là hết được.

Sao vậy ? Vì nay mới coi Hoa Tạng là chủ hội mà mười phương đã có nhiều Sát-tròn số là bạn, thế thời các cõi Phật hải ở trên, ở dưới há riêng không có bạn hay sao ? Như vậy thì biết rằng kinh văn nếu nói tường tận về các Sát hải ở các phương trên và dưới, nhất thiết đều có rất nhiều tròn số Sát hải vây quanh, như số tám phương của Hoa Tạng. Như vậy thì tám phương bàng nhau, trên dưới tương đương, Phong luân, Hương hải trùng trùng xen nhau, Hoa vương, Sát hải hàng hàng tương đương, ví như 100.000 ao sen lớn an lập khắp trong Không giới.

Than ôi ! Nào ai có thể tung cánh kim cương, mở rộng tầm mắt thiên nhãn mà dạo xem được pháp giới rộng lớn này !

Dù cho có vượt qua khỏi được thế giới này nhìn bốn phía mênh mông và ngoài cõi thái hư không ra, lại còn vật gì nữa ! Lại xét kỹ, xem kỹ thì mười phương Sát hải cũng chẳng phải chỉ có bấy nhiêu mà thôi. Bởi vậy cảnh giới chư Phật rộng lớn vô biên, nếu chẳng phải là bậc nhập đại Giải thoát, được đại Tam-muội thì không thể thấy được để mà bày mở cho hàng phàm ngu. Cho nên bản kinh văn phần sau chỉ nói sơ qua một mảng may mà thôi (bản văn phần sau cũng chẳng đủ vì còn có 10 phẩm ở Thiên Trúc).

Trung, thượng bản kinh chắc còn có những nghĩa khác, đúng là lượng bút lớn như Tu-di, lượng mực nhiều như biển cả cũng chẳng thể nào viết hết được. Số kệ nhiều bằng số vi tròn của cả đại thiên thế giới, số phẩm bằng số vi tròn của cả đại địa cũng chưa đủ để cho là nhiều. Nguyên cực ở đây thì tình quên, trí dứt, trong lòng trống rỗng không còn suy nghĩ gì nữa vậy.

Ôi ! Nhìn lại lũ chúng ta thân tâm nhỏ mọn bằng chút xíu, trí giác khôn ngoan vừa một tấc, giống như con bọ kê-hê (loại côn trùng rất nhỏ) ở giữa cõi thái hư, như đám bọt nổi trôi trong biển cả; Còn chẳng ? Mất chẳng ? Hoảng hốt thấy không được đích xác, cũng như trong mộng tưởng, như thể huyễn hóa, không biết nguyên nhân vì sao mà xui nêu thế.

Cho nên kinh nói rằng : mười phương hư không sanh trong tâm con người giống như gợn mây điểm trong cõi thái thanh, ví như Pháp Giới Tính cùa cánh viền mân khắp mười phương, có phải là lừa dối ta đâu ? Cho nên Lý cực thi khiến Sự phải rộng, hoa lớn nên mới biết ao sâu.

PHẬT QUANG QUÁN

Luận Hoa Nghiêm nói : như trong kinh, hội thứ hai, trong điện Phổ Quang Minh thuyết pháp môn Thập Tín, đức Thé Tôn từ trong lưỡng túc luân (tức hai chân) phóng ra 100 ức ánh quang minh chiểu khắp tam thiền đại thiền thế giới. Người tu hành nên theo ánh Phật quang mà quán tưởng ánh quang minh đó chiểu khắp cả cõi tam thiền đại thiền thế giới. Quán tưởng như vậy xong, lại quán tưởng ánh quang minh đó vượt qua cõi đại thiền này chiểu mười cõi đại thiền ở phương Đông, phương Nam cho tới các phương trên dưới, mỗi phương cũng đều mười cõi đại thiền, một vòng như vậy xong, sau lại quán tưởng ánh quang minh đó quá 10 đến 100, quá 100 đến 1.000, quá 1.000 đến vạn, cho đến vô lượng bất khả thuyết thế giới, sáng khắp hư không, khiến tự tâm mình cũng khắp hư không, tâm đầy hư không, tâm ấy tự định, sáng rực an lạc. Rồi mới từ định, lại khởi thập phương quán, suy cầu khắp lượt, tự tâm nội ngoại đều không có gì, mới bắt đầu biết rõ Không tuệ hiện tiền gọi là ức niêm chư Phật trí tuệ Quang Minh Phổ Hiện pháp môn.

Ở trong vị này, định loạn đều quên gọi là Sơ phát tâm trụ. Dùng Không tuệ này quán các thế gian : hết thảy chúng sanh cùng quốc độ đều như huyền hóa không có thể tướng, đồng như Phật Không Tuệ Giải Thoát pháp môn, nhập tri kiến Phật rồi, lấy đó gọi là Niệm Phật môn, vì tương ưng với chánh tuệ vô niêm, nhập thập phương cảnh giới môn Niệm Phật, vì Không tuệ tự tánh tỏa khắp, nên cùng tất cả chư Phật thành Chánh giác, chuyển pháp luân, ba đời kiếp tại một thời, không còn có tướng phân biệt thời gian dài ngắn mà có thể an lập nữa.

PHÁP GIỚI VÔ TẬN

Đạo rộng vô bờ, pháp giới vô lượng, chúng sanh vô số, nghiệp hóa vô cùng. Bi trí của chư Phật cũng không bao giờ hết.

Pháp thân Tì Lô không chỗ nào không khắp, diệu pháp Phương quảng luôn luôn truyền bá ở khắp mọi nơi như thiện tri thức.

Dạ Thần Tịch Tĩnh Âm Hải Chủ nói : sau gặp đức Tì Lô Giá Na Như Lai ở đạo tràng này thành Đẳng Chánh Giác, niệm niêm thị hiện lực Đại thần thông. Lúc đó, tôi được thấy, liền được niêm niêm xuất sanh quảng đại tùy hỉ trang nghiêm giải thoát.

Được pháp giải thoát này rồi, tôi có thể nhập vào được mười Bất khả thuyết, Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số pháp giới an lập hải, nhìn thấy hết thấy

số vi trần của cõi Phật trong tất cả an lập hải, trong mỗi một vi trần có mười Bất Khả Thuyết, Bất khả thuyết cõi Phật vi trần số cõi Phật. Mỗi một cõi Phật đều có một Tì Lô Giá Na Như Lai ngồi ở đạo tràng, trong từng niêm, từng niêm thành Đẳng Chánh Giác, hiện các thần biến. Nhất nhất đều khắp tất cả thế giới hải.

Cũng thấy tự thân ở chỗ tất cả các đức Như Lai ở đó, lại còn được nghe diệu pháp của đức Phật thuyết, lại cũng được thấy tất cả các đức Phật kia, mỗi vị đều từ lỗ chân lông phát ra biến hóa hải, hiện lực thần thông ở trong hết thảy pháp giới hải, hết thảy các cõi nước, hết thảy trong thế giới tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà chuyển Chánh pháp luân.

Từ Chiếu Tông Chủ nói :

*Tịch quang cùng ở
Một trí không khác
Tinh sanh kia đây
Thấy có thân sơ
Nhìn mặt biết sắc
Không tánh Như như
Vốn không hai đường
Tự thấy diệu thô
Ta chẳng như thế
Một thế Tì Lô
Yên lặng tịch tĩnh
Như tịnh minh châu
Soi thấu tâm thế
Phàm Thánh cùng đường
Bốn cõi một lối
Ba thân như một
Nơi nơi Tịnh độ
Chốn chốn Di Đà
Vứt bỏ mê tình
Tỏ ngay tâm địa
Vô lượng pháp môn
Thu về bốn tâm.*

Bài kệ của Đại sư Uưu Đàm viết :

*Tứ độ chẳng phải cõi,
Tinh sanh vướng chẳng thông
Ngộ mê chia đại - tiểu,
Tịnh - uế cách Tây Đông
Vạn hữu hình tuy khác
Ngàn cơ lý tự đồng
Gió xuân phẩy đều cả
Chỗ nào chẳng hoa hồng.*

TỰ ĐỘ VIÊN DUNG ĐỘ Thất Pháp Giới Tổng Luận

七法界總論

圖融圓土四



Y CHÁNH THÔNG LUẬN

Mười phương thế giới vô lượng, vô biên, tất cả chúng sanh vô cùng, vô số. Tóm lại mà nói thì chẳng qua là Y Chánh. Tách ra thì có 14 loại, chỉ Y báo quốc độ có bốn loại, Chánh báo hữu tình có mười loại. Mười loại đó là bốn Thánh, sáu phàm; Bốn loại quốc độ là Tịch Quang, Thật Báo, Phương Tiện và Đồng Cư.

Hỏi : Loài hữu tình nào thì nương ở quốc độ nào ?

Đáp : Chư Phật cứu cánh cực quả thì ở cõi Thường Tịch Quang, pháp thân Đại sĩ thì ở cõi Thật Báo, Thánh nhân Tam thừa thì ở cõi Phương Tiện, chúng sanh lục phàm thì ở Đồng Cư độ.

Hỏi : Nếu thế thì cõi nước mỗi nơi mỗi khác, phàm Thánh cùng khác nhau. Tại sao lại nói thế giới Sa-bà là cõi của đức Phật Thích Ca, Thanh Lương Bồ Đề là Thánh cảnh của Bồ-tát ?

Đáp : Chư Phật cực quả thì lẽ ra ở cõi Tịch Quang, nghiệp hóa chúng sanh cũng ở ba cõi dưới.

Song Phật thân có ba loại :

1)- Pháp tánh thân ở cõi Tịch Quang

2)- Báo thân ở cõi Thật Báo

3)- Ứng hóa thân ở cõi Phương Tiện và cõi Đồng Cư.

Đức Thích Ca chính là hóa thân Phật, Phật là giáo chủ, nên gọi là cõi của Phật (Phật chi Sát). Bồ-tát giúp cho Phật trong việc chuyển pháp luân, nên cũng theo Phật, như quận nào thì chủ quận đó vậy (trên nói về ba thân mà ở bốn cõi).

Hỏi : Nếu thế đức Thích Ca là Hóa thân Phật, thì tại sao kinh lại nói rằng : “Thế giới Sa-bà, Phật ở đó tức là Tì Lô Giá Na” ?

Đáp : Đối với từng loại căn cơ mà nói khác đi, nhưng thể thường là một. Đối với kiến giải của hạng phàm phu, Nhị thừa thì gọi là Ứng thân (tùy theo sở kiến của chúng sanh, sáu đường mà mỗi loài mỗi khác). Đối với kiến giải của các Bồ-tát thì gọi là Báo thân, có vô lượng tướng hảo, Y báo có vô lượng trang nghiêm. Nếu được tịnh tâm thì sở kiến vi diệu, tác dụng càng mạnh, cho tới hết mọi địa vị của Bồ-tát thì kiến đạt tới mức cứu cánh; nếu lìa nghiệp thức thì không có kiến tướng, vì pháp thân của chư Phật không có sắc này, sắc khác mà là thay nhau, thấy nhau.

Hỏi : Nếu Pháp thân của chư Phật đã là lìa sắc tướng thì sao lại có thể hiện được sắc tướng ?

Đáp : Vì chánh pháp thân là sắc thể, nên hiện được thành sắc; đó gọi là từ xưa tới nay sắc – tâm bất nhị, vì sắc tánh tức là trí, nên sắc thể vô hình thì gọi tên là Trí thân. Vì trí tánh tức là sắc, nên gọi là Pháp thân. Sắc được hiện ra ở khắp mọi chỗ, mỗi khác, đều không ranh giới và chẳng phương hại tới nhau. Đó chẳng phải là tâm thức phân biệt mà có thể biết được, vì tác dụng tự tại của chân như.

- Pháp thân Như Lai gọi là Tì Lô Giá Na (đây gọi là Biến Nhất Thiết Xứ).

- Báo thân Như Lai gọi là Lô Xá Na (đây gọi là Tịnh Mẫn).

- Ứng thân Như Lai gọi là Thích Ca Mâu Ni (đây gọi là Năng Nhân Tịch Mặc).

Ba Như Lai này, một át đú ba, ba túc là một. Bất nhất bất nhị, phi tung phi hoành, xem tròn ba pháp, mượn tên Như Lai, tùy thuận thế gian mà luận ba thân (đây thuyết minh về lý ba thân, một thể).

Hỏi : Nếu ba thân túc là một thể thì có sao một thể lại trụ ở cả bốn cõi ?

Đáp : Tuy tùy cơ chia ra làm bốn cõi, nhưng chẳng phải là ở các chỗ khác nhau, mà cùng là một chỗ, nhưng thấy thì là khác vạy thôi.

TỨ ĐỘ TỊNH UẾ

Quán Kinh Sớ nói rằng : bốn loại Tịnh độ, đó là Phàm Thánh đồng cư độ, Phương Tiện hữu dư độ, Thật Báo vô chướng ngại độ và Thường tịch quang độ. Mỗi cái đều có tịnh uế : Ngũ trước nặng nhẹ là Đồng cư tịnh uế; Thể chia hay dở là Hữu dư tịnh uế; Lần lượt đón nhập là Thật báo tịnh uế; Phần chứng cứu cánh là Tịch quang tịnh uế.

Cõi Sa-bà hỗn tạp tàn ác, gai góc, ngói sỏi, các thứ bất tịnh đầy dãy, đó là Đồng cư uế độ. Cõi an dưỡng thanh tịnh, ao tuôn tám đức, cây giăng bảy báu, chỉ kém Niết-bàn, đều là chánh định tự, đó là Thánh phàm đồng cư độ phẩm tịnh.

Phương tiện hữu dư là tu đạo phương tiện, đoạn bốn trụ hoặc, nên gọi là phương tiện, vô minh chưa hết nên gọi là hữu dư.

Trí Luận nói : ra ngoài tam giới có cõi Tịnh độ, các hàng Thanh văn - Bích Chi Phật sanh ra ở trong đó, thụ Pháp tánh thân, chẳng phải là Phần đoạn sanh. Trong đó lại có hạng lợi căn, hạng độn căn, nên luận tịnh uế.

Thật báo vô chướng ngại : thực hành pháp chân thật, cảm được thắng báo, sắc tâm chẳng gây trở ngại lẫn cho nhau, nên gọi là vô chướng ngại, cõi này toàn là Bồ-tát ở, không có hàng Nhị thừa. Kinh Nhân Vương nói : Tam Hiền Thập Thánh trụ quả báo.

Kinh Hoa Nghiêm nói : vô lượng hương vân dài, túc là cõi này tịnh diệu năm tràn. Theo trong đó, thứ tự đón nhập là lại bàn đến tịnh uế vậy.

Thường Tịch Quang là : thường túc là Pháp thân, Tịch túc là giải thoát, Quang túc là Bát nhã; ba điểm này chẳng tung hoành tịnh biệt gọi là Tạng Bí Mật. Đó là chỗ dạo ở của chư Phật Như Lai, chân thường cứu cánh là cực kỳ thanh tịnh, chỉ có thể chia làm cứu cánh bậc trên, bậc dưới túc là tịnh uế mà thôi.

NGŨ ĐỘ TỊNH UẾ

Luận Tịnh Độ nói : cõi có năm loại :

- 1)- Thuần tịnh độ, chỉ tại Phật quả;
- 2)- Tịnh uế độ, nghĩa là cõi tịnh nhiều, uế ít, túc là từ Bát địa trở lên;

3)- Tịnh uế bình đẳng độ, nghĩa là từ Sơ địa đến Thất địa;
4)- Uế Tịnh độ, nghĩa là uế nhiều, tịnh ít, tức Địa Tiền Tính địa;
5)- Tạp uế độ, nghĩa là chưa nhập Tính địa (tức là chỗ ở của phàm phu).
Hạng người thứ năm chỉ thấy một cõi sau, chẳng thấy bốn cõi trước;
Hạng người thứ tư chỉ thấy hai cõi sau, chẳng thấy ba cõi trước;
Hạng người thứ ba chỉ thấy ba cõi sau, chẳng thấy hai cõi trước;
Hạng người thứ hai chỉ thấy bốn cõi sau, chẳng thấy một cõi trước;
Hạng người thứ nhất, là đức Phật biết hết thấy cả năm cõi trên, dưới.
(Chú thích : tất cả những người ở năm cõi, đều dưới chẳng biết trên, trên có thể biết được dưới).

Người ở cõi thứ năm chẳng thấy bốn cõi khác, vì phàm chẳng biết Thánh;

Người ở cõi thứ tư chẳng biết ba cõi trên, vì tiêu Thánh chẳng biết trung Thánh;

Người ở địa vị thứ ba chẳng biết hai cõi trên, vì trung Thánh chẳng biết đại Thánh;

Người ở cõi thứ hai chẳng biết cõi thứ nhất, vì đại Thánh chẳng biết chí Thánh;

Người ở cõi thứ nhất, chỉ đức Phật là bậc Chí Thánh Mẫn Giác, cho nên thấy cả năm cõi, biết cả phàm Thánh.

ĐỒNG XỨ DỊ KIẾN (Cùng chốn với nhau, sở kiến khác nhau)

Có người hỏi : Cõi Phật là cõi sanh cùng ở một chốn, hay là ở khác chốn ?

Đáp : Cùng ở một chốn.

Hỏi : Đã cùng ở một chốn thì lúc kiếp hỏa hủy hoại, chắc cùng tán diệt. Có thể như vậy không ?

Đáp : Kiếp hỏa hủy hoại thế gian, cõi Phật chẳng hoại.

Vì sao ? Vì chúng sanh ác nghiệp, nên biệt nghiệp vọng kiến (nên thế gian bị hủy hoại);

Vì Bồ-tát thiện nghiệp, còn Phật thì không có các nghiệp như vậy (nên cõi Phật chẳng bị hủy hoại);

Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói rằng : trong mỗi một Sát chủng, kiếp hỏa không thể nghĩ bàn. Cảnh hiện ra tuy bại hoại ác liệt, chốn đó thường kiên cố.

Kinh Pháp Hoa nói : Chúng sanh thấy kiếp tận, bị lửa lớn thiêu đốt. Cõi này của Ta vẫn yên ổn, trời người thường đông đúc, cho nên biết là chẳng hoại; song diệt tuy chẳng phải đều cùng diệt mà khởi át cùng chốn; tuy rằng cùng chốn, nhưng cõi Phật chẳng hoại.

(Chú thích : hoại là cõi biến hóa (biến hóa độ), chẳng hoại là cõi tự tại thụ dụng (tự tại thụ dụng độ), vì nghiệp chẳng giống nhau, nên ở cùng chỗ giống nhau mà cái thấy khác nhau).

Hỏi : Cõi ở cùng một chốn, sao ta chẳng thấy ?

Đáp : Vì nghiệp báo chẳng giống nhau; như người ở chốn lửa của ngã quỷ lại thấy nước, ngã quỷ ở chốn nước của người lại thấy lửa. Tuy rằng cùng một chốn mà đều chẳng thấy nhau; chỉ cùng nghiệp như nhau, mới có thể thấy được mà thôi.

Cũng như cung điện của Dược-xoa và cung điện của người cùng ở một chỗ mà chẳng nhìn thấy nhau.

Cõi Tự thụ dụng và cõi Tha thụ dụng cũng lại như thế; cùng ở với nhau tại khắp mọi chỗ, chẳng lìa nhau, nhưng chẳng gần với nhau. Nếu là cõi Pháp tánh thì dù khởi hay diệt đều luôn luôn như vậy. Cho nên cõi Phật không thể lấy chuyện còn hay diệt, nghiêm hay tịnh mà nghĩ bàn được.

Như trong kinh Duy Ma : Phạm vương Loa Ké thấy cõi Phật Thích Ca thanh tịnh như Thiên cung tự tại, còn Xá Lợi Phất thì thấy cõi đó hầm hố dơ xấu, bèn nghĩ ngờ mà nghĩ rằng : Nếu Bồ-tát tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, đức Thế Tôn ta ý há chẳng là bất tịnh sao mà cõi Phật này bất tịnh như vậy ?

Phật dạy : mặt trời, mặt trăng vốn trong sáng, thanh tịnh, nhưng người mù chẳng thấy, đó không phải là lỗi của mặt trời, mặt trăng; Phật lấy ngón chân ấn xuống đất tức thì cả cõi tam thiền thế giới đều được nghiêm súc bằng bao nhiêu thứ châu báu, ví như cõi Vô Lượng Công Đức Trang Nghiêm của Phật Bảo Trang Nghiêm. Hết thảy đại chúng đều khen là chưa từng có, Phật bảo Xá Lợi Phất rằng : Cõi Phật của Ta thường thanh tịnh như vậy, vì muốn độ cho hạng người thấy kém đó nên thị hiện thành cõi bất tịnh đủ thứ xấu xa như thế mà thôi.

Ví như chư Thiên họ ăn bằng bát đĩa báu, nhưng tùy theo phuort đức của từng người mà màu cơm có sự khác nhau. Nếu tâm người thanh tịnh thì thấy cõi này công đức trang nghiêm.

(La Thập chú : để thích ứng với tâm của chúng sanh, nên thị hiện thành các cõi khác nhau. Loa Ké thấy như Thiên cung tự tại, đó chính là thấy điều phải thấy mà thôi, chứ chưa thấy hết sự thanh tịnh của cõi đó).

Dưới nói : Như Bảo Trang Nghiêm Phật Quốc mới thấy, Thích Ca chân báo ứng Tịnh quốc, Tịnh quốc đó ở ngay tại thế gian này, như phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa đã nói : đó là tịnh uế cùng một chỗ, mà chẳng lẫn lộn với nhau, như trong cùng một thứ bát đĩa đựng hai món ăn thích ứng với hai loại chúng sanh.

Lại nữa, trưởng giả Lý nói : cõi Tịnh độ trong kinh Duy Ma là cõi Thật báo chưa đủ sáng rộng).

Hỏi : Cứ như trước nói thì cõi chư Phật nhất định là có thật, vậy mà sao kinh lại nói rằng : cõi nước chư Phật giống như hư không ?

Đáp : Pháp thân vốn vô tướng, ứng với vật mà hiện nên hình. Chân độ vốn vô phuơng, tùy cơ mà hiện, là do thiện nghiệp của chúng sanh, do bỗn nguyễn của chư Phật và cũng là do pháp như vậy.

Kinh kệ nói rằng :

Cõi nước chư Phật như hư không

Vô đắng, vô sanh, vô hữu tướng

Vì lợi chúng sanh khắp nghiêm tịnh

*Nhờ bốn nguyên lực trụ trong đó.
(Chư Phật quốc độ như hư không
Vô đắng, vô sinh, vô hữu tướng
Vị lợi chúng sinh phổ nghiêm tịnh
Bốn nguyên lực có trụ kỳ trung).*

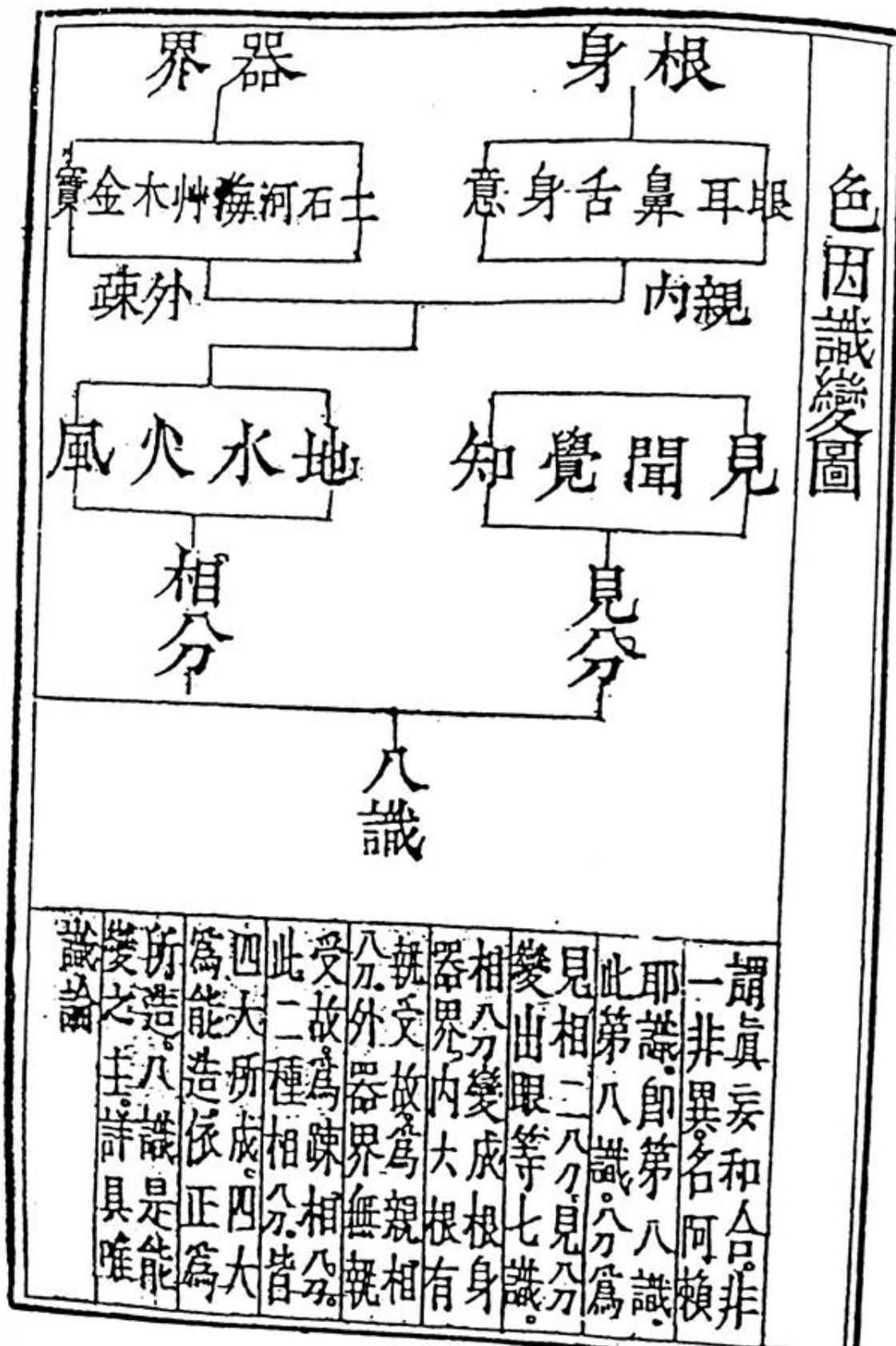
Sớ giải nói rằng : Nêu rõ ý nghĩa của Tịnh quốc, để rồi bắt chước mà tu hành;

Nửa trước là trí cảnh, nghiêm túc không nghiêm. Nghĩa là cõi Tự thụ dụng chu biến không thể sánh, còn cõi pháp tánh thể tánh vô sanh, cả hai đều vô tướng.

Nửa sau là bi ứng, là nghiêm của không nghiêm, nghiêm khắp pháp giới. Không trụ mà trụ, thường trụ trong cõi ấy.

(Sao viết : dưới bi ứng, nửa sau túc là Tha thụ dụng và biến hóa tịnh. Trong một bài kê mà đủ cả bốn cõi, như vậy thì cõi Phật chẳng thể dùng Hữu hay Vô mà lường được, chỉ theo bi - trí ẩn hiện lợi vật mà thôi).

SẮC NHÂN THỨC BIẾN ĐỒ (Sơ đồ Sắc nhân thức biến)



Nghĩa là : chân vọng hòa hợp, phi nhất phi dị, đó gọi là A-lại-da thức, tức là thức thứ tám.

Thức thứ tám này chia làm hai phần là kiến và tướng :

- Kiến-phần biến ra làm bảy thức, như nhân bảy thức v.v...
- Tướng-phần biến thành căn thân khí giới.

Sáu căn ở bên trong vì có chấp thụ nên là thân tướng phần.

Khí giới ở bên ngoài vì không chấp thụ, nên là sơ tướng phần.

Hai loại tướng phần này đều do tú đại tạo thành. Tú đại là cái năng tạo, y chánh, là thứ sở tạo, bát thức là chủ năng biến.

Trong Duy thức luận đã nói rõ về cái vấn đề trên.

Có người hỏi : Hết thấy thế giới vì sao mà có ? Tạo ra thế giới là ai ?

Đáp : Vì tâm mà có, chỉ do tâm tạo ra, hết thấy chúng sanh từ vô thi tới nay mê chân vọng mà thành A-lại-da thức.

(Đây gọi là tạng thức, vì có khả năng thu nghiệp, tàng trữ chư pháp chủng tử).

Nhân thức này mà biến tựa căn thân, khí thế giới v.v...

Cho nên kinh nói rằng : giới từ thời vô thi, (giới là nhân, túc chủng túc thức, vô thi tương tục, đích thân sanh ra các pháp) mọi pháp đều nương vào, do đó mà có các nẻo (sáu nẻo sanh tử do bát thức mà lưu chuyển) và chúng được Niết-bàn (tú Thánh tu hành cũng do đó mà đắc đạo).

Vô thi thời lai giới,

Nhất thiết pháp đắng y,

Do thử hữu chư thú,

Cập Niết-bàn chứng đắc.

Lại nói : tam giới không có pháp nào khác chỉ là do một tâm tạo ra. Hết thấy nhân quả, thế giới vi trần nhờ tâm mà thành thế.

(Các nhân quả của mười pháp giới thế giới vi trần : các thế giới tịnh uế v.v... tâm là cái năng tạo, y chánh, là thế được tạo thành).

Lại hỏi : nếu thức biến tựa thế giới v.v... thì biến từng thứ một hay là cộng biến ?

Đáp : nghĩa này sâu xa, nên phân biệt thành bốn nghĩa.

CỘNG DŨ BẤT CỘNG NGHĨA (Nghĩa cộng và bất cộng)

Tông Kính lục viết rằng :

1)- Cộng trung, cộng biến, do tám thức cùng nhau gây thành thực lực, biến tựa tướng khí thế gian như sắc v.v... Tuy sự biến đổi của các hữu tình khác nhau, nhưng những chỗ tương tự thì không khác, như ánh sáng của các ngọn đèn, mỗi ngọn đèn đều sáng khắp, nên nhiều ngọn mà tựa như là một. Nghiệp cảm nhiều người, nhiều người cùng thụ dụng, như núi sông vô chủ.

Lực cộng nghiệp của nhiều người biến đổi, thì nhiều người lại cùng được thụ dụng, nên trùng danh là cộng. Đó chẳng phải là một nẻo dùng, còn các nẻo khác chẳng thể dùng.

(Phật dạy : Một người phát chân quy nguyên, mười phương hư không thảy đều tiêu diệt).

Hỏi : Những người phát chân đắc đạo, từ xưa tới nay thì nhiều, mà thế giới vẫn còn nguyên. Há phải là lời Thánh vô nghiệm và người tu hành chẳng tới được chăng ?

Đáp : Không phải như vậy, phát chân thì giới thực tiêu, nhưng cái sở tiêu chỉ là phần tự biến mà thôi.

Vẫn còn nguyên đó là cảnh cộng biến.

Vì nghĩa cộng, nên thế giới vẫn còn.

Vì nghĩa bất cộng, nên nói đến sự tiêu diệt; như một ngọn đèn tắt, các ngọn đèn khác vẫn sáng. Nếu quả thật, mọi người đều phát chân thì mười phương đều tiêu diệt, không còn nghi ngờ gì nữa.

2)- Cộng trung, bất cộng : nếu căn cứ vào lý duy thức, thì mỗi thứ đều tự biến, đều tự thụ dụng. Vả nay ước phần tự thân nǎng dụng, tha bất đắc dụng là bất cộng; ví như núi sông có chủ, cũng như ruộng nương, nhà cửa của riêng mình, và các vật mà quỷ nhìn thấy như ngọn lửa to, nhưng người khác thì lại thấy là nước, loài khác, người khác không dùng được.

3)- Bất cộng, trung cộng : như tự phù căn trần, tha cũng thụ dụng, tức nội phù căn trần ban đầu chỉ là từ đệ bát thức mà biến ra, nên gọi là bất cộng. Sau khi biến rồi, tha nhân cũng có thụ dụng, nên gọi là cộng, như dâm nữ v.v...

4)- Bất cộng, bất trung cộng : như nhãn căn v.v... chỉ tự thức dựa vào đó mà sử dụng, chứ không phải để dùng vào việc khác, cho nên nhãn thức chỉ dựa vào nhãn căn mà phát ra, cho đến thân thức cũng chỉ dựa vào thân căn mà phát ra.

Hỏi : Sắc biến từ thức; Vô sắc giới Thiên không có sắc tướng, vì sao lại nói là biến ?

Đáp : Chỗ thấy của chúng sanh ở hạ giới là Nghiệp quả sắc. Vô sắc giới hiện cảnh là Định quả của sắc, đều chẳng lìa tâm.

(Lúc nhập định cũng có cung điện báu v.v...)

Kinh Hoa Nghiêm nói rằng : tị căn của Bồ-tát ngửi thấy mùi hương của cung điện Vô sắc giới.

Kinh A Hàm nói : lúc ngài Xá Lợi Phất nhập Niết-bàn, trong cung trời Sắc, Vô sắc lệ rơi như mưa xuân. Lúc Bà Ba Xà Ba Đề nhập Niết-bàn, Sắc - Vô sắc thiên đứng bên cạnh Phật, vì thế mà biết rằng tuy không có thô sắc, nhưng cũng có tinh sắc, nên cũng từ tâm biến.

Bởi vậy mà Phật nói : ba cõi chỉ là tâm, muôn pháp chỉ do thức.

(Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức).

TỰ TẠI BẤT TỰ TẠI NGHĨA

Lại còn thức tướng tương vi, có nghĩa là vì thức năng biến của bốn loài hữu tình đều trái ngược nhau, khiến cho cảnh sở biến cũng lại trái ngược nhau, cho nên Trời thấy là đất báu trang nghiêm, thì cá lại cho là hang động, nhà cửa; người thấy là nước trong mát, thì quỷ lại thấy là sông mủ, lửa mạnh. Do nghiệp lực của bốn loài hữu tình khi trước nêu cùng ở một chốn, nhưng biến tướng phần của mỗi loài khác nhau.

Lại như người thấy có chỗ phân dở, bẩn thỉu, thì loài bàng sanh lại nhìn thấy là thức uống ăn tịnh diệu. Người thấy là thức uống ăn tịnh diệu thì chư Thiên lại thấy là thứ hôi thối nhoè.

Cho nên mới biết rằng : tùy theo phước đức mà thấy khác nhau, cầu uế hay thanh tịnh đều chỉ do tâm. Nghiệp tự sai khác, chứ thức uống ăn không có sự tinh thô khác nhau.

Lại nữa vì nghiệp bốn xén nêu nhìn thấy mủ đầy tràn như một dòng sông. Bọn ngạ quỷ tuy cùng chỗ nhưng cái thấy cũng khác nhau, hoặc thấy đại nhiệt vây quanh, nung nấu nóng chảy, hoặc thấy phản dãi chảy tràn (khổ tướng bất nhất).

Lại nữa, tuy cùng là loài người, nhưng người bạc phước thì nhìn thấy đai vàng thành xiềng sắt, hoặc thấy là rắn, hoặc nhìn vàng bạc hóa thành ra nước, hóa ra ngói sỏi v.v...

Lại nữa, người Trời tuy ăn trong cùng một thứ đồ đựng như nhau, nhưng bậc thượng phước thì thấy là sắc trắng, hạng bạc phước thì thấy là màu vàng, màu đỏ.

Còn Sắc Tự Tại tướng, chỉ Bồ-tát từ Bát địa trở lên, tướng và cõi đều tự tại, vì thượng phẩm định tâm có đại thế lực, có khả năng biến đại địa thành vàng ròng, khuấy sông dài trở thành bơ sữa. Đó là cảnh biến chuyển theo chân trí, sự sở biến đều thành tất cả diệu cảnh (như trong hội Hoa Nghiêm, Bồ-tát nổi đủ thứ mây cung dường, hóa hiện thành bảo cái, lâu gác, lầu chà v.v...).

Đều chẳng lìa tâm năng biến của Bồ-tát, hạng dị sanh cũng có khả năng biến hóa, như biến nước thành lửa (ngạ quỷ), biến ngày thành đêm (như chim cú v.v...), biến sắt thành vàng (như Tiên v.v...), biến đêm thành ngày (nước quỷ).

Đó đều là cảnh tùy sự thức chuyển, sự sở biến đều thành.

Phàm biến vàng bạc, cung điện đều là thực định quả sắc, từ Sơ địa trở đi mới có thể biến được.

Cố đức nói : sắc tự tại tâm sanh, nên tâm có thể biến sắc. Bởi vậy dời núi, giốc biển, lay trời, chuyển đất, biến đất thành vàng, khuấy sông thành sữa, đều không có việc gì là khó cả.

Cần phải biết rằng, sắc pháp đều theo nghiệp cảm mà hiển hiện.

Sắc không có định thể, tùy tâm sở biến. Lý này vốn là pháp không thể nghĩ bàn trong Như Lai tạng.

(Tánh của thất đại, nhất như chu biến. Theo nghiệp mà phát hiện là đất, là nước v.v... Thánh nhân vì chúng được tác dụng tự tại này nên chuyển biến vô ngại).

Tùy tâm thủ trước, thành ngoại, thành tiếu (trước tà kiến nên thành ngoại đạo; trụ chân lý nên thành Tiếu thừa. Bồ-tát đối với các pháp vô trụ, vô ngại).

Nói tâm tạo, tâm biến đều là cửa Đại Tông (tức Đại thừa đưa ra, còn Tiếu thừa tuy cũng có nói nhưng không có lý đó).

Song trong các thừa, về danh từ tuy giống nhau nhưng về nghĩa cũng có đôi chút khác nhau.

Có Cộng tạo Y báo, Biệt tạo Chánh báo; có Cộng tạo Chánh báo, Biệt tạo Y báo. Chúng sanh vì mê lầm cho nên có khi cho là tự nhiên (cây thông thì thẳng, cây gai thì cong. Hạc trắng, qua đen đều là tự nhiên). Cho là Phạm Thiên v.v... tạo ra, tạo rồi hoặc gọi là loài hữu tình, cùng vô tình.

(Đều là tà nhân, vô nhân. Như Chân Đán nói : âm dương v.v... tạo cũng là xuất phát từ thuyết tự nhiên vô nhân).

Tạo danh tuy vẫn dùng chung với nhau (nội đạo và ngoại đạo đều dùng chung danh từ, chỉ tạo nhân dưới nói về chánh nhân). Nhưng nên nói là tâm biến, tâm biến là thông, thì nên gọi là thể cụ (thể sẵn đầy đủ).

Vì từ vô thi tới nay, tâm thể phổ biến, nên Phật thể phổ biến, do sanh tánh phổ biến.

Biến có hai loại :

- 1)- Khoan Quảng Biến (phổ biến rộng rãi)
- 2)- Túc Hiện Biến (phổ biến hạn hẹp)

Bởi vậy tạo thông cả bốn loại, biến nghĩa chỉ có hai, tức là chỉ có hai thứ Viên và Biệt.

Địa vị sau nhân Viên, lúc đầu vẫn chưa biết lý bất nhị, ngoài tâm không có cảnh, hỏi còn có cái gì là hữu tình, là vô tình.

Cho nên Tạng - Thông tạo sáu, Biệt - Viên tạo mười và sáu đó bao quát cả Đại - Tiếu thừa giáo.

Do quán chiếu lý giải khác nhau, nên mười và sáu đều chia thành nhị biệt.

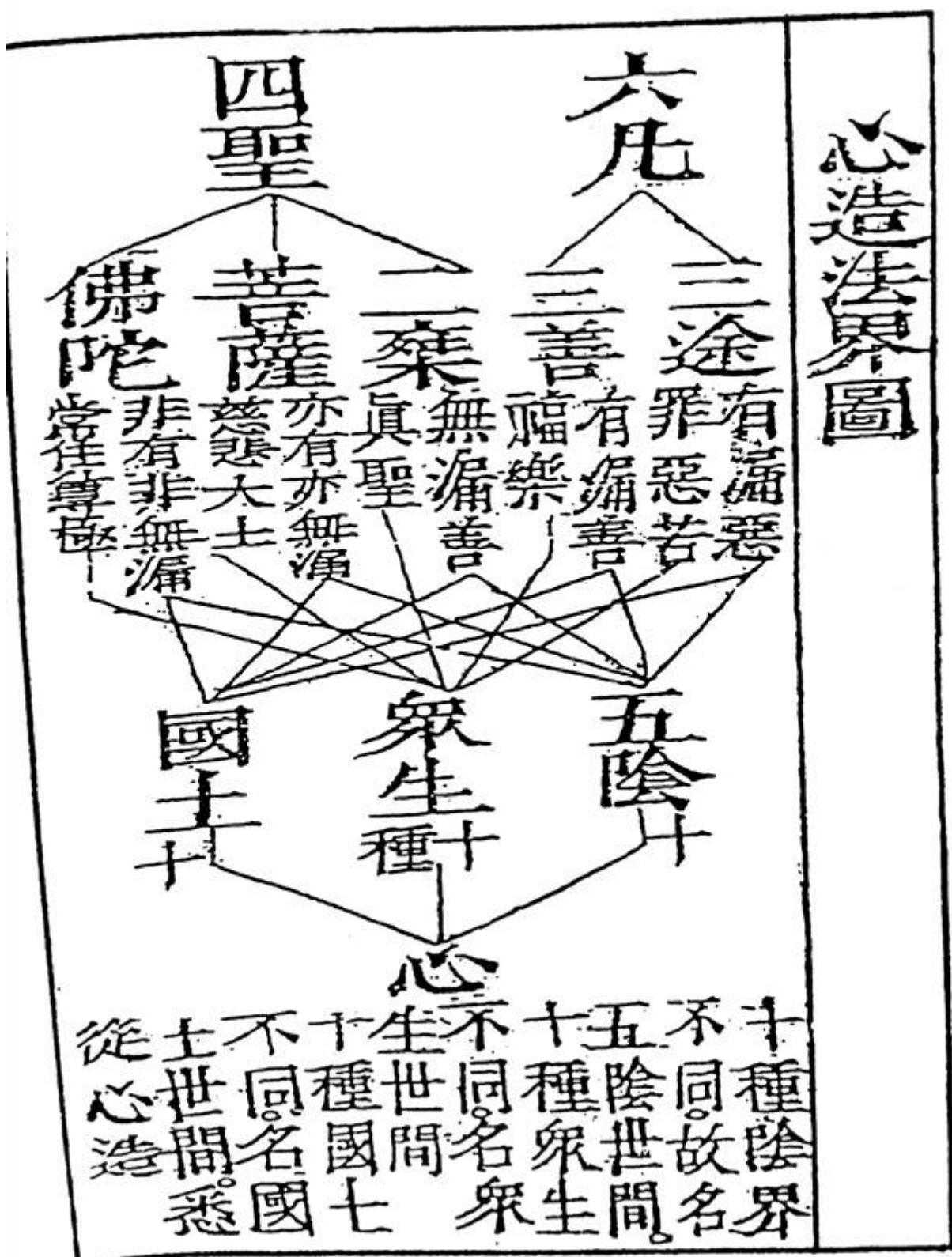
Tạng thấy sáu thực, Thông thấy vô sanh, Biệt thấy tiền hậu sanh diệt, Viên thấy nhất niệm cụ túc.

Pháp thật tướng như vậy, đầy đủ các pháp; các pháp, pháp như vậy, tánh vốn vô sanh; nên tuy tam thiền có, mà chẳng có, cộng mà chẳng tạp, lìa cũng chẳng phân; tuy nhất nhất biến, cũng không có sở tại. Nếu hiểu được lý duy tâm, thâu được cái lý thể cụ ấy thì làm gì còn có dị đồng ? Cần gì phải nghi ngờ hữu - vô ? Cho nên biết một trần, một tâm túc hết thấy sanh Phật tâm tánh, thì đâu phải riêng tự tâm là có chuyện hữu - vô nữa, vì là cộng tạo, vì là cộng biến, vì là đồng hóa cảnh, vì là đồng hóa sự.

Thế gian chẳng biết giáo pháp (của Phật), có quyền, có thật, nên chấp đạo nhỏ mà chống đạo lớn, giống như bọ ngựa chống xe, như ếch ngồi đáy giếng.

Nên biết rằng : muôn pháp là chân như, vì bất biến. Chân như là vạn pháp, do tùy duyên.

TÂM TẠO PHÁP GIỚI ĐỒ (Sơ đồ Tâm tạo pháp giới)



- Mười loại âm giới khác nhau, nên gọi là Ngũ âm thế gian;
- Mười loại chúng sanh khác nhau, nên gọi là Chúng sanh thế gian;
- Mười loại quốc độ (cõi nước) khác nhau, nên gọi là Quốc độ thế gian, đều được tạo ra từ tâm.

Đại sư Trí Giả nói rằng : phàm giới nội, giới ngoại hết thảy âm nhập đều từ tâm mà khởi lên.

Phật dạy Tỳ-kheo : một pháp nghiệp thụ mọi pháp, đó là tâm vậy.

Luận viết : trong tất cả thế gian chỉ có danh và sắc, nếu muốn quán như thật thì chỉ nên quán danh, sắc.

(Tâm và các pháp tương ưng, đều vô chất, chỉ có danh, thân hình chất ngại gọi là sắc. Nếu tách danh ra làm bốn thứ, thọ, tưởng, hành, thức thì thành ngũ âm).

Trong tất cả thế gian, không có thứ gì mà không phải từ tâm mà tạo ra (ba loại thế gian đều từ tâm mà khởi lên).

Mười pháp giới có ba nghĩa, số 10 là năng y, pháp giới là sở y. Năng sở gọi chung nên gọi là mười pháp giới.

Lại nữa mười pháp này, mỗi thứ đều có nhân riêng, mỗi thứ đều có quả riêng, chẳng lẫn lộn, phiếm loạn nhau.

Lại nữa mười pháp này, nhất nhất đương thể đều là pháp giới, nên mười pháp giới gọi chung làm âm nhập giới, vì đều có âm nhập, nên Phật có Niết-bàn thường trụ âm giới nhập.

Đại Kinh nói : nhân diệt vô thường sắc mà được thường sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thường lạc mang ý nghĩa trùng lạc tích tụ, từ bi che trùm là nghĩa của âm.

Vì mười loại âm giới khác nhau, nên gọi là ngũ âm thế gian; nhận ngũ âm thông xung là chúng sanh, cho đến Phật nhận thường trụ âm là tôn cực chúng sanh.

Đại Luận nói : chúng sanh vô thượng đó là Phật (trong mười hiệu là Vô thượng sĩ).

Há cùng với phàm hạ giống nhau ? Bởi thập giới chúng sanh chẳng giống nhau, nên gọi là chúng sanh thế gian.

Chỗ ở của mười loại thông xung là quốc độ :

- 1) Loại địa ngục y vào xích thiết mà trụ;
- 2) Loại súc sanh y vào đất, vào nước, vào hư không mà trụ;
- 3) Loại Tu-la y vào bờ biển, đáy biển mà trụ;
- 4) Loài người y vào đất mà trụ;
- 5) Loài trời y vào cung điện mà trụ;
- 6) Lục độ Bồ-tát giống như người y vào đất mà trụ.

7) Thông - Giáo Bồ-tát, Hoặc nghiệp chưa hết, giống như người trời mà y trụ. Nếu đoạn hết Hoặc nghiệp thời y vào cõi phương tiện mà trụ (cùng một chốn Nhất thừa).

8) Biệt - Viên Bồ-tát, Hoặc nghiệp chưa hết, giống như người trời trụ vào các cõi phương tiện. Nếu đoạn hết Hoặc nghiệp thời y vào cõi thật báo mà trụ.

- 9) Đức Như Lai y vào cõi Thường tịch quang mà trụ.

Kinh Nhân Vương nói : tam Hiền thập Thánh trụ vào quả báo, duy một mình Phật ở cõi Tịnh độ, độ chặng giống nhau, nên gọi là quốc độ thế gian, 30 loại thế gian này đều theo tâm tạo nên pháp vô minh, pháp tánh sanh tất cả các pháp, như mê ngủ che lấp bốn tâm nên có mọi thứ sự việc trong mộng.

Tâm và duyên hợp thì thành ba loài thế gian; tam thiền tánh tướng đều khởi từ tâm. Nếu thấu hiểu vô minh tức là pháp tánh thì mọi tâm như một tâm đều tinh ngộ như vậy.

Nếu pháp tánh và vô minh hợp, có tất cả pháp ấm giới nhập v.v... thì tức là Tục đế.

Tất cả giới, nhập là một pháp giới, thì tức là Chân đế.

Phi nhất, phi nhất thiết tức là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế.

Như vậy trải khắp mọi pháp, chặng qua đều là bất tư nghị tam đế.

1) Nếu (thấy) một pháp là tất cả các pháp thì là Giả quán;

2) Nếu tất cả các pháp là một pháp thì là Không quán;

3) Nếu (thấy) chặng phải một, chặng phải tất cả thì tức là Trung đạo quán;

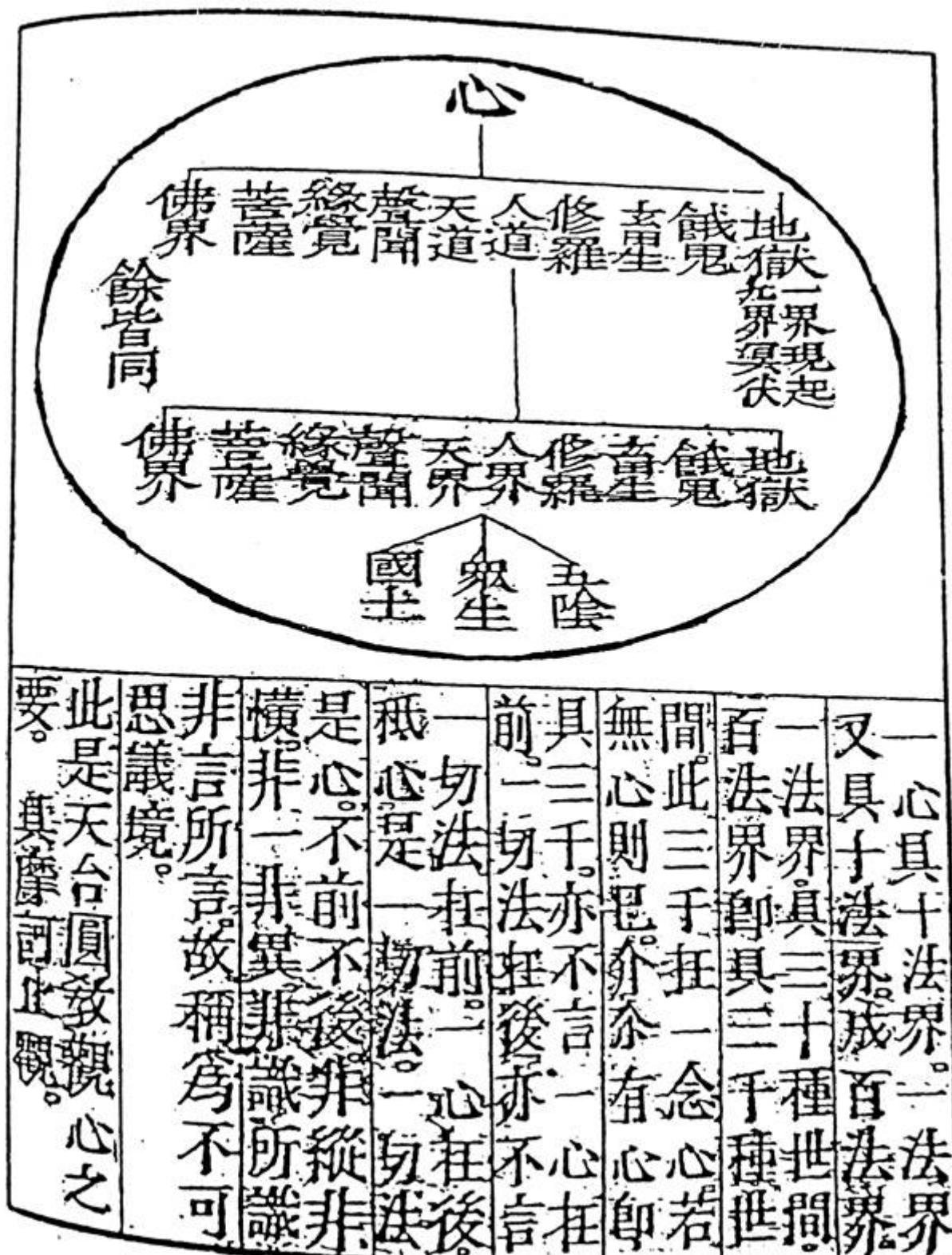
4) Nếu (thấy) nhất không, nhất thiết không, không có Giả - Trung nào mà bất không thì đó là Tổng không quán;

5) Nếu (thấy) Nhất giả, nhất thiết giả, không có Không - Trung nào mà bất giả, thì đó là Tổng giả quán;

6) Nhất trung, nhất thiết trung, không có Không - Giả nào mà chặng trung, thì đó là Tổng trung quán.

Đó tức là bất tư nghị, nhất tâm tam quán trải khắp mọi pháp cũng đều như vậy.

NHẤT NIỆM CỤ TAM THIÊN ĐÔ (Sơ đồ một niệm đủ cả tam thiên)



- Một tâm có đủ mười pháp giới.
- Một pháp giới là có đủ mười pháp giới, thành 100 pháp giới.
- Một pháp giới có đủ 30 loại thế gian,

Trăm pháp giới tức có đủ 3.000 loại thế gian, 3.000 này tại một tâm niêm. Nếu vô tâm thì thôi, còn nếu chỉ có một chút tâm cỏn con thì liền có đủ cả 3.000. Cũng chẳng nói một tâm ở trước, tất cả các pháp ở sau, cũng chẳng nói tất cả các pháp ở trước, tâm ở sau.

Mà tâm là tất cả các pháp, tất cả các pháp là tâm, chẳng trước chẳng sau, chẳng ngang chẳng dọc, phi nhất phi dị, chẳng phải là thứ mà thức nhận biết được, chẳng phải thứ mà lời nói ra được; cho nên gọi là cảnh không thể nghĩ bàn.

Đây là pháp yếu quán tâm của Viên giáo Thiên Thai (đều dẫn trong Ma Ha Chỉ Quán).

Như tú đại sắc có thể tạo ra đại địa, đất đá, cỏ cây, các giống loài người, các loài chim muông, như ngọc Như Ý có thể đổ mưa thất bảo, ngũ dục tịnh diệu. Sắc pháp còn như thế, huống chi là tâm thần linh diệu, lẽ nào mà lại chẳng có đủ mọi pháp !

Thiền sư Vĩnh Minh-Trí Giác nói rằng : hai vòng thiện ác, hai báo khổ lạc đều là ba nghiệp tạo ra, bốn duyên sanh ra, sáu nhân thành ra, năm quả nghiệp thụ.

Nếu một niệm tâm sân khuế tà dâm, tức là nghiệp địa ngục.

- 1) X慾 tham chẳng bồ thí túc là nghiệp ngạ quỷ.
- 2) Ngu si, tối tăm túc là nghiệp súc sanh.
- 3) Ngã mạn, cống cao túc là nghiệp A-tu-la.
- 4) Kiên trì ngũ giới túc là nghiệp người.
- 5) Tinh tu thập thiện túc là nghiệp trời.
- 6) Chứng ngộ Nhân không túc là nghiệp Thanh văn.
- 7) Biết duyên tánh ly túc là nghiệp Duyên Giác.
- 8) Tu cả lục độ túc là nghiệp Bồ-tát.
- 9) Chân từ bình đẳng túc là nghiệp Phật.

Nếu tâm thanh tịnh thì được hóa sanh ở chỗ cõi sạch, đài thom cây báu. Nếu tâm cầu uê thì phải thọ thân ở cõi nhơ bẩn, đồi núi gập ghềnh.

Đều là những quả đại loại như vậy, cảm được tăng thượng duyên. Là nguồn gốc tự tâm thì không còn thể nào khác cả.

PHÁP GIỚI TRỰC CHỈ ĐÔ
(Sơ đồ trực chỉ pháp giới)

法界直指圖



Tứ thánh, lục phàm, y báo, chánh báo đều nương vào Nhất chân pháp giới mà khởi nghiệp dụng, như hư không bao hàm vạn tượng, biển cả tuôn tràn 1.000 sóng. Lại như gương sáng hiện các sắc tượng, Nhất chân pháp giới là thể của gương sáng; Thánh - phàm - y - chánh là ảnh tượng trong gương. Tuy ảnh tượng dường như có, mà tánh thường tự không. Kính thể tuy không mà có khả năng hiện được ảnh tượng, cho nên không - hữu vô ngại, chán - tục song dung.

- 1) Vì thể tịch, nên gọi là Lý pháp giới;
- 2) Vì Tướng dụng, nên gọi là Sự pháp giới;
- 3) Vì tức lý là sự, nên gọi là Lý sự vô ngại pháp giới;
- 4) Vì sự sự tức lý, nên gọi là Sự sự vô ngại pháp giới.

Bốn pháp giới này nêu một thì thâu tóm được cả, hổ nghiệp, hổ dung. Cứ nêu một hạt bụi, một mảy lông là đều có đủ các pháp).

Cư sĩ Thái Hòa Tăng nói rằng : định thuyết minh về tánh của pháp giới thì trước hết chỉ ra tướng của nghiệp dụng, đưa muôn lụy về trong một thể, phân chia 1.000 đường từ một niệm, cho nên mọi thứ thấy nghe đều không được bỏ qua.

Trong vòng lục hợp, các thứ linh biến, kỳ vĩ chỗ nào là chẳng có.

Nhưng quả thật là do con người ta bị chìm đắm, bị giam hãm bưng bít quá sâu, tâm chỉ tận cùng đến tai, tai lại đoạt ở mắt, thì ngay đến đại địa này còn chẳng hiểu nổi.

[Đại địa, nguyên văn : “Hợi bộ sở kinh chi đoạn” : đường từ Bắc cực đến Nam cực mà Thụ Hợi đã đi qua. Đây là điển cố có xuất xứ từ sách Trang Tử, nghĩa bóng chỉ việc đi vòng quanh trái đất (từ cực Bắc đến cực Nam). Thế thì những thứ ngoài hình vật lại càng mê mờ, nếu chẳng cởi bỏ gông cùm, trừ tật dui diếc thì dù có vận tâm đến cùng cũng vẫn là bỉ lậu. Đành nói nghiệp nhà trưởng giả, để cho trí tuệ bị bó hẹp mà ngơ ngác hoài, chứ ai mà chịu như Kiên Ngô (người hiền thời cổ) đi phá màn đêm.

Nay sách Pháp Giới An Lập Đồ này đưa ra, khiến người ta biết rõ đại tượng như vậy, mới thấy kiến văn trước kia thật là hạn hẹp, sau đó mới tịnh tâm trừ phược, mở rộng tầm mắt, khai thông tầm nghe, thấu sự, tỏ lý, hiểu cảnh do tâm. Còn như tâm hạn hẹp của trí tuệ thế gian, chẳng soi rọi được con đường tối tăm, sẽ bảo rằng khoảng không gian vuông tròn kia chỉ tận cùng ở trong vòng trái đất, sự nghiệp đến cùng cực cũng chỉ trong vòng 100 năm. Một đường đã sai, muôn ngả nảy sanh, lướt tà kiến rồi răm thì sẽ là đêm dài mãi mãi.

Cho nên cần phải dựa vào bậc Thánh mà lập ngôn, biên kinh hiển nghĩa, giải thích cặn kẽ pháp giới kia là vô cùng, để mở rộng tâm trí, để làm sáng tỏ đạo này là diệu mầu vô lượng, để biến đổi chí của mình, ngõ hầu bước chân gò bó kia có thể mở mang ra được và tâm trước kia có thể thay đổi được. Cơ hội nhỏ đinh, nhỏ chông sẽ là ở đây vậy.

TÁI TRÙNG SAN PHÁP GIỚI AN LẬP ĐỒ HẬU BẠT **(Lời bạt sau khi khắc in lại sách Pháp Giới An Lập Đồ)**

Xét thấy pháp giới rộng thật là vô bờ, nhưng cõi thái hư bắt đầu từ hữu phần; Trên thì tam giới có tứ thát thiêng, dưới thì tứ sanh có nhất lục đạo;

Hễ phân ra có cao thấp, thân hình lớn nhỏ, thọ lượng ngắn dài, chau quan rộng hẹp, phong tục dị đồng, thiện ác quả báo, (các điều đó) cổ Phật Thần Tăng nhất nhất đều đã nói đầy đủ ở trong kinh luận.

Đến năm Vạn Lịch triều nhà Minh, tại núi Yên Sơn Sa-môn húy là Nhân Triều đã tập hợp chân ngôn của Tạng giáo, lại tham khảo tục khác trong khắp cõi, soạn thành Pháp Giới An Lập Đồ, chia làm 6 quyển : Thượng - trung - hạ gồm 124 mục, sự việc tường tận, lời văn ngắn gọn, chỉ cần đọc một lần là biết được đầy đủ, không đến nỗi gây khó khăn cho kẻ độn cẩn trong việc hiểu biết.

Còn như bậc quân tử đại chí, thì thực là nên đọc rộng bao xa để lãnh hội được lý huyền hửu, phi hửu của trời đất, để hiểu rõ được lý chân không, bất không của Phật pháp.

Công phu biên soạn ra đây, ắt lên thảng diệu cảnh Bồ-đề, như vậy há chẳng lớn lao lắm ru ?

Phật tử pháp danh Từ Tính khâu đầu kính bạt.
Nam mô Phổ Nhãm Vương Bồ-tát Ma-ha-tát chứng minh
Pháp Giới An Lập Đồ đến đây là hết.

Nguyễn đem công đức án tống cuốn sách này
Hồi hướng Tây phương, trang nghiêm Tịnh độ.
Nguyễn từ đời vô thi cho đến sau này,
Hết thảy kẻ oán người thân, cùu huyền thát tỗ,
Sư tăng cha mẹ đời nay và nhiều đời về trước.
Rộng cùng mười phương pháp giới,
Tất cả chúng sanh, thiện ác tri thức,
Tám nạn ba đường, cỏ cây sâu bọ,
Loài sanh bằng trứng, loài sanh bằng thai,
Loài ẩm thấp sanh, loài biến hóa sanh,
Hoặc nhầm mà giết, hoặc cố ý giết,
Tất cả muôn loài.
Nguyễn cởi hết thảy các oan khiên,
Tiêu tất cả các tội nghiệp,
Đồng chứng đại Bồ-đề,
Đồng sanh Cực lạc quốc.

**Nam mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn
Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát,**
tác đại chứng minh.